



KINH LĂNG GIÀ TÂM AN

Thiền Sư Hàm Thị Sớ Giải

Hoà Thượng Thích Thanh Từ Việt Dịch

Thiền Viện Thường Chiếu

LỜI NGƯỜI DỊCH

Chúng tôi phiên dịch bộ kinh Lăng-già Tâm Ấn này với mục đích cho Tăng Ni học tại Thiền viện chúng tôi. Tuy nhiên trước chúng tôi đã có Sư bà Diệu Không dịch, ấn hành vào năm 1970 và 1971 rồi, song bản dịch ấy vì lược nhiều quá khiến chúng tôi không hài lòng, bắt buộc dĩ phải dịch lại.

Ở đây chúng tôi dịch trung thực với Thiền sư Hàm Thị không dám tăng giảm trong phần sớ giải. Nếu có giảm, chỉ đôi chút thôi. Bởi chúng tôi thấy, ngài Hàm Thị quả thật là một Thiền sư ngộ đạo trong môn đình Tào Động, cho nên lời sớ giải của Ngài rất phù hợp với Tâm tông. Trên phần chánh văn kinh, chúng tôi dịch nguyên âm những danh từ, không nhằm làm sáng tỏ ý nghĩa, độc giả cần đọc qua phần sớ giải sẽ hiểu rõ. Vì chánh văn vừa tối nghĩa lại cô đọng khúc chiết, nếu không nhờ phần sớ giải, chúng ta không tài nào lãnh hội được.

Bản kinh ngài Hàm Thị sớ giải đây, nguyên tên là Lăng-già A-bạt-đa-la Bảo Kinh (Lankavatārasūtra), do ngài Cầu-na-bạt-đa-la (Gunabhadra) dịch Phạn Hán, có bốn quyển. Bởi Tổ Bồ-đề-đạt-ma sau khi truyền pháp cho Tổ Huệ Khả còn bảo: “xứ này có bốn quyển kinh Lăng-già có thể dùng ấn tâm...”, nên ngài Hàm Thị sớ giải để thêm hai chữ Tâm Ấn. Tâm ấn có nghĩa là toàn bộ kinh Lăng-già cốt làm sáng tỏ Bản tâm. Người đọc khéo lãnh hội sẽ thấy rõ Bản tâm mình, bao nhiêu lời Phật nói trong kinh dường như Phật đem tâm Ngài in qua tâm mình. Cộng thêm lời giải của ngài Hàm Thị càng làm cho chúng ta thấy rõ Bản lai diện mục của chính mình, hiện sờ sờ dưới bóng mặt trời trí tuệ của Ngài. Vì thế, hai chữ Tâm Ấn thật là xứng đáng. Do đó ngoài bìa chúng tôi chỉ đề năm chữ Kinh Lăng-già Tâm Ấn.

Về phẩm loại thì bản dịch đời Ngụy chia mười tám phẩm, bản dịch đời Đường chia mười phẩm, chỉ riêng bản này gồm chung lại một phẩm để tên là Nhất Thiết Phật Ngữ Tâm, có bốn phần. Câu Nhất Thiết Phật Ngữ Tâm đã nói lên chẳng những đức Phật Thích-ca nói kinh Lăng-già này chỉ thẳng Bản tâm, ngoài tâm không có một pháp, mà tất cả chư Phật có nói ra cũng

đều chỉ Bản tâm. Như thế, để thấy Phật Phật giáo hóa không khác, pháp pháp đều hiện bày Bản tâm.

Trong phần đầu trước khi giải kinh, ngài Hàm Thị có làm bài Tổng luận mà không để tên Tổng luận, lại để phẩm Nhất Thiết Phật Ngữ Tâm phần một khiến độc giả dễ lầm là văn kinh. Đó là Ngài muốn nêu lên cho chúng ta thấy lời bàn luận của Ngài ở đây do góp nhặt những yếu điểm trong kinh, chõ tất cả chư Phật nói về tâm, chớ không có ý kiến nào riêng của Ngài. Vì thế, trong bài Tổng luận này thật cô đọng có thể gom hết toàn ý bộ kinh. Độc giả thông được bài Tổng luận coi như nắm được yếu chỉ bộ kinh Lăng-già.

Bốn quyển kinh Lăng-già, ngài Hàm Thị giải thành tám quyển. Đến phần cuối kinh, độc giả sẽ ngạc nhiên tại sao không có câu: “Phật nói kinh này rồi, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni... đều rất vui mừng, tin nhận vâng làm, lễ bái lui đi” (Phật thuyết thử kinh dĩ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni... giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành, tác lễ nhi khứ). Bởi vì toàn bộ kinh Lăng-già rất nhiều, các vị học giả Ấn Độ mang sang Trung Hoa phần nào thôi, nên phiên dịch chưa đến phần chót.

Chúng tôi mong độc giả đọc bộ kinh Lăng-già này thấy được Bản tâm, để khỏi cô phụ công ơn đức Phật dùng mọi cách chỉ dạy và khỏi uổng công ngài Hàm Thị đã nhọc nhằn giải thích cho chúng ta.

Kính ghi,

Tu viện Chân Không

Đầu Xuân 1975

THÍCH THANH TỪ

KINH LĂNG GIÀ TÂM AN
 Thiền Sư Hàm Thị Sớ Giải
 Hoà Thượng Thích Thanh Từ Việt Dịch
 Thiền Viện Thường Chiếu

DUYÊN KHỜ LĂNG-GIÀ TÂM AN

Người sớ kinh này là Lô Phong lão nhân, vốn là móng vuốt trong tông môn, vào được hang ổ của tách tướng. Ngài thương sự hoang rậm của nghĩa học và xót chỗ hỗn độn của thiền môn, nên từ năm Quý Tỵ (1653) lui về ẩn nơi Khuông Phụ, treo bầu ở Kim Tĩnh, dựng gậy tại Ngọc Uyên. Hỏi về chỗ khế chứng thì Ngài tâm lặng biển trong, ngửa nhìn thối đẹp thì thân như ngọn núi cao trơ trọi. Như Địa Tạng Sâm cày ruộng nuôi sống, như Thê Hiền Thực tụng tập tu hành. Lò tàn bếp lạnh, chỉ toàn nêu đại pháp. Cước từng lẫn lộn tơ rối bông bong, nương nơi trí bén mà cắt đứt trăm mối. Ngài đối với cổ nhân thật không hổ thẹn.

Đến năm Mậu Tuất (1658), Ngài trở về Lãnh Nam. Kim Vô tội năm sau từ Ngọc Môn tìm đến, khoảng năm Nhâm Dần (1662) và Quý Mẹo (1663) cùng chư đệ Thạch Giám v.v... thưa hỏi về Duy thức. Ngài bảo: “Kinh Lăng-già chỉ minh sơ thần ngã chẳng cùng tách châu mà lạm nhận, nương lông rùa dầu cát mà chóng giác vọng tình tự mất.” Nhân Ngài nêu bày chỉ yếu, chúng tôi bèn thỉnh sớ giải.

Ngài khéo hiệp với Tâm tông, lại toàn thông danh tướng. Chẳng những giữa mai cây trụ cuồng thiền cũng gồm kích dương nơi giảng tịch. Tượng tâm cao vót dầm nghĩa hải nơi nguồn sâu, thần cơ sâu lặng phá các nạn

vấn trong nửa bài kệ. Nhọc nhằn mệt mỏi, nhóm họp sưu tầm liền thấy đại nghĩa hiện bày sáng rõ, mừng lời diệu mà không mắc kẹt. Giáo để giúp tông, chỉ truyền riêng bốn quyển. Thức tức là tàng, trợ đại tâm để lẩn át Nhị thừa. Đây thật là vận dụng tâm tối thượng, trông xa thấy thời tộ mà làm ấy vậy. Trong lời sớ có nhập lý thâm đàm mà vẫn khít khao với văn kinh. Chính nơi văn nghĩa mà thấy tông thừa, hội tông thừa mà tiêu dung văn nghĩa. Dám thắm nêu lên để chỉ cho kẻ hậu học. Bốn sông đều chảy vào biển, một hòn bọt cũng chẳng còn. Ấy tại xem văn lóng trong mắt tuệ.

Thời vua Khang Hi năm Giáp Thìn (1664) ngày mùng 10 tháng 8, đệ tử nổi pháp Kim Vô cú đầu kính thuật.

KINH LĂNG GIÀ TÂM ẨN
 Thiền Sư Hàm Thị Sớ Giải
 Hoà Thượng Thích Thanh Từ Việt Dịch
 Thiền Viện Thường Chiếu

LĂNG-GIÀ A-BẠT-ĐA-LA BẢO KINH TÂM ẨN

Lăng-già (Lanka) là tên núi, núi này do sản xuất châu Lăng-già nên lấy tên châu mà gọi tên núi. Núi nằm tại biển Nam là chỗ ở của Dạ-xoa. Bởi vua Dạ-xoa thỉnh Phật thuyết pháp trên núi, nên lấy tên núi đặt tên kinh.

Đại sĩ Táo Bá nói: “Kinh này nói trên núi Lăng-già ở trong biển Nam. Như Lai nói kinh dưới núi, vua Dạ-xoa La-bà-na và Bồ-tát Ma-đế ngồi cung điện hoa đến thỉnh Như Lai vào núi thuyết pháp. Núi này cao vót nhìn xuống biển cả, chung quanh không lối vào. Người được

thần thông mới có thể lên được, để tiêu biểu pháp môn tâm địa, người không tu không chứng mới hay lên được. Nhìn xuống biển cả, để tiêu biểu biển tâm thanh tịnh, do gió cảnh thổi, nên sóng thức nổi dậy. Người đạt được ngoại cảnh vốn không thì biển tâm tự vắng lặng. Tâm cảnh đều lặng thì việc gì cũng sáng tỏ, ví như biển cả lặng gió thì mặt trời mặt trăng và vạn vật hiện hình rõ ràng. Kinh này Phật vì hàng Bồ-tát căn cơ đã thuần thục, liền nói chủng tử nghiệp thức là Như Lai tàng; khác với Nhị thừa do diệt thức tiến đến không tịch; cũng khác với Bát-nhã bởi Bồ-tát quán không rồi thích cái *Không* tăng thắng. Đây chỉ thẳng Thức thể bản tánh toàn chân, liền thành trí dụng, như biển cả kia lặng gió thì cảnh tượng đều hiện bày. Biển tâm chẳng động thì gió cảnh chẳng khác. Chỉ người khéo hiểu được tánh chân, liền nơi thức biến thành trí.” Táo Bá rất thâm hiểu tông thú kinh Lăng-già vậy.

Kinh này dịch lần đầu do ngài Cầu-na-bạt-đà-la (Gunabhadra) đời Lưu Tống (424-454), dịch thành bốn quyển để tên là Lăng-già A-bạt-đà-la Bảo Kinh. Đến đời Nguyên Ngụy (500-516), ngài Bồ-đề-lưu-chi (Bodhiruci) dịch thành mười quyển tên là Nhập Lăng-già. Đời Đường thời Võ Tắc Thiên (684-705), ngài Thập-xoa-nan-đà (Sikshànanda) cùng với ông Phục Lễ v.v... dịch thành bảy quyển tên là Đại Thừa Nhập Lăng-già.

Bản dịch đời Đường rất đơn giản, không bằng bản dịch đời Tống rất cao sâu. Cho nên từ xưa đến nay những nhà nghiên cứu hầu hết đều theo bản dịch ban đầu (đời Tống).

Thời vua Lương Võ Đế, Đại sư Đạt-ma đi đường biển đến Trung Hoa rồi sang nước Ngụy, ở tại chùa Thiếu Lâm chín năm ngồi xoay mặt vào vách. Sau Ngài truyền

pháp cho Tổ Huệ Khả nói: “Xứ này chỉ có bốn quyển kinh Lăng-già có thể dùng ấn tâm, trọn trao cho người.” Từ đây kinh Lăng-già bèn thành vật bí mật trong Tông môn (Thiền tông). Thiền giả thời nay đã bỏ qua (kinh Lăng-già) cho đến suốt đời chưa từng giở ra xem, thật đáng buồn thay! Về nhóm Nghĩa học (học kinh), chỉ có đầu niên hiệu Hồng Võ (1368) có ông Tông Lặc, Như Khỉ vâng chiếu chung nhau số. Đến cuối niên hiệu Vạn Lịch (1620) có ngài Đức Thanh bút ký. Đến khoảng giữa niên hiệu Sùng Trinh (1628-1643) có ngài Trí Húc nghĩa số. Ngoài những số giải trên, không còn thấy chỗ nào khác.

Tổ Đạt-ma thường bảo rằng: “Kinh này sau năm trăm năm trở thành môn học danh tướng.” Xét kỹ lời nói này càng thêm lo sợ. Tổ nói tông của ta thất truyền đâu phải do người hay việc nào khác!

Hàm Thị tôi, từ niên hiệu Thuận Trị nhằm năm Tân Sửu (1661), trước thì Hoa Thủ thị tịch, năm sau Đại Nhật tiếp tục tạ thế. Hai năm qua lạc thú nhân sanh đối với tôi đã hết sạch. Tôi bèn rút lui về ở núi Lô Phong, quanh quần trong am tranh, nương chí đời trước, cùng đáp những câu hỏi của thiền gia, dùng để tự vui, chưa dám chỉ dạy người. Chỉ nghĩ đến đạo pháp nảy mầm lộn lạo, nói rằng kiến tánh mà đồng với thần ngã; một con đường thấu thoát (tu thiền) mà không khác với minh sơ. Như câu “chẳng tự sanh, chẳng phải chẳng sanh”, lời Thánh nói vẫn đầy đủ, mà có người chẳng đạt lý duyên khởi, rốt cuộc rơi vào bác không, mặc tình phá hoại Phật pháp. Xét ra do họ mắc kẹt trên danh tướng, nên công và tội chẳng đồng vậy.

Kinh này chỉ thẳng chủng tử nghiệp thức là Như Lai tạng, thật có mê ngộ. Chẳng thế, thì lấy thức lưu chú

làm Tự tâm, trở lại thành lỗi tâm sanh thức. Trong lời só giải thâm thiết rõ ràng, chỉ trước dẫn ra cho có huyết mạch. Có dẫn kinh luận chỉ lấy chỗ gần là nhập lý để phát minh lẫn nhau. Đến như những lời nói của thiền gia cốt ở chỗ thận trọng giữ mình. Phàm thiền gia dùng có lời để tháo chốt. Còn kinh điển cốt dẫn người trở về không lời. Chính vì chỗ bàn sâu nên không từ phá dẹp, luống dùng lời để cắt đứt, đâu khởi lẫn lộn chân thuyên (lời nói bày chân lý). Làm lẫn danh ngôn nên chữ “Ồ” chữ “Yên” thành chữ “Mã”. Thiền bệnh thời nay là do chân giả khôn phân. Tổ của ta ban đầu lập không lời, cùng truyền bốn quyển kinh, đã thàm bày ẩn ý vậy. Hàm Thị tôi xin tất cả người đời sau nên noi theo ý chỉ của đấng Đại Từ đã chỉ dạy.

KINH LĂNG GIÀ TÂM ẨN
 Thiền Sư Hàm Thị Só Giải
 Hoà Thượng Thích Thanh Từ Việt Dịch
 Thiền Viện Thường Chiếu

PHẨM NHẤT THIẾT PHẬT NGŨ TÂM

Tánh của pháp giới vốn không có ngộ mê, các loài hàm thức tự phân chân vọng. Chân vọng vốn nơi một tâm, mê ngộ bày ra muôn pháp. Pháp không có pháp khác mà dường như các pháp hiện tiền. Tâm không có tâm khác mà rõ ràng thành thức tương tục. Nguyên nhân chỗ tốt chân mà bất giác, vọng động nên tưởng sanh. Đạt vọng vốn chân, biết chân thì tưởng diệt. Thế nên mười hai loài chúng sanh vốn là Phật mà dối thấy có lưu chuyển. Ba mươi hai tướng hiện sẵn trong tướng phàm

phu mà trở thành điên đảo. Cho nên, Thế Tôn đại giác của chúng ta mới cởi chiếc áo quý báu, mà mặc chiếc áo nhơ rách. Chỉ nơi chân tế (mé thật) là vô minh, nói như huyền là hư ngụy. Căn thân và khí giới đều tùy tình lượng mà phân chia. Cõi Phật và ứng thân đều y nơi trí chiếu mà có sai biệt. Như gương sáng tùy vật mà hiện hình đẹp xấu. Cái rỗng sáng vô tướng vốn là lặng lẽ. Ví như mặt trăng tùy người mà có đi lại, chỉ người tự thấy, ánh sáng vàng vạc treo giữa hư không vẫn không khuyết. Đến hình đẹp xấu để bàn về ánh sáng của gương, căn cứ nơi người đi lại để xem thể mặt trăng, thấy đều do con mắt bệnh. Đây là chỗ thánh trí không cho im lặng vậy.

Cái rỗng sáng vô tướng đâu cho nói bàn, chỉ nói chẳng phải đẹp chẳng phải xấu. Ánh sáng vàng vạc treo giữa hư không, không cần chỉ bày, chỉ nói không phải đi không phải đến. Mong chạm mắt để ngộ tâm, chỉ sợ bỏ mặt trăng mà nhìn ngón tay. Nhân xấu mà chỉ ra đẹp, tức nơi đến mà nói đi. Xét tột ánh sáng gương tìm không ra tướng xấu thì tướng đẹp làm sao có đối đãi? Tìm cùng cái thể của mặt trăng không có dấu đến thì đi làm gì có? Đẹp xấu đều là vọng, thể gương vốn không, đến đi thấy dối, chất mặt trăng vẫn sáng.

Vì thế, một trăm lẻ tám câu bật dứt nói năng, ngay đó để phát minh nghĩa gì? Tám thứ thức xét cùng là sanh diệt, từ vô thủy nó là hư dối không phải nhân. Chân trí vốn không phân biệt bèn trở thành tâm bất giác. Vì cái

bản tịch chẳng giữ linh nguyên mà biến thành thức vọng động. Tâm chẳng sanh thức, hằng Niết-bàn mà ở trong lưu chú (thức lưu chú). Thức chẳng lìa tâm, luống sanh tử mà ở trong thường trụ (Niết-bàn). Một phen con mắt bệnh thì ngàn hoa đốm rối loạn trong hư không. Một phen vọng che tâm thì các tình lượng đóng cửa trí. Bệnh hết con mắt vẫn còn, hoa đốm sạch hư không vẫn trong. Vọng sạch thì tâm tròn, tình mất thì trí sáng.

Nếu như trí bị bít trong cửa tình thì toàn trí đều là tình. Tâm mờ mịt trong biển thức tức toàn tâm là thức. Sức huân biến không thể nghĩ bàn, mé thật sanh tử thật khó biết. Nếu các thứ hư vọng mà có nhân để nương thì sự tương tục của căn và thức đâu có thể dừng. Nếu chẳng chuyển lại cái chân thức kia, ắt sanh chấp lầm là sanh nhân. Thức lưu chú bởi mê nên có nhãn thức, sắc trần, ánh sáng chung hợp. Nếu chấp tánh thắng diệu cho là thức, có khác gì kẻ ngu tìm lông rùa, ép cát lấy dầu. Vọng chấp có không nhân quả thành rỗng. Thấy do chẳng rõ được hiện tiền bèn cho là riêng có. Cũng bởi chưa từng thấy chỗ tốt cùng mới làm chấp là minh sơ.

Do tâm không có mé trước, phàm có hiện ra đều bởi mê mà sanh. Thức không có duyên sau, chỉ rõ được tướng ban đầu thì thấy đồng huyễn hóa. Chán sanh ưa lặng, diệt các thứ nhiếp thọ, liền thấy chỗ chung cục của cảnh giới. Bỏ vọng chứng chân, đã thành đối trị, cũng chưa rõ đầu mối sanh diệt. Bởi lẽ ngộ không có sai biệt, mà mê có cạn sâu. Tâm không có đồng khác mà thức có ranh

vực. Thế nên biển tàng thức khó lường, giác tâm thì thường trụ. Sanh tử và Niết-bàn không có người tạo, dựng lập phàm thánh chỉ là cái bóng rỗng. Chỗ hiện của vọng tưởng, chỗ hành của thánh trí, căn trần tâm thức đều chẳng lìa nhất chân, mà bờ mé mê ngộ thường xa. Trên tánh chân như tình tưởng mỗi cái có khác, ấy là lý do thăng trầm trong sáu thú. Trong pháp vô vi trí và hạnh có nhiều đường, nhân đó mà tứ thánh có cao thấp.

Thức thứ tám chỉ có lỗi mê, nên sóng mồi nổi dậy, song tánh ướt trong biển vẫn thường còn. Bấy chuyển thức vốn không có nhân chân thật, tuy lóng trong yên lặng mà dòng tinh trạm (thức thứ tám) sức nó chưa dừng. Cho nên cái tinh trạm hợp chẳng lìa mé thức, đây càng thấy rõ bởi do xúc mà sanh thọ. Toàn sóng là nước, vì chỉ cho kẻ ngu nên dùng môn bất nhị. Lý chân thật thì lìa ngôn ngữ, chính là chỗ tự ngộ của người tiến tu. Tột cùng bi trí tròn đầy ba tướng (giải thoát, ly, diệt) nơi nguồn giác. Trừ sạch thức hiện lưu vượt khỏi ngũ pháp (danh, tướng, phân biệt, chánh trí, như như) ra ngoài chỗ nghĩ bàn.

Kẻ bỏ tự tông (tâm) này liền rơi vào tà kiến. Chẳng rõ tự tâm hiện ra, dối nói có sanh nhân (có cái đầu mới sanh ra). Người xét biết muôn pháp về không, lại rơi vào đoạn diệt. Tìm cùng lý do của sùng thờ, chia chẻ tột chi tiết của sùng trâu, mới biết đối đãi nhau, cuối cùng thuộc vô nhân (không có nguyên nhân). Nương nơi

không nên có sắc, nương nơi sắc nên có không, phân biệt rõ ràng.

Bỏ sắc để thấy không, bỏ không để tìm sắc thì lấy bỏ đành rành. Đâu biết đồng thời liền hiện, cảnh trong mộng đâu có trước sau. Hai tướng không khác, sau khi giác ngộ ai còn thấy kia đây?

Ngộ thì hoàn toàn ngộ, biết rõ vọng thì đâu cần phá trừ. Mê mà không biết mê, nhân căn cơ bèn có đốn tiệm. Là ấm, giới, nhập được diệt môn giải thoát. Bày thí, giới, nhãn hiển đạo ba-la-mật. Phá cái phàm tình chấp ấm này, dẹp cái dị thuyết chấp vô nhân kia. Chỉ rõ duyên khởi không tánh, do vọng mà có tướng sanh. Nêu rành vọng tưởng từ nơi mê, nên tình lượng không có thật thể. Dẫn trở về tự giác, chóng vào lý quên lời. Bỏ cái tâm phan duyên theo năng và sở, rõ cái tướng tốt cùng sai biệt. Nói có chia báo thân, hóa thân, mà thừa thì không hai không ba. Thanh văn biết như thật nên chỉ khác với hàng ngoại đạo. Bồ-tát chẳng quên bản nguyện, vẫn còn ngại ưa vắng lặng. Về đệ nhất nghĩa để còn chẳng phải cảnh giới của Nhị thừa. Hướng là “tánh thường” chẳng thể nghĩ bàn thì đâu đồng với tướng nhân của ngoại đạo. Tự giác cái chân nhân thì thật có tự tánh, vô thường tướng khác chỉ rơi vào chỗ nghĩ bàn. Tánh bản trụ không thuộc về thấy nghe, do dính với cảnh sở tri bèn đem cái giác biến thành cảnh. Thánh trí vượt ngoài phân biệt, chỉ chớ mê niệm hiện tại, mới thấy rõ lý tâm không thể nói năng.

Bởi không giác ngộ tự tâm, nên tùy sự tu tập mà sanh ra các thừa, mỗi thừa tự thành chủng tánh. Chẳng phải không có Phật tánh, Phật thừa thần lực nhiếp hóa chúng xiển-đề, ắt cũng có nhân duyên. Cho nên biết mê ngộ đồng duyên mà tâm biết mỗi người có khác. Thánh và phàm đồng một chân thật, bởi giác và tưởng mà có phân chia. Như đồng ấm, giới, nhập mà một bên thấy là ta là người, một bên thấy là vô ngã, nghĩa thật do đó mà cách xa. Như tâm, ý, thức có pháp cho là tức ngã, có pháp cho là ly ngã, mà thể giác chưa từng biến đổi. Bởi phá chấp trở về chân thật, nên lập tánh có ba (biến kế, y tha, viên thành). Nhân nơi ngã chỉ bày là không, nên thành có hai trí (nhân không, pháp không). Thấu rõ thật tướng các pháp thì nơi danh, tướng tức là như như. Khéo biết tự tánh chân không thì vọng tưởng biến thành chánh trí.

Bồ-tát như tự tánh vọng tưởng, y duyên khởi mà đổi hiện sắc thân. Vào chỗ chực pháp như huyền mà không rơi vào có và không, khắp dạo các cõi nước. Rộng độ chúng sanh mà không có chúng sanh được diệt độ. Hiện bày huyền nghĩa đâu rơi vào nói năng. Vì đối trị tâm phân biệt nên nói không có cảnh giới. Dẹp trừ cái tưởng vô ngã, vì nói môn Như Lai tàng. Chớ kẹt vào cái khéo phương tiện, chỉ nên chứng pháp ở trong. Cái lý “không không” sâu xa chẳng phải do ngôn ngữ có thể bày hiện. Người tăng tiến bậc thượng thượng sẽ được chỗ sở hành của tự giác. Là tứ cú (có, không, cũng có

cũng không, chẳng phải có chẳng phải không), vượt ngoài tam chi (tông, nhân, dụ), hiện trong bóng sáng trắng nước, ra ngoài kiến lập và phỉ báng.

Thiền-na bày bốn (sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền), về thánh lạc chỉ có ba. Không, vô tướng, vô nguyện đối với thật đế rất là phù hợp. Thọ, tịch tịnh, giác tri trong thân chỉ nên thầm hợp. Làm tiêu băng tâm ý thức sanh tử, trở về nước Như Lai tạng Niết-bàn. Tự tánh không việc, chẳng phải đoạn chẳng phải thường. Hoa giác như huyễn chẳng hoại cũng chẳng tử. Cho nên ngoài tự tánh vọng thấy có Niết-bàn, đều thuộc về nhân duyên thì chỉ có nói năng. Pháp như huyễn hằng ở trong sanh tử đồng với hoặc loạn, mà ngay đó là vô sanh. Vì không tánh nên nói vô sanh. Vì vô sanh nên nói như huyễn. Pháp như huyễn chẳng rời cảnh giới Văn Thù và Phổ Hiền, nên không thể nói năng. Lý vô sanh tánh nó là ly, nên không phải chỗ biết của ngoại đạo và Tiểu thừa, nên dứt nghĩ bàn.

Tứ quả chẳng ngoài tâm lượng, nhị giác đều do chọn lựa Niết-bàn. Là thức lại-da không có tánh chứa đựng. Là cái bất giác thì không có lại-da. Bấy chuyển thức vốn là vô sanh, luống phân biệt nên tăng thêm bất giác. Bởi bất giác nên duyên khởi vọng có tướng sanh, giác được cái vọng do mê thì tánh Viên thành tự hiện.

Mười phương ba đời đồng là nhất thừa, thế và xuất thế gian vốn không có hai cái ngã. Thấu được cái chân

truyền, vọng tưởng không tánh, suốt yếu chỉ tự giác, không do nơi người. Mới biết tâm chẳng sanh duyên, duyên chẳng sanh tâm. Tâm và duyên cả hai đều bất thì tịch chiếu khắp hà sa. Sự và lý dung thông nhau, không và hữu, bóng hiện trong hải ấn. Một địa (địa vị Bồ-tát từ sơ địa đến thập địa) là tất cả địa, tất cả địa là một địa. Rõ thấu pháp vốn vô sanh thì dung hội được hình bóng trong gương và nước. Thuận tánh khởi dụng thì xếp đặt các chủng loại ở chốn không minh. Đoạn ngoại sắc của La-hán, hại hữu tâm của giác thân. Phật không có tự và tha, pháp đồng xưa và nay. Cứu kính trọn không có một chữ, tùy loài bèn có ba thân.

Nếu chấp có, trở lại kẹt nơi vô nhân. Nếu nhận không bèn thành hoại pháp. Pháp giới vốn tự vô sanh, do vọng nên theo duyên khởi. Tánh tướng vắng lặng, đâu cho có tâm chấp hữu. Nhân quả rõ ràng, khó khởi cái nghiệp vô tác. Có không đều chẳng chấp mới vào được tự tông (tâm tông). Phương tiện tùy cơ không thể chẳng nói. Nhân nơi tông (tâm) khởi lời nói, do lời nói đạt được tông (tâm). Các thứ chẳng thật tức là cái đệ nhất như thật tự tánh vốn không. Chỗ vọng tưởng phát sanh, tức là vọng tưởng chẳng sanh, tùy duyên đâu có khác. Một sanh một chẳng sanh, do vọng thấy mà thành tà kiến. Tứ tướng (ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả) và tứ bình đẳng (từ, bi, hỷ, xả) trong chân giác không có hai. Do nơi ngữ mà thể nhập nghĩa, nên kinh điển hiển bày nguồn tâm. Biện được thức rõ được trí, ở bậc Như Lai chỉ duyên mà tự được. Tất cả các pháp, tâm làm tự

tánh, an trụ trong tâm thì không có tướng chuyển biến. Tất cả cái tương tục, giác là liễu nhân, trở về bản giác mới là biết như thật.

Vì ngăn vọng chấp nên nói pháp không. Vì lìa khủng bố nên nói tánh hữu. Như thế đều chẳng phải lời nói chỉ đến chỗ tốt cùng. Chẳng qua, tùy phương tiện để chỉ bày vậy. Không lập tông thì tự tướng các pháp mới sáng tỏ. Chẳng phải vô trí, vì vọng tưởng và vô trí mà tự khác. Giáo liễu nghĩa diệu chỉ ở trước lời nói. Người tu hành đạt được tông thú, giác ngộ vượt ngoài chánh lý. Ý lời nói mà nhận nghĩa là bị danh ngôn dối gạt. Đạt lối tế của pháp mới dẹp trừ được thế luận. Chỉ biết lìa văn cú mà chẳng phải lặng thinh. Lại biết tốt các duyên tâm mà chẳng thành đoạn diệt. Thế thì cái chân vọng đối đãi liền được dung thông. Đây là lối đối trị năng và sở đều dứt. Pháp giải thoát như thật duy tự chứng biết. Niết-bàn vô trụ là pháp bình đẳng, chẳng phải nhân chẳng phải quả. Tri giác của Như Lai có tự mà không tha, tức nơi sắc thân là pháp thân, chư Phật khéo ứng hiện đâu phải không, vô nghĩa.

Vô tánh là phi vô, dị danh là phi hữu. Phi vô là pháp không sanh, chẳng theo duyên diệt. Phi hữu là pháp chẳng diệt, đâu đợi duyên sanh. Chẳng theo duyên diệt, mà vì chúng sanh nói là chẳng sanh. Không đợi duyên sanh, mà vì chúng sanh nói là chẳng diệt. Tạm mượn phương tiện lập bày để xây dựng chương cú đại thừa. Vì thế giới nghĩa mới gọi là đa văn. Dụ xem ngón tay là

quở trách kẻ ngu. Tướng vô kiến là tánh thật của vọng tưởng. Là vòng xúc xích của mười hai nhân duyên tức là phân biệt tuệ không. Hai thứ ác kiến (thường, đoạn) nhân mê các pháp mới sanh. Ba cõi nầy sanh do tâm, chỉ y trong tự giác mà trụ. Phi thường và vô thường quyết định không có tánh. Có nhiếp thọ và không nhiếp thọ, sự sai biệt đều do người. Giác ngộ pháp có tướng khác, vẫn thuộc về thiên định của nhị thừa. Bồ-tát nhớ nghĩ đến bản nguyện, còn đợi đến bát địa giác ngộ mới giữ gìn. Mộng qua sông đã tỉnh, thì ánh sáng của ngọn lửa mạnh mới khắp.

Các bậc trụ không có, cứu kính khác gì sơ tâm. Phật địa trang nghiêm được nhanh, thủy giác tức là tối thắng. Nếu chấp tự giác thánh trí thường không sanh thì có lỗi, vì nó khác với hư không kia. Bởi dùng phương tiện tu hành chứng được, nên chẳng đồng với nhân tác của ngoại đạo. Tự tánh không như, bất giác mà thành cái nhân các thú. Bảy chuyển thức nhiếp trì, tuy vô ngã mà vẫn còn cái lỗi của tập khí thừa. Như Lai tàng tánh vốn không sanh diệt, do khách trần mà in tường có trọc có thanh. Từ tục vào chân phải nương nơi năm pháp. Do trí đến tịnh chỉ rõ được nhất tâm. Chư Phật ba đời vượt hẳn mọi sự tôn trọng của thế gian, vì dựng lập tự tâm thông suốt, không phải như hoa ưu-đàm-bát. Tập khí vô lậu không phải là nghĩa sát-na, nếu an trụ chánh pháp thì xem nó như thành Càn-thát-bà. Lục độ cũng chia có quyền thật. Ba Phật (pháp, báo, hoá) lẫn nhau phát minh. Thúc đẩy Nhị thừa đến chỗ cứu kính, khuyên

chúng sanh trong ba cõi tu hành trong sạch, thấy thuộc về quyền lập, đều là Phật hóa thân nói. Nếu bàn về bản trụ (pháp thân) trọn không có ngữ ngôn, chỉ nói phi thừa khiến người tự khế ngộ. Bản giác thanh tịnh chẳng nhờ công huân tập. Tự tánh đã trang nghiêm đâu cho ô nhiễm. Nên nói “căn bản trí sáng, sai biệt tuệ đầy, trước sau gốc ngọn hội tột chỗ vô ngôn” ấy vậy.

Tóm lại, đại đạo không dấu vết, chỉ ở trước mắt. Chỗ chí lý bật nghĩ lường, chẳng bàn kiếp ngoại. Do đó, đức Thế Tôn đóng cửa thất nơi nước Ma-kiệt (Magadha), ngài Duy Ma Cật lặng thình trong thành Tỳ-da (Vaisali). Chẳng nói mà nói, phơi bày sum la vạn tượng; chẳng nghe mà nghe, gom ngàn căn cơ về nơi vắng lặng. Vừa dính tình lượng đã rơi vào hiện giờ. Chỉ cần trở về, đâu cần phô bày hình tượng. Thế nên, đêm ấy thành Phật, đêm ấy Niết-bàn, khoảng giữa chẳng nói một chữ. Bản tế sanh tử, bản tế Niết-bàn, tùy thuận đâu có hai dòng. Diệu tại chẳng biết, lỗi cũng tại chẳng biết. Mê phi cú này, tức ngộ cũng phi cú này. Toàn thân trong mộng, khi thức cũng chẳng rời khỏi gói mền. Trong cái tưởng sai biệt, xoay lại không ngoài việc xem gương. Như nước ngậm trăng, trong ngoài đều loãng. Như gương soi không, rỗng sáng xen nhau. Từ cổ đến kim, từ sáng đến tối đâu do có người mà thêm đẹp đẽ. Nào bởi không kiếp mà giảm bớt hư minh. Người mất đó cũng đồng tâm biết này. Người được đó chẳng đổi nghe thấy. Cần phải biết có, đâu dùng lại không. Ngọc ma-ni đâu phân làm năm sắc. Toàn thân con voi đâu giấu với

nhóm người mù. Giữ chân bỏ vọng, khó tránh khỏi sự chê “nổi dòng chim le đứt dòng chim cò”. Mở cái tối bít cái sáng, không khỏi người cười “dời núi lấp rãnh”.

Bởi vì tám thức vốn rỗng, năm pháp đều giả. Hai cái ngã (nhân và pháp) đối tỵ gìn giữ. Ba tánh làm nương nhau mà lập. Ngàn sai muôn khác chẳng qua một cái mê. Tột trước cùng sau cứu kính trở về niệm hiện tiền. Tin pháp môn thẳng tắt không do đâu, hội được pháp tổng trì mới chung cục. Cái bất giác trước, cái bất giác sau, như sữa trong nước thật là khó phân. Thánh rửa tình phàm, phàm che kiến thánh, mảnh than trong tối dễ nhận. Đâu biết tình mất trí hiệp, tưởng hết thể tròn. Cho nên nói: “Đại đạo chỉ tại trước mắt, chỗ chí lý đâu bàn kiếp ngoại”.

I-PHẦN TỰ:

A-DUYÊN KHỞI CỦA KINH:

Tôi nghe như vậy, một hôm Phật ở trên đỉnh núi Lăng-già tại bờ biển Nam, dùng các thứ hoa báu trang nghiêm, cùng với các vị đại tỳ-kheo tăng và chúng đại Bồ-tát câu hội. Chúng đại Bồ-tát ấy ở các cõi Phật khác đến. Các ngài có sức tự tại vô lượng chánh định và thần thông du hý, đại Bồ-tát Đại Huệ làm thượng thủ. Các ngài đã được tất cả chư Phật làm phép quán đỉnh, và khéo hiểu nghĩa cảnh giới tự tâm hiện, các loại chúng sanh, các thứ tâm sắc, vô lượng độ môn, tùy loại khắp

hiện. Đối với năm pháp, ba tự tánh, tám thức và hai thứ vô ngã, các ngài đã thông đạt cứu kính.

Trên hội Niết-bàn, ngài A-nan hỏi Phật: Khi kết tập các kinh, lấy câu nào để đầu? Phật dạy: Phải dùng câu “Tôi nghe như vậy, một hôm Phật ở...” làm thông lệ cho các kinh. Kinh này Phật chỉ thẳng cho chúng sanh căn thân khí giới hiện tiền đều duy tâm hiện, như mộng như huyễn chẳng phải có chẳng phải không. Một niệm bất giác muôn pháp này đồng hiện. Chính nơi đó mà phát minh thì chỉ một tâm không có gì khác. Đây là cảnh giới bất tư nghi của chư Phật, Bồ-tát, không phải chỗ biết của hàng nhị thừa và ngoại đạo. Cho nên những vị đương cơ cùng chư đại Bồ-tát đồng đến trong hội, đều được chánh định tự tại và thần thông du hí, khéo hiểu tất cả cảnh giới tự tâm hiện. Các ngài tùy các thứ tâm sắc của chúng sanh lập bày phương tiện để độ thoát, và thông đạt cứu kính năm pháp, ba tự tánh, tám thức, hai vô ngã. Các ngài đủ khả năng thọ nhận đệ nhất liễu nghĩa của Như Lai, không rơi vào lưới nghi, không bị tất cả ngoại đạo, Nhị thừa làm hoặc loạn. Những vị đại tỳ-kheo chung hợp trong hội này đều là hàng Nhất thừa hóa hiện, không đồng với hàng định tánh Thanh văn, chẳng kham phát tâm Đại thừa. Cho nên phần duyên khởi này cùng với yếu chỉ Duy tâm của bản kinh phù hợp nhau hiển bày.

B- ĐƯƠNG CƠ KỆ TÁN

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ cùng Bồ-tát Ma-đế hợp nhau dạo tất cả cõi nước chư Phật, nương thần lực của Phật từ tòa đứng dậy, bày vai áo mặt, quỳ gối mặt xuống đất, chấp tay cung kính dùng kệ tán thán Phật:

Cõi nước chư Phật tức là cõi nước chúng sanh. Những vị Bồ-tát này hay chính chỗ nhật dụng của chúng sanh mà thông đạt cảnh giới Phật. Bảo rằng “Thấy tất cả sắc đều là sắc Phật, nghe tất cả tiếng đều là tiếng Phật, dạo tất cả cõi nước đều là cõi nước chư Phật”. Do đó các Ngài trên nương thần lực chư Phật, dưới vì trong hội chúng phát lời tán thán. Những lời tán thán Phật đều hàm súc ý nghĩa kinh, không có chỉ thú riêng.

Thế gian lìa sanh diệt
 Ví như hoa hư không,
 Trí chẳng thấy có, không
 Mà khởi tâm đại bi.
 Tất cả pháp như huyễn
 Xa lìa nơi tâm thức,
 Trí chẳng thấy có, không
 Mà khởi tâm đại bi.
 Xa lìa chấp đoạn thường
 Thế gian hằng như mộng,
 Trí chẳng thấy có, không
 Mà khởi tâm đại bi.

“Thế gian như không hoa, tất cả pháp như huyễn, thế gian hằng như mộng”, những câu này là tức nơi nhật dụng của chúng sanh liền thấy cảnh giới bất tư nghì của Như Lai, chẳng phải do dụng công quán chiếu của trí khiến nó thành có hay thành không. Như Lai thương xót các chúng sanh này không thể tự giác, luống theo tâm thức vọng chấp đoạn, thường. Ngài khởi đại bi lập bày phương tiện để độ thoát. Bồ-tát thâm hiểu được ý này, cho nên trong lời tán Phật riêng bày chỉ thú toàn kinh. Đây là “khéo hiểu nghĩa cảnh giới tùy tâm hiện” ấy vậy.

Biết nhân pháp vô ngã
 Phiền não và sở tri (nhĩ diệm)
 Thường thanh tịnh không tướng
 Mà khởi tâm đại bi.

Phàm phu chấp trong thân ngũ ấm là ngã nên phiền não y đó mà khởi. Nhị thừa quán ngũ ấm vô ngã mà cái sở tri chưa quên. Cả hai đều thuộc về mê, không phải có cạn sâu vậy. Ở đây nói “nhân pháp vô ngã, phiền não sở tri thường tự thanh tịnh” đều là lời tán Phật. Song cũng chỉ rõ phàm phu Nhị thừa ngay đó toàn không, bởi do bất giác vọng thấy lưu chuyển. Như Lai biết rõ nên khởi đại bi độ thoát. Tuy không có chúng sanh được diệt độ, mà mười sáu vô tận bản nguyện sâu rộng vậy. Xét theo Tam tế:

Y bất giác tâm động gọi là Nghiệp tướng.
 Y tâm động khởi năng kiến gọi là Chuyển tướng.
 Y năng kiến mà cảnh giới vọng hiện gọi là Hiện tướng.

Ba thứ này, thuộc về thức thứ tám, là cái tập khí hư vọng từ vô thủy. Sau y Hiện tướng đối cảnh phân biệt thành Lục thô.

Trí tướng tức pháp chấp câu sanh.

Y trí khởi niệm chẳng dứt gọi Tương tục tướng là pháp chấp phân biệt. Hai cái pháp ngã (chấp) này, tuy thuộc thức thứ bảy, song cội gốc nó thật khó thấy. Vì nó y bất giác mà khởi nên rất vi tế. Đến hàng Thập nhất địa (Đẳng giác) vẫn có hai phần sở tri ngu, cho nên không phải chỗ Nhị thừa thấy được. Chữ sở tri tức là nhĩ diệm vậy.

Y niệm khởi chấp gọi Chấp thủ tướng, là nhân chấp câu sanh.

Y chấp khởi kế (tính toán) gọi Kế danh tự tướng, là nhân chấp phân biệt. Hai cái nhân ngã (chấp) này, khởi ra tất cả cội gốc phiền não, cũng thuộc về thức thứ bảy. Song vì y cảnh phân biệt làm chỗ chấp giữ, nên hàng Nhị thừa quán nhân vô ngã cũng hay đoạn được mà pháp ngã của thức thứ bảy chẳng đoạn. Ngài Huyền Trang cho phân biệt thuộc thức thứ sáu, câu sanh thuộc thức thứ bảy. Song ở đây xét về nguyên do sanh khởi nên nói chung là thức thứ bảy.

Y hoặc tạo nghiệp gọi Khởi nghiệp tướng.
Y nghiệp chiêu báo gọi Khổ hệ tướng.

Hai phần này thuộc về trời người. Nhưng tóm kết Tam tế và Lục thô thủy đều do bất giác. Nếu giác thì hoàn toàn không, nên nói “thường thanh tịnh không tướng”.

Tất cả không Niết-bàn
Không Niết-bàn của Phật
Không có Phật Niết-bàn
Xa lìa giác, sở giác
Hoặc có hoặc không có
Cả hai thủy đều lìa.

Bốn bài kệ trước nói chỗ nhật dụng của chúng sanh thấy là cảnh giới của Như Lai. Bài kệ này nói Như Lai Niết-bàn chẳng khác với chúng sanh sanh tử, nên nói “tất cả không Niết-bàn”. Nếu có Niết-bàn thì đâu không sanh tử; đã có sanh tử tức có chúng sanh sanh tử và có chúng sanh vào sanh tử. Có chúng sanh sanh tử tức là

có Phật Niết-bàn. Có chúng sanh vào sanh tử tức có Phật vào Niết-bàn. Thế là cái năng giác và sở giác rõ ràng thành đối đãi. Đâu biết rằng tất cả chúng sanh đã vào Niết-bàn, chẳng còn lại Niết-bàn. Như Lai thấy rõ nên hay tùy thuận bản tế, sanh tử Niết-bàn đều như mộng huyễn. Đã tuyệt tâm năng, sở thì không rơi vào cái thấy có, không. Bạc Vô thượng chánh chân không thể đem trọn sự suy xét so lường đến được.

Quán Mâu-ni tịch tĩnh
Thế là xa lìa sanh
Ấy gọi là chẳng thủ
Đời này đời sau tịnh.

Pháp thân không tánh không sanh, chẳng phải tâm chẳng phải thức, đây là Mâu-ni tịch tĩnh, chóng lìa tất cả kiến, tướng sanh diệt. Nếu khởi cái quán này, trong một sát-na các chấp đều đoạn. Liền đó mắt mình mở rộng thẳng đến vị lai tự nhiên tịnh niệm tương tục. Đó là chỗ Lục tổ nói “niệm trước chẳng sanh, niệm sau chẳng diệt” vậy. Nhân lời tán Phật này để chỉ cho người phải để mắt nơi đây.

KINH LĂNG GIÀ TÂM ẨN

Thiền Sư Hàm Thị Sớ Giải

Hoà Thượng Thích Thanh Từ Việt Dịch

Thiền Viện Thường Chiếu

II - PHẦN CHÁNH TÔNG.

A- Chỉ pháp môn đệ nhất nghĩa rộng lớn vi diệu là nói bật chứng

-Hỏi một trăm lẻ tám câu.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ nói kệ tán Phật rồi, tự trình danh tánh, con tên là Đại Huệ thông đạt được đại thừa, nay đem một trăm lẻ tám câu thưa hỏi bậc Tôn tối thượng (Phật). Bồ-tát tự nói thông đạt đại thừa, vì muốn người đương thời và kẻ hậu thế biết nghĩa hỏi ở đây đều là chỗ thiết yếu của nhất thừa, chẳng phải nghĩa sai biệt của các thừa.

Bậc Thế gian giải (Phật) nghe kệ kia rồi, quán sát tất cả chúng, bảo các Phật tử rằng: “Phật tử các ông! Nay cho mặc tình hỏi, ta sẽ vì các ông nói cảnh giới tự giác”.

Cảnh giới tự giác là chỗ chứng của chư Phật trong mười phương và ba đời. Trong bốn quyển lập đi lập lại xét rõ trọn không ngoài ý này, nên trước vì nêu bày ra.

Khi ấy, đại Bồ-tát Đại Huệ nhân lời Phật đã nói, đành lễ dưới chân Phật, chấp tay cung kính dùng kệ hỏi rằng:

Thế nào tịnh niệm kia?

Thế nào niệm tăng trưởng?

Thế nào thấy si hoặc,

Thế nào hoặc tăng trưởng?

Thế nào hóa tướng cõi

Và các chúng ngoại đạo?

Cớ sao không thọ thứ,

Vì sao gọi vô thọ?

Niệm là vọng giác. Si hoặc là bất giác. Chân như không tánh bất giác vọng động, kiến hoặc vừa sanh liền có vọng giác. Muốn sạch vọng giác thì phải tìm tột chỗ khởi vọng giác. Muốn ngộ bất giác thì cần xét cùng chỗ sanh bất giác. Chừng ấy mới biết chân như không tánh là mật

chỉ của chư Phật, nên phải hỏi trước. Cõi tức là cõi nước. Hóa tướng là tất cả tướng biến hóa trong lục đạo. Trước nói ngoại đạo, sau đề ra Vô thọ, đó là muốn biện sự sai biệt của tà chánh. Vô thọ là Mâu-ni tịch tĩnh, chẳng thọ một pháp, lìa các tướng trạng. Thứ là thứ lớp các địa. Kinh Kim Cang nói “do pháp vô vi mà có sai biệt”.

Cớ sao gọi phật tử ?
 Giải thoát đến chỗ nào,
 Ai phược ai giải thoát?
 Những gì cảnh giới thiên?
 Tại sao có ba thừa?
 Cúi mong vì giải nói.
 Duyên khởi chỗ nào sanh?
 Thế nào tác, sở tác?
 Thế nào đồng dị thuyết?
 Thế nào là tăng trưởng?
 Thế nào vô sắc định
 Và cùng diệt chánh thọ
 Thế nào là tướng diệt?
 Vì sao từ định giác,
 Thế nào tạo tác sanh,
 Tiến đi và giữ thân?
 Thế nào hiện phân biệt?
 Thế nào sanh các địa?

Câu “giải thoát đến chỗ nào” là muốn hiển bày Mâu-ni tịch tĩnh, không có phược và thoát; nên nói tiếp “ai phược ai giải”. Nói không có giải có phược là, bởi mê ngộ vọng thấy mà thôi. Cảnh giới thiên là chỉ các thiên định của phàm thánh. Duyên khởi là pháp do nhân duyên sanh ra. Tác, sở tác là nghiệp quả năng tác và sở tác. Đồng dị thuyết là chỉ ngoại đạo tà thuyết. Tăng trưởng là nhân gì tăng trưởng nhân quả trong tam giới?

Vô sắc định là tứ không. Diệt chánh thọ là diệt tận định. Tưởng diệt là vô tưởng định. Từ định giác là hởi Như Lai vì sao từ định mà giác (ra) khởi các tác dụng, thị hiện thân có đi có đứng. Hiện phân biệt là, hiện nói các thứ pháp sai biệt. Sanh các địa là, kiến lập hành tướng các địa.

Ai người phá ba cõi
 Ở đâu, thân thế nào,
 Vãng sanh đến chỗ nào?
 Thế nào Tối thắng tử?
 Nhân gì được thần thông
 Và tự tại tam-muội?
 Thế nào tâm tam-muội?
 Tối thắng vì con nói.

Phá ba cõi là, chỉ chung cho hàng Tam thừa ra khỏi tam giới. Đã ra khỏi tam giới, trụ ở chỗ nào, thọ những thân gì, vãng sanh đến chỗ nào. Nói thánh nhân tam thừa đồng ra khỏi tam giới, song thân và cõi chẳng đồng, ứng và hóa mỗi vị có khác. Tối thắng tử là chỉ chư Bồ-tát. Thần thông là sáu pháp thần thông. Tam-muội dịch là chánh thọ (chánh định). Tâm tam-muội là tâm trụ trong chánh định, cùng với pháp chánh định đồng hay khác.

Thế nào gọi là tàng
 Thế nào ý và thức?
 Thế nào sanh cùng diệt
 Thế nào thấy rời hoàn?
 Thế nào là chủng tánh
 Phi chủng và tâm lượng?
 Thế nào kiến lập tướng
 Và cùng nghĩa phi ngã,
 Thế nào không chúng sanh
 Thế nào thế tục thuyết?
 Tàng là tàng thức. Ý là thức thứ bảy. Thức là thức thứ

sáu và năm thức trước. Sanh diệt là các căn thức hiện ra sanh diệt. Thấy là thấy được cái sanh diệt. Hoàn là trở lại cái không thấy. Đồng một tâm này mà có riêng biệt là tàng, ý và thức. Rồi có khác là thấy sanh diệt và thấy chẳng sanh diệt. Cái mê ngộ hư vọng này thấy đều không thể có. Chủng tánh là tam thừa chủng tánh. Phi chủng là không có chủng tánh, chỉ cho ngoại đạo và chúng xiển-đề. Tâm lượng là đồng một tâm mà mỗi cái có chừng lượng vậy. Kiến lập tướng là tướng ngã. Nghĩa phi ngã là tướng vô ngã. Chúng sanh là nói khác của tướng ngã. Tức là đối với ngã và pháp vốn không có chúng sanh, mà đối với thế tục nói có đó là sao?

Thế nào là đoạn kiến

Và thường kiến chẳng sanh?

Tại sao Phật, ngoại đạo

Tướng đó chẳng trái nhau?

Thế nào đời sau này

Có các thứ bộ khác?

Thế nào không, tại sao?

Thế nào hoại sát-na?

Đoạn và thường đều là tà kiến của ngoại đạo. Kiến chẳng sanh là chẳng sanh hai kiến chấp này, tức là chánh pháp Như Lai. Phật cùng ngoại đạo tướng chẳng trái nhau là, gồm vào một tâm bình đẳng mà nói vậy. Bộ khác là, sau khi Phật diệt độ đệ tử kiết tập kinh bộ mỗi phần có khác. Nói một tâm bình đẳng, Phật cùng ngoại đạo không khác, mà đệ tử trong pháp của Phật trở lại thấy có khác, là sao? Không là các pháp tánh không. Hiện thấy các pháp mà nói không đó là sao? Sát-na là niệm rất vi tế. Niệm niệm chẳng dừng, sát-na chẳng trụ, không phải chỗ biết của người vô trí.

Thế nào thai tàng sanh?

Thế nào thế bất động?

Nhân gì như huyễn mộng
 Và thành càn-thát-bà
 Thế gian thấy sóng nắng
 Cùng bóng trăng đáy nước?
 Bởi đâu nói giác chi
 Và cùng bồ-đề phần?
 Thế nào quốc độ loạn?
 Thế nào khởi thấy có?

Thai tàng sanh là thân phần đoạn sanh tử của chúng sanh. Thế bất động là cõi nước hằng dời đổi mà chân tánh vẫn thường trụ. Huyền, mộng, thành càn-thát-bà, sóng nắng, trăng đáy nước, thấy đều dụ cho chúng sanh cùng thế giới không thật. Nhân gì như, ấy là chúng sanh sanh tử thế giới đổi dời, rõ ràng hiện tiền, mà nói như mộng huyễn... ai sẽ giác biết? Giác chi, bồ-đề đều chỉ cho chánh trí, tức là giác ngộ thế gian mộng huyễn. Quốc độ loạn là quốc độ dời đổi. Khởi thấy có là, quốc độ dời đổi mà chúng sanh vô trí vọng thấy thật có. Sao mà giác mê xa nhau lắm vậy?

Thế nào chẳng sanh diệt
 Thế như hoa trong không?
 Thế nào giác thế gian?
 Thế nào nói lìa tự (văn tự)?
 Lìa vọng tưởng là ai?
 Thế nào ví hư không?
 Có mấy thứ như thật?
 Máy tâm ba-la-mật?
 Nhân đâu qua các địa?
 Ai đến không chỗ thọ?

Chẳng sanh diệt, hoa trong không, đều chỉ thế gian mà nói. Thế gian vốn chẳng sanh diệt mà dối thấy sanh diệt. Vốn như hoa trong không mà dối thấy thật có. Thế là phải đợi đến khi giác ngộ mới thấy. Giác thế gian là

giác thế gian này chẳng sanh diệt như hoa trong không. Đã giác thế gian liền rõ như huyễn, chẳng rơi vào có không, không phải nói năng có thể đến, nên nói lìa văn tự. Nói năng đã lìa thì phân biệt liền dứt. Tất cả pháp ví như hư không, thấy cội gốc thật tướng được đến bờ kia. Trải khắp các địa đến nơi vô thọ. Đây có thể thứ lớp chứng biết, mà vì muốn Thế Tôn hiển bày rành rẽ. Có mấy thứ như thật là, chứng được chân như hàng tam thừa có mấy hạng sai biệt. Mấy tâm ba-la-mật là, được qua sanh tử cũng phân có tam thừa.

Những gì hai vô ngã?

Thế nào tịnh sở tri?

Các trí có mấy thứ?

Mấy thứ giới chúng sanh?

Ai sanh các tánh báu,

Chân châu ma-ni thủy?

Ai sanh các ngữ ngôn?

Chúng sanh các thứ tánh?

Trong hai thứ vô ngã, pháp vô ngã rất vi tế, nên lặp lại nói sở tri. Sở tri là sở tri chướng, thuộc về pháp chấp.

Trí có căn bản trí, sai biệt trí. Giới có giới Tỳ-kheo, giới Bồ-tát. Ma-ni là tánh báu thuộc khí thế gian (thế giới).

Ngữ ngôn là chủng tánh thuộc về chúng sanh thế gian (chúng sanh). Trong lời hỏi, hoặc hỏi khí thế gian, hoặc hỏi chúng sanh thế gian, hoặc hỏi xuất thế gian, hoặc Phật, hoặc đệ tử Phật, hoặc ngu, hoặc ngoại đạo, trước sau không nhất định, một lúc lẫn lộn chẳng cần chia loại, chỉ tùy lời nói nhận được nghĩa thôi. Cần biết thấy từ một chân pháp giới, vọng thấy có sai biệt, như huyễn không thể nghĩ bàn.

Minh xứ và kỹ thuật.

Người nào đã hiển bày?

Già-đà có mấy thứ,

Trường tụng và đoản cú?
 Có mấy thứ lý luận,
 Thế nào gọi là luận?
 Tại sao sanh ăn uống?
 Và sanh các ái dục?
 Thế nào gọi là vua
 Chuyển luân và tiểu vương?
 Thế nào thủ hộ quốc
 Chư thiên có mấy thứ?
 Thế nào gọi đại địa
 Tinh tú và nhật nguyệt?
 Người tu hành giải thoát
 Mỗi bậc có mấy thứ?
 Đệ tử có mấy thứ?
 Sao là A-xà-lê?
 Phật lại có mấy bậc,
 Lại có mấy bản sanh?
 Minh xứ là ngũ minh: 1) Thanh Minh, 2) Công xảo minh, 3) Y phương minh, 4) Nhân minh là khảo đính tà chánh, 5) Nội minh nói rành rẽ về năm thừa. Ba minh trước là ngoại luận. Hai minh sau thuộc nội luận (nội điển). Già-đà dịch là kệ. Trường tụng đoản cú đều là kinh nói. Lý là lý nói ra. Luận là riêng giải thích nội điển và ngoại điển. Đây là hỏi nói pháp phải có bao nhiêu thứ. Ăn uống, ái dục, vua, chư thiên, đại địa, tinh tú, nhật, nguyệt, tổng hỏi về danh tướng hai thứ thế gian chúng sanh và thế giới. Tu hành, đệ tử, Xà-lê, Phật, bản sanh là danh tướng sai biệt của xuất thế gian. Tu hành là thông tam thừa. Đệ tử là gồm Bồ-tát và Thanh văn. Xà-lê dịch là quĩ phạm (mẫu mực). Có năm thứ quĩ phạm. Bản sanh là Như Lai nhiều đời tu hành cho đến thành Phật, những việc hiện sanh. Ma và các ngoại đạo

Kia mỗi loại mấy thứ?
 Tụ tánh và cùng tâm
 Mỗi cái bao nhiêu thứ?
 Thế nào thi thiết lượng?
 Cúi mong Tối thắng nói
 Thế nào không, gió, mây?
 Thế nào niệm thông minh?
 Thế nào là rừng cây,
 Thế nào là cỏ rậm?
 Thế nào voi, ngựa, nai,
 Thế nào là bắt lấy?
 Thế nào là thấp hèn,
 Nhân gì mà thấp hèn,
 Thế nào nhiếp lục tiết?
 Thế nào nhất-xiển-đề?
 Nam nữ và hoàng môn
 Đây đều nhân đâu sanh?

Tánh cùng tâm đều chỉ cho căn dục của chúng sanh.
 Thi thiết lượng là tâm tánh chửøng lượng giả vì thi thiết.
 Niệm thông minh là thế trí biện thông. Nhiếp lục tiết là ở
 Tây vức cho hai tháng làm một tiết, một năm phân làm
 sáu tiết. Nhất-xiển dịch là tín. Đề dịch là bất cụ. Nghĩa là
 lòng tin chẳng đủ. Đây cũng là hỏi danh tướng sai biệt
 của chúng sanh và khí thế gian.

Thế nào tu hành thối?
 Thế nào tu hành sanh?
 Thiền sư dùng pháp gì,
 Kiến lập những người nào?
 Chúng sanh sanh các cõi
 Tướng gì và loại gì?

Tu hành có tiến có thối. Sanh tức là tiến. Pháp của thiền
 có đốn tiệm chẳng đồng. Bởi căn cơ người lớn nhỏ
 chẳng phải một. Đây là sự sai biệt của xuất thế gian.

Các cõi là sáu đạo và bốn sanh. Tướng loại là tướng loại của các cõi. Chúng sanh thế gian huyền vọng tự chia nhiều lối.

Thế nào là tài phú,
 Nhân gì được tài phú?
 Thế nào là Thích chủng,
 Nhân gì có Thích chủng,
 Thế nào dòng Cam Giá?
 Vô thượng tôn xin nói.
 Thế nào trường khổ tiên,
 Kia dạy bảo những gì?
 Như Lai tại vì sao,
 Hiện tất cả thời, cõi,
 Các thứ loại danh sắc,
 Tối thắng tử vây quanh?
 Tại sao chẳng ăn thịt,
 Tại sao cấm ăn thịt,
 Ăn thịt bao chủng loại,
 Nhân gì nên ăn thịt?

Đây vẫn hỏi sự sai biệt của thế và xuất thế gian. Thích chủng, dòng Cam Giá, bởi quá khứ rất xa, khi ấy có một Bồ-tát làm thái tử trong nước, nhường ngôi cho em đi tu, theo học với Cù-đàm Bà-la-môn liền đổi họ làm Cù-đàm. Sau trở về ngoài thành ở tinh xá tại vườn Cam Giá, bị nạn giặc bắt làm thương tổn, máu chảy đầy đất. Đại Cù-đàm dùng thiên nhãn xem thấy, dùng thần túc đến vườn Cam Giá, lấy máu đựng trong hai cái bình để bên phải bên trái. Chúc rằng: Đạo sĩ này nếu tâm chí thành sẽ khiến máu biến thành người. Mười tháng sau, hai cái bình đựng máu một biến thành người nam, một biến thành nữ, bèn thành dòng Cam Giá. Về sau thứ phi vua Ý Ma sanh bốn con được chánh hậu khen ngợi. Vua đuổi bốn con ra khỏi nước ở trên núi Tuyết trong

rừng Trục thọ. Mẹ bốn vị ấy tìm đến, vì mỗi người lập gia đình cho đều được xong xuôi. Vua nghe tin này rất vui vẻ, nói rằng: Đây thật là Thích tử, khéo tự lập tự tồn, nhân đó gọi là Thích. Thích dịch là năng, nghĩa là có tài năng. Người con thứ tư tên Trang Nghiêm tức là tổ tiên vua Bạch Tịnh. Tất cả thời cội là tất cả thời, tất cả cội, tùy loại khắp hiện.

Thế nào hình nhật nguyệt,

Tu-di và Liên Hoa,

Cõi Sư tử thắng tướng,

Thế giới nghiêng, đứng, úp,

Như lưới trời Đế Thích,

Hoặc thủy đều trên bảo,

Như đàn, trống lừng eo,

Dáng tự các loại hoa,

Hoặc lìa sáng nhật nguyệt.

Như thế thủy vô lượng?

Tu-di là núi Diệu cao, trùm bốn thiên hạ làm một thế giới. Liên hoa là thế giới Liên hoa tạng. Sư tử là thế giới đẹp nhất trong các thế giới. Thế giới có cái nghiêng, có cái úp, gồm các thế giới đẹp và xấu như lưới trời Đế Thích. Vì lưới trời Đế Thích có một ngàn hạt châu, mỗi hạt châu chiếu sáng xen nhau, ý nói vô tận. Nhật nguyệt, cây đàn, trống lừng eo, hoa trái đều là diễn tả hình tướng của thế giới. Trên bảo là có thế giới do trên bảo làm thành. Lìa sáng nhật nguyệt là thế giới Vô Cấu Quang Minh, chẳng nhờ ánh sáng nhật, nguyệt.

Thế nào là hóa Phật?

Thế nào báo sanh Phật?

Thế nào như như Phật?

Thế nào trí tuệ Phật?

Tại sao ở Dục giới ,

Chẳng thành Đẳng Chánh Giác?

Vì sao Sắc cứu kính,
 Là dục được bồ-đề?
 Thiện thệ vào Niết-bàn
 Ai người giữ chánh pháp?
 Thầy trời trụ bao lâu?
 Chánh pháp trụ chừng nào?
 Tất-đàn cùng với kiến
 Mỗi loại bao nhiêu thứ?
 Phần Tỳ-ni Tỳ-kheo
 Thế nào nhân duyên gì?
 Các Tội thắng tử kia
 Duyên Giác và Thanh văn
 Nhân gì trăm biến dịch?
 Thế nào trăm vô thọ?

Hoá Phật là hóa thân trăm ngàn muôn ức, đây là tùy loại hóa hiện. Đại hóa là thân ngàn trượng Lô-xá-na vì hàng Bồ-tát thập địa mà hiện, cũng gọi là tha báo thân. Như như, trí tuệ đều chỉ cho pháp thân. Như như là bản giác, trí tuệ là thủy giác. Đây là tự báo, vì thủy giác bản giác hiệp một, lý và trí cả hai đều dung thông. Lô-xá-na trên cõi trời Sắc cứu kính được đạo bồ-đề, chớ không ở Dục giới. Đó là vì thị hiện là dục được thanh tịnh. Ai người giữ chánh pháp là những căn dục nào mới kham truyền giữ chánh pháp. Chư Phật ở đời, chánh pháp ở đời mỗi phần đều có nhân duyên gần xa và tự tha. Tất là khắp. Đàn là thí. Kiến là chỉ căn cơ bị giáo hóa. Nghĩa là Như Lai đem giáo pháp khắp thí cho các căn cơ chúng sanh kia, cộng lại có bốn thứ:

Thế giới tất-đàn là được lợi ích hoan hỷ.

Đối trị tất-đàn là được lợi ích diệt ác.

3- Vị nhân tất-đàn là được lợi ích sanh các pháp lành.

4- Đệ nhất nghĩa tất-đàn là được lợi ích ngộ lý.

Tỳ-ni dịch là luật, Tỳ-kheo là người trì luật. Nhân duyên

là nhân duyên kiết giới. Trăm biến dịch, trăm vô thọ, đây là nói sự sai biệt của Bồ-tát, Duyên giác và Thanh văn. Biến dịch là biến dịch sanh tử, vì chưa đến quả vị Phật vẫn còn ở phương tiện đổi thân thô thành thân diệu. Vô thọ là Vô dư Niết-bàn, người hàng Tam thừa đều chứng.

Thế nào là thế tục thông?

Thế nào xuất thế gian?

Thế nào là thất địa?

Cúi mong vì diễn nói.

Tăng già có mấy loại?

Thế nào là hoại tăng?

Thế nào luận y phương,

Ấy lại nhân duyên gì?

Bậc Bồ-tát Ngũ địa vào thế tục lợi sanh gọi là thế gian thông. Đến hàng Thất địa nhân sanh đều hết mới gọi là xuất thế. Tăng có Đại thừa và Nhị thừa. Hoại tăng là phá luật phá kiến vậy. Phật dụ lương y, để nói Như Lai tùy duyên hóa hiện, hợp bệnh cho thuốc, như lương y thế gian.

Cớ gì đại Mâu-ni

Nói lên như thế này:

Ca-diếp, Câu-lưu-tôn

Câu-na-hàm là ta?

Cớ sao nói đoạn thường

Và cùng ngã vô ngã?

Sao không tắt cả thời

Diễn nói nghĩa chân thật

Mà lại vì chúng sanh

Phân biệt nói tâm lượng?

Nhân đâu rùng nam nữ

Ha-lê, A-ma-lặc,

Kê-la và Thiết Vi,

Kim Cang thấy các núi
 Vô lượng bảo trang nghiêm
 Tiên Đạt-bà đầy đầy?

Ca-diếp, Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm là ta, nghĩa là xưa nay tự tha không có tướng một hai, đó là lời nói chân thật. Mà lại nói thường nói đoạn, nói ngã nói vô ngã, rộng vì chúng sanh phân biệt nói tâm lượng, đều vì căn có đại tiểu, pháp có tà chánh. Đoạn, thường, ngã đều chỉ cho ngoại đạo. Vô ngã chỉ cho Nhị thừa. Rừng nam nữ tức là rừng Thi-đà, rừng này cây sanh trái dáng giống như nam nữ. Ha-lê, A-ma-lặc là tên hai thứ trái cây. Đây tức là cây trái hiện tiền. Suy ra đến các núi Kê-la, Thiết Vi, Kim Cang có vô lượng trang nghiêm, tất cả tiên thần đều đầy đầy trong ấy. Tột trong chỗ thấy nghe và ngoài chỗ thấy nghe do nhân gì mà có, trọn gọi là gì? Chỗ này không thể dùng tâm ý mà hiểu được. Mới biết một trăm lẻ tám câu cùng tột thế gian và xuất thế. Song chẳng ngoài năm pháp, ba tự tánh, tám thức và hai vô ngã. Bỗng nhiên gỡ thẳng cửa chân. Bất chợt chỉ điểm tục đế dường như không thứ lớp, đều tự tâm hiện ra. Cảnh giới như huyền bất tự nghi không có cạn sâu thì đâu phân khó dễ, chỉ chứng mới biết.

KINH LĂNG GIÀ TÂM AN

Thiền Sư Hàm Thị Sớ Giải

Hoà Thượng Thích Thanh Từ Việt Dịch

Thiền Viện Thường Chiếu

B- Chỉ năm pháp, tự tánh, vô ngã, giản biệt nhị thừa ngoại đạo, để rõ nhân quả của chánh pháp.

a- Nói năm pháp

- **ĐẠI HUỆ HỎI:**

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ biết chỗ tâm nghĩ của chúng đại

Bồ-tát, tên kinh Thánh Trí Sự Phân Biệt Tự Tánh, nương sức oai thần của tất cả Phật, bạch Phật rằng: Thế Tôn! Cúi xin vì nói kinh Thánh Trí Sự Phân Biệt Tự Tánh là chỗ nương của một trăm lẻ tám câu. Như Lai ứng cúng đấng chánh giác y đây phân biệt nói đại Bồ-tát vào tự tướng, cộng tướng, tự tánh vọng tưởng. Do phân biệt nói tự tánh vọng tưởng thì hay khéo biết khắp quán sát nhân pháp vô ngã, trừ sạch vọng tưởng, soi sáng các địa, siêu việt tất cả Thanh Văn, Duyên giác và những cái vui thiên định của ngoại đạo. Quán sát cảnh giới sở hành bất khả tư nghì của Như Lai, quả quyết lìa bỏ năm pháp tự tánh. Pháp thân trí tuệ của chư Phật Như Lai khéo tự trang nghiêm. Khởi cảnh giới huyển, lên tất cả cõi Phật, Thiên cung Đâu Suất cho đến thiên cung Sắc Cứu Kính, liền được pháp thân thường trụ của Như Lai.

Đây là hỏi tự tánh vọng tưởng, để hiển thánh trí, để phân biệt chấp tà. Bởi do mê tự tánh mà thành vọng tưởng, tức ở chỗ vốn không tự tha, một lúc liền có tự tướng cộng tướng nhanh chóng hiện bày. Như nhãn thức ban đầu thấy sắc liền được tự tướng nhãn thức, vừa rơi vào phân biệt liền thành cộng tướng. Đây đều là cảnh giới bất giác vọng tưởng. Tất cả Bồ-tát vào đây mà thị hiện các thứ sai biệt đã có ở thế và xuất thế gian để kiến lập thành một trăm lẻ tám câu. Nếu giác vọng tưởng không khác tự tánh, đây là việc thánh trí, liền đạt tự tướng cộng tướng không thể được. Tất cả Bồ-tát cũng không bỏ các thứ sai biệt đã có ở thế và xuất thế gian mà được chỗ thâm bày của phi một trăm lẻ tám câu. Đó là lý do Như Lai phân biệt nói tự tánh vọng tưởng. Bởi phân biệt vọng tưởng này không riêng có tự tánh. Thế mới biết, tự tánh vốn tự không nhân, tự tánh vốn tự không pháp. Không nhân không pháp nên hay

trừ sạch vọng tưởng mà chẳng cần dụng công. Soi sáng các địa mà không ngại viên dung, vượt khỏi cái vui thiền định của phàm phu ngoại đạo, vào chỗ sở hành của Như Lai, danh tướng, vọng tưởng, y tha, biến kế liền đó chóng không, chánh trí, như như, viên thành cũng không thật có. Pháp thân trí tuệ chư Phật Như Lai này từ tự tánh vọng tưởng mà phát minh tâm lượng. Có sự trang nghiêm đều là trang nghiêm tự tâm, liền chuyển cảnh giới vọng tưởng của tự tâm hiện ra. Hiện cõi nước như huyễn lên thiên cung như huyễn. Chẳng lìa tự tâm được pháp thân cứu kính thường trụ Như Lai.

- PHÁ NGOẠI ĐẠO VỌNG CHẤP CÓ, KHÔNG.

Phật bảo Đại Huệ: Có một thứ ngoại đạo khởi vọng tưởng chấp trước có không, nhân giác tri hết, tưởng như thỏ không sừng. Như thỏ không sừng, tất cả pháp cũng lại như vậy. Đại Huệ! Lại có ngoại đạo thấy chủng, cầu-na, cực vi, đà-la-phiêu, hình xứ, hoành pháp mỗi mỗi sai biệt. Thấy rồi, chấp trước thỏ không sừng hoành pháp, khởi tưởng trâu có sừng. Đại Huệ! Kia rơi vào hai kiến chấp, chẳng hiểu tâm lượng. Cảnh giới tự tâm vọng tưởng tăng trưởng, thân thọ dụng kiến lập vọng tưởng căn lượng. Đại Huệ! Tất cả pháp tánh cũng lại như thế, lìa có, không, chẳng nên khởi tưởng. Đại Huệ! Nếu lại lìa có, không mà khởi tưởng thỏ không sừng, ấy gọi là tưởng tà, vì kia quán nhân đối đãi. Thỏ không sừng chẳng nên khởi tưởng, cho đến vi trần, tánh phân biệt sự, thấy đều không thể được. Đại Huệ! Cảnh giới thánh ly, không nên khởi tưởng trâu có sừng.

Đây là chỉ rõ không đạt được tự tánh vọng tưởng, nên có ngoại đạo tà chấp. Vọng tưởng từ bất giác tâm lượng mà khởi. Tâm không phải tướng động do bất giác vọng sanh. Vọng sanh chẳng phải có, vọng diệt chẳng phải không. Có, không cả hai đều vọng, luống tăng thêm bất

giác, chẳng phải cái gốc tâm lượng. Thế nên chẳng rõ tướng sanh, mới kẹt nơi vô minh, làm chấp căn thân khí giới ắt rơi vào nhân thường. Dù có quán nhân hết, lại trôi vào đoạn diệt. Đây là thỏ không sừng cùng với trâu có sừng, bởi vì đối đãi mà tưởng sanh. Tuy ở trong chánh pháp vẫn chưa dễ gì liền đó chóng lìa. Bởi tâm lượng bản hữu chưa tròn thì mê tình bất giác khó hết. Biết rõ hiện tiền chẳng phải có, rỗng lặng chẳng phải không, mà đương niệm chưa tạm thấy, tưởng lặng lẽ vẫn thâm lớn. Nên nói “lìa có, không mà lại khởi tưởng thỏ không sừng”. Tóm lại quán không bởi vì kẹt hữu. Đã tin rõ huyễn thì đâu cần lại không, có chẳng thể được thì không từ đâu đối đãi. Nên nói “cảnh giới thánh ly, cứu kính không nên khởi tưởng trâu có sừng”. Nhân giác tri hết, như Số luận sư tột tám muôn kiếp mờ mịt không biết. Xét biết các pháp trước mắt rốt cùng trở về hết sạch, đồng với sừng thỏ. Chử chủng là bốn đại chủng. Cầu-na dịch là y. Đà-la-phiêu dịch là trần. Hoàn pháp là các pháp sắp bày. Như Thuận thế sư thấy tứ đại chủng y cực vi trần làm sanh nhân, bởi có các pháp sắp bày, mỗi mỗi sai biệt, cho nên chấp thỏ không sừng, mà khởi tưởng trâu có sừng.

Bồ-tát Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Người được không vọng tưởng thấy tướng chẳng sanh rồi tùy đó suy nghĩ quán sát, chẳng sanh vọng tưởng nói là không chẳng? Người thấy tướng chẳng sanh, nghĩa là thấy sừng trâu không có thật, chẳng sanh tướng có, do đây so sánh chẳng khởi vọng tưởng. Đây là tội nhân chấp không của ngoại đạo, muốn Thế Tôn nói rõ đó.

Phật bảo Đại Huệ: Chẳng phải quán sát chẳng sanh vọng tưởng nói không. Vì có sao? Vì vọng tưởng nhân đó mà sanh. Y sừng kia sanh vọng tưởng, do y sừng sanh vọng tưởng, thế nên nói là y nhân. Vì lìa khác và

chẳng khác, chẳng phải quán sát chẳng sanh vọng tưởng nói là không sừng.

Việc ngoài thánh trí thấy có, thấy không đều là nhân vọng tưởng, nên phải lìa. Vọng tưởng y nơi sừng mà chấp có không, đây là do phân biệt có không làm nhân, nó không phải chánh nhân, khác cùng chẳng khác đều là hý luận. Y nơi sừng khởi vọng tưởng có là chẳng khác, y nơi sừng khởi vọng tưởng không là khác, đều là nhân vọng tưởng cả hai đều không thật. Thế nên người được thánh trí ắt không quán sát chẳng sanh vọng tưởng, nói không sừng vậy.

Đại Huệ! Nếu vọng tưởng khác với sừng thì không nhân sừng sanh. Nếu chẳng khác thì nhân sừng sanh. Cho đến vi trần phân tích tìm cầu trọn không thể được. Vì không khác với sừng, kia cũng không tánh. Cả hai đều không tánh thì pháp gì? Có sao nói là không? Đại Huệ! Nếu là không thì không sừng. Quán là có nên nói thỏ không sừng, không nên khởi tưởng. Đại Huệ! Vì chẳng phải chánh nhân mà nói là có, không, cả hai đều chẳng thành.

Đây là nhằm vào người chấp không, y nơi sừng làm sanh nhân. Nhiên hậu tìm cùng thì nhân chẳng thật, chỗ chấp thành rỗng, nên chẳng ượng khởi tưởng. Ý nói vọng tưởng đã khác với sừng thì lý ượng chẳng nhân nơi sừng vậy, nếu chẳng khác với sừng tức là nhân nơi sừng. Nay chính nơi sừng phân tích đến vi trần không thể được thì chẳng khác với sừng này mà có tánh vẫn không thể định. Có đã phi tánh thì, cái không kia cũng phi tánh, cả hai đều vô tánh thì thế gian vật gì, pháp gì mà có thể nói không. Thấy không mà nói không sừng, thấy có không phải thật mà nói không sừng, đây là có, không y nhân, chẳng nên khởi tưởng. Không phải chánh nhân là, không được thật tướng của các pháp, hai

thuyết có không đều thành hý luận.

Đại Huệ! Lại có các ngoại đạo chấp, chấp trước việc sắc, không, hình xứ, hoành pháp, không thể khéo biết chùng ngăn của hư không. Nói sắc là hư không, khởi kiến chấp vọng tưởng chùng ngăn.

Đây là kèm phá ngoại đạo chấp có, bèn gồm nói không nhân có đối đãi, nên phải là hết. Chấp trước sắc khác với không, nghĩa là tứ đại chùng và vi trần hay sanh tất cả pháp. Do không khéo biết chùng ngăn sắc cùng hư không nên khởi tất cả vọng tưởng.

Đại Huệ! Hư không là sắc, theo vào sắc chùng. Đại Huệ! Sắc là hư không, chỗ năng trì sở trì mà dựng lập tánh. Việc sắc không phân biệt nên biết. Đại Huệ! Khi tứ đại chùng sanh tự tướng mỗi thứ đều khác, cũng chẳng trụ nơi hư không, chẳng phải nó không hư không.

Theo vào sắc chùng, là thế gian không có một pháp nào là hư không mà chẳng bị hư không chen vào. Năng trì là hư không năng trì. Sở trì là sắc sở trì. Thế gian cũng không có một pháp chẳng được hư không sở trì. Đây là kiến lập tự tánh sắc không, nên như thế mà biết. Nếu y sắc nên không, y không nên sắc, chỉ là kẻ phàm phu và ngoại đạo vọng kiến vậy. Nguyên nghĩa sắc không, do mê chân thành thức, đồng thời liền hiện, không có trước sau, cũng không kia đây. Kinh Lăng nghiêm nói: “Hồi muội làm không, kết không làm sắc”. Lại nói “Hư không sanh trong đại giác, như biển sanh hòn bọt, cõi nước vi trần hữu lậu, đều y không sanh ra”. Nay chấp sắc chấp không đều là chùng ngăn trong mê, chẳng là vọng tưởng. Giác ngộ tự tâm hiện, mới biết cảnh giới hiện ra đều đồng việc trong mộng. Hư không, căn thân, khí giới trong mộng bỗng nhiên hiện tiền, là sắc là không y nhiên phân biệt. Giác rồi sau mới biết là thức tưởng sanh ra, chẳng thể có không vậy. Tự tướng tứ đại

chúng mỗi thứ khác nhau, tuy chẳng trụ hư không mà sở nhập và sở trì không thể phân biệt được. Đây bởi chấp tứ đại vi trần là sanh nhân của các pháp, nên lại bày lời để hiểu đó vậy.

Như thế, Đại Huệ! Quán trâu có sừng nên thỏ không sừng. Đại Huệ! Lại sừng trâu phân tích làm vi trần, lại phân biệt vi trần trong sát-na không dừng. Kia quán cái gì mà nói không ư? Nếu nói quán các vật khác đó, pháp kia cũng vậy.

Trọn nói chấp không, cũng nhân chấp có đối đãi mà thành, chẳng phải tướng thật có thật không. Nếu chẳng phải nhân có chấp không, thì phân tích sừng trâu thành vi trần, lại phân tích vi trần cho đến sát-na chẳng dừng, sừng này đã không thì lấy cái gì so sánh quán để hiển tướng không. Cho nên, chấp tướng có mà tướng có không trụ thì nhân tướng có chấp tướng không, tướng có đã chẳng trụ thì, tướng không đâu có chỗ hiển bày, cũng không năng trụ. Có không chẳng trụ liền đó là cảnh giới gì? Quán các vật khác, là từ sừng trâu mà suy ra vậy.

Thế Tôn bảo Bồ-tát Đại Huệ: Phải lìa dị kiến vọng tưởng sừng thỏ, sừng trâu, hư không, hình sắc. Đại Bồ-tát các ông, phải suy nghĩ tự tâm hiện vọng tưởng. Tùy vào tất cả cõi nước vì hàng Tối thắng tử dùng tự tâm hiện phương tiện mà dạy bảo họ.

Đây kết nói phải lìa chấp vọng tưởng hai thứ có, không, mà quán thẳng duy tâm. Bồ-tát nếu hay quán sát tự tâm hiện lượng, thấy tất cả cảnh giới vọng tưởng do tự tâm hiện ra, vì mê tâm làm thức nên đồng thời liền hiện, đều như huyễn hóa. Liền đó chóng lìa tướng hữu vô sắc không v.v... nhiên hậu dùng thân như huyễn vào cõi nước như huyễn, vì tất cả Phật tử lấy phương tiện như huyễn, nói tự tâm hiện lượng mà dạy bảo họ.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nói kệ rằng:

Sắc thấy và tâm không
 Sắc thấy nuôi lớn tâm
 Thân thọ dụng an lập
 Tàng thức hiện chúng sanh
 Tâm, ý cùng với thức
 Tự tánh pháp có năm
 Vô ngã hai thứ tịnh
 Nói rộng nói thế này:
 Dài, ngắn, có, không thấy
 Lần lượt lẫn nhau sanh
 Bởi không nên thành có
 Do có nên thành không
 Vi trần việc phân biệt
 Chẳng khởi vọng tưởng sắc
 Tâm lượng chỗ an lập
 Ác kiến là chẳng ưa.
 Phi cảnh giới giác tưởng
 Thanh Văn cũng như thế
 Chỗ nói của Cứu thế
 Cảnh giới của tự giác.

Bài tụng này nói sắc v.v... nơi tâm vốn không có. Tâm nương sắc... nuôi dưỡng mà sanh. Song tâm đã không, sắc v.v... từ đâu mà có, căn thân khí giới hiện tiền làm chỗ cho tâm y? Bởi vì mê chân làm tàng thức, mới hiện ra tất cả kiến chấp của chúng sanh. Đã nhân mê mà hiện, nên Như Lai rộng nói tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh, hai thứ vô ngã, cũng là đến trong mê kia mà chỉ bày danh tướng, khiến biết chọn lựa. Chính như kiến chấp sắc v.v... dài, ngắn, có, không đối đãi nhau dựng lập, y không thấy có, y có thấy không, đều là việc trong mê, thấy đều không có tự tánh. Nếu đối với tất cả cảnh

giới phân biệt mà chẳng khởi tất cả phân biệt, chỉ trụ tự tâm hiện lượng. Đây là cảnh giới tự giác, Như Lai cứu thế nói ra. Ấc kiến chẳng ưa là, chẳng phải cảnh giới của phàm phu và Thanh văn.

- CHỈ TRỪ SẠCH ĐỐN HAY TIỆM.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Huệ vì trừ sạch tự tâm hiện lưu, lại hỏi Như Lai, bạch Phật rằng: Thế Tôn! Làm sao trừ sạch tự tâm hiện lưu của tất cả chúng sanh, là đốn hay là tiệm?

Tự tâm hiện lưu, hiện là hiện hạnh, lưu là lưu chú, là tám thức hiện hạnh và lưu chú. Trước đã rõ cảnh giới vọng tưởng tự tâm hiện ra. Ở đây nói người đạt tự tâm hiện, có những hiện hạnh lưu chú làm phương tiện gì dạy khiến trừ sạch là đốn hay là tiệm. Đây là nói ra chánh trí trong năm pháp.

Phật bảo Đại Huệ: Tiệm tịnh chẳng phải đốn. Như trái yêm-la, tiệm chín chẳng phải đốn; Như Lai trừ sạch tự tâm hiện lưu của tất cả chúng sanh cũng lại như thế, tiệm tịnh chẳng phải đốn. Thí như thợ gốm làm các món đồ tiệm thành chẳng phải đốn. Như Lai trừ sạch tự tâm hiện lưu của tất cả chúng sanh cũng lại như thế, tiệm tịnh chẳng phải đốn. Thí như đại địa tiệm sanh muôn vật, chẳng phải đốn sanh. Như Lai trừ sạch tự tâm hiện lưu của tất cả chúng sanh cũng lại như thế, tiệm tịnh chẳng phải đốn. Thí như người học âm nhạc, hội họa, các thứ kỹ thuật tiệm thành chẳng phải đốn; Như Lai trừ sạch tự tâm hiện lưu của tất cả chúng sanh cũng lại như thế, tiệm tịnh chẳng phải đốn. Thí như gương sáng đốn hiện tất cả sắc tượng vô tướng, Như Lai trừ sạch tự tâm hiện lưu của tất cả chúng sanh cũng lại như thế, đốn hiện vô tướng không có cảnh giới thanh tịnh thật. Như vàng nhật nguyệt đốn chiếu hiển bày tất cả sắc tượng; Như Lai vì lìa tập khí lỗi lầm tự tâm hiện của chúng

sanh cũng như thế, đốn vì hiển bày cảnh giới trí tối thắng bất khả tư nghì. Thí như tàng thức đốn phân biệt biết tự tâm hiện và cảnh giới thân an lập thọ dụng; những Y Phật kia cũng lại như thế, đốn thành thực cảnh giới chỗ ở của chúng sanh, đem người tu hành để yên nơi cõi trời Sắc Cứu Kính. Thí như Pháp thân Phật hiện ra Y Phật (Báo Phật) hào quang sáng suốt, tự giác thánh thú cũng lại như thế, kia đối với pháp tướng có tánh, không tánh, ác kiến, vọng tưởng chiếu soi khiến trừ diệt.

Đốn, nhằm vào lý đốn ngộ đốn tu. Gồm đốn gồm tiệm nhằm chung Phật và chúng sanh. Trước mê chân thức, các tướng hư vọng, toàn thể đồng hiện chẳng theo thứ lớp. Thế nên, ngộ vọng không có nhân, đốn thấy chân như tự tánh không có tướng khởi diệt, các tâm hư vọng một lúc liền hết, cũng không có cấp bậc, đây là lý đốn ngộ đốn trừ. Kinh Hoa nghiêm về Thập trụ ở vị đầu dùng vô tác tam-muội tự thể ứng chân khách trần phiền não toàn không thể tánh. Chỉ có chân thể dụng, không tham sân si, hồn nhiên là Phật, có thể gọi là đốn ngộ đốn tu vậy. Song hạnh, hướng, địa giai cấp rõ ràng, kinh Viên Giác hai mươi lăm luân mở rộng phương tiện, mà nói rằng: “Chỉ trừ người đốn giác, cùng pháp chẳng tùy thuận”. Cho nên biết lý viên đốn Như Lai thấy rõ, căn cước của chúng sanh Như Lai cũng thấy rõ. Vì thế mà quyền thật gồm nêu, ba đời Như Lai đồng một pháp thức. Nhưng xét về bản hoài của Phật chỉ đốn chớ không tiệm, cũng y cứ tự tâm hiện lượng không có các pháp giả dối, pháp nhĩ như thế. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Giác mê thì mê diệt, giác chẳng sanh mê”. Kinh Pháp Hoa nói: “Chỉ có đạo Nhất thừa, phân biệt nói thành ba”. Đây là ý chỉ nhất định vậy. Như thí dụ gương sáng cùng vàng nhật nguyệt đốn hiện sắc tượng không tướng. Bởi

gương cùng nhật nguyệt có hai nghĩa không và minh, dụ Như Lai đốn chỉ bày trí tướng thanh tịnh bất tư nghi không thật có khiến chúng sanh biết tự tâm hiện lượng vốn tự không và minh, vốn không ô nhiễm, đồng thời đốn lìa tập khí lỗi lầm, chẳng do tiệm dẹp vậy. Liên dùng tàng thức đốn phân biệt biết căn thân khí giới do tự tâm hiện ra để ví dụ. Đây tức là nhật dụng của chúng sanh tâm biết hiện ra, vốn tự có trí dụng thanh tịnh như thế, một lúc chiếu liễu không có trước sau. Cho nên y Phật Như Lai ở cõi trời Sắc Cứu Kính đốn vì tất cả chúng sanh căn cơ thuần thực chẳng phiền dùng phương tiện. Lại lấy Pháp thân Phật hiện ra Y Phật (báo thân) làm dụ, đây là đến nghiệp dụng bất tư nghi của Như Lai, hào quang chiếu sáng. Khiến chúng tự giác thánh trí, là biết tự pháp thể hào quang chiếu sáng, đốn lìa tất cả ác kiến có, không, cũng không có sai biệt. Tóm lại, tánh thể thì sáng suốt, dụng có phân mê ngộ. Mê thì căn thân (chúng sanh) khí giới (thể giới) bỗng nhiên hiện tiền, không có cấp bậc. Ngộ thì Pháp thân, Báo thân, Hóa thân, cõi nước rất là đẹp đẽ, há nhờ tu ư? Chuyển mê làm ngộ thật có nhiều môn. Tức ngộ tức mê trọn không nói dạy. Do tiệm vào đốn cũng là việc bất đắc dĩ của Như Lai.

- CHỈ BA PHẬT NÓI TRÍ, NHƯ SAI BIỆT.

Này Đại Huệ! Pháp, Y Phật nói tất cả pháp vào tự tướng cộng tướng là nhân tập khí tự tâm hiện, là nhân vọng tưởng tự tánh chấp trước tương tục, các thứ chẳng thật như huyền, các thứ chấp trước không thể được.

Hiện tiền các pháp tự tướng, cộng tướng đều nhân tập khí chủng tử của tự tâm hiện ra, hay khởi hiện hạnh vọng tưởng tương tục chấp trước. Y tha chủng tử hiện ra các thứ như huyền, vọng chấp hiện hạnh sở chấp

các thứ không thể được. Đây là duyên khởi vô sanh, do mê được giác ngộ. Làm thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sanh là những lời dạy của Y Phật (Báo thân). Phạm Pháp Phật là tự tánh thanh tịnh giác. Tự tánh thanh tịnh giác này chúng sanh cùng Phật đều có đủ, mê thì toàn mê, ngộ thì toàn ngộ, chẳng do tri kiến chẳng nhờ công huân, tự tánh thiên nhiên vậy. Y Phật tức là Bát-nhã do Pháp thân lưu xuất. Vốn từ tự tánh sanh, lại chiếu nơi tự tánh, trang nghiêm thân độ gọi là Báo thân. Hóa Phật là tùy loại ứng hóa, khắp vào tất cả chỗ. Tự tánh thường tịch quang độ, là tự thọ dụng, chẳng phải chỗ người khác biết được. Báo Phật tha thọ dụng độ, cùng Bồ-tát Thập địa chung. Thánh phạm đồng cư tức là Hóa Phật độ, tùy loại đều nhập, chỗ thấy mỗi loài đều khác. Pháp thân Phật nói ra là tự tánh không nương. Y Phật (Báo Phật) nói ra là duyên khởi vô tánh. Hóa Phật tùy chỗ muốn, xem xét căn cơ, nói không có nhất định. Song cũng ước lượng lý nên lẫn thông, Pháp cùng Báo, Hóa chẳng phải ba chẳng phải một. Thân, độ lẽ như vậy, thuyết pháp cũng như thế. Về nhân quả cõi trời cõi người cũng có lý vô thượng chánh chân. Kinh Niết-bàn nói: “Có khi Như Lai nói về thế đế, mà người cho là đệ nhất nghĩa đế, có khi Như Lai nói đệ nhất nghĩa đế mà người cho là thế đế”. Lại tứ đế, tam thừa chung quán, đều không có nhất định.

Lại nữa, Đại Huệ! Chấp trước duyên khởi tự tánh, sanh tướng vọng tưởng tự tánh. Đại Huệ! Thí như các nhà huyền thuật nương cỏ cây ngói gạch tạo ra các thứ huyền hóa. Khởi tất cả chúng sanh, bao nhiêu hình sắc, khởi các thứ vọng tưởng. Các vọng tưởng kia cũng không chân thật.

Y duyên khởi tự tánh, khởi vọng tưởng tự tánh. Như nhà huyền thuật y cỏ cây ngói gạch v.v... hóa ra các

hình sắc. Khởi các vọng tưởng, duyên khởi đã huyền thì vọng tưởng thành đối.

Như thế, Đại Huệ! Y duyên khởi tự tánh, khởi vọng tưởng tự tánh, các thứ tâm vọng tưởng, các thứ tướng hành sự và tướng vọng tưởng, chấp trước tập khí vọng tưởng, ấy là tướng vọng tưởng tự tánh sanh. Đại Huệ! Ấy gọi là Y Phật thuyết pháp.

Y duyên khởi này mà tánh vọng chấp hiện. Đây là chỉ lý do sanh vọng tưởng ở trước mắt. Song xét về ban đầu, trước y tập khí từ vô thủy, duyên khởi hiện ra. Nên nói là “các thứ tâm vọng tưởng, các thứ tướng hành sự, tướng vọng tưởng”. Duyên khởi đã hiện lại hay dẫn phát tập khí, vọng tưởng tiếp nối. Cho nên nói “chấp trước tập khí vọng tưởng”. Đâu biết tập khí thủy do bất giác, duyên khởi này liền đó vô sanh. Rõ cảnh duy tâm, vọng tưởng không chỗ gá, từ Báo Phật nói.

Đại Huệ! Pháp Phật là tướng tâm tự tánh, tự giác cảnh giới sở duyên của thánh, dựng lập tạo tác.

Là tướng tâm tự tánh, là là tự tâm tương ứng với pháp tướng. Tướng tâm đã là thì giác thể liền hiện, không chủ, không y, chẳng phải tâm chẳng phải cảnh. Chỗ ngôn ngữ suy nghĩ dứt bật, chỉ người chứng mới biết, đây là Pháp Phật nói vậy.

Đại Huệ! Hóa Phật nói thí, giới, nhẫn, tinh tấn, thiền định và tâm trí tuệ, là ấm giới nhập, giải thoát thức tướng, phân biệt quán sát dựng lập, vượt hẳn kiến chấp ngoại đạo và kiến chấp Vô sắc.

Sáu pháp ba-la-mật dạy bảo Bồ-tát, là ấm giới nhập được môn giải thoát, ấy là nói chung của tam thừa, đều phân biệt thức tướng, dựng lập tự thông, chẳng đồng với ngoại đạo nhận thức làm tâm, khởi chấp Vô sắc giới về thức tướng.

Đại Huệ! Lại Pháp thân Phật, là phan duyên, phan

duyên lìa, tất cả tướng căn lượng sở tác diệt, chẳng phải các phàm phu Thanh văn, Duyên giác và ngoại đạo chấp trước ngã tướng và cảnh giới sở chấp. Tự giác thánh cứu kính sai biệt tướng dựng lập. Thế nên, Đại Huệ! Tự giác thánh cứu kính sai biệt tướng, phải siêng tu học, tự tâm hiện kiến chấp nên phải trừ diệt.

Lìa phan duyên, là lìa sở phan duyên; phan duyên lìa, là không có người lìa phan duyên. Năng sở đã lìa, thì tất cả căn lượng sở tác thảy diệt. Đây là tướng tự tâm hiện lượng cứu kính, chẳng đồng với phàm ngu ngoại đạo cảnh giới ngã tướng chấp trước. Tự tâm hiện kiến, là tướng tự tâm hiện ra, dùng tâm kiến tâm thì giác biến thành cảnh. Đây là tướng ngã, nên nói sai biệt cần phải trừ diệt. Lại bảo Pháp thân Phật nói, tự thể hợp chân, chẳng phải cảnh giới của Báo thân, Hóa thân Phật vậy.

- BIỆN VỀ NHỊ THỪA TỰ GIÁC THÁNH SAI BIỆT.

Lại nữa, Đại Huệ! Có hai hạng Thanh văn thừa chung phân biệt tướng. Nghĩa là được tướng tự giác thánh sai biệt, và tướng tánh vọng tưởng tự tánh chấp trước. Thế nào là Thanh văn được tướng tự giác thánh sai biệt? Nghĩa là đối cảnh giới vô thường, khổ, không, vô ngã được chân đế lìa dục tịch diệt, dứt ấm, giới, nhập, tự tướng, cộng tướng, không hoại tướng bên ngoài mà biết như thật. Tâm được dừng lặng, tâm dừng lặng rồi được thiền định, giải thoát, tam-muội đạo quả chánh thọ giải thoát chẳng lìa tập khí bất tư nghi biến dịch tử, được tự giác thánh lạc trụ Thanh văn. Ấy gọi là được tướng tự giác thánh sai biệt Thanh văn.

Đây là phân biệt hai hạng Thanh văn. Một, nhân chỗ sở đắc mà tiến lên; hai, chỉ pháp chấp kia mà chuyển, thảy vì Bồ-tát răn dạy. Sở đắc là được tự giác thánh trí. Hàng Thanh văn này ban đầu quán khổ, không, vô ngã, trụ nơi chân đế, do sức lìa dục vắng lặng hay dứt ấm, giới,

nhập, tự tướng, cộng tướng, chẳng hoại tướng bên ngoài mà biết như thật. Chẳng hoại tướng là, chân như thật tướng của tất cả pháp. Biết như thật là, như thật tướng mà biết, không có thấy nghe khác, nên nói là chân đế. Do tâm này được dừng lặng nên trụ cái vui thiền định giải thoát, bèn thành sai biệt. Tập khí là, tập khí từ vô thủy. Tập khí này chưa lìa thì không thể liền đó đảm đang được tám thức. Vẫn nhờ thiền tịch mà đổi thô thành diệu, ngoài tâm còn pháp chưa quên. Nhị thừa không thấy Phật tánh. Bồ-tát Thập trụ thấy Phật tánh một ít phần. Nghĩa là Nhị thừa định nhiều tuệ ít, tuy được tự giác thánh trí mà không biết trí thể vốn lặng, vọng thấy cái vui lặng lẽ. Bị cái lặng lẽ làm chướng, nên nói chẳng thấy. Bồ-tát Thập trụ tuệ nhiều định ít, bởi ban đầu thấy tự giác thánh trí, trí tướng minh liễu, nơi trí thể vốn lặng lẽ chưa được tròn suốt, nên nói thấy ít phần. Chẳng phải nói ngoài thánh trí, lại phải nhờ thiền tịch dùng để quân bình. Song đây là thông hay biệt? Nếu đứng về Hoa Nghiêm Viên tông thì vị đầu trong Thập trụ, cùng Phật không khác, nên lý ượng thấy rõ ràng. Đây là chỗ sai biệt vi tế phải nên xét kỹ. Văn sau thiết tha răn Bồ-tát chớ trụ cái vui tự giác thánh trí của Thanh văn, chính nói ý này vậy.

Đại Huệ! Đại Bồ-tát được tự giác thánh sai biệt lạc trụ, chẳng phải diệt môn lạc. Chính khi thọ lạc vẫn đoái hoài thương xót chúng sanh và nhớ bản nguyện, không khởi chứng. Đại Huệ! Ấy gọi là Thanh văn được tự giác thánh sai biệt tướng lạc, đại Bồ-tát đối với kia được tự giác thánh sai biệt tướng lạc, chẳng nên tu học.

Đây là Thanh văn tự giác sai biệt tướng tất cả tịch lạc, Bồ-tát cũng có, song do bản nguyện phát khởi mà không thủ chứng. Phật răn Bồ-tát chẳng nên tu học, là vì Bồ-tát nhập tự giác sai biệt tướng lạc, dễ bị chìm lịm

nơi ấy.

Đại Huệ! Thế nào là Thanh văn tướng tánh vọng tướng tự tánh chấp trước? Nghĩa là đại chủng xanh vàng đỏ trắng, cứng ướt ấm động, chẳng phải tạo tác mà sanh, tự tướng, cộng tướng, Tiên Thắng (Phật) khéo nói.

Thấy rồi, nơi kia khởi tự tánh vọng tướng. Đại Bồ-tát đối với kia nên biết nên xả, tùy nhập pháp vô ngã tướng, diệt nhân vô ngã tướng và kiến, thứ lớp các địa tiếp nối dựng lập. Ấy gọi là các Thanh văn tướng tánh vọng tướng tự tánh chấp trước.

Tánh vọng tướng tự tánh chấp trước là, chấp có pháp tự tánh mà khởi chấp trước. Thanh văn tuy biết đại chủng xanh vàng đỏ trắng các pháp, chẳng phải có tác giả, không đồng với ngoại đạo tà kiến. Nhưng thấy Phật trước phân biệt các pháp tự tướng cộng tướng, tất cả kinh điển nói cho là thật có, bèn thành pháp chấp. Cho nên Bồ-tát đối chỗ này phải lìa nhân vô ngã tướng vào pháp vô ngã, thứ lớp tiến lên các địa.

-BIỆN ĐẠT ĐƯỢC THÁNH TRÍ THƯỜNG BẤT TƯ NGHÌ.

Khi ấy, đại Bồ-tát Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn! Thế Tôn nói cảnh giới thường bất tư nghĩ tự giác thánh thú và cảnh giới đệ nhất nghĩa. Thế Tôn! Chẳng phải các ngoại đạo nói nhân duyên thường bất tư nghĩ ư?

Đây là đem tự giác thánh thú đệ nhất nghĩa thường bất tư nghĩ, cùng với ngoại đạo thường bất tư nghĩ có tác giả, muốn Phật giải thích sự sai biệt của hai bên.

Phật bảo Đại Huệ: Chẳng phải ngoại đạo có nhân duyên mà được thường bất tư nghĩ. Vì có sao? Vì ngoại đạo thường bất tư nghĩ không nhân tự tướng thành.

Nếu thường bất tư nghĩ không nhân tự tướng thành thì nhân đâu hiển bày thường bất tư nghĩ? Lại nữa, Đại Huệ! Bất tư nghĩ nếu nhân tự tướng thành thì tất phải

thường. Bởi vì tác giả làm nhân tướng nên thường bất tư nghi chẳng thành.

Như Lai bất tư nghi nhân tự tướng thành, cho nên thường. Tự tướng là tự tâm hiện lượng. Tự tâm hiện lượng này, tuy ở vị mê mà vẫn chẳng đoạn, chỉ vì khách trần che lấp, tạm thời bất giác, nếu giác tức là thường trụ. Chẳng đồng tác giả do vọng chấp mà có. Đây là không phải do thật nhân không có chỗ hiển bày, cho nên thường bất tư nghi chẳng thành.

Đại Huệ! Đệ nhất nghĩa thường bất tư nghi của ta, đệ nhất nghĩa nhân tướng thành, là tánh phi tánh, được tự giác tướng, nên có tướng. Đệ nhất nghĩa trí nhân, nên có nhân. Vì là tánh phi tánh, thí như vô tác hư không, Niết-bàn, diệt tận, nên thường. Như thế, Đại Huệ!

Chẳng đồng với luận thường bất tư nghi của ngoại đạo. Như thế, Đại Huệ! Thường bất tư nghi này chứ Như Lai tự giác thánh trí nhận được. Như thế, nên thường bất tư nghi tự giác thánh trí nhận được, nên phải tu học.

Đây là hiển bày đệ nhất nghĩa nhân tướng để thấy khác với ngoại đạo. Là tánh phi tánh là, là tướng có và không. Được tự giác tướng, tự giác là bản giác, tướng là thể tướng. Cho nên có tướng là, bản giác này thật có thể tướng, chẳng phải là hư vọng. Đệ nhất nghĩa trí, tức là trí thủy giác. Do bản giác có thủy giác, do thủy giác biết bản giác, bản giác và thủy giác hiệp một, che trùm tương ưng, lấy đó làm nhân, là đệ nhất nghĩa trí nhân, là tất cả lỗi có, không... Như ba thứ vô vi là pháp chân tịch diệt, không có hý luận, nên lấy đó làm thí dụ.

Thường bất tư nghi này chẳng đồng với ngoại đạo. Chứ Như Lai tự giác thánh trí nhận được, nên phải tu học.

Lại nữa, Đại Huệ! Thường bất tư nghi của ngoại đạo là vô thường tánh, vì dị tướng nhân; chẳng phải sức tự tác nhân tướng, nên thường. Lại nữa, Đại Huệ! Thường bất

tư nghi của các ngoại đạo, đối sở tác tánh phi tánh vô thường, thấy rồi suy nghĩ chấp là thường.

Đây nói ra thường bất tư nghi của ngoại đạo là vọng tưởng chấp. Nghĩa là thường bất tư nghi của ngoại đạo là vô thường dị tướng mà chấp là thường, chẳng phải thật có tự tánh nói là thường. Sao nói vô thường dị tướng chấp là thường? Bởi vì ngoại đạo thấy tất cả việc làm ra thuộc hai tướng có, không vô thường rồi, liền nơi đây tạo ra cảnh giới bất tư nghi suy nghĩ chấp là thường. Đây là vọng tưởng nhân, chẳng phải chân nhân.

Đại Huệ! Ta cũng dùng nhân duyên như thế, việc làm ra tánh phi tánh vô thường, thấy rồi tự giác cảnh giới thánh, nói kia thường không nhân. Đại Huệ! Nếu các ngoại đạo nhân tướng thành thường bất tư nghi, nhân tự tướng là tánh phi tánh đồng với sùng thờ. Thường bất tư nghi này chỉ là ngôn thuyết vọng tưởng. Các bạn ngoại đạo có lỗi như thế. Vì có sao? Vì chỉ có ngôn thuyết vọng tưởng đồng với sùng thờ, tự nhân tướng chẳng có phần.

Như Lai cũng đối với việc làm ra hai tướng có, không, thấy vô thường rồi, nhưng chẳng ở nơi đây khởi chấp thường bất tư nghi. Vì có tự giác cảnh giới thánh, vượt ngoài suy nghĩ ngôn thuyết, nên nói kia thường vô nhân. Ngoại đạo chấp thường tự tướng chẳng thật, đồng với sùng thờ, chỉ có ngôn thuyết, nên nói tự nhân tướng chẳng có phần. Nghĩa là Như Lai tự giác nhân tướng, chẳng phải họ có phần.

Đại Huệ! Thường bất tư nghi của ta vì nhân tự giác được tướng, lìa tánh sở tác và phi tánh, nên thường; chẳng phải ngoại đạo tánh phi tánh vô thường suy nghĩ chấp là thường. Đại Huệ! Nếu ngoại đạo tánh phi tánh vô thường mà suy nghĩ chấp là thường, họ không biết

được tướng thường bất tự nghi tự nhân. Họ cùng cảnh giới tự giác thánh trí cách xa nhau, nên không ưng nói. Đây lại nói rõ Như Lai thường bất tự nghi do tự giác thánh trí làm nhân, chẳng phải dùng việc làm ra bên ngoài hai tướng có không vô thường chấp thường làm nhân. Ngoại đạo chẳng biết nhân tướng tự giác, nên chẳng ngay nơi nhân tướng tự giác ở trong tự chứng nhận, mà chấp trước nhân bên ngoài, đây là lý do cách nhau rất xa.

- BIỆN NHỊ THỪA BỎ VỌNG CẦU CHÂN.

Lại nữa, Đại Huệ! Các Thanh văn sợ sanh tử vọng tưởng khổ mà cầu Niết-bàn. Chẳng biết sanh tử Niết-bàn sai biệt tất cả tánh, vọng tưởng phi tánh. Sau rồi cảnh giới các căn thô dút, khởi tưởng Niết-bàn. Chẳng phải nơi tự giác thánh trí thú, tàng thức chuyển. Thế nên phàm ngu nói có ba thừa, nói tâm lượng thú hướng không thật có. Thế nên, Đại Huệ! Kia chẳng biết quá khứ vị lai hiện tại đều là cảnh giới tự tâm hiện của chư Như Lai, chấp trước cảnh giới ngoài tâm hiện, vòng sanh tử thường xoay.

Đây lại do Thanh văn chấp có Niết-bàn, để rõ những cái thấy ngoài tâm đều là vọng tưởng. Thanh văn sợ sanh tử vọng tưởng mà cầu Niết-bàn, chẳng biết sanh tử Niết-bàn tánh nó không hai. Thấy có sai biệt, đều là vọng tưởng chấp, chẳng phải thật tánh. Nghĩa là rõ tam giới sanh nhân, căn cảnh vị lai thô dút, khởi tưởng Niết-bàn. Chẳng phải chứng đến chỗ tự giác thánh trí, chuyển tàng thức làm Niết-bàn. Đây là phàm ngu chỉ nói ba thừa mà chẳng nói duy tâm tịch diệt. Chẳng biết quá khứ vị lai hiện tại đều là Như Lai tự tâm hiện ra, cho là có cảnh giới ngoài tâm, vọng sanh thủ xả, vẫn thuộc luân chuyển sanh tử.

Lại nữa, Đại Huệ! Tất cả pháp chẳng sanh, là quá khứ

vị lai hiện tại chư Phật nói ra. Vì có sao? Vì tự tâm hiện tánh phi tánh, lìa hữu phi hữu mà sanh. Đại Huệ! Tất cả tánh chẳng sanh, tất cả pháp như sừng thỏ, ngựa v.v... vì phàm phu ngu si chẳng giác tự tánh vọng tưởng nên vọng tưởng. Đại Huệ! Tất cả pháp chẳng sanh, cảnh giới tự giác thánh trí thú, tất cả tánh tự tánh tướng chẳng sanh. Chẳng phải hai cảnh giới vọng tưởng của ngu phu kia, tự tánh thân tài dụng lập thú tự tánh tướng. Đại Huệ! Tầng thức tướng năng sở nhiếp sở nhiếp chuyển. Ngu phu rơi vào hai kiến chấp sanh, trụ, diệt, hy vọng tất cả tánh sanh, hữu và phi hữu vọng tưởng sanh, chẳng phải thánh hiền... Đại Huệ! Đối với kia nên phải tu học.

Lại nêu lên tất cả pháp chẳng sanh để chỉ bày yếu chỉ tự giác cùng tột. Đây là ba đời chư Phật nói ra. Pháp do tâm hiện nên pháp không tự tánh. Pháp không tự tánh thì không rơi vào có, không. Chẳng rơi vào có, không thì sanh tánh trước mắt ví như sừng thỏ. Chỉ theo vọng tưởng nên tất cả tánh có. Nếu theo tự giác thì tất cả pháp không. Ý nơi căn thân (chúng sanh) khí giới (thế giới) mà khởi hy vọng năng sở hữu vô, đều là ngu si chấp, chẳng phải thánh hiền. Mới biết theo tầng thức trôi lăn thì có không trong mộng rõ ràng. Đạt cảnh giới thánh trí thì năng sở trong gương liền không. Cởi chúng mê nơi tự giác, hội muôn pháp về một tâm. Cho nên hay lìa được tự tánh lông rùa, dứt sanh nhân của sừng thỏ. Đây là chỗ phàm thánh phân chia, do giác mê mà khu biệt.

- CHỈ RA CHỨNG TÁNH VỌNG TƯỞNG TRÍ, NHƯ SAI BIỆT.

Lại nữa, Đại Huệ! Có năm vô gián chứng tánh. Thế nào là năm? Nghĩa là Thanh văn thừa vô gián chứng tánh, Duyên giác thừa vô gián chứng tánh, Như Lai thừa vô

gián chủng tánh, bất định chủng tánh, các biệt chủng tánh.

Dựng lập chủng tánh để tột chỗ sai biệt của thánh trí, đều có thể chuyển làm cứu kính. Vô gián là pháp tánh không gián đoạn, mà chủng tử và hiện hạnh mỗi loại có khác. Do chủng tử vô thủy huân cùng hiện hạnh tạo tập mà thành chủng tánh. Chủng là chủng loại, một loại có đồng và biệt. Tánh là giúp cho tánh, y nơi chủng mà trụ, nên nói “tập dữ tánh thành”. Năm chủng tuy khác mà đồng một pháp tánh. Kinh Niết-bàn nói “Xiển-đề đều có Phật tánh, nếu hay phát lòng tin thì không gọi là xiển-đề”.

Thế nào là biết Thanh văn thừa vô gián chủng tánh? Nếu khi nghe nói được âm giới nhập tự tánh cộng tướng đoạn liền biết, toàn thân lông dựng lên, an ổn vui mừng và ưa tu tướng trí, chẳng tu tướng duyên khởi phát ngộ, ấy gọi là Thanh văn thừa vô gián chủng tánh. Thanh văn vô gián thấy đệ bát địa, khởi phiền não đã dứt, còn tập phiền não chưa dứt, không qua khỏi được bất tư nghì biến dịch tử, đã qua phần đoạn tử. Khi ấy như sự tử rống nói “Ta sanh đã hết, phạm hạnh đã xong, chẳng thọ thân sau, biết như thật, tu tập nhân vô ngã, cho đến được giác, nhập Niết-bàn”.

Đoạn liền biết là, đoạn âm giới nhập tự tướng cộng tướng liền được chứng biết. Ưa tu tập tướng trí là, nơi tướng thế gian tu trí giải thoát, nơi tướng xuất thế gian tu trí thiền định. Duyên khởi phát ngộ là, quán duyên khởi vô sanh mà ngộ. Vô gián Thanh văn thấy đệ bát địa, kinh Hoa Nghiêm nói “Bát địa chứng ngã không chân như, chẳng khởi diệt định, mười phương Như Lai đồng âm khuyến phát, bảo : Tam-muội của ông Nhị thừa cũng được”. Cho nên vô gián Thanh văn thấy chỗ chứng của mình đồng với đây vậy. Khởi phiền não là,

hiện hạnh. Tập phiền não là, chủng tử. Nhị thừa đoạn hiện hạnh mà chẳng đoạn chủng tử. Qua phần đoạn tử, chưa qua biến dịch tử. Nhân vô ngã là, nhân tướng của Nhị thừa. Nhập Niết-bàn là, quả tướng của Nhị thừa. Đại Huệ! Các biệt vô gián là, ngã nhân chúng sanh thọ mạng trường dưỡng sĩ phu. Các chúng sanh kia khởi giác như thế cầu vào Niết-bàn. Lại có ngoại đạo khác nói thầy do tác giả, thấy tất cả tánh rồi, nói đây là vào Niết-bàn. Khởi giác như thế, đối với pháp vô ngã thấy họ vô phần, họ không có giải thoát. Đại Huệ! Đây là chư Thanh văn thừa vô gián ngoại đạo chủng tánh, chẳng xuất mà tưởng là xuất. Vì chuyển ác kiến cho những người này nên phải tu học.

Các biệt này tức ở sau nói nhất-xiển-đề. Hiểu biết ngã nhân thọ mạng v.v... là, nhận tướng ngã trong năm uẩn. Tác giả là, riêng có tác giả làm sanh nhân, tức là dị nhân. Ngoại đạo này chẳng biết duy tâm, vọng cho có cảnh bị biết. Phạm ngoài tâm mà thấy có Niết-bàn thì cùng chánh pháp xa nhau, đều gọi là xiển-đề, đối với pháp vô ngã họ không phần. Thế nên biết, Thanh văn cùng ngoại đạo đều chẳng phải giải thoát mà khởi tưởng giải thoát. Cho nên nói chẳng xuất mà tưởng là xuất. Cần chuyển tà kiến kia nên phải tu học.

Đại Huệ! Duyên giác thừa vô gián chủng tánh, nếu nghe nói mỗi cái duyên khác vô gián, toàn thân lông dựng lên, rơi lệ đầm dề, duyên chẳng gần nhau, có chỗ chẳng chấp các thứ tự thân, các thứ thần thông, hoặc ly hoặc hiệp, các thứ biến hóa. Khi nghe nói lời ấy, tâm họ tùy nhập. Nếu biết họ là Duyên giác thừa vô gián chủng tánh rồi, tùy thuận vì họ nói Duyên giác thừa. Ấy gọi là tướng Duyên giác thừa vô gián chủng tánh.

Duyên giác quán mười hai nhân duyên mà được đạo. Mười hai nhân duyên ba đời xoay quanh, nên nói vô

gián. Duyên chẳng gần nhau có chỗ chẳng chấp, đây nói họ tin chắc rất thâm thiết. Duyên giác độ sanh phần nhiều dùng sức thần thông, chẳng dùng lời nói. Đây là đối trị cảnh giới chúng sanh, mà chẳng phải chính là cảnh giới chúng sanh, lấy làm cảnh giới bất tư nghi, đó là lý do cùng đại thừa sai biệt.

Đại Huệ! Như Lai thừa vô gián chủng tánh kia có bốn thứ: 1) Tự tánh pháp vô gián chủng tánh, 2) Ly tự tánh pháp vô gián chủng tánh, 3) Đặc tự giác thánh vô gián chủng tánh, 4) Ngoại sát thù thắng vô gián chủng tánh. Đại Huệ! Nếu người nghe bốn việc này, khi nói mỗi thứ, và khi nói tự tâm hiện thân tài kiến lập cảnh giới bất tư nghi, tâm không kinh sợ, ấy gọi là tướng Như Lai thừa vô gián chủng tánh.

Tự tánh pháp là, pháp thân Như Lai. Ly tự tánh pháp là, giải thoát Như Lai. Tự giác thánh là, Bát-nhã trí Như Lai. Ngoại sát thù thắng là, hóa thân; có đại hóa và tùy loại hóa, mỗi thứ có hiện cõi nước. Như Lai tự giác thánh trí chứng được, thấy tự tâm hiện ra tất cả chúng sanh thế giới, lià ngôn ngữ và suy nghĩ, bất khả tư nghi, nghe lời này mà chẳng sanh kinh sợ thì biết kẻ ấy là pháp khí Phật thừa.

Đại Huệ! Bất định chủng tánh là, khi nói ba chủng tánh kia, tùy nghe nói mà vào, tùy kia mà thành. Đại Huệ! Đây là sơ trị địa, là chủng tánh kiến lập, vì tiến lên vào vô sở hữu địa, tạo ra kiến lập ấy. Kia tự giác tàng, tự phiền não tập sạch, thấy pháp vô ngã, được tam-muội ưạ trụ Thanh văn, sẽ được thân tối thắng Như Lai.

Bất định là, trước kia không có chủng tập các thừa, cho nên hay tùy nói mà vào. Nói chủng tánh sai biệt vốn vì người mới vào Bồ-tát địa, khuyên họ tiến lên cứu kính, chẳng để họ rơi vào quyền tiểu, mà lại khuyến dụ quyền tiểu phát tâm đại thừa. Chẳng phải bảo chủng tánh

quyết không thể dời đổi vậy. Tàng tức là tàng thức.
Nghĩa là hay chứng biết thức thứ tám là Như Lai tàng
thì, khi phiền não tập kia được sạch tự nhiên thấy được
pháp vô ngã, tuy ưa trụ tam-muội của Thanh văn, đều
có thể được thân tối thắng Như Lai.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nói kệ:

Quả Tu-đà-bàn-na

Vãng lai và Bất hoàn

Đến được A-la-hán

Ấy thầy tâm hoặc loạn.

Tu-đà-bàn-na dịch là nhập lưu, sơ quả mới vào dòng
thánh. Vãng lai là nhị quả, tư hoặc chưa hết lại phải một
phen qua cõi trời, một lần trở lại nhân gian mới vào
Niết-bàn. Bất hoàn là tam quả, chín phẩm tư hoặc đã
hết, lại chẳng trở lại Dục giới. A-la-hán dịch là Vô học, là
quả thứ tư, bốn trí đã tròn không còn pháp gì phải học.
Những vị này đều sợ sanh tử khổ mà cầu Niết-bàn, ái
tập chưa hết nên nói là hoặc loạn.

Tam thừa cùng Nhất thừa

Phi thừa ta đã nói

Ngu phu ít trí tuệ

Chư thánh xa lìa tịch.

Tam thừa là, Thanh văn, Duyên giác, bất định. Nhất
thừa là, Như Lai thừa. Phi thừa là, các biệt, thầy vì ngu
phu ít trí. Chư thánh lìa tịch muốn kia chóng xả sai biệt
vậy.

Pháp môn đệ nhất nghĩa

Xa lìa nơi nhị giáo

Trụ nơi vô sở hữu

Sao dựng lập ba thừa.

Pháp đệ nhất nghĩa, duy một chân thật không có hai và
ba. Tức nơi tự tánh không sự, nên nói trụ nơi vô sở
hữu.

Chư thiên vô lượng thảy
 Vô sắc tam-ma-đề
 Thọ tướng đều tịch diệt
 Cũng không có tâm lượng.

Chư thiên là tứ thiên. Vô lượng là tứ vô lượng tâm. Vô sắc là Vô sắc định. Tam-ma-đề là đẳng trì tam-muội. Diệt thọ tướng là Vô tướng cùng Diệt tận định. Đây riêng bày duy tâm, nên nói tất cả đều không.

- CHỈ VỌNG TƯỚNG, TRÍ, NHƯ BÌNH ĐẲNG ĐỂ HIỆN BÀY XIỂN-ĐỀ PHẬT TÁNH CHẲNG ĐOẠN.

Đại Huệ! Nhất-xiển-đề kia, phi nhất-xiển-đề, thế gian giải thoát ai chuyển? Đại Huệ! Nhất-xiển-đề có hai thứ: 1) Bỏ tất cả thiện căn và nơi vô thủy chúng sanh phát nguyện. Thế nào bỏ tất cả thiện căn? Nghĩa là chê bai Bồ-tát tạng và nói lời ác “Đây không phải nói theo kinh điển giải thoát” vì bỏ tất cả thiện căn nên không được vào Niết-bàn.

Xiển-đề này tức là các biệt chủng tánh ở trước. Nói xiển-đề mà kèm nói Bồ-tát phương tiện, là khiến biết Bồ-tát thương xót chúng sanh tùy loại mà hiện để nhiếp hóa người đồng sự. Thế gian giải thoát ai chuyển, là không có Niết-bàn. Đây là chỉ chung cho hai thứ, căn cứ theo duy tâm mà nói, nên đều có thể nói: Phi nhất-xiển-đề. Nếu phân biệt hai thứ thì bỏ tất cả thiện căn là không tin tự tâm. Chê bai Bồ-tát tạng là trái với thành Niết-bàn. Thương xót chúng sanh phát nguyện chẳng nhập, là vì thâm đạt tự tâm chớ không phải không tánh Niết-bàn, chẳng khá nói lẫn lộn.

2) Bồ-tát vì tự nguyện phương tiện xưa, chẳng phải chẳng vào Niết-bàn, vì tất cả chúng sanh mà vào Niết-bàn. Đại Huệ! Kia vào Niết-bàn, ấy gọi là chẳng vào pháp tướng Niết-bàn. Đây cũng đến cõi nhất-xiển-đề. Đây là thương xót chúng sanh chẳng vào Niết-bàn, vì tự

nguyện phương tiện. Chẳng phải chẳng vào Niết-bàn, là thấy chúng sanh đã vào Niết-bàn, vì không giác biết luống chịu luân chuyển. Vì thương xót họ mà chẳng khởi chứng, ấy cũng đến cõi nhất-xiển-đề.

Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Trong đây vì sao cứu kính chẳng vào Niết-bàn? Phật bảo Đại Huệ: Bồ-tát nhất-xiển-đề, biết tất cả pháp xưa nay đã vào Niết-bàn cứu kính chẳng vào Niết-bàn, mà chẳng phải như nhất-xiển-đề bỏ tất cả thiện căn. Đại Huệ! Nhất-xiển-đề bỏ tất cả thiện căn, lại nhờ thần lực Như Lai, có khi thiện căn sanh. Vì có sao? Vì Như Lai chẳng bỏ tất cả chúng sanh. Vì lẽ đó, Bồ-tát nhất-xiển-đề chẳng vào Niết-bàn. Tất cả pháp xưa nay đã Niết-bàn cứu kính chẳng vào Niết-bàn là, các pháp như như, không có tướng mình người, không có tướng ngôn thuyết. Chứng tự giác thánh thú là, thấy tự tâm hiện ra thân tài kiến lập, thấy là cảnh giới bất khả tư nghì. Nhưng cảnh giới này mỗi người đầy đủ, chỉ do bất giác không thể chứng biết, bèn thành thế đế lưu bố. Cho nên nhất-xiển-đề bỏ tất cả thiện căn, do thần lực Như Lai có khi thiện căn sanh. Đây tuy là bản nguyện của Như Lai, cũng do Phật tánh chẳng dứt, trong ngoài huân phát, thật có nhân duyên. Bồ-tát xiển-đề do đó chẳng vào Niết-bàn.

b-Nói về ba tự tánh.

Lại nữa, Đại Huệ! Đại Bồ-tát phải rành về ba tự tánh. Thế nào là ba tự tánh? Nghĩa là vọng tưởng tự tánh, duyên khởi tự tánh, thành tự tánh.

Đây là đáp câu hỏi về ba tự tánh. Tự tánh cũng nói là thể tánh. Khéo biết ba thứ thể tánh, liền hay từ duyên khởi đạt được biến kế, trở về viên thành, chỉ một sát-na.

Đại Huệ! Vọng tưởng tự tánh từ tướng sanh. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Tại sao vọng tưởng tự tánh từ

tướng sanh? Phật bảo Đại Huệ: Tướng duyên khởi tự tánh sự tướng, tướng hành hiển hiện sự tướng, chấp trước có hai thứ vọng tưởng tự tánh. Như Lai ứng cúng đấng chánh giác kiến lập: Danh tướng chấp trước tướng, sự tướng chấp trước tướng. Danh tướng chấp trước tướng là, nói chấp trước các pháp trong ngoài. Sự tướng chấp trước tướng tức là, kia chấp trước tự tướng cộng tướng trong ngoài như thế. Ấy gọi là hai thứ tướng vọng tưởng tự tánh. Hoặc y hoặc duyên sanh, ấy là duyên khởi.

Vọng tưởng tự tánh từ tướng sanh. Tướng này là hai thứ tướng duyên khởi, tức là danh tướng của năm pháp. Tự tánh sự là danh. Hành hiển sự là tướng. Như nhân bình được tên bình, nhân trong bình trống chứa nước được tướng cái bình. Do đây khởi chấp trước tên bình tướng bình, hai thứ vọng tưởng. Ấy gọi là hai thứ vọng tưởng tự tánh tướng. Pháp trong ngoài, tức là trong uẩn và ngoài uẩn tất cả căn trần, nên nói chấp danh. Pháp tự tướng cộng tướng trong ngoài, gọi là chấp tướng. Đâu biết chấp trước chưa sanh, danh tướng do ai lập? Suy hai tướng duyên khởi không nhân, ngộ tự tánh vọng tưởng là do chấp thì đạt được như như, thành tựu trí viên thành nào đợi gì khác.

Thế nào là thành tự tánh? Nghĩa là lìa vọng tưởng danh, tướng và sự tướng, thánh trí đã được và tự giác thánh trí thú cảnh giới sở hành. Ấy gọi là thành tự tánh Như Lai tàng tâm.

Đây nói thành tự tánh, cũng chẳng vượt ngoài đạt được danh tướng là như như, rõ vọng tưởng là chánh trí. Thánh trí đã được là chánh trí. Tự giác thánh trí thú cảnh giới sở hành là như như. Nghĩa là lìa danh tướng vọng tưởng, do trí nhập như, bản giác thủy giác hiệp một, ấy gọi là thành tự tánh Như Lai tàng tâm.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nói kệ rằng:

Danh tướng giác tướng

Tự tánh hai tướng

Chánh trí như như

Ấy là thành tướng.

Đại Huệ! Ấy gọi là kinh Quán Sát Ngũ Pháp Tự Tánh Tướng, tự giác thánh trí đến cảnh giới sở hành. Các ông những đại Bồ-tát nên phải tu học.

Nhân quán sát năm pháp mà được cảnh giới thật tướng của ba tự tánh. Đây phi tự giác thánh trí không thể chứng biết, viên thành hạnh kia. Đây là chỗ thánh lạc hạnh. Bồ-tát phải nên tu học.

c- Nói về hai vô ngã.

- NÓI VỀ NHÂN VÔ NGÃ.

Lại nữa, Đại Huệ! Đại Bồ-tát phải khéo quán hai thứ tướng vô ngã. Thế nào là hai tướng vô ngã? Là nhân vô ngã và pháp vô ngã. Thế nào là nhân vô ngã? Là lìa ngã và ngã sở, ám giới nhập hợp, vô minh nghiệp ái sanh. Nhãn sắc v.v... nhiếp thọ chấp trước sanh thức, tất cả các căn tự tâm hiện. Thế giới chúng sanh là tướng tự vọng tưởng của tàng thức thành lập hiển bày. Như dòng sông, như chũng tử, như đèn, như gió, như mây, sát-na lần lượt hoại. Thô động như khí vượn, ưa chỗ bất tịnh như ruồi lằng, không nhằm chán như gió thổi lửa. Nhân tập khí hư ngụy từ vô thủy như bánh xe đạp nước. Sanh tử lăn lộn trong các cõi, thọ các thứ thân sắc. Như huyền thuật, thần chú, máy động hình đi. Khéo biết tướng kia gọi là trí nhân vô ngã.

Đây là đáp câu hỏi về nhân vô ngã. Bởi chấp ám giới nhập hợp thật có ngã sở, thành tướng nhân ngã. Nếu lìa ngã và ngã sở thì ám giới nhập liền đó không nhân (người). Vô minh nghiệp ái sanh, đây là nói chỗ sanh

khởi ban đầu của ám giới nhập. Bèn có nhãn v.v... các thức, nhiếp thọ tất cả sắc v.v... Song tất cả chúng sanh thế giới đều tự tâm hiện, do tàng thức hư vọng lập bày, chẳng có thật thể. Dòng sông v.v... năm dụ để nói sát-na biến hoại. Khỉ vượn v.v... ba dụ để nói mê làm cuồng vọng. Do cái hư vọng từ vô thủy này mà luân chuyển sanh tử, như bánh xe đạp nước xoay vùn chẳng dừng. Lại nói thân sắc như huyền thuật, thần chú, máy động hình đi, là nói trong thân năm uẩn thật không có chủ thể. Nhị thừa tuy biết lìa ngã ngã sở chứng nhân vô ngã, mà chẳng biết do tàng thức lập bày, đều là tự tâm hiện, nên không thể ngay đây mà phát minh cảnh giới bất tự nghi. Nhân vô ngã này chính là đệ nhất nghĩa trí nhận được.

- NÓI VỀ PHÁP VÔ NGÃ.

Thế nào là pháp vô ngã trí? Nghĩa là giác ám giới nhập tướng vọng tưởng tự tánh. Như ám giới nhập lìa ngã và ngã sở. Ám giới nhập chứa nhóm, nhân nghiệp ái ràng buộc, lần lượt duyên nhau sanh, không điều động, các pháp cũng vậy. Là tướng vọng tưởng, sức vọng tưởng tự tướng cộng tướng chẳng thật. Đây là phàm phu sanh, chẳng phải thánh hiền. Vì tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh là. Đại Huệ! Đại Bồ-tát phải khéo phân biệt tất cả pháp vô ngã.

Pháp ám giới nhập vốn không tự tánh, do tướng vọng tưởng mà làm tự tánh. Chính nơi đây giác biết liền lìa ngã sở. Đã có vô minh phát nghiệp, ái thủ tiếp nối, lần lượt duyên sanh mà lý bản trụ (chân tánh) vẫn không điều động. Mới biết tất cả các pháp tự tướng cộng tướng đều là. Bởi do vọng tưởng hư vọng vọng thấy có tướng làm tăng trưởng sức vọng, phàm phu mê chấp chẳng đạt được nguồn cội pháp. Chân như không tánh, tâm pháp đồng nguồn, bờ cõi vọng phân không thể gạn cùng. Nếu đạt vọng tưởng do nơi bất giác, mới rõ muôn

pháp cứu kính như như. Tâm, ý, ý thức bất giác như không hoa đầu cần trừ dẹp. Năm pháp ba tánh như như, thể lặng lẽ nào nhọc chuyển biến. Phạm phu vọng có, Nhị thừa phân tích thành không, đều thành pháp chướng. Đây vẫn chẳng nói không ám giới nhập, mà nói như ám giới nhập. Về tự tâm hiện lượng không thể dùng trí mà biết.

Khéo rành pháp vô ngã, đại Bồ-tát chẳng bao lâu sẽ được sơ địa. Bồ-tát vô sở hữu quán tướng địa, quán sát khai giác Hoan Hỷ, thứ lớp tiến lên vượt đến tướng cửu địa, được Pháp Vân địa. Nơi kia dựng lập vô lượng bảo trang nghiêm, hoa sen báu lớn, voi chúa, cung điện báu lớn, cảnh giới huyễn tự tánh do tu tập sanh. Ngồi nơi kia đồng một loại với các vị Tối thắng tử, quyền thuộc vây quanh. Từ tất cả cõi Phật đến, Phật lấy tay làm phép quán đảnh, như thái tử con vua Chuyển luân làm phép quán đảnh. Vượt địa vị phật tử, đến tự giác thánh trí pháp thú, sẽ được pháp thân tự tại Như Lai, vì thấy pháp vô ngã. Ấy gọi là tướng pháp vô ngã, đại Bồ-tát các ông phải nên tu học.

Vô sở hữu cùng Hoan Hỷ đều là tướng sơ địa. Pháp Vân là thập địa. Từ địa này hiện ra cõi nước đều là cảnh giới tự tánh huyễn, do vì tu sanh. Đến vượt Phật tử địa mới đến tự giác thánh thú. Nếu đạt tự tâm hiện thấy thân tài dựng lập đều là cảnh giới bất tự nghi. Chóng vào tự giác thánh thú liền vượt lên các địa, trong sát-na chứng biết chẳng do thứ lớp, mới biết pháp chân vô ngã.

-CHỈ THIỆN PHÁP VÔ NGÃ.

+ LÀ DỰNG LẬP PHỈ BÁNG.

Khi ấy, đại Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Tướng dựng lập phỉ báng, cúi mong Thế Tôn nói, khiến con và chư đại Bồ-tát là ác kiến hai bên dựng lập và phỉ

báng, chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Giác rồi, lìa kiến chấp thường là kiến lập, đoạn là phỉ báng, để không chê bai chánh pháp.

Dựng lập và phỉ báng là hai kiến chấp có và không. Duy chánh pháp mới hay lìa nó. Song Nhị thừa thấy ngoài tâm có pháp vẫn phải phá trừ. Ngoài uẩn biết chân, còn chẳng khởi xu hướng, hướng là ngoại đạo. Do đó, tự giác thánh trí xa lìa hai bên dạy bảo Bồ-tát, đây là nhân chân thật của bồ-đề.

Thế Tôn nhận lời Bồ-tát Đại Huệ thỉnh rồi vì nói kệ:

Dựng lập và phỉ báng
Không có tâm lượng kia
Thân thọ dụng dựng lập
Và tâm không thể biết.

Ngu si không trí tuệ
Dựng lập và phỉ báng.

Hai kiến chấp có không là ngoài tâm vọng chấp. Không có tâm lượng kia là, có không chẳng phải chỗ tốt, cấu thành tâm lượng. Muôn pháp như mộng, một phen mê sanh ra. Trong mộng chúng sanh và thế giới chẳng phải chỗ biết của tâm. Muốn đem sai biệt của việc mộng, toan nói thật về giác tâm thì nào khác vẽ hình dáng hư không, chỉ thêm ngu si.

Thế Tôn nói nghĩa của kệ này, muốn lặp lại cho rõ ràng, bảo Đại Huệ: Có bốn thứ chẳng phải có, mà có dựng lập. Thế nào là bốn? Nghĩa là: Chẳng có tướng dựng lập, chẳng có kiến dựng lập, chẳng có nhân dựng lập, chẳng có tánh dựng lập, ấy gọi là bốn thứ dựng lập. Lại phỉ báng là, đối với sở lập kia không có chỗ được, quán sát không nhận được, bèn khởi phỉ báng. Ấy gọi là tướng dựng lập phỉ báng.

Tự tâm hiện lượng vốn không tướng mà dựng lập tướng, vốn không kiến mà dựng lập kiến, vốn không

nhân mà dựng lập nhân, vốn không tánh mà dựng lập tánh. Đây đều không biết tự tâm hiện lượng, cho nên chỗ dựng lập đều không có nghĩa thật. Bởi không có nghĩa thật bèn sanh phỉ báng thì không khác với dựng lập. Hai lối chấp này đối với tự tâm hiện lượng cách nhau quá xa.

Lại nữa, Đại Huệ! Thế nào chẳng có tướng dựng lập tướng? Nghĩa là: ám giới nhập chẳng có tự tướng cộng tướng mà khởi chấp trước, đây như thế, đây chẳng khác. Ấy gọi là chẳng có tướng dựng lập tướng. Chẳng có tướng mà dựng lập, đây là do lỗi vọng tưởng hư ngụy từ vô thủy, các thứ tập khí chấp trước mà sanh. Từ đây về sau bày rõ vốn không tướng v.v... mà khởi chấp trước tướng v.v... Ám giới nhập vốn không tự tướng cộng tướng mà khởi chấp trước tự tướng cộng tướng. Nên bảo “pháp ngã chấp cứng không buông”, do đó chánh văn nói “đây như thế, đây chẳng khác”. Song đều do mê Như Lai tàng mà có nghiệp tướng chuyển tướng các thứ hư ngụy. Lại chạy theo căn thức dẫn khởi các thứ tập khí. Đây là suy nguyên bởi do chấp trước mà sanh.

Đại Huệ! Chẳng có kiến dựng lập tướng là, ám giới nhập kia như thế chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng, trưởng dưỡng, sĩ phu dựng lập. Ấy gọi là chẳng phải có kiến dựng lập tướng. Đại Huệ! Chẳng có nhân dựng lập tướng là, thức ban đầu không nhân sanh, sau chẳng thật như huyễn vốn chẳng sanh nhãn, sắc, minh, giới, niệm, trước sanh, sanh rồi, thật có rồi trở lại hoại. Ấy gọi là chẳng có nhân dựng lập tướng.

Kiến tức là ngã kiến nơi ám giới nhập, nên gọi là nhân ngã. Thức ban đầu không nhân sanh là, mê tàng làm thức, do đó có nghiệp tướng chuyển tướng, đều là việc trong mê, in tuồng sanh mà chẳng có nhân sanh. Đã in

tuồng sanh tức chẳng thật như huyễn, là vốn chẳng sanh. Do nhãn, thức, sắc, minh in tuồng sanh tiếp nối, nối rồi lại dứt. Nói tóm lại, vốn chẳng có nhân vọng chấp làm nhân, mà khởi ra dựng lập.

Đại Huệ! Chẳng có tánh dựng lập tướng là, hư không, diệt tận, bát Niết-bàn, chẳng phải làm ra, chấp trước tánh dựng lập. Những thứ này là tánh phi tánh. Tất cả pháp như sừng thỏ, ngựa v.v... như thấy tóc rử, là có và chẳng phải có. Ấy gọi là chẳng có tánh dựng lập tướng. Dựng lập và phỉ báng là ngu phu vọng tưởng, chẳng khéo quán sát tự tâm hiện lượng, không phải thánh hiền. Thế nên là ác kiến dựng lập phỉ báng, nên phải tu học.

Hư không, diệt tận, Niết-bàn chẳng phải tánh làm ra, vọng chấp tánh làm ra, ấy là chẳng có tánh dựng lập. Là tánh phi tánh là, là có và không. Đã chẳng phải tánh làm ra tức là là có; không cũng do đối đãi với có, nên là có tức là là chẳng phải có (không). Xét kỹ mà nói thì tất cả pháp đều là có và không, như sừng thỏ, ngựa, như thấy tóc rử. Cho nên biết, dựng lập phỉ báng đều là vọng chấp của ngu phu. Chẳng phải người khéo quán sát tự tâm hiện lượng, không thể thâm đạt được thật tướng, nên cần phải tu học.

+ TIẾN ĐẾN CỨU KÍNH ĐỘ THOÁT.

Lại nữa, Đại Huệ! Đại Bồ-tát khéo biết tướng tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh, hai vô ngã, tiến đến cứu kính. Vì an chúng sanh nên hiện các thứ hình loại, như chỗ vọng tưởng tự tánh, y nơi duyên khởi. Thí như các sắc hiện trong bảo châu như ý, (Bồ-tát) khắp hiện ở tất cả cõi nước chư Phật, tất cả Như Lai có đại chúng nhóm họp, thầy đều ở trong ấy nghe nhận Phật pháp. Nên nói tất cả pháp như huyễn, như mộng, bóng trong nắng, trăng đáy nước, nơi tất cả pháp là sanh, diệt,

đoạn, thường và lìa pháp Thanh văn, Duyên giác, được trăm ngàn tam-muội, cho đến trăm ngàn ức na-do-tha tam-muội. Được tam-muội rồi, dạo đi đến cõi nước chư Phật, cúng dường chư Phật, sanh trong các thiên cung để tuyên dương Tam bảo. Thị hiện thân Phật có Thanh văn, Bồ-tát, đại chúng vây quanh, dùng tự tâm hiện lượng độ thoát chúng sanh, phân biệt diễn nói ngoại tánh là không tánh, thấy khiến xa lìa kiến chấp có, không v.v...

Đây là tổng kết Bồ-tát phải khéo biết tướng tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh, hai vô ngã. Vì khéo biết tướng này nên hay trụ tự tâm hiện lượng, tiến đến chỗ cứu kính. Nghĩa là cứu kính hiện lượng, chẳng bị kiến chấp phạm thánh làm hạn lượng, mới có thể tùy thời xuất hiện tự tại vô ngại. Nhiên hậu vì an chúng sanh, thị hiện các thứ hình loại như huyễn, hiện các thứ cõi nước như huyễn, được các thứ tam-muội như huyễn, dạo các cõi Phật như huyễn, làm các thứ cúng dường như huyễn, sanh trên các cung trời như huyễn, hiện các thứ thân Phật như huyễn, họp các thứ Bồ-tát, Thanh văn đại chúng như huyễn, nói các thứ pháp như huyễn, độ các thứ chúng sanh như huyễn, đều do tự tâm hiện lượng, xa lìa kiến chấp có, không v.v... tiến đến cứu kính. Tự tâm hiện lượng này ở trong vị mê, y nơi duyên khởi mà khởi các vọng tưởng, cũng mỗi thứ như huyễn, như mộng, như bóng trong nắng, như trăng đáy nước, lìa các thứ có không, cũng lìa pháp Thanh văn Duyên giác v.v... Chỉ do bất giác không thể chứng biết. Người giác được tự tâm hiện lượng hay tạo ra hiện ra. Chính ở trên nói “như chỗ vọng tưởng tự tánh, y nơi duyên khởi”, là cứu kính hiện lượng vậy.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nói kệ rằng:

Tâm lượng thể gian
 Phật tử quán sát
 Các thân chủng loại
 Là hành sở tác
 Được sức thần thông
 Thành tựu tự tại.

Kệ nói tâm lượng thể gian và các chủng loại thân tướng đều là tánh tạo tác. Bồ-tát quán nơi đây liền hay ở bên trong phát lực thông, thành tựu tự tại. Đây vẫn là đạt tự tánh vọng tưởng, y nơi duyên khởi, trong khoảng sát-na, thức trí chuyển biến, thể đồng mà dụng khác.

- CHỈ THIỆN PHÁP VÔ NGÃ ĐƯỢC BỐN TƯỚNG PHÁP VÔ NGÃ.

+ TƯỚNG PHÁP KHÔNG.

Khi ấy đại Bồ-tát Đại Huệ thỉnh hỏi Phật: Cúi mong Thế Tôn vì chúng con nói tất cả pháp không, vô sanh, không hai, là tướng tự tánh. Các con và chúng Bồ-tát khác giác ngộ pháp không, vô sanh, không hai, là tướng tự tánh rồi thì sẽ là vọng tưởng có và không, chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế Tôn bảo Bồ-tát Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, nay sẽ vì ông rộng phân biệt nói. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn, lành thay! Xin vâng thọ giáo.

Không, vô sanh, không hai, là tướng tự tánh, Thế Tôn thường lấy diệu chỉ này để hiển bày tự tánh, chẳng rơi vào có không. Văn sau phân biệt bốn câu (tứ cú), mà trước chỉ cho người do chẳng là vọng tưởng mà được chỗ tự chứng. Nhiên hậu biết kinh điển do ngữ mà nhập nghĩa, chẳng phải chân thật ở chỗ ngôn thuyết.

Phật bảo Đại Huệ: Không không tức là chỗ tự tánh vọng tưởng. Đại Huệ! Người chấp trước tự tánh vọng tưởng nói không, vô sanh, không hai, là tướng tự tánh. Đại Huệ! Kia lược nói bảy thứ không, nghĩa là: Tướng

không, tánh tự tánh không, hành không, vô hành không, nhất thiết pháp ly ngôn thuyết không, đệ nhất nghĩa thánh trí đại không, bỉ bỉ không.

Đây tức nơi tự tánh vọng tưởng chỉ ra chân không.

Chân không chẳng không, nên nói không không. Không không tức là chỗ tự tánh vọng tưởng, chỉ có chứng biết không thể nói bày. Bởi vì chúng sanh không biết tự tánh vọng tưởng là chân không, vọng khởi chấp trước, nên nói không, nói vô sanh, nói không hai, nói lìa tướng tự tánh, khiến ngộ chỗ hành thánh lạc ngay trong vọng tưởng, chỉ cần lìa chấp trước, liền đó chứng biết, lại không riêng có. Trước bày ra bảy tướng không. Vô sanh, không hai, lìa tánh, so đồng với nghĩa không, đều chẳng phải bỏ vọng tưởng riêng có các nghĩa.

Thế nào là tướng không? Nghĩa là tất cả tánh tự tướng cộng tướng đều không. Vì quán sát sự triển chuyển chứa nhóm, phân biệt không tánh, tự tướng cộng tướng chẳng sanh, tánh tự, tha, câu (chung) đều không tánh, cho nên tướng chẳng trụ. Thế nên nói tất cả tánh tướng không, gọi là tướng không vậy.

Tất cả pháp tánh không tự tướng cộng tướng, vọng thấy có tự tướng nên có cộng tướng, vọng thấy cộng tướng nên có tự tướng. Triển chuyển đối đãi nhau, chứa nhóm mà thành, đều do phân biệt vậy. Tánh phân biệt đã rồi thì tướng tự tha cũng đối, tức là tướng mà không tướng, cho nên nói tướng không.

Thế nào tánh tự tánh không? Nghĩa là tánh chính mình; tự tánh chẳng sanh. Ấy gọi là tất cả pháp tánh tự tánh không, nên nói tánh tự tánh không.

Tất cả pháp tánh vọng thấy có không, không phải tất cả pháp thật có tánh chính nó. Pháp thiện không có tự tánh ác, pháp ác không có tự tánh ác. Tất cả pháp không có tự tánh tất cả pháp. Cho nên tánh tự tánh không,

chẳng phải không tánh nói là không.

Thế nào là hành không? Nghĩa là ấm lìa ngã và ngã sở. Nhân sở thành nên sở tạo nghiệp phược tiện sanh, ấy gọi là hành không.

Nhân sở thành là chủng tử, sở tạo nghiệp là hiện hạnh. Đây là sở do các ấm sanh khởi. Mê tâm làm thức thì chủng tử hiện hạnh lẫn huân, tâm vương tâm sở xen nhau vọng khởi, không ngã ngã sở nên không.

Đại Huệ! Tức cái hành không như thế ấy triển chuyển duyên khởi, tự tánh không tánh, ấy gọi là vô hành không.

Các ấm hành xứ đương thể toàn không, tức là Niết-bàn. Nhân nơi không mà nói ấm, nhân nơi ấm mà nói không, triển chuyển duyên khởi, đều không có tự tánh. Không ấm không không, nên nói không hành không.

Thế nào là nhất thiết pháp ly ngôn thuyết không? Nghĩa là tự tánh vọng tưởng vì không có ngôn thuyết, nên tất cả pháp lìa ngôn thuyết. Ấy gọi là nhất thiết pháp ly ngôn thuyết không.

Tự tánh vọng tưởng tức chẳng phải tự tánh vọng tưởng, chẳng phải ngoài tự tánh vọng tưởng lại có ngôn thuyết. Cho nên biết tất cả pháp đều lìa ngôn thuyết.

Thế nào nhất thiết pháp đệ nhất nghĩa thánh trí đại không? Nghĩa là người được tự giác thánh trí thì tất cả lỗi tập khí kiến chấp không, ấy gọi là nhất thiết pháp đệ nhất nghĩa thánh trí đại không.

Tự giác thánh trí vốn lìa các kiến chấp lỗi lầm về có và không. Nơi đây chứng biết thì tất cả chỗ tất cả thời tất cả việc thành đệ nhất nghĩa, ấy là đệ nhất nghĩa đại không.

Thế nào là bỉ bỉ không? Nghĩa là đối với kia không cái không kia, ấy gọi là bỉ bỉ không. Đại Huệ! Thí như nhà của Lộc tử mẫu không có voi ngựa trâu dê v.v..., chẳng

phải không chúng tỳ-kheo, mà nói kia không. Chẳng phải nhà nhà tánh không, cũng chẳng phải tỳ-kheo tỳ-kheo tánh không, chẳng phải chỗ khác không voi ngựa. Ấy gọi là tất cả pháp tự tướng. Kia nơi kia không kia, ấy gọi là bỉ bỉ không. Đây gọi là bảy thứ không. Cái bỉ bỉ không là cái không rất thô, ông phải xa lìa.

Nơi kia không đây, nơi đây không kia, nên nói bỉ bỉ không. Như nhà Lộc tử mẫu không voi ngựa trâu dê, chẳng phải không chúng tỳ-kheo, mà nói kia không, đây là nghĩa bỉ bỉ không. Song nhà Lộc tử mẫu tuy không voi ngựa trâu dê mà chẳng phải không chúng Tỳ-kheo. Như nhà chẳng phải không tự tánh nhà, Tỳ-kheo chẳng phải không tự tánh Tỳ-kheo. Nhà Lộc tử mẫu không voi ngựa, cũng chẳng phải chỗ khác không voi ngựa. Đây là tất cả pháp không tha tướng chẳng phải không tự tướng. Cho nên bỉ bỉ không rất thô vô nghĩa, nên phải xa lìa. Nghĩa là ngoại đạo chấp không, chẳng giống chánh pháp của ta có sáu nghĩa không. Ngay nơi đó liền lìa tất cả tập khí kiến chấp có không, là không có không tha tánh, mà chẳng phải không tự tánh.

+ TỰ TƯỚNG VÔ SANH.

Đại Huệ! Chẳng tự sanh chẳng phải chẳng sanh. Trừ người trụ tam-muội, ấy gọi là vô sanh.

Chẳng tự sanh là, tự thể vốn vô sanh tánh. Chẳng phải chẳng sanh là, nhân duyên hội ngộ in tuồng sanh tương tục, mê tình chưa hết không thể nói không, thể vọng vốn rỗng thì sanh cũng chẳng phải có. Nên nói “pháp nhân duyên sanh ra, ta nói tức là không”. Đây tên vô sanh, chẳng phải trụ tam-muội mà nói vô sanh.

+ LÌA TỰ TƯỚNG TỰ TÁNH.

Lìa tự tánh tức là vô sanh. Lìa tự tánh thì sát-na tương tục lưu chú và dị tánh hiện. Tất cả tánh lìa tự tánh, thể nên tất cả tánh ly tự tánh.

Lìa tự tánh là mật chỉ vô sanh, cho nên lại nói tức là vô sanh. Chỉ không tự tánh thì chính khi sanh là chẳng sanh. Tuy tương tục lưu chú mà sát-na chẳng dừng, tướng biến dị hiện, nên biết tất cả tánh lìa tự tánh.

+ **KHÔNG HAI TƯỚNG.**

Thế nào là không hai? Nghĩa là tất cả pháp như lạnh nóng dài ngắn đen trắng. Đại Huệ! Tất cả cả pháp không hai, chẳng phải đây Niết-bàn kia sanh tử, chẳng phải đây sanh tử kia Niết-bàn, vì tướng khác nhân khác mà có tánh, ấy gọi là không hai. Như Niết-bàn sanh tử, tất cả pháp cũng thế. Thế nên không, vô sanh, không hai, lìa tướng tự tánh, nên phải tu học.

Nói là hai, như lạnh cùng nóng khác, dài cùng ngắn khác, đen cùng trắng khác, nên nói tướng khác nhân khác. Song tướng chẳng phải hai tướng, nhân chẳng phải hai nhân, ấy gọi là không hai. Cho nên biết ngoài Niết-bàn không sanh tử, ngoài sanh tử không Niết-bàn. Sanh tử Niết-bàn tướng khác, sanh tử Niết-bàn nhân khác. Nhưng tướng chẳng hai tướng, nhân chẳng hai nhân, nên nói nhân khác tướng khác là có tánh. Mê giác là nhân, chân vọng thành tướng. Mê này giác này chân này vọng này dường như có thấy khác, mà không hai thể. Tất cả pháp cũng lại như thế.

+ **KẾT BỐN TƯỚNG VÀO TẤT CẢ KINH ĐIỂN.**

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nói kệ rằng:

Ta thường nói pháp không
 Xa lìa nơi đoạn thường.
 Sanh tử như huyễn mộng
 Mà nghiệp kia chẳng hoại.
 Hư không và Niết-bàn
 Diệt định hai cũng thế.
 Ngu phu khởi vọng tưởng

Chư thánh là có không.

Như Lai nói ra pháp không là nói tự tánh vọng tưởng chân không. Tự tánh vọng tưởng chân không siêu việt đoạn thường, ở trong sanh tử trọn như mộng huyễn. Trong mộng huyễn không có tướng hoại cùng với chẳng hoại. Nói có nghiệp hoại, vẫn thuộc về kiến chấp có không. Tự tánh chân không như ba thứ vô vi, chóng là có không, chẳng có các lỗi lầm. Cho nên chẳng đồng với ngu phu chạy theo vọng tưởng bất giác chấp trước. Thế Tôn lại bảo đại Bồ-tát Đại Huệ rằng: Này Đại Huệ! Không, vô sanh, không hai, là tướng tự tánh, khắp vào tất cả kinh điển chư Phật. Phạm có kinh đều nói nghĩa này. Vì các kinh điển tùy theo tâm hy vọng của chúng sanh, vì họ phân biệt nói hiển bày nghĩa ấy, mà không phải chân thật tại ngôn thuyết. Ví như một con nai khát nước tưởng nước, rồi làm mê lầm cả bày nai. Nai ở nơi tướng kia chấp trước thật nước, mà nơi kia không nước. Như thế, tất cả kinh điển nói ra các pháp vì khiến kẻ ngu phát hoan hỷ, chẳng phải thật thánh trí ở nơi ngôn thuyết. Thế nên phải y nơi nghĩa chớ chấp ngôn thuyết.

Đây lại kết nói vì tự tánh vọng tưởng, chấp trước nên nói không, vô sanh, không hai, là tướng tự tánh. Nếu hay chứng biết tự tánh vọng tưởng, liền là chấp trước, ngay nơi đó lạng lẽ. Thế mới biết, không, vô sanh, không hai, là tự tánh vẫn là tốt chỉ ra chủ yếu, mà chẳng phải hiển thẳng đệ nhất nghĩa. Cho nên nói, các kinh điển tùy tâm hy vọng của chúng sanh, hiển bày nghĩa kia, mà chẳng phải chân thật ở nơi ngôn thuyết. Hiển bày nghĩa kia là do ngữ mà vào nghĩa, như ngọn đèn soi sự vật, mà chẳng phải chân thật ở lời nói. Cho nên không thể y ngữ mà nhận nghĩa. Đây là nói phải y nơi nghĩa chớ y nơi ngôn thuyết.

KINH LĂNG GIÀ TÂM AN

Thiền Sư Hàm Thị Sớ Giải

Hoà Thượng Thích Thanh Từ Việt Dịch

Thiền Viện Thường Chiếu

C- Chỉ như lai tàng siêu quá vọng tưởng ngôn thuyết của phàm ngu và ngoại đạo thành tựu các địa cứu kính quả hải.

1- CHỈ NHƯ LAI TÀNG CHẴNG ĐỒNG THẦN NGÃ CỦA NGOẠI ĐẠO.

Khi ấy, đại Bồ-tát Đại Huệ bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trong kinh Phật nói Như Lai tàng tự tánh thanh tịnh, chuyển ba mươi hai tướng vào trong thân tất cả chúng sanh, như hạt châu rất quý cột trong chéo áo nhơ, Như Lai tàng thường trụ không biến đổi cũng lại như thế, cột trong chiếc áo nhơ giới ám nhập và tham dục, sân, si, vọng tưởng chẳng thật, các thứ trần lao làm ô ướ. Đây là lời diễn nói của tất cả chư Phật. Tại sao Thế Tôn đồng với ngoại đạo nói có ngã, nói có Như Lai tàng? Bạch Thế Tôn! Ngoại đạo cũng nói có tác giả thường còn, lìa ngoài cầu-na khắp giáp chẳng diệt. Bạch Thế Tôn ! Ấy là ngoại đạo nói có ngã.

Đây là muốn Thế Tôn phát minh Như Lai tàng chẳng đồng thần ngã của ngoại đạo. Thần ngã của ngoại đạo chấp tâm phân biệt trong ngũ uẩn. Tánh Như Lai tàng là chỉ cho thể thường trụ bất biến. Thể không chân vọng mà có giác mê. Mê thì tâm phân biệt sanh mà không phải là chân trí. Tâm phân biệt diệt mà chẳng phải là chân tịch. Mê trí cho là sanh, mê tịch cho là diệt, thấy đều do phân biệt cho nên vô thường. Nếu giác thì phân biệt liền dứt, thấy xưa không sanh thì nay cũng không diệt. Chỗ không sanh diệt bản tánh thường trụ. Vì trừ

cái phân biệt nên nói là vô ngã, mà chẳng phải không có cái ngã Như Lai tàng thường trụ bất biến. Vì dẹp vô ngã nên nói chân ngã, mà chẳng đồng với cái ngã phân biệt của ngũ uẩn. Nên nói “chuyển ba mươi hai tướng vào thân chúng sanh, mà bị buộc trong chiếc áo như ẩm giới nhập và tham sân si vọng tưởng chẳng thật, các thứ trần làm ô uế”. Khi hiện ở trong mê thì trí tịch ẩn, sanh diệt hiện tiền. Phạm có chỗ chấp đều thuộc về phân biệt. Đây là lý do ngoại đạo vọng chấp tác giả. Cầu-na tức là trần duyên.

Phật bảo Đại Huệ: Ta nói Như Lai tàng chẳng đồng cái ngã của ngoại đạo nói. Đại Huệ! Có khi nói không, vô tướng, vô nguyện, như thật tế, pháp tánh, pháp thân, Niết-bàn, ly tự tánh, bất sanh bất diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn, những câu như thế đều nói Như Lai tàng. Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác vì đoạn cái sợ vô ngã của ngu phu, nên nói lìa vọng tưởng cảnh giới vô sở hữu có Như Lai tàng. Nay Đại Huệ! Đại Bồ-tát vị lai hiện tại không nên khởi chấp về ngã kiến.

Nói pháp thân như thật mà trước nói là không, vô tướng, vô nguyện. Nói tự tánh Niết-bàn mà trước nói lìa tự tánh, bất sanh bất diệt, xưa nay là tịch tĩnh. Đây là Thế Tôn vì nói cảnh giới vô sở hữu, môn Như Lai tàng vậy. Như Lai ban đầu vì chúng sanh chấp ngũ uẩn là ngã nên nói vô ngã. Sau lại vì Thanh văn chấp pháp vô ngã mê làm tự tánh, nên nói chân ngã. Kinh Niết-bàn nói : “Các ông nên biết, trước đã tu tập vô thường, khổ, không, vô ngã, chẳng phải là pháp chân thật, ví như mùa xuân có những người tắm trong hồ lớn, ngồi thuyền dạo chơi bỗng làm rơi hạt châu lưu ly chìm tận đáy nước. Khi ấy mọi người thấy đều lặn xuống nước mò tìm hạt châu, giành nhau nắm lấy ngói đá cỏ cây sạn

sỏi, mỗi người tự bảo được châu lưu ly, vui vẻ đem lên, mới biết chẳng phải châu. Lúc ấy bảo châu vẫn còn ở trong nước, vì thế lực của châu nên nước được lóng trong. Bảy giờ toàn thể đồng thấy hạt châu vẫn còn dưới nước, ví như người xem mặt trăng trong hư không. Trong chúng có một người trí dùng sức phương tiện, nhẹ nhàng chậm rãi lặn xuống nước liền lấy được hạt châu. Tỳ-kheo các ông! Chẳng nên tu tập vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh v.v... như thế, cho là nghĩa thật. Như những người kia mỗi người lượm ngói gạch cỏ cây sạn sỏi mà cho là bảo châu. Các ông phải khéo học phương tiện ở khắp mọi nơi thường tu tưởng ngã, tưởng thường, lạc, tịnh. Như người trí kia khéo lượm được hạt châu, là nói tưởng ngã, tưởng thường, lạc, tịnh”. Thế mới biết, khi Như Lai nói vô ngã là ý ở chỗ chân ngã, chỉ vì đối trị phàm phu ngoại đạo. Cho nên chỗ làm của nhị thừa là chỗ sợ của phàm phu đâu biết lìa vọng chính vì hiển chân. Cảnh giới vô sở hữu Như Lai tàng môn này chẳng đồng với ngoại đạo cho thức là ngã, chấp tướng tác giả.

Thí như người thợ gốm nơi một đồng đất dùng phương tiện nhân công, nước, cây, bánh xe quay mà làm thành các món đồ. Như Lai cũng lại như thế, nói pháp vô ngã lìa tất cả tướng vọng tưởng dùng các thứ trí tuệ phương tiện khéo léo, hoặc nói Như Lai tàng, hoặc nói vô ngã. Bởi nhân duyên ấy nên nói Như Lai tàng chẳng đồng cái ngã của ngoại đạo nói, ấy gọi là nói Như Lai tàng. Vì khai dẫn cái chấp ngã của ngoại đạo nên nói Như Lai tàng khiến họ lìa vọng tưởng ngã kiến chẳng thật vào cảnh giới tam giải thoát môn, hy vọng chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế nên Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác khởi nói Như Lai tàng như thế. Nếu không như vậy, ắt đồng với ngoại đạo. Thế nên Đại

Huệ! Vì lìa kiến chấp của ngoại đạo nên y Như Lai tàng vô ngã.

Đây lại bày rõ Như Lai dùng các thứ trí tuệ phương tiện khéo léo, hoặc nói vô ngã, hoặc nói Như Lai tàng là để lẫn nhau phát minh ngã tướng thanh tịnh Như Lai. Vì khai dẫn ngoại đạo chấp ngã khiến lìa ngã kiến chẳng thật. Thế nên rốt sau nói “Phải y nơi Như Lai tàng vô ngã ấy là nghĩa quyết định vậy”. Kinh Niết-bàn vì lập ví dụ thầy thuốc mới và thầy thuốc cũ, mà lại vì trong chúng xướng lời rằng: Tỳ-kheo phải biết, các ngoại đạo nói là ngã đó, ví như trùng ăn cây ngẫu nhiên thành chữ. Thế nên, Như Lai ở trong Phật pháp nói là vô ngã, vì điều phục chúng sanh, vì biết thời nên nói là vô ngã. Cho nên có nhân duyên cũng nói có ngã. Như ông thầy thuốc giỏi kia khéo biết sữa là thuốc, hay chẳng phải thuốc, không phải như phàm phu chấp ngô ngã vậy.

Khi ấy Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nói kệ rằng:

Người, ấm, tương tục

Duyên cùng vi trần

Thắng, Tự tại tạo

Tâm lượng vọng tưởng.

Người tức là cái ngã trong thân ngũ ấm. Tương tục là cái ngã này lưu chú sanh diệt. Ấm là ngũ ấm. Ngoại đạo chấp có duyên khác cùng vi trần, thắng tánh, Tự Tại thiên hòa hợp chung nhau tạo. Đây là tự tâm vọng tưởng chấp vậy. Duyên khác là tát-đỏa, thích-xà, đáp-ma của Số luận sư. Vì Số luận sư chấp ngã, tự, duyên, ba việc này hợp lại làm thành ấy vậy.

2- CHỈ NHƯ LẠI TÀNG PHƯƠNG TIỆN HIỂN BÀY.

- CHỈ CHUNG PHƯƠNG TIỆN CÓ BỐN PHÁP.

Khi ấy đại Bồ-tát Đại Huệ quán chúng sanh vị lai, lại thỉnh Thế Tôn: Cúi xin vì nói tu hành không gián đoạn, như các vị đại Bồ-tát tu hành đại phương tiện.

Đây là hỏi về phương tiện tu hành. Không gián đoạn là, không gián đoạn nơi tự tánh, thuận tánh khởi tu, chẳng phải tạo nhân duyên bên ngoài.

Phật bảo Đại Huệ: Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp được tu hành đại phương tiện. Thế nào là bốn? Nghĩa là khéo phân biệt tự tâm hiện, quán ngoại tánh phi tánh, lìa kiến chấp sanh trụ diệt, được tự giác thánh trí thiện lạc. Ấy gọi là đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp, được tu hành đại phương tiện.

Khéo phân biệt tự tâm hiện là, biết tam giới đều duy thức hiện, chẳng phải bởi duyên khác. Quán ngoại tánh phi tánh là, tất cả tánh bên ngoài thấy như mộng huyễn không có tự tánh, lìa kiến chấp sanh trụ diệt là, đã biết tất cả tánh vô tánh đều chỉ là tự tâm thì, các thức chẳng khởi đối với pháp sở tri không khởi nhiếp thọ. Tự giác thánh trí thiện lạc là, đã biết tam giới duy thức, tất cả tánh không tự tánh, các thức chẳng sanh thì, tự giác thánh trí như mặt trời ở trong hư không, tự nhiên được tự tại pháp lạc. Ngoại đạo chẳng biết tam giới đều duy thức hiện cho là có nhân khác, đã có nhân khác thì tất cả tánh thật có tự sanh tánh có thể được. Nhị thừa tuy biết không có nhân khác, song về thức hiện hành diệt mà chủng tử chẳng diệt, đối với pháp trong ngoài không thể chóng không. Đây đều do thức minh làm ngại, đối giác tánh chính mình, mình chẳng viên diệu. Thế nên, với bốn thứ này, Bồ-tát tu hành phương tiện vượt khỏi

phàm ngu và ngoại đạo. Nếu người có chí với tâm tông nên phải xét rõ.

- KHÉO PHÂN BIỆT TỰ TÂM HIỆN.

Thế nào đại Bồ-tát khéo phân biệt tự tâm hiện? Nghĩa là quán tam giới duy tâm chùng ngăn như thế, lìa ngã và ngã sở, không dao động, lìa đi lại, do tập khí hư ngụy huân tập từ vô thủy, các thứ sắc hành trong tam giới trói buộc thân tài (căn) liền dựng lập, vọng tưởng tùy nhập hiện. Ấy gọi là đại Bồ-tát khéo phân biệt tự tâm hiện.

Chùng ngăn là nói phần lượng. Đây nói duy tâm tức là duy thức. Mê tâm làm thức, thức tức là tâm. Cho nên nói duy tâm. Quán tam giới này đều do tự tâm bất giác vọng sanh chùng ngăn, trong khoảng giữa thật không có người nhiếp thọ và pháp bị nhiếp thọ. Thế nên, tuy tạo tác mà không có sở tác; tuy hiện đi lại mà không có đi lại. Tập khí hư ngụy huân tập từ vô thủy là, chỉ cho nghiệp chủng của tàng thức, tức là bất giác vọng động vậy. Đã vọng động làm nghiệp liền do kiến (chủ thể) khởi tướng (khách thể), biến ra dường như căn trần, thành các thứ sắc, hành (nghiệp) trong tam giới, bèn có danh tướng dài, ngắn, co, duỗi nhất định, hay sanh trói buộc. Chính hiện tại căn thân thọ dụng những nhu cầu trong thế giới, rồi khởi các thứ vọng tưởng. Tâm cảnh nhập nhau hòa hợp mà hiện, nên nói là “tự tâm hiện”. Nếu hay quán sát cái sở hiện của tự tâm thì biết tất cả sắc, hành (nghiệp) danh tướng trong tam giới, tự thân thọ dụng tất cả vọng tưởng đều do mê Như Lai tàng tánh từ vô thủy làm chủng thức, vọng sanh chùng ngăn. Tâm cảnh bị hiện đều không thể được, không chủ, không chỗ nương, liền đó chóng liễu ngộ.

- QUÁN NGOẠI TÁNH PHI TÁNH.

Thế nào đại Bồ-tát khéo quán ngoại tánh phi tánh? Nghĩa là tất cả tánh như nắng, mộng v.v... do vọng tưởng hư ngụy từ vô thủy huân tập làm nhân, mà quán tự tánh của tất cả tánh. Đại Bồ-tát khéo khởi quán ngoại tánh phi tánh như thế, gọi là đại Bồ-tát khéo quán ngoại tánh phi tánh.

Nắng, mộng v.v... là tất cả pháp như sóng nắng, như mộng huyễn đều do nội thức biến dờng như có hiện trước, mà không có tự tánh liền đó vô sanh. Thế nên biết không có tự tánh. “Tất cả pháp chẳng sanh” là lời nói của chư Phật trong ba đời, nên phải tôn trọng. Nhân là, tất cả tánh này nhân nơi thức chủng hư ngụy làm tự tánh. Quán tất cả tánh lấy thức này làm tự tánh thì, tất cả tánh không tự tánh, nên nói “Kheo quán ngoại tánh phi tánh”.

- LÌA KIẾN CHẤP SANH TRỤ DIỆT.

Thế nào đại Bồ-tát lìa kiến chấp sanh trụ diệt? Nghĩa là tất cả tánh như huyễn mộng, tánh tự, tha và chung chẳng sanh, tùy vào chùng ngăn của tự tâm, nên thấy ngoại tánh phi tánh. Thấy thức chẳng sanh và duyên không tích tụ, bởi thấy vọng tưởng duyên sanh. Nơi tam giới tất cả pháp trong ngoài đều không thể được. Thấy lìa tự tánh thì chấp sanh ắt dứt. Biết tự tánh các pháp như huyễn v.v... được vô sanh pháp nhãn. Được vô sanh pháp nhãn rồi, lìa kiến chấp sanh trụ diệt, gọi là đại Bồ-tát khéo phân biệt lìa kiến chấp sanh trụ diệt.

Tánh tự tha chung chẳng sanh, trong Trung Luận nói: “Các pháp chẳng tự sanh, cũng chẳng từ tha sanh, chẳng chung, chẳng không nhân, thế nên nói vô sanh”. Xét theo đây thì biết tất cả ngoại tánh như mộng v.v... đều do tự tâm bất giác vọng sanh chùng ngăn (giới

hạn). Bởi bất giác vọng sanh, thật không có tánh sanh, nên nói “thấy ngoại tánh phi tánh”. Vì bất giác vọng sanh, thật không có thức sanh nên nói “thấy thức chẳng sanh”. Đã không có tánh sanh và thức sanh, mà vẫn thấy dường như sanh tương tục, thấy do bất giác đồng thời liền hiện, chẳng phải duyên nhiều thứ tích tụ. Chẳng biết liền hiện, mà cho là duyên sanh là vọng tưởng vậy. Thấy vọng tưởng duyên sanh, mới biết tất cả pháp trong tam giới không có tự tánh thì, cái kiến chấp sanh liền diệt. Sự vật hiện tiền thấy như mộng huyễn, chỉ rõ bất giác liền trụ duy tâm. Thế nên nói “vô sanh pháp nhãn khéo lìa kiến chấp sanh trụ diệt”.

- TỰ GIÁC THÁNH TRÍ THIỆN LẠC.

Thế nào đại Bồ-tát được tự giác thánh trí thiện lạc? Nghĩa là được vô sanh pháp nhãn, trụ đệ bát địa của Bồ-tát, được lìa tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh, hai tướng vô ngã, được ý sanh thân.

Biết pháp trong tam giới duy nội thức biến, không có tánh tự sanh. Thức nhân mê mà có, giác được mê thì mê diệt, bản tâm hiện tiền. Đây là tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh, hai tướng vô ngã ngay đó liền lìa. Duy thức tụng rằng: “Trước địa Bất động vừa xả tàng”. Thế nên nói được quả nhị chuyển y, như ý sanh thân, văn sau tự rõ.

Thế Tôn! Ý sanh thân là nhân duyên gì? Phật bảo Đại Huệ: Ý sanh thân, ví như nghĩ nhanh chóng vô ngại, nên gọi là ý sanh. Thí như ý đi qua vách đá vô ngại, nơi phương khác cách xa vô lượng do-diên, nhân ngày trước đã thấy nhớ nghĩ chẳng quên, tự tâm lưu chú chẳng dứt, nơi thân không chướng ngại sanh. Đại Huệ! Ý sanh thân như thế được đồng thời sanh. Ý sanh thân

của đại Bồ-tát do sức tam muội như huyễn tự tại thần thông diệu tướng trang nghiêm, thân chủng loại thánh, đồng thời liền sanh. Ví như ý sanh không có chướng ngại, tùy chỗ nhớ nghĩ cảnh giới nguyện xưa, vì thành tựu chúng sanh được tự giác thánh trí thiện lạc. Đại Bồ-tát được vô sanh pháp nhẫn như thế, trụ đệ bát địa của Bồ-tát, chuyển xả thân tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh, hai tướng vô ngã và được ý sanh thân, được tự giác thánh trí thiện lạc. Đó gọi là đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp được tu hành đại phương tiện, phải học như thế.

Đây nói chúng tự giác thánh trí, chuyển hai sở y dùng sức tam muội như huyễn, tự tại thần thông, tự nhiên được thân chủng loại thánh. Vì chúng sanh một lúc đối hiện, ví như ý sanh.

3- CHỈ NHƯ LAI TẠNG LÀ CÁC NHÂN DUYÊN.

Khi ấy, đại Bồ-tát Đại Huệ lại thỉnh Thế Tôn: Cúi xin vì nói tướng nhân duyên của tất cả các pháp. Do giác được tướng nhân duyên, con và các Bồ-tát là tất cả tánh có, không vọng chấp, không có vọng tưởng kiến chấp tiếm thứ và đồng thời sanh?

Pháp nhân duyên sanh đều do vọng tưởng của chính mình thấy, mà kẻ ngu phu không biết chấp là thứ lớp sanh hay đồng thời sanh. Liễu đạt nghĩa này là các thứ có, không, thứ lớp hay đồng thời sanh, hiển bày vô sanh. Cho nên nói “tất cả pháp chẳng sanh”.

Phật bảo Đại Huệ: Tất cả pháp có hai thứ duyên tướng, là ngoại và nội. Ngoại duyên là, hòn đất, cây cọc, bánh xe, nước, gỗ, nhân công, các thứ phương tiện, làm thành cái bình. Như cái bình đất, tơ lụa, lát chiếu, giống

mầm, tô lạc v.v... phương tiện làm thành cũng lại như thế. Đó gọi là ngoại duyên trước sau chuyển sanh.

Pháp nội ngoại hai thứ duyên, một là thế gian vọng kiến, một là ngu phu vọng kiến. Thế nên nói trừ thức khởi, tự phân biệt thấy thì tất cả là vô sanh. Ngoại duyên, thế gian hiện thấy như bình cùng tô lạc v.v... chẳng phải không phương tiện trước sau sanh khởi. Cho nên lập pháp ngoại duyên.

Thế nào là nội duyên? Nghĩa là pháp vô minh, ái nghiệp v.v... được tên là duyên. Từ đó sanh pháp ám, giới, nhập, được tên là sở duyên. Nó không có cái gì biệt mà ngu phu vọng tưởng, ấy gọi là pháp nội duyên.

Vô minh là Như Lai tàng bất giác thành thức. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Chẳng rõ đệ nhất nghĩa đế nên gọi là vô minh”. Trong mười hai chi vô minh là nhân duyên quá khứ, ái là nghiệp duyên hiện tại, nghiệp là thủ và hữu, lại làm duyên sanh lão bệnh tử ở đời sau. Pháp ám, giới, nhập vốn từ ba đời duyên khởi, mà thật do vô minh bất giác, ở trên tự tâm không có tánh sanh. Kẻ ngu phu vọng cho là thật, nên nói: “Nó không có cái gì biệt”.

Đại Huệ! Nhân kia có sáu thứ. Nghĩa là: Đương hữu nhân, tương tục nhân, tướng nhân, tác nhân, hiển thị nhân, đãi nhân. Đương hữu nhân là, tạo nhân rồi pháp trong ngoài sanh. Tương tục nhân là, tạo phan duyên rồi pháp trong ngoài sanh, ám chủng tử v.v... Tướng nhân là, tạo tướng không gián đoạn tương tục sanh. Tác nhân là, làm việc tăng thượng như Chuyển luân vương. Hiển thị nhân là, việc vọng tưởng sanh rồi tướng hiện năng tác sở tác, như ngọn đèn soi hình sắc v.v... Đãi nhân là, khi diệt tạo đoạn tương tục, tánh chẳng vọng tưởng sanh.

Sáu thứ nhân tức là trong hai cái duyên có nhân tướng hay chiêu quả sai biệt. Dương hữu nhân là, hiện tại căn trần tạo ra hay chiêu quả đời sau, nó tương đương với nhân duyên. Tương tục nhân là, nhân căn cảnh trong ngoài mà sanh ái, thủ, lại khởi chủng tử sau này chẳng dứt, nó tương đương với sở duyên duyên. Tướng nhân là, làm ra không gián đoạn nhân quả tương tục, nó tương đương đẳng vô gián duyên. Tác nhân là, ở trên quả tạo nhân, như Chuyển luân vương được thắng quả rồi lại tạo thắng nhân, nó tương đương với tăng thượng duyên. Hiện thị nhân là, nhân năng tác cùng quả sở tác đồng thời cùng hiện, như ngọn đèn soi hình sắc, cũng nhiếp thuộc nghĩa nhân duyên. Đãi nhân là, đối cảnh tướng khi diệt chẳng thấy tướng lưu chú sanh, làm cho cái tương tục đoạn, thành tự tánh chẳng vọng tưởng. Chẳng vọng tưởng cùng với vọng tưởng đối đãi nhau, là nhân tướng của ngoại đạo phàm ngu chấp.

Đại Huệ! Ngu phu kia tự tướng vọng tưởng chẳng thứ lớp sanh, chẳng đồng thời sanh. Vì có sao? Nếu là đồng thời sanh thì năng tác sở tác không phân biệt, chẳng được tướng nhân. Nếu thứ lớp sanh thì chẳng được tướng ngã. Thứ lớp sanh thì chẳng sanh, như chẳng sanh con thì không tên cha mẹ.

Thứ lớp sanh hay đồng thời sanh là chỗ chấp của ngu phu. Do chẳng biết tự tâm hiện ra, đối với pháp in tuồng sanh, tương tục vọng thấy là nhân duyên, rồi chấp là thứ lớp hay đồng thời. Cho nên Như Lai đặc biệt nói chẳng thứ lớp sanh, chẳng đồng thời sanh. Nếu đồng thời sanh thì không năng sở, chẳng được tướng nhân. Nếu thứ lớp sanh lại không tự tánh có thể được. Tướng ngã là tự tánh vậy. Đã không tự tánh thì liền đó vô sanh, như chẳng sanh con thì không tên cha mẹ.

Đại Huệ! Thứ lớp sanh phương tiện tương tục. Chẳng phải vậy, chỉ do vọng tưởng mà thôi. Vì nhân, phan duyên, thứ đệ duyên, tăng thượng duyên v.v... làm năng sanh và sở sanh. Đại Huệ! Thứ lớp sanh chẳng sanh, vì tướng chấp trước vọng tưởng tự tánh. Thứ lớp và đồng thời sanh đều chẳng sanh, vì tự tâm hiện thọ dụng, tự tướng, cộng tướng, ngoại tánh phi tánh. Đại Huệ! Thứ lớp và đồng thời sanh đều chẳng sanh, trừ tự tâm hiện, bất giác vọng tưởng nên có tướng sanh. Thế nên, nhân duyên tạo sự tướng phương tiện phải là kiến chấp thứ lớp và đồng thời sanh.

Tiếp trước thứ lớp và đồng thời chẳng sanh, để hiển ngoại đạo và ngu phu chẳng biết tự tâm hiện ra, nên vọng tưởng chấp trước, mà thật chẳng có pháp sanh. Tiết này riêng chú trọng về thứ lớp sanh, chỉ kèm nói đồng thời sanh, để biết ngoại đạo ngu phu chấp bốn duyên sanh, chỉ thuộc về nghĩa thứ lớp. Cho nên chỉ rõ đó, khiến biết các pháp trong ngoài ở trước mắt đều do thức biến, không có tự tánh. Tuy có tướng nhân duyên tạo tác phương tiện, thấy do bất giác vọng chấp mà thành. Giác thì duy tâm, kiến, tướng toàn dứt. Nhân tức là nhân duyên là, thân cận hay sanh khởi. Phan duyên tức là sở duyên duyên là, y ngoại sắc v.v... mà sanh. Thứ đệ tức là vô gián duyên là, pháp trong ngoài lại lẫn nhau chuyển sanh tương tục không gián đoạn. Tăng thượng duyên là, tâm cùng cảnh làm tăng thượng duyên. Bốn thứ này trong chánh pháp thường nói. Song vì mê chân nên giả lập bày là có, mà chẳng phải thật có thể tánh. Cho nên nói thứ lớp sanh chẳng sanh. Bởi vọng tưởng chấp trước, mà thật thứ lớp và đồng thời thấy đều chẳng sanh. Nghĩa là tự tâm hiện thân căn khí giới tự tướng cộng tướng đều không tự tánh. Trừ bất giác tự tâm hiện, vọng tưởng chấp nên có tướng. Thế

nên, nhân duyên tạo ra phương tiện, phải lìa kiến chấp thứ lớp và đồng thời sanh.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên nghĩa này nên nói kệ rằng:

Tất cả trọn không sanh
 Cũng không nhân duyên diệt
 Ở trong sanh diệt kia
 Mà khởi tưởng nhân duyên.
 Chẳng ngăn diệt và sanh
 Tiếp nối nhân duyên khởi
 Chỉ vì đoạn phàm ngu
 Duyên vọng tưởng si hoặc
 Pháp duyên khởi có không
 Thảy đều không có sanh
 Bởi tập khí mê chuyển
 Từ đây ba cõi hiện
 Chân thật không duyên sanh
 Cũng lại không có diệt
 Quán tất cả hữu vi
 Ví như hoa trong không.
 Năng nhiếp và sở nhiếp
 Lìa bỏ kiến hoặc loạn
 Chẳng đã sanh sẽ sanh
 Cũng lại không nhân duyên

Tất cả vô sở hữu

Đây đều là ngôn thuyết.

Tất cả pháp nhân duyên sanh diệt có không, đều không có tự tánh. Liền đó là vô sanh. Chỉ vì phàm ngu si hoặc nên vọng thấy có ba cõi. Thế nên Như Lai chỉ ngăn si hoặc, mà chẳng ngăn các nhân duyên. Nghĩa là các nhân duyên như huyễn như sóng nắng chẳng thể có không. Tất cả pháp hữu vi đối với cái chân thật xưa nay xem như hoa đốm trong hư không. Chỉ là các kiến chấp hoặc loạn năng sở, nhân duyên sanh diệt trọn không có thật nghĩa, chỉ có thể luận mà thôi. Ba bài kệ trên lập đi lập lại nói đoạn si hoặc. Ba bài kệ dưới nói chân thật không sanh diệt. Chân thật tức là xưa nay chân thật, là Như Lai tàng tâm vậy.

4- CHỈ NHƯ NHƯ LAI TÀNG ĐỆ NHẤT NGHĨA LÀ NGÔN THUYẾT VỌNG TƯỞNG.

Khi ấy, đại Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Cúi xin vì nói tâm kinh tướng ngôn thuyết vọng tưởng. Thế Tôn! Con và các vị đại Bồ-tát nếu khéo biết tâm kinh tướng ngôn thuyết vọng tưởng thì hay thông đạt hai nghĩa ngôn thuyết và sở thuyết, chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Dem hai thứ ngôn thuyết và sở thuyết làm thanh tịnh tất cả chúng sanh.

Ngôn thuyết là do lời nói phô bày tất cả cảnh giới. Vọng tưởng là cảnh giới phân biệt của lời nói phô bày, chỗ chủ trương. Liều đạt hai nghĩa thì biết tất cả cảnh giới thấy do vọng tưởng phân biệt nhân lời nói mà có phô bày, là các phân biệt ngôn thuyết thì không tất cả tướng cảnh giới. Cho nên đệ nhất nghĩa là tự giác thánh trí sở đắc. Do ngôn thuyết vào được, chẳng phải cảnh giới ngôn thuyết phân biệt. Tất cả chúng sanh chẳng biết đệ

nhất nghĩa tâm, chỉ y ngôn thuyết phô bày khởi các vọng giác, mà chẳng phải chân thật tự thông. Rừng rậm ác kiến do đó chẳng sạch, đây là chỗ thỉnh hỏi của Đại Huệ.

Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn, lành thay! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Có bốn thứ tướng ngôn thuyết, vọng tưởng. Nghĩa là tướng ngôn thuyết, mộng ngôn thuyết, quá vọng tưởng kế trước ngôn thuyết, vô thủy vọng tưởng ngôn thuyết. Tướng ngôn thuyết là, từ vọng tưởng sắc tướng chấp trước sanh. Mộng ngôn thuyết là, cảnh trước đã trải qua tùy nhớ nghĩ mà sanh. Từ khi giác rồi cảnh giới không tánh sanh. Quá vọng tưởng kế trước ngôn thuyết là, trước oán tạo ra nghiệp tùy nhớ nghĩ sanh. Vô thủy vọng tưởng ngôn thuyết là, lỗi hư ngụy chấp trước từ vô thủy, tự chủng tập khí sanh. Đây gọi là bốn thứ tướng ngôn thuyết vọng tưởng.

Tướng ngôn thuyết là, do vọng tưởng chấp trước sắc tướng mà sanh. Nghĩa là y nơi cảnh thật hiện tiền mà khởi phân biệt nên có ngôn thuyết. Mộng ngôn thuyết là, do cảnh giới quá khứ, từ nhớ nghĩ vọng tưởng sanh. Giác rồi cảnh giới vô tánh là, cảnh chẳng thật, như khi mộng thức rồi thấy cảnh giới không tánh, như độc ảnh cảnh. Quá vọng tưởng chấp trước ngôn thuyết là, nhớ nghĩ nghiệp đã làm trước rồi sanh hối hận, nên có ngôn thuyết. Vô thủy vọng tưởng ngôn thuyết là, do chủng tử tập khí hư ngụy từ vô thủy, nên có phân biệt đều là vô minh vọng giác, chẳng y nơi thật nghĩa, do đây chấp trước mà sanh ngôn thuyết. Do bốn thứ ngôn thuyết này bao gồm tất cả vọng tưởng, nếu hay liễu đạt thì hay xa

lìa cảnh giới vọng tưởng, được tự giác thánh trí thú rồi, nếu có ngôn thuyết đều do tự giác hiển bày.

Khi ấy, đại Bồ-tát Đại Huệ lại do nghĩa này khuyên thỉnh Thế Tôn: Cúi xin lại nói cảnh giới do ngôn thuyết vọng tưởng hiện ra? Thế Tôn! Chỗ nào? Có gì? Tại sao? Vì sao? Chúng sanh vọng tưởng ngôn thuyết sanh? Phật bảo Đại Huệ: Do đầu, ngực, cổ họng, mũi, môi, lưỡi, nướu răng hòa hợp mà phát ra âm thanh. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Ngôn thuyết vọng tưởng là khác hay chẳng khác? Phật bảo Đại Huệ: Ngôn thuyết vọng tưởng chẳng khác chẳng phải chẳng khác. Vì có sao? Nghĩa là vì kia là nhân sanh ra tướng. Đại Huệ! Nếu ngôn thuyết, vọng tưởng khác thì vọng tưởng chẳng ưng là nhân. Nếu chẳng khác thì lời nói chẳng hiển được nghĩa, mà thật có hiển bày. Thế nên, chẳng khác chẳng phải chẳng khác.

Ngôn thuyết, vọng tưởng chẳng khác chẳng phải chẳng khác. Khác thì vọng tưởng chẳng phải nhân của ngôn thuyết. Chẳng khác thì nói chẳng hiển nghĩa, để chỉ ra văn sau ngôn thuyết cùng đệ nhất nghĩa là khác hay chẳng khác. Chẳng biết cảnh giới vọng tưởng giác, hư ngụy chẳng thật, cho nên ngôn thuyết có thể phô bày. Đệ nhất nghĩa tự giác thánh trí sở đắc, phi ngôn thuyết đến được, đây không thể đồng thời nói.

Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Là ngôn thuyết tức đệ nhất nghĩa hay sở thuyết là đệ nhất nghĩa? Phật bảo Đại Huệ: Phi ngôn thuyết là đệ nhất nghĩa, cũng phi sở thuyết là đệ nhất nghĩa. Vì có sao? Nghĩa là đệ nhất nghĩa thánh lạc, do ngôn thuyết được vào, ấy là đệ nhất nghĩa. Chẳng phải ngôn thuyết là đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa là, thánh trí tự giác đã được. Chẳng phải cảnh giới ngôn thuyết vọng tưởng giác. Thế nên, ngôn

thuyết vọng tưởng không hiển bày đệ nhất nghĩa. Ngôn thuyết là sanh diệt dao động, lần lượt do nhân duyên khởi. Nếu lần lượt nhân duyên khởi thì nó không hiển bày đệ nhất nghĩa. Đại Huệ! Vì tướng tự tha không tánh, nên tướng ngôn thuyết chẳng hiển bày đệ nhất nghĩa. Lại nữa, Đại Huệ! Vì tùy nhập tự tâm hiện lượng, các thứ tướng bên ngoài tánh phi tánh. Ngôn thuyết vọng tưởng chẳng hiển bày đệ nhất nghĩa. Thế nên, Đại Huệ! Phải lìa tướng ngôn thuyết các thứ vọng tưởng.

Phân chia ngôn thuyết và sở thuyết, cùng tột cảnh thú của ngôn thuyết, hiển đệ nhất nghĩa chẳng phải ngôn thuyết đến được. Ngôn thuyết này là riêng chỉ danh, cú, văn, thân. Sở thuyết là chỗ hiển bày của ngôn thuyết, gồm có vọng tưởng và tướng so sánh biết. Nên nói là cảnh giới ngôn thuyết vọng tưởng giác, chẳng phải thật đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa là chỗ thánh lạc do ngôn thuyết mà vào, như lấy tay chỉ mặt trăng, chẳng phải ngón tay là mặt trăng. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Như người lấy tay chỉ trăng cho người, người kia nhân ngón tay nên phải thấy mặt trăng. Nếu chỉ thấy ngón tay cho là thể mặt trăng thì, người này đâu những quên mất vàng mặt trăng, cũng quên luôn ngón tay kia. Vì có sao? Vì nhận ngón tay nêu kia làm mặt trăng sáng, đâu những quên ngón tay mà cũng chẳng biết sáng cùng với tối. Vì có sao? Vì cho thể ngón tay là mặt trăng sáng thì, tướng sáng tối không rành rõ”. Phàm đệ nhất nghĩa tự giác thánh trí đã được, chẳng phải cảnh giới ngôn thuyết vọng tưởng giác. Thể ngón tay, thể mặt trăng, sáng tối rõ vậy. Cho nên nói ngôn thuyết vọng tưởng chẳng hiển bày đệ nhất nghĩa. Sanh diệt dao động tức là đầu, ngược ... tám việc, lần lượt hòa hợp. Nghĩa là nhân duyên lần lượt hòa hợp này, không hay hiển bày đệ nhất nghĩa là chỉ ngôn thuyết vậy. Tướng tự tha tức

là chỉ sở thuyết. Nghĩa là cảnh tự tha sở thuyết là y nơi vọng tưởng phân biệt, như hoa trong gương không có thật tánh, đây là tướng ngôn thuyết. Cho nên nói “tướng ngôn thuyết không hiển bày đệ nhất nghĩa”. Người thật hay nhập tự tâm hiện lượng thấy các thứ tướng bên ngoài, đều không tự tánh, đều do ngôn thuyết vọng tưởng dựng lập. Nếu là ngôn thuyết vọng tưởng tức không có tướng tất cả cảnh giới. Chính ngay lúc này chỉ có thể chứng biết, không cho có nói năng. Cho nên chỉ nói “ngôn thuyết vọng tưởng không hiển bày đệ nhất nghĩa” mà thôi. Chỗ ngôn ngữ suy tư dứt bật là chỗ thánh lạc tiến đến. Mù tan thì mặt trời hiện, như con gặp mẹ, thời tiết nếu đến lý kia tự bày. Cho nên rốt sau nói “phải là tướng ngôn thuyết vọng tưởng”.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên nghĩa này nên nói kệ rằng:

Các tánh không tự tánh
 Lại cũng không ngôn thuyết
 Nghĩa thậm thâm không không
 Kẻ ngu không thể hiểu
 Tất cả tánh tự tánh
 Pháp ngôn thuyết như bóng
 Còn Tự Giác Thánh Trí
 Thật tế ta đã nói.

Tất cả các pháp không có tự tánh, không thể nói bày, đây là nghĩa thậm thâm không không. Sanh tử không, Niết-bàn không. Chỗ đất tự giác thánh trí thật tế, chẳng phải kẻ ngu hay hiểu. Cho nên trong kinh đều là ngôn thuyết tự tánh, pháp như bóng, vang, vì phương tiện chỉ

chỗ trở về. Tông Cảnh nói: “Ngôn thuyết là từ giác quán sanh, là cộng tướng hòa hợp mà khởi. Phân biệt là nhân ý thức sanh, là suy tính so lường mà khởi. Tóm lại mà nói, đều nhân bất giác, giáo quán tùy sanh. Nếu không có tâm bất giác thì tất cả các pháp thầy không có tự tướng có thể nói, chỉ trừ môn phương tiện mà vì mở bày, đạo tốt cùng trở về là vô ngôn”.

5- CHỈ NHƯ LẠI TÀNG TỰ GIÁC THÁNH TRÍ LÀ BỐN CÂU CÓ KHÔNG.

Đại Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Cúi xin vì nói lìa một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường chỗ chẳng hành của tất cả ngoại đạo, là chỗ hành của tự giác thánh trí. Lìa vọng tưởng tự tướng cộng tướng vào nghĩa đệ nhất chân thật. Các địa tiếp nối thứ lớp tiến lên được tướng thanh tịnh, tùy vào địa tướng của Như Lai, bản nguyện không khai phát. Ví như châu ma-ni có các hình sắc, cảnh giới vô biên tướng hạnh, tướng tự tâm hiện thú bộ phận, tất cả các pháp. Con và các vị đại Bồ-tát lìa kiến chấp vọng tưởng tự tánh, tự tướng, cộng tướng như thế v.v..., chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khiến tất cả chúng sanh được tất cả an lạc đầy đủ sung mãn.

Ở Tây Vực có chín mươi sáu thứ ngoại đạo đều do bốn câu có, không v.v... khởi ra sáu mươi hai lối kiến chấp. Luận Bảo Tánh nói: “Bồ-tát loạn ý về không đối với chân không diệu hữu này vẫn có ba cái nghi. Một là nghi không để diệt sắc, chấp cái không đoạn diệt. Hai nghi không khác với sắc, chấp ngoài sắc có không. Ba nghi không là vật, chấp không làm hữu”. Bồ-tát còn vậy, huống là phàm ngu ngoại đạo ư? Đại Trí Độ Luận kệ nói: “Có không hai kiến diệt chẳng còn, các pháp thật

tướng Phật đã nói”. Chư pháp thật tướng là nói chỗ hành của tự giác thánh trí. Thiên Dẫn Tuyệt Vô Ý Quán nói: “Nghĩa là chân không này không thể nói tức sắc chẳng tức sắc, không thể nói tức không chẳng tức không, tất cả đều không thể nói, không thể nói cũng không thể nói. Lời này cũng chẳng thọ, vượt xa không còn chỗ gá, chẳng phải chỗ lời nói đến, chẳng phải chỗ hiểu được, ấy gọi là hạnh cảnh. Vì có sao? Vì sanh tâm động niệm liền trái pháp thể, liền mất chánh niệm. Cho đến, nếu tiền giải không rỗng suốt thì không do đâu tiếp tục tu hành. Nếu chẳng giải hạnh pháp này, dứt cái tiền giải không do đâu thành chánh giải kia. Nếu giữ cái giải chẳng bỏ thì không do đâu vào chánh hạnh này. Thế nên hạnh do giải thành, hạnh khởi giải tuyệt”. Nghĩa đệ nhất chân thật y cứ vào Sơ địa kiến đạo tự nhận được thật tướng các pháp. Kinh Hoa Nghiêm thì chỉ Thập trụ sơ tâm thấy rõ Phật tánh cùng Phật không khác. Trải qua các vị, một vị tức là tất cả vị, hành bố (tiệm thứ) viên dung (đốn ngộ) thuần dùng vô công dụng đạo nhậm vận tiến đến Phật. Vào cõi nước vô biên khắp hiện sắc thân, đều chẳng ngoài sai biệt do tự tâm hiện ra. Bốn câu là, câu một, câu khác, câu cũng một cũng khác, câu chẳng phải một chẳng phải khác. Câu một là nhiếp thuộc về hữu và thường. Câu khác là nhiếp thuộc về vô và vô thường. Ba cái này đều có bốn câu. Pháp của ta cũng có nghĩa phá bốn câu. Văn Niết-bàn Luận nói: “Còn mà chẳng phải là hữu, để phá chấp thường của Thanh văn. Mất mà chẳng phải là vô, để phá chấp đoạn của Thanh văn. Mất mà chẳng phải là vô, tuy vô mà là hữu. Còn mà chẳng phải là hữu, tuy hữu mà là vô”. Đây là song phá hữu vô, hiển bày cũng hữu cũng vô. Tuy hữu mà vô nên nói phi hữu. Tuy vô mà hữu nên nói phi vô. Đây là phá cũng hữu cũng vô, hiển bày phi

hữu phi vô. Thầy đều lẫn nhau phá trừ để hiển trung đạo là chỗ Phật sở hành.

Phật bảo Đại Huệ: Lành thay, lành thay! Ông hay hỏi ta nghĩa như thế được nhiều an lạc, được nhiều lợi ích, thương xót tất cả chư thiên và người đời. Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, ta sẽ vì ông phân biệt giải nói. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn, lành thay! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Phạm phu ngu si chẳng biết tâm lượng, chấp tánh trong ngoài, y nơi một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, tự tánh là tập nhân chấp trước vọng tưởng.

Chẳng biết tự tâm hiện lượng thì toàn thể là thức, tự nhiên chẳng biết lý do các tánh trong ngoài, lầm ở trước mắt vọng sanh phân biệt. Đây là sở do sanh tứ cú. Tập nhân là chỉ cho chủng thức. Chẳng biết tâm lượng tức thành tập nhân, cố nhiên sanh chấp trước vậy.

Ví như bầy nai bị khát bức ngặt thấy sóng nắng trong mùa xuân mà khởi tưởng là nước, mê loạn chạy tìm, không biết chẳng có nước. Như thế, người ngu hư ngụy vọng tưởng huân tập từ vô thủy, ba độc đốt tâm ưa cảnh giới sắc, thấy sanh trụ diệt, chấp tánh trong ngoài, rơi nơi tưởng một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường vọng kiến nhiếp thọ.

Trước nói các kiến chấp khởi lên là do mê tự tâm lượng, mà thành chủng thức, thấy có trong ngoài, sanh bốn thứ tà kiến. Đây nói hiện hạnh và chủng tử cùng nhau sanh, lẫn nhau hoặc loạn, đối với cứu kính không, thành cứu kính có.

Như thành Càn-thát-bà, phàm ngu không trí khởi tưởng là thành, tập khí chấp trước tướng từ vô thủy hiện. Kia chẳng phải có thành, chẳng phải không thành. Như thế, ngoại đạo hư ngụy tập khí chấp trước từ vô thủy, y nơi cái thấy một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường không thể rõ biết tự tâm hiện lượng.

Tập khí chấp trước tướng từ vô thủy hiện, kia chẳng phải chẳng thành chẳng phải không thành, đây là nói rất rõ tâm sắc tất cả cảnh giới hiện tiền đều duy thức biến, chẳng thật có không, nên nói như huyền bất khả tư nghì. Ngoại đạo không trí làm là thật có, luống thêm tà kiến.

Thí như có người mộng thấy nam nữ, voi ngựa, xe cộ, thành ấp, vườn rừng, núi sông, ao hồ các thứ trang nghiêm, tự thân vào trong ấy, khi thức rồi chỉ còn nghĩ nhớ. Đại Huệ! Ý ông nghĩ sao? Kể kia như thế, đối với việc mộng trước nhớ nghĩ chẳng bỏ, là người thông minh chẳng? Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Chẳng thông minh. Phật bảo Đại Huệ: Phàm phu như thế bị ác kiến nhai, ngoại đạo trí tuệ mà chẳng biết tự tâm hiện tánh như mộng, y nơi kiến chấp một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường.

Đây lấy việc thấy trong mộng so sánh cho dễ biết. Đến khi thức rồi nhớ nghĩ chẳng bỏ, gồm dụ cho người ngu, biết rõ các pháp chẳng có nhân khác, mà chấp pháp trong ngoài vẫn cố chẳng quên.

Thí như tượng vẽ chẳng cao thấp, mà phàm ngu kia khởi tưởng cao thấp. Như thế đời sau ngoại đạo ác kiến tập khí đầy đầy y nơi kiến chấp một, khác, đồng, chẳng

đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường tự hoại và hoại người. Còn luận là có không vô sanh cũng là ngôn thuyết không, kiến chấp bài bác nhân quả, nhổ gốc thiện căn, hoại nhân thanh tịnh. Người thảng cầu phải xa lìa đó. Khởi nói như thế là họ rơi nơi kiến chấp tự, tha, đồng, là vọng tưởng có không rồi, chìm nơi kiến lập (có) và phủ bác (không), do ác kiến ấy sẽ đọa vào địa ngục.

Thế Tôn nơi đây thâm trách ngoại đạo ác kiến, dựng lập tự tông phủ bác chánh pháp, lưu truyền đời sau, tự hoại và hoại người sẽ đọa địa ngục.

Thí như con mắt bệnh thấy có tóc rử, liền bảo mọi người rằng các ông xem đây, mà thật tóc rử cứu kính phi tánh phi vô tánh, vì thấy và chẳng thấy. Như thế, ngoại đạo vọng kiến hy vọng y nơi kiến chấp một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, mà phủ bác chánh pháp tự đọa và làm người đọa.

Cứu kính phi tánh phi vô tánh, vì thấy và chẳng thấy là, tất cả pháp thấy như tóc rử, chẳng phải tánh có không, do người thấy cùng chẳng thấy, đây là chỉ thẳng duy thức. Lập lại nói phủ bác chánh pháp, tự đọa và làm người đọa, là lòng thương xót thiết tha của Như Lai, đại khái có thể thấy vậy.

Thí như vòng lửa chẳng phải vòng, người ngu tưởng là vòng, chẳng phải là người có trí. Như thế, ngoại đạo ác kiến hy vọng y nơi một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, tưởng tất cả tánh sanh.

Bản dịch đời Ngụy không có đoạn này, cũng khắp dụ không có nghĩa riêng cho nên lược.

Thí như bong bóng nước giống như châu ma-ni, đũa bé ngu không trí khởi tưởng ma-ni, chấp trước tìm cầu. Song bong bóng nước kia không phải ma-ni, chẳng phải phi ma-ni. Vì chấp và chẳng chấp. Như thế, ngoại đạo ác kiến vọng tưởng tập khí huân tập, đối với vô sở hữu nói là có sanh, duyên nơi có sanh nói là diệt.

Bong bóng nước là một, vì có người chấp người chẳng chấp, chẳng phải thật có sanh diệt. Phàm phu ngoại đạo đối với bong bóng nước vô sở hữu mà chấp cho là hữu. Kẻ ngu duyên nơi bong bóng nước có, chẳng chấp cho là diệt. Kinh Ương-quật-ma-la bài kệ nói: “Thí như có kẻ ngu, thấy bọt sanh vọng tưởng, cho là châu lưu ly, lấy rồi đem trở về, để nó ở trong bình, gìn giữ như chân bảo, chẳng lâu thấy tiêu dung, tưởng không lặng yên đứng, nơi chân lưu ly khác, cũng lại khởi tưởng không. Văn Thù cũng như thế, tu hành tốt không tịch, thường khởi suy nghĩ không, phá hoại tất cả pháp. Giải thoát thật chẳng không, mà khởi tưởng tốt không, ví như thấy bọt tiêu, lạm hoại các chân bảo. Người nay cũng như thế, lạm khởi tưởng tốt không, thấy được pháp không rồi, chẳng không cũng nói không.”

Lại nữa, Đại Huệ! Có ba thứ lượng, năm phần luận, mỗi thứ dựng lập rồi, được thánh trí tự giác, lìa việc hai tự tánh, mà khởi hữu tánh vọng tưởng chấp trước.

Ba thứ lượng là, hiện lượng, tỷ lượng, thánh ngôn lượng. Hiện lượng là, thật cảnh hiện tiền, chẳng rơi vào ý ngôn, thân được pháp thể không có làm lẫn, như tự giác thánh trí tương ứng với chứng biết. Tỷ lượng là, so sánh mà biết, như nhân cảnh mộng mà biết là tự tâm hiện, tuy chẳng phải thân chứng, mà so sánh biết không dối. Thánh ngôn lượng là, như Pháp thân Phật nói, Báo thân Phật nói, Hóa thân Phật nói, nhất định làm mô

phạm. Ba chi là, tông, nhân, dụ. Như đối với giáo pháp của ta lập lượng rằng: “Như Lai tàng đệ nhất nghĩa tâm là Tông. Nhân nói, vì tự tâm hiện lượng. Dụ nói, như hoa trong gương, trăng đáy nước và cảnh trong mộng”. Như đối với ngoại đạo lập lượng rằng: Kia do thần ngã tánh tánh là Tông. Nhân nói, vì tập khí hư vọng từ vô thủy và tác giả có không. Dụ nói, như lông rùa, dầu cát, bình bể v.v... Ba chi này cũng gọi là ba chi tỷ lượng, cùng với Hợp, Kết thành năm. Ba lượng và năm phần đều là Như Lai nói ra, để hiển bày thánh trí tự giác, là kiến chấp có và không. Song họ chẳng dụng lập thánh trí tự giác, lại khởi có tánh phân biệt, đây là phá nội ngu ngã tướng.

Đại Huệ! Tâm, ý, ý thức thân tâm chuyển biến, tự tâm hiện năng nhiếp sở nhiếp các vọng tưởng dứt. Như Lai địa tự giác thánh trí, người tu hành không đối với kia khởi tưởng tánh và phi tánh. Nếu người tu hành kia nơi cảnh giới như thế, tánh (có) phi tánh (không) nhiếp thủ tướng sanh thì kia chấp trường dưỡng và chấp ngã nhân.

Tâm, ý, ý thức thân tâm chuyển biến, tự tâm hiện năng nhiếp sở nhiếp vọng tưởng dứt là, đã chuyển tâm, ý, ý thức thì tự tâm hiện ra năng thủ và sở thủ các vọng tưởng liền đoạn. Cho nên lại nói: Như Lai tự giác thánh trí chẳng nên nơi kia lại khởi thấy có không. Nếu người tu thánh hạnh đối cảnh giới tự giác là pháp có không, mà khởi chấp có tánh tướng, tức là rơi vào ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Đây là nương văn trước là khởi chấp trước có tánh lại thêm một phen cạo gọt. Kinh Viên Giác nói: “Tâm ấy cho đến chúng cứu kính Như Lai rõ biết Niết-bàn thanh tịnh đều là ngã tướng”. Lại nói: “Ngộ rồi vượt hơn tất cả chúng, thấy là nhân tướng”. Lại nói:

“Liễu chứng liễu ngộ đều là ngã nhân, mà tướng ngã nhân chẳng kịp, còn có sở liễu gọi là chúng sanh tướng”. Lại nói: “Tâm chiếu thanh tịnh giác được sở liễu, tất cả nghiệp trí trọn không tự thấy vẫn như mạng căn”. Lại nói: “Như nước sôi làm tiêu băng, không riêng có băng, biết băng tiêu vẫn còn ngã để giác ngã, cũng lại như thế”. Cho nên biết được tự giác thánh trí, là việc hai tự tánh (có, không) mà còn khởi hữu tánh vọng tưởng chấp trước, đều chẳng là bốn tướng này.

Đại Huệ! Nếu nói tánh kia tự tánh, tự tướng, cộng tướng, tất cả đều là Hóa Phật nói ra, chẳng phải Pháp Phật nói. Lại, các ngôn thuyết, thấy do ngu phu hy vọng kiến chấp mà sanh. Chẳng vì riêng dựng lập đến pháp tự tánh. Người được thánh trí tự giác tam-muội lạc trụ, mới phân biệt hiển bày.

Đây lại nói Như Lai có khi nói tánh, nói tướng, các thứ tự và tha, đều là Hóa Phật nói. Bởi vì ngu phu hy vọng có sở đắc, vì chỉ hóa thành, mà chẳng thật có kiến lập tiến đến pháp tự tánh. Vì người được thánh trí tự giác tam-muội lạc trụ phân biệt hiển bày. Nhật dụng của chúng sanh thật chẳng phải vô thường. Vì trừ chấp thường nói tướng vô thường, cho đến cũng phi vô lạc, ngã, tịnh. Vì trừ chấp lạc, ngã, tịnh nên nói tướng vô lạc, ngã, tịnh. Thánh trí tự giác cũng không đắc quả đắc thiền, vì thuận theo hy vọng nói quả tướng, nói thiền tướng. Nếu không hy vọng, ắt Như Lai trước sau chẳng nói. Cho nên biết hy vọng tình kiến muốn đoạt gấp trong lời Phật nói, mà thánh trí thâm hợp, phải mở đường tỏ ngộ ngoài lời nói. Như Lai vẫn có nói ra ở đây, mà chỉ thú lại ở kia. Dem chỗ này để rõ ngôn thuyết trọn chẳng đến, tức dùng dẫn dụ là lời nói tự đến. Trong nước chẳng phải mặt trăng, mà mặt trăng sáng hiện rõ ràng.

Trong gương chẳng phải hình tượng, mà vạn tượng sum la đều lập. Chỗ chí lý chưa bày, mà thánh ý ẩn hiển vậy. Xem văn sau Hóa Phật nói ra, như bóng hình v.v... mới biết chỗ mê của ngu phu ngoại đạo, là chỗ thông của người trí, không có hai đường vậy.

Thí như trong nước có bóng cây hiện, nó chẳng phải bóng phi chẳng phải bóng, chẳng phải hình cây phi chẳng phải hình cây. Như thế, ngoại đạo do kiến tập huân, vọng tưởng chấp trước, y nơi tướng một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường mà không thể hiểu tự tâm hiện lượng. Ví như gương sáng tùy duyên hiển hiện tất cả sắc tượng, mà không vọng tưởng. Kia chẳng phải tượng phi chẳng phải tượng, mà thấy tượng, chẳng phải tượng. Ngu phu vọng tưởng mà khởi tưởng là tượng. Như thế, ngoại đạo ác kiến nơi tự tâm tượng hiện, vọng tưởng chấp trước, y nơi kiến chấp một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường. Thí như gió và nước hòa hợp phát ra tiếng. Kia chẳng phải tánh, phi chẳng phải tánh. Như thế, ngoại đạo ác kiến vọng tưởng y nơi kiến chấp một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường. Ví như quả đất chỗ không có cỏ cây, do sức nắng nóng thấy như suối chảy, sóng dậy, mây tụ, kia chẳng phải tánh, phi chẳng phải tánh, vì tham và không tham. Như thế, ngu phu hư ngụy tập khí huân tập từ vô thủy, vọng tưởng chấp trước y nơi sanh trụ diệt, một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, duyên môn tự trụ sự, cũng như nắng nóng, sóng mòi. Ví như có người dùng chú thuật máy phát động, chẳng phải trong số chúng sanh, do quỷ Tì-xá-xà phương tiện hiệp thành, dao động, lăng

xăng, phàm phu vọng tưởng chấp trước cho là có qua lại. Như thế ngoại đạo ác kiến hy vọng, y nơi kiến chấp một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, hí luận chấp trước, chẳng thật kiến lập. Đại Huệ! Thế nên muốn được việc tự giác thánh trí phải lìa sanh trụ diệt, một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường v.v... ác kiến vọng tưởng.

Đây nêu ra do Hóa Phật nói để chỉ quyền, thật gồm bày. Bởi do tự tâm hiện lượng không mình không người, tùy duyên cảm đến ứng vật hiện hình, mặc các hữu tình phân biệt thấy khác. Bóng cây trong nước chẳng thuộc có không. Gương sáng hiện hình vốn không tâm chiếu. Gió nước phát tiếng chẳng phải nhân chẳng phải duyên. Do sức nắng nóng thấy như suối chảy, sóng dậy, mây tụ, tham cùng không tham đều chẳng phải sanh diệt. Bởi chú thuật nên tử thi đi, máy động, tượng dậy, trọn không có sự thật, mà đi đến rõ ràng. Đây đều là tự tâm hiện ra chẳng phải chân chẳng phải vọng, chẳng kia chẳng đây, chẳng hòa chẳng hợp, chẳng giác chẳng tri. Như Lai lấy mộng huyễn trắng đày nước thuận theo căn dục kia, mà dùng toàn cơ đại dụng, ngộ đây tu hành. Ngu phu và ngoại đạo chẳng biết ở trong pháp thánh trí tự chứng, vọng khởi tà kiến, có kiến lập ra đều thành hí luận.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nói kệ rằng:

Huyễn, mộng, bóng cây nước

Tóc rủ, nắng mùa nóng

Như thế xem ba cõi

Cứu kính được giải thoát.

Bài kệ này nói các pháp trong ba cõi, không thể có không, thấy đều như việc mộng huyễn v.v... Khởi quán như thế liền đó được giải thoát.

Ví như nai khát tưởng

Động chuyển tâm mê loạn

Nai tưởng cho là nước

Mà thật không có nước.

Như thế chủng tử thức

Động chuyển thấy cảnh giới

Người ngu vọng tưởng sanh

Như mắt nhắm bị che

Nơi sanh tử vô thủy

Chấp trước tánh nhiếp thọ

Như ngược chột tháo chột

Xả lìa tham nhiếp thọ.

Như huyễn chú máy động

Mây nổi mộng điện chớp

Quán thế được giải thoát

Hằng đoạn ba tương tục.

Nơi kia không người tạo

Ví như nắng trong không

Như thế biết các pháp

Tức là không chỗ biết.

Năm bài kệ này nói ba cõi như mộng huyễn vốn không sự thật. Do chủng tử thức vọng thấy cảnh giới, như mắt bệnh thấy hoa đốm, làm cho hoa từ con mắt sanh, chấp con mắt thấy hoa là tánh nhiếp thọ. Đây chính là căn bản sanh tử từ vô thủy, vọng tâm phân biệt. Nếu hay tức cái phân biệt này biết là vọng phân biệt, như tháo chốt ra. Mới biết máy động, chú đứng dậy, mây nổi, mộng, điện chớp, ngay đó không người, liền được xa lìa tam độc nhiếp thọ, mà không có người xa lìa. Nên nói dùng trí vô tác quán tất cả pháp, mà không phải cảnh giới giác tưởng.

Ngôn giáo chỉ giả danh
 Kia cũng không có tướng
 Nơi kia khởi vọng tưởng
 Ấm hành như tóc rử
 Như vẽ, tóc rử, huyễn
 Mộng, thành Càn-thát-bà
 Vòng lửa, sóng nắng nóng
 Không mà hiện chúng sanh.
 Thường, vô thường, một, khác
 Đồng, chẳng đồng cũng vậy,
 Lỗi vô thủy tiếp nối
 Kẻ ngu si vọng tưởng.
 Gương sáng, nước trong, mắt.
 Ma-ni diệu bảo châu
 Trong ấy hiện các sắc

Mà thật không thể có
 Tất cả tánh hiển hiện
 Như vẽ sóng nắng nóng
 Các thứ sắc hiện bày
 Như mộng không thể có.

Năm bài kệ này nói Như Lai thuyết pháp cũng vì chúng sanh giả lập danh ngôn. Nhân kia phân biệt vọng kiến, nên bảo họ rằng: “Năm ấm các hành như tóc rử v.v... Ở trong cái vô sanh mà hiện việc sanh”. Cho đến bốn câu tà chấp cũng lại như thế, đều là hư ngụy từ vô thủy. Kẻ ngu không biết vọng sanh phân biệt. Hai bài kệ sau, lại nói tất cả ngôn giáo đều tùy theo căn dục của chúng sanh có bày hiện ra mà chẳng phải pháp thật. Đây là nhờ gốc kẻ ngu nhân lời nói sanh hiểu biết. Như Lai dẫn đường từ quyền về thật, ý rất thâm thiết.

Lại nữa, Đại Huệ! Như Lai nói pháp là bốn câu như thế. Nghĩa là một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường. Là nơi có không kiến lập và phỉ báng phân biệt, kiết tập chân đế duyên khởi đạo, diệt, giải thoát. Như Lai nói pháp lấy đó làm đầu, chẳng phải tánh, chẳng phải Tự Tại thiên, chẳng phải vô nhân, chẳng phải vi trần, chẳng phải thời, chẳng phải tự tánh tương tục, mà vì nói pháp. Lại nữa, Đại Huệ! Vì sạch phiền não và sở tri chướng, ví như thương chủ dẫn đường thứ lớp dựng lập một trăm lẻ tám câu vô sở hữu, khéo phân biệt các thừa và tướng các địa.

Đây là tổng kết Như Lai nói pháp là là tứ cú có không phân biệt, để kiết tập chân đế. Chân đế là tự giác thánh trí đệ nhất nghĩa đế, đây chẳng phải tứ đế của Nhị thừa,

mà có thể so sánh. Thấy tự giác đệ nhất chân đế, mới hay thâm đạt lý duyên khởi. Tùy thuận tu đạo chứng nơi tịch diệt mà được giải thoát. Đây là lý do cùng với luận của ngoại đạo nào là thắng tánh, tự tại v.v... khác vậy. Đoạn hai thứ chượng cũng tức là việc tu đạo chứng diệt. Song đều kiệt tập nơi tự giác chân đế. Nên nói dựng lập một trăm lẻ tám câu ở vô sở hữu. Vô sở hữu tức chỉ chân đế, không tất cả kiến chấp hữu vô. Tức thế gian tức phi thế gian, tức xuất thế gian, tức phi xuất thế gian, câu ấy rõ ràng trong sáng, thuần nhất không tạp. Cho nên biết vô sở hữu, là kho tàng bí mật của Như Lai, trong sạch không nhơ. Được trụ đây rồi tự hay khéo phân biệt biết các tướng thừa, địa. Đây vẫn là thuận tánh khởi dụng, khéo dùng các phương tiện để tự trang nghiêm, mà chẳng phải riêng có. Như Lai thuyết pháp khắp vì các Bồ-tát thành tựu tự giác, như thương chủ dẫn đường, đến nơi Bảo sở, lại không có pháp thật.

6- CHỈ BỐN THỨ THIỀN ĐỂ HIỆN NHƯ LAI THANH TỊNH CHĂNG ĐỒNG NHỊ THỪA.

Lại nữa, Đại Huệ! Có bốn thứ thiền. Thế nào là bốn? Nghĩa là ngu phu sở hành thiền, quán sát nghĩa thiền, phan duyên như thiền, Như Lai thiền. Thế nào là ngu phu sở hành thiền? Nghĩa là Thanh văn, Duyên giác, ngoại đạo tu hành, quán tánh nhân vô ngã, tự tướng, cộng tướng, các lóng xương, vô thường, khổ, tướng bất tịnh, chấp trước làm đầu. Tướng như thế chẳng quán khác, trước sau chuyển tiến, tướng chẳng trừ diệt. Ấy gọi là ngu phu sở hành thiền.

Bốn thứ thiền, chỉ ngu phu sở hành thiền là chỗ tu của nhị thừa ngoại đạo. Quán sát thiền, duyên như thiền là hành tướng của các địa. Như Lai thiền là tướng cứu kính của tự giác thánh trí. Nhị thừa quán khổ, không, vô

ngã, bất tịnh, tu tập tứ đế. Nghĩa là biết khổ, đoạn tập, tu đạo, chứng diệt. Đây là đối trị thế gian vô thường chấp là thường, vô lạc chấp là lạc, vô ngã chấp là ngã, bất tịnh chấp là tịnh. Tu quán vô ngã, quán thành tự ròi, đến chỗ ái hết được Niết-bàn, mà pháp tướng trong ngoài trọn chẳng trừ diệt. Do chẳng biết pháp trong ngoài tự tâm hiện ra, cho là thật có chỗ diệt, thật có chỗ chứng. Đây tuy là chánh pháp mà đồng với ngoại đạo. Cho nên Thế Tôn của ta ở trên hội Niết-bàn, đặc biệt vì nhị thừa nói bốn thật đế. Gọi Bồ-tát Văn Thù nói: “Có khổ có đế có thật, có tập có đế có thật, có diệt có đế có thật, có đạo có đế có thật. Như Lai phi khổ phi đế là thật. Như không phi khổ phi đế là thật. Phật tánh phi khổ phi đế là thật”. Đây nói khổ, là tướng vô thường, là tướng nên đoạn, ấy là chân đế. Tánh của Như Lai phi khổ phi vô thường, chẳng phải tướng nên đoạn, thế nên là thật. Nói là tập, hay khiến năm ấm hòa hợp mà sanh, cũng gọi là khổ, cũng gọi là vô thường, ấy là tướng nên đoạn. Tánh Như Lai chẳng phải tánh tập, chẳng phải là nhân ấm, chẳng phải là tướng nên đoạn, thế nên là thật. Nói là diệt, gọi là phiền não diệt, cũng có thường vô thường, là sở đắc của nhị thừa, gọi là vô thường. Sở đắc của chư Phật ấy gọi là thường, cũng gọi là chứng pháp, ấy là thật đế. Tánh của Như Lai chẳng gọi là diệt, mà hay diệt phiền não, chẳng phải có thường và vô thường, chẳng gọi là chứng biết mà thường trụ không biến, thế nên là thật. Đạo là hay đoạn phiền não, cũng có thường vô thường, là pháp nên tu, ấy gọi là thật đế. Như Lai chẳng phải đạo, mà hay đoạn phiền não, chẳng phải có thường và vô thường, chẳng phải pháp nên tu, thường trụ chẳng biến đổi, thế nên là thật. Lại nói: “Các ngoại đạo v.v... có khổ tập đế, không diệt đạo đế. Đối với cái chẳng phải diệt mà sanh tưởng diệt, đối với

cái chẳng phải đạo mà sanh tướng đạo, đối trong cái chẳng phải quả mà sanh tướng quả, đối trong chẳng phải nhân mà sanh tướng nhân. Bởi do nghĩa này nên kia không có một đạo thanh tịnh”. Kinh này nói: “Trước sau chuyển tiến, tướng chẳng trừ diệt”, chính chỉ có tướng nên đoạn, có tướng nên tu, pháp bị chứng biết. Nên nói chẳng phải quả mà sanh tướng quả, chẳng phải nhân mà sanh tướng nhân.

Thế nào là quán sát nghĩa thiên? Nghĩa là nhân vô ngã, tự tướng, cộng tướng và ngoại đạo tự, tha, đồng, không tánh rồi, quán pháp vô ngã, nghĩa tướng địa kia thứ lớp tăng tiến, ấy gọi là quán sát nghĩa thiên.

Đây là quán pháp vô ngã, mới vào duy thức. Bồ-tát chứng duy thức đạt tất cả pháp không, gọi là phần kiến đạo, ấy là Sơ địa. Do nghĩa tướng các địa ấy thứ lớp tăng tiến.

Thế nào là phan duyên như thiên? Nghĩa là vọng tưởng về hai vô ngã vẫn là vọng tưởng, chỗ như thật chẳng sanh vọng tưởng, ấy gọi là phan duyên như thiên.

Vào đất chân như thật tế, đã thấy pháp tướng hai vô ngã thanh tịnh, còn không hiện tiền. Nếu tướng này hiện tiền, vẫn gọi là vọng tưởng, chẳng gọi là như thật chứng biết.

Thế nào là Như Lai thiên? Nghĩa là vào đất Như Lai được tướng tự giác thánh trí, ba thứ lạc trụ, thành tựu việc bất khả tư nghì cho chúng sanh, ấy gọi là Như Lai thiên.

Ba thứ lạc trụ là nói ba tam-muội: Không tam-muội, vô tướng tam-muội, vô tác tam-muội. Không là đối hai mươi lăm cõi chẳng thấy có một pháp thật. Vô tác là đối hai mươi lăm cõi chẳng khởi nguyện cầu. Vô tướng là

không có mùi tướng: Sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, sanh tướng, trụ tướng, diệt tướng, nam tướng, nữ tướng. Thật tướng cũng có ba thứ vui: Một thọ vui, hai vắng lặng vui, ba giác tri vui. Như Lai thường trụ không có đổi dời, gọi là thật tướng. Khi ấy Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nói kệ rằng:

Phàm phu sở hành thiên,
 Quán sát tướng nghĩa thiên
 Phan duyên như thật thiên,
 Như Lai thanh tịnh thiên.
 Thí như hình nhật nguyệt
 Bát-đầu-ma, lặng sâu
 Như hư không, lửa hết,
 Người tu hành quán sát.
 Như thế các thứ tướng
 Ngoại đạo nói thông thiên
 Cũng rơi vào Thanh văn
 Và cảnh giới Duyên giác.
 Bỏ lìa tất cả kia
 Tức là vô sở hữu
 Chư Phật tất cả cõi
 Dùng tay bắt tư nghi,
 Một lúc rờ đánh kia
 Tùy thuận vào tướng như.

Bát-đầu-ma dịch là hoa sen hồng. Hình nhật nguyệt, hoa sen hồng, tượng biển lặng sâu, hư không lửa hết đều là cảnh giới sai biệt của thiên định. Ngoại đạo, nhị thừa vì chấp trước nên thành tà kiến. Nếu tất cả bỏ lìa, liền đó tự giác tức là chỗ vô sở hữu. Liền được chư Phật gia hộ tùy vào Như Lai địa chân như thật tướng.

7- CHỈ NHƯ LẠI TẠNG TỰ TÁNH NIẾT-BÀN CHẴNG ĐỒNG NHỊ THỪA.

Khi ấy, đại Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Vào Niết-bàn, nói những pháp gì gọi là Niết-bàn? Phật bảo Đại Huệ: Tất cả tự tánh, tập khí, tạng, ý, ý thức, kiến, tập chuyển biến gọi là Niết-bàn. Chư Phật và Niết-bàn của ta là cảnh giới tự tánh không sự.

Tự tánh tập khí tạng là thức thứ tám. Ý là thức thứ bảy. Ý thức là thức thứ sáu. Tức là tâm, ý, ý thức. Kiến tập chuyển biến, thức thứ tám là Như Lai tạng không có chuyển biến, bị chuyển biến chỉ là kiến và tập. Như Lai tạng bất giác vọng động khởi kiến phần, do đó nhân, pháp huân biến thành tập khí. Nếu hay phát minh thức tức là tánh, liền lìa kiến tập, ấy gọi là Niết-bàn. Niết-bàn gọi là tạng bí mật, như chữ y (o0o) ba điểm. Kinh Niết-bàn nói: “Pháp giải thoát cũng chẳng phải Niết-bàn, thân Như Lai cũng chẳng phải Niết-bàn, ma-ha Bát-nhã cũng chẳng phải Niết-bàn. Ba pháp mỗi thứ khác cũng chẳng phải Niết-bàn”. Đây là pháp thân Như Lai, trí tuệ, giải thoát viên mãn không thiếu, chẳng phải dọc chẳng phải ngang, nên gọi là tự tánh không sự. Lại nói: “Tu đại Niết-bàn thấy biết pháp giới, hiểu rõ thật tướng, không vô sở hữu, không có tướng hòa hợp hiểu biết”.

Lại nữa, Đại Huệ! Niết-bàn là cảnh giới thánh trí tự giác, lìa đoạn thường, vọng tưởng tánh, phi tánh. Thế nào là

phi thường? Nghĩa là tự tướng, cộng tướng, vọng tướng dứt nên phi thường. Thế nào là phi đoạn? Nghĩa là tất cả thánh quá khứ vị lai hiện tại được tự giác nên phi đoạn.

Kinh Niết-bàn nói: “Niết-bàn không nhân mà thể là quả. Vì có sao? Vì không sanh diệt, vì chẳng làm ra, vì chẳng phải hữu vi, vì là vô vi, vì thường chẳng đổi, vì không chỗ nơi, vì không thủy chung. Thiện nam tử! Nếu Niết-bàn có nhân thì không được gọi là Niết-bàn. Vì không nhân nên chẳng rơi vào thường, vì thể tự giác thánh trí nên chẳng rơi vào đoạn. Lại Niết-bàn vô ngã, mà có tám thứ tự tại gọi là đại ngã: Một là hay thị hiện một thân làm vi trần thân. Hai là hay thị hiện một trần thân đầy cả đại thiên giới. Ba hay dùng thân đầy cả đại thiên giới nhẹ nhàng bay trong không. Bốn hay làm một việc mà khiến chúng sanh mỗi mỗi xong xuôi, hoặc ở một cõi mà khiến cõi khác đều thấy. Năm hay sáu căn hổ dụng. Sáu hay được tất cả pháp mà không sở đắc. Bảy nói tự tại. Tám đầy khắp tất cả chỗ tự tại. Đây là cảnh giới đại bát Niết-bàn tự giác của ba đời Như Lai”.

Đại Huệ! Niết-bàn chẳng hoại chẳng tử. Nếu Niết-bàn tử, lại phải thọ sanh tương tục. Nếu hoại lẽ ượng rơi vào tướng hữu vi. Thế nên, Niết-bàn lìa hoại, lìa tử. Vì thế nên là chỗ nương về của người tu hành.

Thế Tôn thường bảo Ca-diếp rằng: “Người không nên khởi nghĩ tướng này, bảo Như Lai tánh là diệt tận. Ca-diếp! Diệt phiền não chẳng gọi là vật, vì hằng cứu kính thế nên gọi là thường”. Lại nói: “Thí như thánh vương nghỉ ở hậu cung, hoặc khi dạo chơi ở sau vườn, vua tuy chẳng ở trong các thể nữ, không thể nói thánh vương mạng chung. Như Lai cũng vậy, tuy không hiện trong cõi Diêm-phù-đề, vào trong Niết-bàn, mà chẳng gọi vô

thường. Như Lai ra khỏi vô lượng phiến não vào nơi Niết-bàn an lạc, dạo vườn hoa giác, hoan hỉ thọ vui”. Lại nói: “Nay ta sẽ khiến tất cả chúng sanh và đem bốn bộ chúng con ta thấy đều an trú trong kho bí mật. Ta cũng an trú trong ấy vào nơi Niết-bàn” (Những đoạn này đều dẫn trong kinh Niết-bàn).

Lại nữa, Đại Huệ! Niết-bàn chẳng phải xả, chẳng phải đắc, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường, chẳng phải một nghĩa, chẳng phải nhiều nghĩa, ấy gọi là Niết-bàn.

Kinh Niết-bàn nói: “Giải thoát gọi là không có chỗ khác. Thí như có người chỉ ở trong cái nhà thanh tịnh thượng diệu, lại không có chỗ khác”. Phàm không có chỗ khác là chẳng phải xả vậy. Lại nói: “Giải thoát gọi là không thể thủ. Như trái a-ma-lặc người có thể nắm giữ, giải thoát không như vậy, không thể nắm giữ. Phàm không thể nắm giữ là chẳng phải đắc”. Lại nói: “Giải thoát gọi là đoạn tất cả pháp hữu vi, xuất sanh tất cả pháp vô lậu. Phàm đoạn hữu vi là chẳng phải thường, sanh vô lậu thì chẳng phải đoạn”. Lại nói: “Giải thoát gọi là không thể lường, thí như biển cả không thể tính lường. Lại giải thoát gọi là một vị, như sữa chỉ có một vị, giải thoát cũng vậy, chỉ có một vị. Phàm không thể lường thì chẳng phải một nghĩa, chỉ có một vị thì chẳng phải nhiều nghĩa”.

Đại Huệ! Niết-bàn của Thanh văn, Duyên giác là giác được tự tướng cộng tướng, cảnh giới chẳng tập cận, chẳng kiến điên đảo, vọng tưởng chẳng sanh những vị kia đối trong kia khởi tướng Niết-bàn.

Thanh văn, Duyên giác đối với bốn điên đảo khởi thấy chẳng điên đảo, tướng là Niết-bàn. Sao gọi là bốn điên đảo? Nghĩa là chẳng biết Như Lai thường lạc ngã tịnh,

cho nên đối trong thường tướng vô thường, đối trong lạc sanh tướng khổ, đối trong ngã sanh tướng vô ngã, đối trong tịnh sanh tướng bất tịnh, ấy gọi là bốn đảo. Do bốn điên đảo cho là chẳng điên đảo, nên có tu tập đều là tác nhân, mà chẳng phải liễu nhân, nên không phải chân Niết-bàn.

Đại Huệ! Hai thứ tướng tự tánh. Thế nào là hai? Nghĩa là ngôn thuyết tự tánh tướng chấp trước, sự tự tánh tướng chấp trước. Ngôn thuyết tự tánh tướng chấp trước là, từ vô thủy ngôn thuyết hư ngụy tập khí chấp trước sanh. Sự tự tánh tướng chấp trước là, từ bất giác tự tâm hiện chùng ngăn sanh.

Ngôn thuyết tập khí chấp trước là, như áo màu trắng nói là trắng, áo màu đen nói là đen, cũng có cõi khác chẳng nói trắng đen. Cho nên biết đều là từ vô thủy truyền tập cho là quyết định trắng, quyết định đen. Sự tự tánh chấp trước là như sắc tâm v.v... sanh diệt hiện tiền, hoặc chấp có nhân hoặc chấp không nhân, đều do chẳng biết tự tâm hiện ra vọng khởi tính xét. Hai tướng tự tánh này chính là sở do pháp chấp của phàm phu và ngoại đạo, nên nói lặp lại vậy.

8- CHỈ THẦN LỰC DỰNG LẬP CHẴNG RƠI VÀO CÓ KHÔNG.

Lại nữa, Đại Huệ! Như Lai dùng hai thứ thần lực kiến lập, đại Bồ-tát đành lễ chư Phật nghe nhận hỏi nghĩa. Thế nào là hai thứ thần lực kiến lập? Nghĩa là thần lực trong tam-muội chánh thọ vì hiện tất cả thân mặt ngôn thuyết và thần lực tay quán đành.

Đây là Như Lai kiến lập hai thứ thần lực, gia trì người tu hành trước sau hộ niệm, chẳng rơi vào lối tẽ. Trong thiền định hiện thân mặt ngôn thuyết, đây là Sơ địa

trụ. Tay quán đảnh là đầy đủ thập địa được quán đảnh trao ngôi vị. Nếu không có hai thứ thần lực, quyết định chẳng thành tựu.

Đại Huệ! Đại Bồ-tát khi được Sơ địa Bồ-tát trụ thần lực Phật, nên nói nhập Bồ-tát đại thừa Chiếu minh tam-muội. Nhập tam-muội này rồi mười phương thế giới tất cả chư Phật dùng sức thần thông vì hiện tất cả thân mặt ngôn thuyết, như đại Bồ-tát Kim Cang Tạng và các Bồ-tát khác, tướng công đức như thế thành tựu đại Bồ-tát. Đại Huệ! Ấy gọi là Sơ địa Bồ-tát.

Chiếu minh tam-muội là, định Quang minh. Bồ-tát được nhập định này do trụ thần lực. Bồ-tát Kim Cang Tạng trên hội Hoa Nghiêm nương sức gia trì của Phật, cử một lệ nhiều vậy.

Đại Bồ-tát được Bồ-tát tam-muội chánh thọ thần lực, ở trăm ngàn kiếp chứa nhóm thiện căn được thành tựu tướng thứ lớp các địa đối trị và sở trị thông đạt cứu kính, đến Pháp vân địa trụ nơi cung điện Đại Liên hoa vi diệu, ngồi tòa sư tử báu Đại Liên hoa, đồng hàng đại Bồ-tát quyền thuộc vây quanh, các thứ báu anh lạc trang nghiêm thân, như huỳnh kim, chiêm-bạc, nhật nguyệt quang minh. Các bậc Tối thắng tử từ mười phương đến, đến ngồi trên tòa trong cung điện Đại Liên hoa mà quán đảnh kia. Thí như Chuyển luân thánh vương Tự Tại và thái tử của trời Đế-thích quán đảnh (rót nước trên đầu để truyền ngôi), ấy gọi là Bồ-tát tay quán đảnh thần lực. Đại Huệ! Đây gọi là đại Bồ-tát hai thứ thần lực. Nếu đại Bồ-tát trụ hai thứ thần lực này, diện kiến chư Phật Như Lai. Nếu chẳng như thế thì không thể thấy.

Đây nương Sơ địa, kể đến các địa nhãn đến Thập địa quán đảnh, đều là trụ thần lực của Phật.

Lại nữa, Đại Huệ! Đại Bồ-tát phàm có phân biệt hạnh các pháp tam-muội thần túc, những vị ấy tất cả đều trụ hai thứ thần lực của Như Lai. Đại Huệ! Nếu đại Bồ-tát lìa thần lực của Phật hay biện thuyết thì tất cả phàm phu cũng ưng biện thuyết. Vì cớ sao? Vì không trụ thần lực. Đại Huệ! Núi đá cây cối và các thứ nhạc khí thành quách cung điện, do sức oai thần của Như Lai khi nhập thành đều tự nhiên phát ra tiếng âm nhạc, hương là hữu tâm, mù điếc câm ngọng các khổ vô lượng đều được giải thoát. Như Lai có vô lượng thần lực như thế... làm lợi ích an lạc chúng sanh.

Nói phàm phu ắt không thể biện thuyết, thấy Bồ-tát có nhạo biện (nhạo thuyết biện tài) đều do trụ thần lực của Phật. Lại đề ra vô tình dẫn đến hữu tình thần lực rộng lớn bất khả tư nghì, song cũng là tự tâm hiện ra. Một thể tròn khắp các loài hàm thức do tình sanh trí cách.

Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Do nhân duyên gì Như Lai ứng cúng đấng chánh giác, đại Bồ-tát khi trụ tam-muội chánh thọ và khi thắng tiến địa quán đảnh, Phật gia trì thần lực kia? Phật bảo Đại Huệ: Vì lìa ma nghiệp phiền não và chẳng rơi vào thiên Thanh văn địa, vì được Như Lai tự giác địa và vì tăng tiến pháp sở đắc. Thế nên, Như Lai ứng cúng đấng chánh giác gồm dùng thần lực kiến lập các vị đại Bồ-tát. Nếu không dùng thần lực kiến lập ắt rơi vào ngoại đạo ác kiến vọng tưởng và các Thanh văn chỗ hy vọng của chúng ma, không được Vô thượng Chánh đấng Chánh giác. Vì lẽ ấy, chư Phật Như Lai đều dùng thần lực nhiếp thọ chư đại Bồ-tát. Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nói kệ rằng:

Thần lực Nhân trung tôn
 Đại nguyện thủy thanh tịnh
 Tam-ma-đề quán đánh
 Sơ địa và Thập địa.

Như Lai gia trì cho người tu hành trước sau quá đủ, mà ngu phu ngoại đạo không biết, tình chấp khó phá, trọn rơi vào đường tà, cũng nên lẫn nhau răn nhắc.

9- CHỈ CÁC PHÁP DUYÊN KHỞI ĐỂ HIỂN BÀY NGHĨA NHƯ LẠI TẶNG PHI NHÂN DUYÊN.

Bấy giờ đại Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Phật nói duyên khởi tức là nói nhân duyên, chẳng tợ nói đạo. Thế Tôn! Ngoại đạo cũng nói nhân duyên. Nghĩa là thắng, tợ tại, thời, vi trần sanh, như thế các tánh sanh. Nhưng, Thế Tôn! Bảo là ngôn thuyết nhân duyên sanh các tánh, hữu gián tất-đàn và vô gián tất-đàn (pháp thí).

Mười hai nhân duyên từ vô minh khởi hành, vô minh là nhân, các hành là quả. Hành là nhân thức là quả, đây là nhân duyên sanh pháp. Ngoại đạo cũng nói từ nơi thắng tánh, tợ tại, thời, vi trần v.v... là nhân sanh tất cả pháp, nên nghi tất-đàn vô gián. Gián là khác. Chẳng biết mười hai nhân duyên từ vô minh bắt giác, chẳng phải tác giả sanh, cũng chẳng phải tợ thể sanh, mà ngoại đạo vọng chấp là thắng tánh, nói là tác giả hay sanh các pháp. Chẳng biết kia mê tợ thể, bèn lấy tợ thể sở mê làm nhân các pháp, toàn thể đều là thức, thức tánh hư vọng cũng tức là không nhân.

Thế Tôn! Ngoại đạo cũng nói có, không là nhân có sanh, Thế Tôn cũng nói không nhân có sanh, sanh rồi diệt. Như Thế Tôn đã nói, vô minh duyên hành, cho đến lão tử. Đây là Thế Tôn nói không nhân chẳng phải nói

có nhân. Thế Tôn kiến lập khởi nói như vậy: “Đây có nên kia có”, chẳng phải kiến lập thứ lớp sanh. Xét ngoại đạo nói là thắng, chẳng phải Như Lai. Vì có sao? Thế Tôn! Ngoại đạo nói nhân chẳng theo duyên sanh mà có chỗ sanh. Thế Tôn nói quán nhân có quả, quán quả có nhân, như thế nhân duyên tạp loạn, như thế lần lượt không cùng.

Ngoại đạo cho tác giả là sanh nhân, tức là vô nhân, bèn nghi Thế Tôn nói bất giác vọng khởi, khởi rồi lại diệt cũng là vô nhân. Đây có nên kia có, nghĩa là đây có vô minh nên kia có các hành, lại nghi Thế Tôn chẳng kiến lập sanh nhân thứ lớp mà khởi. Kia đây sanh nhau thì nhân duyên tạp loạn. Trái lại chẳng bằng ngoại đạo nói tác giả rất thắng. Chẳng biết thấy do bất giác dường như có sanh khởi, nhân thành ra quả, quả lại khởi nhân, đều do vọng kiến thật không có nghĩa sanh.

Phật bảo Đại Huệ: Ta không phải nói vô nhân và nói nhân duyên tạp loạn. Đây có nên kia có là năng nhiếp sở nhiếp phi tánh, giác tự tâm hiện lượng. Đại Huệ! Nếu chấp trước năng nhiếp sở nhiếp, không giác tự tâm hiện lượng, cảnh giới bên ngoài là tánh phi tánh, kia có lỗi như thế, chớ chẳng phải ta nói duyên khởi. Ta thường nói rằng nhân duyên hòa hợp mà sanh các pháp chẳng phải vô nhân sanh.

Giác tự tâm hiện lượng mới biết năng thủ sở thủ đều do bất giác, vọng thấy có không, chẳng phải cảnh giới bên ngoài thật có tự tánh. Ngoại đạo chẳng giác tự tâm hiện ra mà đối với ngoại cảnh chấp tánh cùng phi tánh, vọng sanh chấp trước, do đó mà có lỗi. Đến như thế gian nhân duyên, đã có nghiệp nhân thì khó trốn khổ hệ. Tình mê chưa hết mà nói tất cả vô ngại ắt không thể được. Nên nói “Không ngã, không tạo tác, không người

thọ mà nghiệp thiện ác trọn không mất”. Nói chẳng tự sanh mà chẳng phải chẳng sanh, chẳng phải vô nhân sanh.

Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Chẳng phải ngôn thuyết có tánh mà có tất cả tánh ư? Thế Tôn! Nếu không tánh thì ngôn thuyết chẳng sanh. Thế nên ngôn thuyết có tánh có tất cả tánh.

Đây nhân ngu phu và ngoại đạo y nơi danh tướng mà sanh vọng tưởng, cho là thật có các pháp. Nếu không có các pháp thì ngôn thuyết không có chỗ y khởi. Chẳng biết tất cả cảnh giới đều do tự tâm bất giác vọng hiện. Lại nhân vọng hiện mà sanh chấp thủ, vọng chấp danh tự. Đã có ngôn thuyết thảy đều thuộc về việc mê, không có nghĩa thật.

Phật bảo Đại Huệ: không tánh mà có ngôn thuyết, nghĩa là như sừng thỏ lông rùa v.v... Thế gian hiện ngôn thuyết. Đại Huệ! Phi tánh, chẳng phải phi tánh, chỉ có ngôn thuyết mà thôi. Như lời ông nói ngôn thuyết có tánh có tất cả tánh thì lý luận của ông ắt hoại.

Lông rùa sừng thỏ dụ không pháp mà có ngôn thuyết, để lệ cho tất cả pháp do bất giác mà vọng hiện. Ở nơi tự giác thánh trí cũng ví như sừng thỏ lông rùa, không mà có ngôn thuyết.

Đại Huệ! Chẳng phải tất cả cõi nước có ngôn thuyết. Ngôn thuyết là tạo tác vậy. Hoặc có cõi Phật nhìn xem mà hiển bày pháp, hoặc có cõi Phật làm ra hình tướng, hoặc có cõi nước nhượng mây, hoặc có cõi nước chớp mắt, hoặc cười, hoặc ngáp, hoặc tăng háng, hoặc cõi nước suy nghĩ, hoặc dao động. Đại Huệ! Như thế giới Chiêm Thị và Hương Tích, cõi nước Phổ Hiền, Như Lai chỉ dùng nhìn xem khiến các Bồ-tát được vô sanh pháp

nhẫn và các tam-muội thù thắng. Thế nên chẳng phải ngôn thuyết có tánh (pháp) có tất cả tánh. Đại Huệ! Thấy ở thế giới này ruồi lằng trùng kiến các chúng sanh ấy không có ngôn thuyết mà mỗi loài đều làm việc xong xuôi.

Ngôn thuyết là tạo tác, nghĩa là do tâm tạo ra. Đã do tâm tạo thì ngôn thuyết và sở thuyết chẳng duy tự tâm, cho đến tạo hình tượng, nhưng mà đều là tự tâm, đều không có thể của tất cả pháp. Đều không có thể của pháp mà mỗi pháp có hiển bày. Mỗi pháp có hiển bày, chỉ nêu bày tự tâm. Ở nơi ngu si là vọng chấp, ở nơi thánh trí là chỉ mê, đều hiển bày duy nhất tự tâm. Chẳng phải ngôn thuyết có tánh, có tất cả tánh. Ruồi lằng trùng kiến là nêu vật hiện tiền để thấy đều dùng để rõ ngôn thuyết vô tánh.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nên nói kệ rằng:

Như hư không sừng thỏ

Và cùng bàn đại tử (con thạch nữ)

Không, mà có ngôn thuyết

Như thế tánh vọng tưởng

Nhân duyên hòa hợp pháp

Phàm ngu khởi vọng tưởng

Không thể biết như thật

Luân hồi nhà tam giới.

Tất cả thế gian vốn không các pháp mà có ngôn thuyết đều do vọng chấp. Tất cả xuất thế cũng không các pháp mà có ngôn thuyết, chỉ vì phá trừ. Vọng chấp vốn rỗng

thì phá trừ cũng chẳng thật, nên nói như hư không v.v... Phàm ngu chẳng biết các pháp tự tướng như thật, mà đối với nhân duyên hòa hợp kiến lập (chấp có) phỉ báng (chấp không), luống trái với pháp thể. Do vọng phân biệt tự nhận lưu chuyển, thật đáng thương thay!

10- CHỈ CÁC PHÁP THƯỜNG TRỤ NHƯ HUYỄN ĐỂ HIỆN NHƯ LAI TÀNG TỰ TÁNH VÔ SANH.

- HIỆN HOẶC LOẠN THƯỜNG.

Khi ấy, đại Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Tiếng thường ấy là nói việc gì? Phật bảo Đại Huệ: Vì hoặc loạn, bởi hoặc loạn kia chư thánh cũng hiện mà chẳng phải điên đảo. Đại Huệ! Như nắng mùa xuân, vòng lửa, tóc rử, thành Càn-thát-bà, huyễn, mộng, bóng trong gương, là thế gian điên đảo chẳng phải minh trí, song chẳng phải không hiện. Đại Huệ! Hoặc loạn kia có các thứ hiện. Chẳng phải hoặc loạn có vô thường. Vì có sao? Vì lìa tánh và phi tánh.

Tất cả các pháp thấy không tự tánh, như nắng mùa xuân, vòng lửa không thể có không, đây là lý do Như Lai nói thường. Chấp có không hoặc loạn là tướng điên đảo. Điên đảo có thể diệt còn pháp tánh thường trụ.

Kinh Pháp Hoa nói:

Vô thường Lưỡng túc tôn

Biết pháp thường vô tánh

Phật chủng từ duyên khởi

Thế nên nói nhất thừa

Các pháp trụ pháp vị

Tướng thế gian thường trụ.

Kinh Niết-bàn cũng nói: “Ta cũng chẳng nói lục nhập trong ngoài và lục ý thức thường, chính ta tuyên nói diệt lục nhập trong ngoài, sanh ra sáu thức, gọi đó là thường. Phạm trong ngoài duy tâm thánh phạm đồng hiện. Hoặc loạn là do thức, mê ngộ phân chia. Nên nói phạm phu có hai thứ tướng: Một là thế lưu bố tướng, hai là trước tướng. Tất cả thánh nhân chỉ có thế lưu bố tướng (tướng phổ thông trong nhân gian), không có trước tướng (tướng chấp trước). Cho nên biết trước tướng nếu diệt thì lìa tánh có không, nắng mùa xuân, vòng lửa, pháp nhĩ thường vậy.

Đại Huệ! Thế nào là lìa hoặc loạn tánh (pháp) phi tánh (không pháp)? Nghĩa là các thứ cảnh giới của tất cả ngu phu. Như nước sông Hằng kia ngạ quỷ thấy và chẳng thấy, không có tánh hoặc loạn thì hiện nơi kẻ khác, chẳng phải nó không tánh. Hoặc loạn như thế, các thánh lìa điên đảo và chẳng điên đảo. Thế nên hoặc loạn thường, vì tướng tướng chẳng hoại. Đại Huệ! Chẳng phải các thứ tướng hoặc loạn, tướng vọng tướng hoại, thế nên hoặc loạn thường.

Một nước sông Hằng mà ngạ quỷ chẳng thấy, không thể nói có; các chúng sanh khác thấy thì không thể nói không. Không tánh có không mà chẳng phải không nước. Nên nói chẳng hoại tướng thế gian, mà thành pháp xuất thế. Tất cả pháp do vọng tướng phân biệt, mà pháp không có phân biệt. Pháp không có phân biệt, ấy gọi là thường trụ. Điên đảo thuộc pháp phạm phu, chẳng điên đảo thuộc pháp nhị thừa. Điên đảo cùng chẳng điên đảo đều là phân biệt, chẳng phải pháp thật tướng. Cho nên các thánh đều lìa.

Đại Huệ! Thế nào hoặc loạn là chân thật? Nếu là nhân duyên thì chư thánh đối với hoặc loạn này chẳng khởi

giác điên đảo và giác chẳng phải chẳng điên đảo. Đại Huệ! Trừ ngoài chư thánh, đối với hoặc loạn này có ít phần tưởng là chẳng phải tướng của thánh trí sự. Đại Huệ! Phạm có đó là ngu phu vọng thuyết, chẳng phải thánh ngôn thuyết.

Đây lại nói việc thánh trí, đối với pháp hoặc loạn không có ít phần tưởng. Phạm phu ngoại đạo đối trên pháp như huyền vô thường chấp là thường, cho đến vô ngã lạc tịnh mà chấp là ngã lạc tịnh. Đây là việc làm điên đảo của phạm phu ngoại đạo. Nhị thừa ở trên pháp như huyền, thường chấp là vô thường cho đến ngã, lạc, tịnh mà chấp là vô ngã, vô lạc, bất tịnh. Đây là nhị thừa đối trị phạm phu ngoại đạo mà tự cho là chẳng điên đảo. Không biết điên đảo cùng chẳng điên đảo đều là bị giác tưởng chuyển, mà đối với tự tướng chân thật của hoặc loạn chẳng được tương ứng. Cho nên biết có ít phần tưởng tức không thể vào việc thánh trí.

- CHỈ HOẶC LOẠN KHỞI HAI THỨ TÁNH ĐỂ HIỆN BÀY CHÂN NHƯ BÌNH ĐẲNG.

+ CHỈ HOẶC LOẠN KHỞI HAI CHỦNG TÁNH.

Hoặc loạn kia có vọng tưởng đảo và chẳng đảo, khởi hai thứ chủng tánh. Nghĩa là thánh chủng tánh và ngu phu chủng tánh. Thánh chủng tánh là ba thứ phân biệt. Nghĩa là Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Phật thừa. Thế nào là ngu phu vọng tưởng khởi Thanh văn thừa chủng tánh? Nghĩa là chấp trước tự tướng cộng tướng khởi Thanh văn thừa chủng tánh, ấy gọi là vọng tưởng khởi Thanh văn thừa chủng tánh. Đại Huệ! Tức hoặc loạn vọng tưởng kia khởi Duyên giác thừa chủng tánh. Nghĩa là tức nơi hoặc loạn kia tự tướng cộng tướng chẳng thân chấp trước, khởi Duyên giác thừa

chủng tánh. Thế nào người trí tức nơi hoặc loạn kia khởi Phật thừa chủng tánh? Nghĩa là giác tự tâm hiện lượng, ngoại tánh phi tánh, chẳng có tướng vọng tưởng, khởi Phật thừa chủng tánh, ấy gọi là tức hoặc loạn kia khởi Phật thừa chủng tánh. Lại các thứ sự tánh, phàm phu làm tướng khởi ngu phu chủng tánh.

Đây tức nơi hoặc loạn hiển bày khởi hai chủng tánh, để rõ pháp hoặc loạn vốn tự bình đẳng, chỉ hay lìa các phân biệt liền gọi là chân như. Chấp trước tự tướng cộng tướng là, Thanh văn quán âm giới nhập là không, khởi tướng vô ngã, chúng nhân vô ngã, mà tự tướng cộng tướng chẳng diệt, nên không được pháp vô ngã. Tự tướng cộng tướng chẳng thân chấp trước là, Duyên giác đối với tự tướng cộng tướng chấp nơi duyên khởi, chẳng ưa chỗ ồn náo, mà đối với pháp ngã vẫn chưa liền quên. Tức hoặc loạn kia khởi Phật thừa chủng tánh là, tức nơi hoặc loạn mà tức phi hoặc loạn, liền đó tướng hết, tức là như như Phật. Đây là giác tự tâm hiện lượng, thấy tất cả pháp không có pháp thể, nên vọng tưởng chẳng sanh. Tất cả phàm phu ngoại đạo chấp các thứ sự vật hiện tiền cho là thật có, ấy là ngu phu chủng tánh. Nên nói chẳng phải thường tướng là thường, chẳng phải lạc, ngã, tịnh, khởi tướng lạc, ngã, tịnh.

+ CHỈ LÀ VỌNG BÌNH ĐẲNG CHÂN NHƯ.

Kia chẳng phải có sự chẳng phải không sự, ấy gọi là nghĩa chủng tánh. Đại Huệ! Tức hoặc loạn kia chẳng vọng tưởng. Chư thánh đối với tâm, ý, ý thức lỗi tập khí tự tánh, pháp chuyển biến tánh, ấy gọi là như. Thế nên nói như là tâm, ta nói câu này hiển bày là tướng, tức nói là tất cả tướng.

Nương trước đối với pháp hoặc loạn khởi ra các chủng tánh, pháp hoặc loạn kia chẳng phải có sự thật, chẳng phải không sự thật, do vọng tưởng mà có phân biệt. Các bậc thánh trí quán hoặc loạn kia là các phân biệt, chỉ hay chuyển tâm, ý, ý thức tất cả vọng tưởng tập khí, trở về gốc tự tánh. Được thấy pháp tánh gọi là chân như, nên nói “như là tâm”. Là tất cả tâm phân biệt, chân như pháp tánh tự nhiên hiện bày. Câu này là chân như pháp tánh. Chân như pháp tánh hiển bày pháp môn là phân biệt, là tất cả phân biệt lại không có nghĩa nào khác. Cho nên biết tất cả hoặc loạn, pháp chẳng phải phân biệt, tất cả vọng tưởng, tánh chẳng phải phân biệt. Thấy do bất giác bên trong khởi vọng tâm, bên ngoài thấy vọng pháp, trong ngoài hoặc loạn đều không có sự thật. Chỉ ở trong mê cũng chẳng phải không sự.

- CHỈ HOẶC LOẠN KHÔNG PHÁP.

+ CHỈ HOẶC LOẠN KHÔNG PHÁP NHƯ HUYỄN.

Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Hoặc loạn là có hay là không? Phật bảo Đại Huệ: Như huyễn không có tướng chấp trước. Nếu hoặc loạn có tướng chấp trước thì tánh chấp trước không thể diệt. Duyên khởi nên như ngoại đạo nói nhân duyên sanh pháp.

Đây hỏi pháp hoặc loạn là có hay không là, nhân chấp ở trước nói nghĩa hoặc loạn là thường. Chẳng biết nói thường là diệt lục nhập trong và ngoài sanh ra lục thức gọi là thường. Chẳng phải thật có pháp thường. Trong ngoài sanh ra sáu thức đã diệt thì pháp không có tự tánh, không thể có hay không, nói nó như huyễn thì tướng chấp trước không có chỗ nương để sanh. Nếu như huyễn vẫn có tướng chấp trước thì pháp chấp trước ắt không thể diệt, như ngoại đạo nói. Ngoại đạo

đổi mười hai nhân duyên chấp từ nhân sanh. Đây do chẳng biết tự tâm hiện ra vọng thấy thật có vậy.

Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Nếu hoặc loạn như huyễn, lại sẽ cùng các hoặc khác làm nhân? Phật bảo Đại Huệ: Chẳng phải huyễn làm nhân cho hoặc, vì chẳng khởi lỗi. Đại Huệ! Huyền chẳng khởi lỗi, vì không có vọng tưởng. Đại Huệ! Huyền là từ minh chú sanh, chẳng phải từ lỗi vọng tưởng chỗ tập khí sanh. Thế nên chẳng khởi lỗi. Đại Huệ! Đây là ngu phu tâm hoặc chấp trước, chẳng phải thánh hiền.

Hoặc loạn như huyễn lại sẽ cùng các hoặc khác làm nhân là, pháp hoặc loạn này tuy là như huyễn, nếu người vẫn ở đây khởi vọng chấp, thì huyễn không thể dừng hoặc, lại sẽ vì hoặc làm nhân. Đây là đề phòng người bác không, chẳng thể thâm đạt như huyễn, ắt mê tình chưa hết, trước tưởng vẫn còn, mượn miệng nói không hoa, trở lại thành điên đảo. Chẳng biết ở Tây Vực huyễn pháp từ minh chú mà sanh khởi. Dụ pháp như huyễn từ tự tâm bất giác vọng có hiện ra, không có chủ, không có giác biết. Nên nói “huyễn chẳng khởi lỗi, không có vọng tưởng”. Chẳng phải từ lỗi vọng tưởng chỗ tập khí sanh là, vọng tưởng do chẳng đạt tự tâm hiện ra, tất cả các pháp thấy đồng huyễn khởi, tùy thuận tập khí vọng chấp có không, bèn là lỗi lầm. Đạt pháp như huyễn vọng chấp liền dừng, nên nói huyễn chẳng phải là nhân của hoặc. Mê sanh hoặc loạn, ngộ đồng huyễn hóa, tâm vọng tưởng không còn chỗ gá, tức cấu tạo nhân duyên rỗng vậy. Thánh hiền xưa nay thật không có hai chỉ thú.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Thánh chẳng thấy hoặc loạn
Khoảng giữa cũng không thật
Khoảng giữa nếu chân thật
Hoặc loạn tức chân thật.
Lìa bỏ tất cả hoặc
Nếu có tướng sanh đó
Ấy cũng là hoặc loạn
Không sạch ví như che.

Thánh chẳng thấy hoặc loạn là, hoặc loạn tức chân thật. Không thể ở khoảng giữa hoặc loạn lại có cái chẳng hoặc loạn cho là chân thật. Cho nên nói: “Trong khoảng giữa nếu chân thật, hoặc loạn tức chân thật”. Biết vọng tức chân, liền lìa tướng, kiến trong ngoài. Đây giác tự tâm hiện đến vô sở hữu, ví như lưu ly không có các che ngại. Bồ-tát trụ Cửu địa thấy pháp có tánh, vẫn nói “chẳng thấy Phật tánh”. Nghĩa là thấy Phật tánh thì chẳng còn thấy tất cả pháp có tánh. Kinh Niết-bàn nói: “Đại Bồ-tát thật không có chỗ thấy”. Không có chỗ thấy, tức vô sở hữu. Vô sở hữu tức tất cả pháp, nên nói “hoặc loạn tức chân thật”.

+ - LẠI CHỈ NHƯ HUYỄN KHÔNG LỖI.

Lại nữa, Đại Huệ! Nếu chẳng phải huyễn thì không có gì tương tự, thấy tất cả pháp như huyễn. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Vì các thứ huyễn tướng chấp trước nên nói tất cả pháp như huyễn? Hay vì tướng khác chấp trước? Nếu vì các thứ huyễn tướng chấp trước nên nói tất cả tánh như huyễn thì, Thế Tôn, có tánh chẳng như huyễn. Vì cớ sao? Nghĩa là các thứ tướng sắc chẳng phải nhân. Thế Tôn! Không có nhân các thứ tướng sắc

hiện như huyễn. Thế Tôn! Thế nên không có các thứ huyễn tướng chấp trước tương tự tánh như huyễn.

Tất cả pháp không có chủ, không có giác tri, nếu không phải huyễn thì không lấy gì để làm dụ được. Cho nên, Thế Tôn nói lặp lại đó, mà chẳng phải do các thứ chấp trước tướng nói như huyễn. Nếu do các thứ chấp trước tướng nói như huyễn thì, sắc tướng hiện tiền chẳng do chấp trước mà vẫn hiện ra. “Có tánh chẳng như huyễn”, bèn chẳng phải không nhân. Bởi muốn hiển bày tất cả pháp do mê tự tâm nên chẳng đồng với nhân tướng tác giả. Cho nên nói: “Không có nhân các thứ tướng hiện như huyễn”. Lại rồi sau nói: “Không các thứ huyễn tướng chấp trước tương tự tánh như huyễn”. Thế là, Thế Tôn nói tất cả pháp như huyễn chỉ thú tự rõ ràng. Cho nên biết ngoại đạo nhân khác thấy do chẳng biết sắc tướng hiện tiền đều tự tâm hiện. Các tánh có không đều không thể được. Tất cả pháp chẳng sanh, tất cả pháp như huyễn. Đây là yếu chỉ bí mật của Như Lai, Đại Huệ thâm nhận pháp yếu mà dùng như huyễn chẳng phải tướng chấp trước, gọi là thẳng bày pháp tánh vậy.

Phật bảo Đại Huệ: Chẳng phải các thứ huyễn tướng tương tự tất cả pháp như huyễn. Đại Huệ! Song các pháp chẳng thật chóng diệt như điện, ấy là như huyễn. Đại Huệ! Thí như điện chớp hiện trong khoảng sát-na, hiện rồi liền diệt, chẳng phải như cảnh giới ngu phu hiện. Như thế, quán sát tất cả tánh tự vọng tưởng tự tướng cộng tướng không tánh chẳng hiện, do chấp trước sắc tướng.

Đây nói chẳng phải nhân chấp trước các tướng mà nói tất cả pháp như huyễn. Nghĩa là tất cả pháp chóng diệt như điện, nên nói như huyễn. Tất cả các pháp như làn chớp hiện, không thể nói có hay không. Kể ngu chẳng

đạt thật tướng các pháp vọng khởi phân biệt, cho là thật có tự tướng cộng tướng hiện, mà chẳng biết vọng hiện phi tánh. Chỉ do chấp trước sắc tướng liền đó vô sanh. Ngang dọc xoay quanh đều không chỗ dừng.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Chẳng huyễn không có thí
Thuyết pháp tánh như huyễn
Chẳng thật chóng như điện
Thế nên nói như huyễn.

Pháp không tự tánh chính khi sanh mà chẳng sanh, chẳng sanh nói không, sanh mà không sanh, nên nói như huyễn. Đây là người được pháp thật tướng bày hiện.

- CHỈ THẲNG VÔ SANH NHƯ HUYỄN KHIẾN LÀ HY VỌNG.

Đại Huệ lại bạch Phật: Như Thế Tôn đã nói tất cả tánh vô sanh và như huyễn, đâu chẳng phải Thế Tôn trước sau nói ra tự trái nhau ư? Vì nói vô sanh tánh như huyễn.

Tất cả pháp chẳng sanh, tất cả pháp như huyễn, đây là yếu chỉ chính khi sanh mà chẳng sanh. Vì tánh mà không tự tánh nên nói vô sanh, là vô mà chẳng phải vô. Như hoa đốm trong hư không nên nói như huyễn, là có mà chẳng phải có. Bí mật của Như Lai chẳng phải chỗ trí hiểu đến. Lời nạn trước sau trái nhau, bởi muốn nói rõ ý này vậy.

Phật bảo Đại Huệ: Chẳng phải ta nói tánh vô sanh như huyễn, có lỗi trước sau trái nhau. Vì có sao? Vì sanh

mà vô sanh. Giác tự tâm hiện lượng, có mà chẳng phải có. Ngoại tánh mà chẳng phải tánh thì lý vô sanh hiện. Đại Huệ! Chẳng phải ta nói có lỗi trước sau trái nhau. Song vì phá ngoại đạo chấp nhân sanh, nên ta nói tất cả tánh vô sanh. Đại Huệ! Ngoại đạo quá si muốn khiến cái có và không là có sanh, chẳng phải duyên tự vọng tưởng các thứ chấp trước. Đại Huệ! Ta chẳng phải có và không là có sanh, thế nên ta dùng thuyết vô sanh mà nói.

Sanh mà chẳng sanh, đây là yếu chỉ quyết định của Như Lai. Vì người giác tự tâm hiện lượng nói bí mật này. Vì tự tâm hiện ra, nên chẳng phải không tánh. Vì hiện chỉ nơi tự tâm nên chẳng phải có tánh. Vì tất cả ngoại tánh chẳng phải tánh thì vô sanh hiện tiền. Nói có nhân sanh, nói không nhân sanh đều tự vọng tưởng chấp trước vậy.

Đại Huệ! Nói có tánh đó, vì nhiếp thọ sanh tử, vì hoại kiến chấp không và kiến chấp đoạn, vì đệ tử ta nhiếp thọ các thứ nghiệp có chỗ thọ sanh, dùng tánh âm thanh nói để nhiếp thọ sanh tử.

Chữ tánh là pháp vậy. Phật nói có pháp đó, vì khiến đệ tử biết cái nhân sanh tử nhiếp thọ, vì phá chấp đoạn kiến vô nhân vậy. Kinh Niết-bàn nói: “Hành nghiệp của chúng sanh chẳng thường chẳng đoạn mà được quả báo. Tuy niệm niệm diệt mà không thể mất. Tuy không có người làm mà có tạo nghiệp. Tuy không người thọ mà có quả báo. Người thọ tuy diệt mà quả chẳng hư mất. Không có nghĩ biết, hòa hợp mà có. Tất cả chúng sanh tuy cùng mười hai nhân duyên cùng đi mà chẳng thấy biết. Vì chẳng thấy biết nên không có trước sau. Đây là lý do Phật nói tánh nhân duyên. Âm thanh là danh, cú. Nghĩa là có pháp nhiếp thọ, cũng không mà

có ngôn thuyết. Bởi cần chỉ hành nghiệp kia nhân nơi mê, giác thì liền đó tánh lìa. Kinh Niết-bàn vì chúng sanh mà nói, chẳng phải vì người giác. Đây không thể cùng người chưa hết mê tình mà nói.

Đại Huệ! Nói huyễn tánh và tướng tự tánh là vì lìa tánh và tướng tự tánh, rơi vào ác kiến của ngu phu hy vọng tướng, chẳng biết tự tâm hiện lượng, hoại nhân sở tác sanh, duyên tự tánh tướng chấp trước. Nói huyễn mộng tự tánh tướng tất cả pháp, chẳng khiến ngu phu ác kiến hy vọng chấp trước tự và tha tất cả pháp. Chỗ thấy như thật làm ra luận bất chánh. Đại Huệ! Thấy chỗ như thật tất cả pháp ấy, là vượt ngoài tự tâm hiện lượng.

Huyễn không tự tánh chỉ tâm hiện ra. Hiện như mộng huyễn không thể vì tất cả pháp mà làm sanh nhân. Đây là lý do hoại kẻ ngu hy vọng chấp trước. Chỗ như thật, tức chỉ tự tâm hiện ra tất cả pháp như huyễn, chẳng rơi vào có không năng sở. Nên nói “thật tướng các pháp”. Chẳng thấy một pháp thì mới thấy thật tướng. Đây là giác cảnh giới tự tâm hiện lượng, chỉ chứng tương ưng.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Vô sanh tác phi tánh

Hữu tánh thuộc sanh tử

Quán sát như huyễn thấy

Nơi tướng chẳng vọng tưởng.

Tất cả các pháp không có tánh sanh, do vọng nên có tạo ra, liền chịu sanh tử. Sanh tử như huyễn mà do sự nhiếp trì của vọng tưởng, nên nói chẳng tự sanh, chẳng phải chẳng sanh. Vô sanh là duyên khởi, duyên khởi thì

vô sanh. Người ngộ được chỗ này khả dĩ siêu nhiên tự được.

11- CHỈ LÀ LỜI NÓI ĐƯỢC NGHĨA, DỪNG NGOẠI ĐẠO KHÁC NGU PHU, CHỌN LỰA TÂM GIÁC DỰNG LẬP NIẾT BÀN.

- CHỈ LÀ LỜI NÓI , ĐƯỢC NGHĨA.

Lại nữa, Đại Huệ! Nên nói tướng danh, cú, hình, thân, đại Bồ-tát khéo quán danh, cú, hình, thân tùy vào danh cú hình thân chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Giác như thế rồi, giác cho tất cả chúng sanh. Đại Huệ! Danh thân đó, nghĩa là y sự lập danh ấy gọi là danh thân. Cú thân đó, nghĩa là cú có nghĩa thân, tự tánh quyết định cứu kính, ấy gọi là cú thân. Hình thân đó, nghĩa là hiện bày danh cú, ấy gọi là hình thân. Lại hình thân ấy, nghĩa là dài ngắn cao thấp. Lại cú thân ấy nghĩa là dấu vết như dấu vết voi ngựa người thú v.v... đi để dấu vết lại, được tên là cú thân. Đại Huệ! Danh và hình đó, nghĩa là dùng danh nói bốn âm không sắc, nên nói là danh. Tự tướng hiện nên nói hình. Ấy gọi là danh cú hình thân. Nói tướng chừng ngần danh cú hình thân nên phải tu học.

Trước nói ngôn thuyết chẳng hiển bày đệ nhất nghĩa. Đây nói tùy vào nghĩa của cú hình thân chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nghĩa là chẳng phải ngôn thuyết là đệ nhất nghĩa, cũng chẳng phải sở thuyết là đệ nhất nghĩa. Chỗ đệ nhất nghĩa thánh trí lạc, do ngôn thuyết được vào. Cho nên biết ngôn thuyết được vào, tức là cú tự tánh quyết định cứu kính. Vào quyết định cứu kính thì ngôn thuyết sở thuyết chẳng đủ hiển bày. Song sở dĩ người đạt được chỗ này cũng do ngôn thuyết. Gọi đó là dùng chột tháo chột, nên phải khéo

quán vậy. Y sự lập danh đó, như y nước đất nhân công làm ra đồ đựng tương gọi đó là khạp. Tự tánh quyết định cứu kính là như y câu “các pháp như huyễn” liền được các pháp quyết định không có tự tánh, được nghĩa cứu kính Như Lai tàng chân như. Chữ viết có dài ngắn, âm vận có cao thấp, nhân chữ được tên, góp chữ thành câu, nên nói hiển bày danh cú. Dấu vết là, xem dấu vết biết có voi ngựa người thú đi, như xem câu mà được nghĩa. Bốn âm không sắc là, thọ tướng hành thức. Nhân tên thọ tướng hành thức mà biết bốn âm không sắc. Xem viết chấm dài ngắn âm vận cao thấp mà tự tướng của chữ hiện ra. Do danh cú hình thân mà vào nghĩa đệ nhất cứu kính. Nên nói chóng được Bồ-đề, tự giác và giác tha.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nên nói kệ rằng:

Danh thân cùng cú thân

Và hình thân sai biệt

Phàm phu, ngu chấp trước

Như voi mắc lầy sâu.

Kệ trách ngu ngoại chẳng biết lìa lời nói được nghĩa. Trở lại bị cảnh giới giác tướng chuyển, như voi mắc lầy rất đáng thương xót.

- NÊU CHỈ LUẬN ĐỂ RÕ NGHĨA CHẲNG Ở LỜI NÓI.

Lại nữa, Đại Huệ! Người thế trí đời sau do lìa một, khác, đồng, chẳng đồng, kiến, tướng là nghĩa thông thường của ta, đem hỏi người vô trí, kia liền đáp rằng: Đây chẳng phải hỏi đúng. Nghĩa là sắc v.v... thường, vô thường, là khác, chẳng khác, như thế các hạnh Niết-bàn, tướng và sở tướng, cầu-na, sở cầu-na, tạo, sở tạo,

kiến, sở kiến, trần và vi trần, tu cùng người tu, tương so sánh lần lượt như thế. Những câu hỏi như thế mà hỏi, Phật nói là vô ký, chỉ luận chẳng phải chỗ hay hiểu của người si kia. Vì họ văn tuệ chẳng đủ vậy. Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác vì khiến họ lìa kinh sợ nên nói vô ký, chẳng vì nói ký (quyết định). Lại đừng luận kiến chấp của ngoại đạo mà chẳng vì nói.

Chỉ luận là một trong bốn luận, có hai nghĩa. Một là đừng luận vô ký của ngoại đạo, chẳng vì ký (quyết định) nói, vì người si không trí, vì lìa kinh sợ kia, vì đừng tà luận. Hai là đừng người căn chưa thuần thực, vì khiến lìa chấp trước, vì thàm khế hội không lời, vì thời tiết nhân duyên. Cho nên dù người trí đời sau, nếu đem lìa tứ cú của Như Lai, nghĩa thông thường mà hỏi người không trí, ắt có cái đáp chẳng chánh. Trái lại, họ dùng các tướng sắc v.v... năng sở lần lượt nhiều câu nạn vấn. Đây là Phật nói vô ký, nên đừng mà chẳng luận. Bởi người si kia không biết, vì văn tuệ chẳng đủ, dù vì nói quyết định ắt họ sanh kinh hãi. Bởi vì lìa tứ cú, nghĩa không rất sâu, chẳng phải chỗ thức nương được. Nếu rơi trong tứ cú lại thành hý luận, tăng trưởng tà kiến. Vì lẽ đó Như Lai răn người đời sau vậy. Sắc v.v... nghĩa là đối với các pháp âm giới nhập đãø có thường, dị bốn câu. Các hạnh Niết-bàn, nghĩa là hạnh hay chứng Niết-bàn. Tương sở tương là năng tương sở tương. Y sở y là, năng y và sở y. Tạo sở tạo là, năng tạo sở tạo. Kiến sở kiến là, năng kiến sở kiến. Trần và vi trần là, khối đất và vi trần. Tu và người tu là, nhân ngã pháp ngã. Đây là lần lượt đối đãi, rỗng, không có nghĩa thật, không thể ghi chép nên nói vô ký.

Đại Huệ! Ngoại đạo nói như thế này, mạng tức là thân, những lối luận vô ký như thế. Đại Huệ! các ngoại đạo

ngu si kia đối với nhân, tác luận vô ký, chẳng phải chỗ ta nói. Đại Huệ! Chỗ ta nói là, lìa nhiếp sở nhiếp, vọng tưởng chẳng sanh. Tại sao dừng họ? Đại Huệ! Nếu người chấp trước nhiếp sở nhiếp thì không biết tự tâm hiện lượng, cho nên dừng họ. Đại Huệ! Như Lai ứng cúng đấng chánh giác dùng bốn thứ ký luận vì chúng sanh nói pháp. Đại Huệ! Chỉ ký luận là, ta thường nói ra vì người căn chưa thuần thực, chẳng vì người căn đã thuần thực.

Đây nói về sở do nói chỉ ký luận. Mạng là gốc sanh tử, cho nó là thân, thành nhân tạo tác. Đây là vô ký luận của ngoại đạo, chẳng phải Như Lai nói ra. Nghĩa là Như Lai nói ra, lìa năng thủ sở thủ, vọng tưởng chẳng sanh, mà chẳng chỉ thẳng duy tâm đó, vì chấp trước có nhân tạo tác, chẳng biết tự tâm hiện ra nên dừng đó. Song chư Phật Như Lai dùng bốn thứ ký luận để dẫn đường cho chúng sanh. Chỉ ký luận đó, chẳng phải chỉ vì ngoại đạo, cũng vì người căn chưa thuần thực, thời tiết chưa đến, không thể thêm chấp danh ngôn kia. Thời tiết sắp đến, vả lại muốn họ ngộ yếu chỉ ngoài lời nói, nên nói để ngăn cái sai kia, mà chẳng nói cái phải kia. Kinh Niết-bàn nói: “Như chim uyên ương kia theo con chim lân-đề cùng nhau dạo chơi không khi nào xa rời nhau. Như Lai nói pháp này là khổ, pháp kia là lạc, pháp nọ là thường, pháp khác là vô thường, pháp ấy là ngã, pháp đó là vô ngã, thời tiết nếu đến lý kia tự bày”.

Lại nữa, Đại Huệ! Tất cả pháp lìa làm ra nhân duyên chẳng sanh, không có tác giả nên tất cả pháp chẳng sanh. Đại Huệ! Vì sao tất cả tánh lìa tự tánh? Bởi khi tự giác quán thì tự cộng tánh tướng không thể được, nên nói tất cả pháp chẳng sanh. Vì sao tất cả pháp không thể đem lại, không thể đem đi? Bởi tự cộng tướng muốn

đem lại thì không có chỗ lại, muốn đem đi thì không có chỗ đi. Thế nên tất cả pháp lìa đem đi đem lại. Đại Huệ! Vì sao tất cả pháp chẳng diệt? Vì tướng tánh và tự tánh không, tất cả pháp không thể được, nên tất cả pháp chẳng diệt? Đại Huệ! Vì sao tất cả pháp vô thường? Nghĩa là tướng khởi là tánh vô thường, thế nên nói tất cả pháp vô thường. Đại Huệ! Vì sao tất cả pháp thường? Nghĩa là tướng khởi là tánh vô sanh, hằng vô thường, nên nói tất cả pháp thường.

Đây chính nói về thuyết chỉ luận. Tất cả pháp chẳng sanh lìa năng sở, vì không có tác giả. Tất cả pháp không tự tánh, vì tự tướng cộng tướng không thể được. Tất cả pháp không đến đi, vì tự tướng cộng tướng đến không từ đâu, đi không chỗ đến. Tất cả pháp chẳng diệt, vì không có tánh tướng. Tất cả pháp vô thường, vì tướng khởi tánh vô thường. Tất cả pháp thường, vì khởi tức là chẳng khởi, vô thường tánh hằng thường. Rõ được sáu nghĩa này chỉ là vô sở hữu. Trừ vô sở hữu ra không cho có nói năng, cho nên nói chỉ luận. Dùng nó để chế phục các ngoại đạo, cũng dùng nó riêng chỉ huyền nghĩa. Chỗ sâu kín của Như Lai chỉ phải thầm khế hội.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Ký luận có bốn thứ:

Nhất hướng, phản cật vấn

Phân biệt và chỉ luận

Để chế phục ngoại đạo

Hữu và phi hữu sanh

Sư tăng-khư, tỳ-xá

Tất cả thầy vô ký
 Kia như thế hiển bày.
 Chánh giác đã phân biệt
 Tự tánh không thể được
 Bởi vì lìa ngôn thuyết
 Nên nói lìa tự tánh.

Nhất hướng là đáp thẳng. Phản cật là đáp bằng cách vấn nạn lại. Phân biệt là đáp rành rẽ. Chỉ luận là đáp bằng cách gác lại. Tăng-khư là chỉ Số luận lập ra hai mươi lăm minh đế. Tỳ-xá là chỉ cho Thắng luận lập ra sáu câu. Nhân cùng vô nhân không có nghĩa thật. Không thể vì nói, chỉ nói vô tánh.

- RIÊNG TƯ QUẢ, ĐỂ CHỈ RA CHÂN GIÁC.

+ HỎI BỐN QUẢ SAI BIỆT.

Khi ấy, đại Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Cúi xin vì nói chư Tu-đà-hoàn và Tu-đà-hoàn thú thông tướng sai biệt. Nếu đại Bồ-tát khéo hiểu Tu-đà-hoàn thú sai biệt thông tướng và Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán tướng phương tiện, phân biệt biết rồi như thế như thế vì chúng sanh thuyết pháp. Nghĩa là tướng hai vô ngã và hai chướng thanh tịnh, tướng qua các địa, cứu kính thông đạt, được cảnh giới cứu kính bất tư nghì của Như Lai, như ngọc ma-ni có các sắc, khéo hay làm lợi ích tất cả chúng sanh, dùng cảnh giới tất cả pháp, thân tài vô tận để nhiếp dưỡng tất cả.

Hỏi tướng bốn quả, muốn rõ bốn quả cùng giác địa chỗ chung và riêng, vì chúng sanh phân biệt hiển bày, khiến bỏ hai chướng nhân và pháp, chứng hai vô ngã, vượt khỏi tướng các địa thông đạt Phật địa, cứu kính trang

nghiêm được châu như ý, dùng vô sở hữu xoay lại độ thoát nhau. Cảnh giới tất cả pháp là, cảnh giới vô sở hữu.

+ LIỆT BÀY BA THỨ TU-ĐÀ-HOÀN.

Chỉ quả tướng tu-đà-hoàn.

Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, nay vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn, lành thay! Xin vâng nghe nhận. Phật bảo Đại Huệ: Có ba hạng Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hoàn sai biệt. Thế nào là ba? Nghĩa là hạ, trung, thượng. Hạ đó, tốt bảy đời mới vào Niết-bàn. Trung đó, ba hoặc năm đời mới vào Niết-bàn. Thượng đó, tức đời kia liền vào Niết-bàn. Ba hạng này có ba kết: Hạ, trung và thượng. Thế nào là ba kết? Nghĩa là thân kiến, nghi, giới thủ. Ba kết ấy sai biệt, thăng tiến mãi lên được A-la-hán.

Tu dịch là vô lậu. Đà-hoàn dịch là tu tập. Nghĩa là tu tập vô lậu vậy. Lại Tu dịch là lưu. Đà-hoàn dịch là nghịch. Nghĩa là nghịch dòng sanh tử. Lại dịch là nhập. Nghĩa là vào dòng thánh. Hạ trung thượng chia hai hạng lợi và độn. Người độn căn còn bảy phen sanh lên cõi trời mới vào Niết-bàn. Hiện đời là chỉ cho người rất lợi căn. Ba hạng người này đoạn ba thứ kết. Bản dịch đời Đường không có ba chữ hạ trung thượng. Song đoạn kết cũng phân lợi và độn, nên nói ba kết sai biệt.

* CHỈ TU-ĐÀ-HOÀN ĐOẠN KẾT SAI BIỆT.

Đại Huệ! Thân kiến có hai thứ: Nghĩa là câu sanh và vọng tưởng. Như duyên khởi vọng tưởng và tự tánh vọng tưởng vậy. Thí như y duyên khởi tự tánh, các thứ vọng tưởng tự tánh chấp trước sanh. Bởi kia chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải có không vì tướng vọng tưởng không thật. Kể ngu vọng tưởng các thứ

vọng tưởng tự tánh tướng chấp trước, như khi nắng thấy sóng nắng, nai khát tưởng nước. Ấy là vọng tưởng thân kiến của Tu-đà-hoàn, kia do nhân vô ngã nhiếp thọ không tánh, đoạn trừ đã lâu xa, mà còn vô tri chấp trước.

Thân kiến có hai thứ. Nghĩa là câu sanh và phân biệt. Vọng tưởng tức là phân biệt. Phân biệt thuộc kiến hoặc, tuy rộng nhiếp các pháp trong ngoài, cũng y ngữ uẩn vọng chấp có không. Như người huyễn do duyên mà khởi ra hình nam nữ các tướng co duỗi, sanh tất cả phân biệt của chúng sanh, mà thật chẳng có chẳng không, trọn không có sự thật, chỉ là tướng vọng tưởng. Như con nai khát nước vọng thấy có nước thật. Tu-đà-hoàn này dùng trí nhân vô ngã quán nhiếp thọ không tánh mà được trừ đoạn. Xét về Tu-đà-hoàn đoạn hai thứ phiền não, chẳng rơi vào ngoại đạo chấp có nhân tạo tác, vẫn y nơi trí nhân vô ngã diệt tánh nhiếp thọ, nên đối với pháp vô ngã chẳng có phần.

Đại Huệ! Câu sanh là, Tu-đà-hoàn thân kiến, vì thân tự tha v.v... Bốn ấm không sắc tướng, vì sắc sanh tạo và sở tạo, vì tướng lẫn lượt làm nhân nhau, vì đại chủng và sắc chẳng nhóm họp. Tu-đà-hoàn quán loại có không chẳng hiện thì đoạn được thân kiến. Như thế thân kiến đoạn thì tham ắt chẳng sanh, ấy gọi là tướng thân kiến.

Câu sanh thuộc tự hoặc, Thanh văn phân tích ngũ uẩn không, nên được giải thoát. Nghĩa là thọ v.v... bốn uẩn không có sắc tướng. Sắc uẩn y tứ đại và tứ đại tạo sắc lẫn nhau hòa hợp, không có tự và tha, xa lìa tà kiến có không. Tưởng tham chẳng sanh, cả hai thứ đoạn, ấy gọi là thân kiến đoạn.

Đại Huệ! Tướng nghi là, vì được pháp thiện kiến tướng, vì trước đoạn vọng tưởng hai thứ thân kiến, nên nghi pháp chẳng sanh. Không đối với chỗ khác khởi kiến chấp là Đại sư, là tịnh là bất tịnh, ấy gọi là tướng nghi Tu-đà-hoàn đã đoạn.

Được pháp khéo thấy tướng là, thấy chân đế vậy. Là nhân có không, thấy được chân đế, ấy là chứng pháp thiện kiến. Thân kiến đã đoạn thì nghi ắt chẳng sanh. Nghi có ba thứ: Nghi pháp, nghi mình, nghi người. Chứng pháp thiện kiến thì không nghi pháp. Thân kiến đã đoạn thì không nghi mình. Chẳng nghi pháp chẳng nghi mình thì cũng chẳng nghi người. Nghĩa là nghi pháp nghi mình nghi người đoạn, nên chẳng đối chỗ khác khởi tướng Đại sư. Là tịnh chẳng tịnh, chính là lời nghi vậy.

Đại Huệ! Giới thủ ấy, tại sao Tu-đà-hoàn chẳng thủ giới? Nghĩa là vì khéo thấy tướng khổ ở chỗ thọ sanh, thế nên chẳng thủ. Đại Huệ! Thủ là, kẻ ngu quyết định nhận tập khổ hạnh, vì được các thứ vui nên cầu thọ sanh. Kia ắt chẳng thủ, trừ hồi hướng tự giác thù thắng, là vọng tưởng, pháp tướng vô lậu hành phương tiện, thọ trì giới luật. Ấy gọi là Tu-đà-hoàn tướng giới thủ đoạn.

Cầu sanh chỗ vui mà giữ giới luật, ấy là giới thủ. Tu-đà-hoàn nếu có thọ trì đều vì tự giác thù thắng, hồi hướng vô lậu pháp hạnh, nên giới thủ đoạn.

Tu-đà-hoàn đoạn ba kết thì tham si chẳng sanh. Nếu Tu-đà-hoàn khởi nghĩ thế này: Các kết này ta chẳng thành tựu, liền có hai lỗi rơi vào thân kiến và các kết chẳng đoạn. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Thế Tôn nói nhiều thứ tham dục, kia vì sao đoạn tham? Phật bảo Đại

Huệ: Yêu thích người nữ tham trước triền miên, các thứ phương tiện thân khẩu tạo ác nghiệp, thọ cái vui hiện tại gieo nhân khổ đời vị lai, Tu-đà-hoàn thì chẳng sanh. Vì có sao? Vì được cái vui tam-muội chánh thọ. Thế nên kia đoạn, chẳng phải cái tham tiến đến Niết-bàn đoạn.

Kinh Kim Cang Bát-nhã nói: “Tu-đà-hoàn hay khởi nghĩ thế này: Ta được quả Tu-đà-hoàn chẳng? Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn không vậy. Vì có sao? Vì Tu-đà-hoàn gọi là nhập lưu, mà thật không có chỗ nhập ...” cho đến, nếu A-la-hán khởi nghĩ thế này: “Ta được đạo A-la-hán”, tức là chấp trước ngã nhân chúng sanh thọ giả. Thế nên có thể biết, khởi tưởng đoạn kết là rơi vào thân kiến và các kết chẳng đoạn. Tu-đà-hoàn chỉ đoạn dục tham. Còn tham Niết-bàn thì tứ quả chẳng đoạn. Tam-muội chánh thọ tức là chứng pháp thiện kiến sanh ra. Nghĩa là tam-muội chướng tham dục kia nên được hiện đoạn. Bởi tư hoặc Tu-đà-hoàn chưa hết.

+ CHỈ TƯỚNG QUẢ TƯ-ĐÀ-HÀM.

Đại Huệ! Thế nào là tướng Tư-đà-hàm? Nghĩa là chóng soi tướng sắc tướng vọng tưởng sanh, nên kiến, tướng chẳng sanh. Vì khéo thấy tướng thiên thú chóng đến đời này sạch mé khổ, được Niết-bàn. Thế nên gọi là Tư-đà-hàm.

Câu chóng soi tướng sắc tướng vọng tưởng sanh là, bậc Nhất lai này vì rõ sắc tướng sanh ra phân biệt, nên phân biệt chẳng sanh. Phân biệt này là chỉ tư hoặc, chẳng phải kiến hoặc. Khéo thấy thiên thú là, chứng pháp thiện kiến chỗ khởi thiên định. Kinh Đại Bát Niết-bàn nói: “Người Tư-đà-hàm buộc tâm tu đạo, vì đoạn tham dục, sân, si, kiêu mạn. Do tâm buộc này nên một phen qua lại rồi, tội bờ mé khổ mà vào Niết-bàn”.

+ CHỈ TƯỞNG QUẢ A-NA-HÀM.

Đại Huệ! Thế nào là A-na-hàm? Nghĩa là vì đối với sắc tướng tánh phi tánh quá khứ, hiện tại, vị lai sanh thấy lỗi lầm, khiến vọng tưởng chẳng sanh và vì kết đoạn, gọi là A-na-hàm.

A-na-hàm hay thấy sắc tướng ba đời khởi ra phân biệt lỗi lầm, sạch hết các phân biệt, hằng bỏ các kết. Cái phân biệt này cũng chỉ cho tư hoặc. A-na-hàm vào Niết-bàn có bảy hạng: Một, trung vào Niết-bàn. Nghĩa là xả dục giới chưa đến sắc giới ở giữa đó vào Niết-bàn. Trừ hiện tại vào Niết-bàn, trung vào Niết-bàn là lợi căn. Hai, hành vào Niết-bàn, có hai hạng: Một, tinh tấn không tự tại định; hai, giải đãi có tự tại định. Xét đây chỉ riêng kiến phần lỗi lầm, mà chẳng nói thiền lạc, sẽ chỉ cho lợi căn tinh tấn...

+ CHỈ TƯỞNG QUẢ A-LA-HÁN.

Đại Huệ! A-la-hán là, đủ các thiền định tam-muội, giải thoát, lực minh, các thứ phiền não, khổ, vọng tưởng chẳng còn, gọi là A-la-hán.

A-la-hán tức là vô học. Do giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, năm phần pháp thân, được đến bờ kia, hằng đoạn sanh nhân trong ba đời, cũng đoạn ấm thân trong tam giới. Nên nói ta sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, chẳng thọ thân sau.

+ RIÊNG A-LA-HÁN CHẴNG ĐỒNG SIÊU GIÁC.

Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Thế Tôn nói ba thứ A-la-hán. Ở đây nói đó là A-la-hán nào? Thế Tôn! Là được đạo tịch tĩnh nhất thừa, là đại Bồ-tát phương tiện thị hiện A-la-hán hay là Phật Hóa hóa ra? Phật bảo Đại Huệ: Là Thanh văn được đạo nhất thừa tịch tĩnh, chẳng

phải hạng khác. Khác là, Bồ-tát hành hạnh Bồ-tát và Hóuà Phật hóa ra, vì bản nguyện nên dùng phương tiện khéo léo, ở trong chúng thị hiện thọ sanh, vì trang nghiêm quyền thuộc của Phật. Đại Huệ! Ở trong chỗ vọng tưởng thuyết pháp các thứ. Nghĩa là được quả được thiền, thiền giả nhập thiền thì thấy xa lìa. Thị hiện được tự tâm hiện lượng, được quả tướng, nói là được quả. Lại nữa, Đại Huệ! Người muốn siêu thiền vô lượng vô sắc giới, phải lìa tướng tự tâm hiện lượng. Đại Huệ! Chánh định diệt thọ tưởng, vượt tự tâm hiện lượng thì chẳng phải. Vì có sao? Vì còn tâm lượng.

Trên nói A-la-hán, nghĩa là chỉ định tánh nhất thừa trong ba thừa, chẳng phải Bồ-tát thị hiện và Phật Hóa hóa ra. Bồ-tát và Phật Hóa là đối trong chúng sanh vọng tưởng có các thứ nói pháp là, được quả, được thiền. Trọn không có năng sở, vì chỉ tự tâm hiện lượng. Đây được quả tướng cùng định tánh chẳng đồng, vì nhiếp các người đồng sự dẫn tiến lên đại thừa. Thế nên, người muốn vượt khỏi tứ thiền ở thế gian và tứ vô lượng tâm, tứ vô tướng định, phải lìa tướng tự tâm hiện lượng.

Lại về định diệt thọ tưởng xuất thế gian cũng thuộc tâm lượng. Siêu tự tâm hiện lượng, chẳng phải như vậy. Văn sau nói, nếu giác thì được giải thoát, chính là chỉ ở đây vậy. Một mặt nói được tự tâm hiện lượng, một mặt nói lìa tự tâm hiện lượng. Được tức là nghĩa giác. Giác tức là lìa.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nên nói kệ rằng:

Các thiền tứ vô lượng

Vô sắc tam-ma-đề

Tất cả thọ tưởng diệt

Tâm lượng kia không có.
 Quả Tu-đà-bàn-na
 Vãng lai và bất hoàn
 Cùng với A-la-hán
 Những đây tâm hoặc loạn.
 Thiên giả, thiên và duyên
 Đoạn, tri, kiến chân đế
 Đây là lượng vọng tưởng
 Nếu giác được giải thoát.

Thiên giả và thiên, tức ở trên nói năng nhập và sở nhập.
 Đã có năng sở tức có cảnh giới sở duyên của thiên.
 Đoạn là đoạn tập. Tri là tri khổ. Do biết khổ đoạn tập
 nên thấy chân đế, chẳng lìa tâm lượng. Giác là giác tự
 tâm hiện lượng. Giác thì chóng lìa, lìa tâm hiện lượng
 mới thật chứng tâm hiện lượng.

- CHỌN LỰA GIÁC TÂM.

+ CHÁNH CHỈ QUÁN SÁT TƯỞNG GIÁC.

Lại nữa, Đại Huệ! Có hai thứ giác. Nghĩa là quán sát
 giác và vọng tưởng tướng nhiếp thọ kế trước kiến lập
 giác. Đại Huệ! Quán sát giác là, nếu giác tướng tánh tự
 tánh chọn lựa xa lìa bốn câu không thể được, ấy là
 quán sát giác. Đại Huệ! Bốn câu kia là, một, khác, đồng,
 chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải
 không, thường, vô thường, ấy gọi là bốn câu. Đại Huệ!
 Lìa bốn câu này gọi là tất cả pháp. Đại Huệ! Bốn câu
 này quán sát tất cả pháp, nên phải tu học.

Tất cả chúng sanh chẳng được tự giác thánh trí, đều do
 chẳng rõ các pháp trước mắt duy tâm hiện ra, vọng

sanh suy tính. Vừa có suy tính liền thuộc về bốn câu. Nếu hay quán sát tất cả pháp lìa bốn câu không thể được thì tự tâm vọng tưởng tùy đó mà hết, giác thể tự như. Thế là, động tịnh ra vào không nương không chủ, không có giác tri, đều là chiếu liễu, không có tự tha, chẳng cho an trí. Nên nói nếu giác được giải thoát, ấy là quán sát giác nên phải tu học. Tướng tánh tự tánh chọn lựa là, đối thể tướng tất cả pháp chọn lựa rành rẽ, biết cái nào hư cái nào thật, chẳng bị cảnh trước mắt làm ngu, mới hay siêu việt chóng lìa.

+ CHỈ VỌNG TƯỞNG GIÁC TƯỞNG ĐỂ RÕ TỰ GIÁC THÁNH LẠC.

Đại Huệ! Thế nào là tướng vọng tưởng nhiếp thọ kế trước kiến lập giác? Nghĩa là tướng vọng tưởng nhiếp thọ chấp trước, như chất cứng, ướt, nóng, động là tướng vọng tưởng chẳng thật thuộc tứ đại chủng; tông, nhân, tướng, thí dụ chấp trước, chẳng thật dựng lập mà dựng lập, ấy gọi là vọng tưởng tướng nhiếp thọ kế trước kiến lập giác. Đây là tướng của hai thứ giác. Nếu đại Bồ-tát thành tựu hai tướng giác này thì tướng nhân pháp vô ngã được cứu kính, khéo biết phương tiện giác vô sở hữu. Quán sát hạnh địa liền được sơ địa vào cả trăm tam-muội, được sai biệt tam-muội, thấy cả trăm đức Phật và cả trăm Bồ-tát. Biết việc về trước về sau cả trăm kiếp, hào quang chiếu cả trăm cõi nước, biết tướng các địa trên, đại nguyện thù thắng, thần lực tự tại, được Pháp vân địa vào vị Quán đảnh, sẽ được Như Lai tự giác địa. Khéo buộc tâm nơi thập vô tận cú, làm thành thực chứng sanh, các thứ biến hóa trang nghiêm sáng suốt, được tự giác thánh lạc tam-muội chánh thọ.

Cứng ướt nóng động là chỉ cho tứ đại chủng. Nghĩa là y tứ đại chủng các tướng chẳng thật vọng tự bám giữ

phân biệt dựng lập. Như y tướng đất lập lượng rằng: Đây là pháp thật có, lấy đó làm tông. Nhân nói: vì cứng chắc. Dụ nói: như kim cương. Đây là tướng chẳng thật phân biệt, vọng tự bám giữ phân biệt dựng lập. Nếu hay liễu đạt hai thứ giác tướng, biết chấp như thế là ngu phu ngoại đạo, biết như thế là ngã pháp vô sở hữu tự giác quán sát. Thế mới biết tất cả pháp trước mắt đều do tự tâm bắt giác vọng hiện. Hiện duy tự tâm không có nhân tướng khác. Biết nó không có khác, thấy do bắt giác. Trong bắt giác không có tác giả, ấy là không người; ngoài bắt giác không có nhân khác, ấy là không pháp. Hai thứ vô ngã này cứu kính như thế. Quán sát như thế thì phân biệt chóng dứt. Tự hay khéo biết phương tiện dùng giác tâm vô sở hữu hiểu rõ hạnh địa, liền vào Sơ địa, được trăm ngàn tam-muội sai biệt, mười phương ba đời vô biên cõi nước, một lúc chóng thấy chóng nhập, bản nguyện thần lực được tự tại vô ngại, trải qua các địa vượt lên Pháp vân địa ở vị Quán đảnh, đến cứu kính pháp thân của Như Lai tự giác. Y thập vô tận thiện căn khắp hiện hóa thân xoay vần dạy bảo không có cùng tận, mà chẳng rời tự giác thánh trí, an trụ cảnh giới thẳng lạc.

+ CHỈ RÕ TỨ ĐẠI TẠO SẮC VÀO QUÁN SÁT GIÁC.

Lại nữa, Đại Huệ! Đại Bồ-tát phải rõ tứ đại tạo sắc. Thế nào Bồ-tát hiểu rõ tứ đại tạo sắc? Đại Huệ! Đại Bồ-tát khởi giác thế này: Đối chân đế kia tứ đại chẳng sanh. Đối với kia tứ đại chẳng sanh, khởi quán sát như thế, quán sát rời giác được danh, tướng, vọng tưởng, phần tề (phân biệt) là tự tâm hiện phần tề (phân biệt) vì tự tánh chẳng phải tánh, ấy gọi là tâm hiện vọng tưởng phần tề (phân biệt). Nghĩa là nơi tam giới quán tứ đại tạo sắc kia tánh nó lìa, sạch luôn bốn câu, lìa ngã và

ngã sở, trụ như thật tướng tự tướng phần đoạn, thành tựu tự tướng vô sanh.

Đây dạy khéo nơi tứ đại tạo sắc vào quán sát giác. Tứ đại là, đất nước gió lửa. Tạo sắc là sắc hương vị xúc. Giác chân đế kia là, giác tứ đại chân đế. Sao gọi là tứ đại chân đế? Nghĩa là tứ đại không có tự tánh, do phân biệt mà thấy có. Phân biệt khi chưa khởi thì pháp tánh thường vắng lặng. Chính danh, tướng, phần tề (phân biệt) hiện tại ở trong tam giới đều là tướng tượng phân biệt của tự tâm, mà pháp tánh này thường vắng lặng, chẳng do phân biệt mà có ra vào. Cho nên biết, tứ đại và tứ đại tạo sắc đều thanh tịnh không thừa. Là bốn câu là, là ngã và ngã sở, thường trụ trong pháp tự tướng như thật. Trụ trong pháp như thật dựng lập phần đoạn tự tướng (tự tướng từng đoạn từng phần), vô sanh pháp hiển liền nơi đây thành tựu.

Đại Huệ! Tứ đại chủng kia vì sao sanh tạo sắc? Nghĩa là do vọng tưởng thắm ướt đại chủng sanh thủy giới trong và ngoài, vọng tưởng kham năng đại chủng sanh hỏa giới trong và ngoài, vọng tưởng phiêu động đại chủng sanh phong giới trong ngoài, vọng tưởng cắt đứt sắc đại chủng sanh địa giới trong ngoài. Sắc cùng hư không đồng, chấp trước tà đế, năm ấm nhóm họp tứ đại tạo sắc sanh.

Tứ đại chủng từ vọng tưởng mà thành, sanh tứ đại trong ngoài. Nên nói vọng tưởng thắm ướt thành thủy đại chủng sanh thủy giới trong ngoài, địa hỏa phong cũng lại như thế. Bởi mê tự tâm nên có vọng tưởng sanh khởi, chẳng phải có nhân sanh, cũng chẳng phải không nhân, cũng chẳng phải cái khác làm nhân sanh. Ngoại đạo vọng chấp ngũ đại hay sanh mười một căn. Chẳng biết sắc và hư không từ vô thủy bất giác đồng

thời liền hiện. Kinh Phật Đảnh nói: “Biển giác tánh lắng tròn, tròn lóng giác nguyên diệu, nguyên minh chiếu sanh sở, sở lập chiếu tánh vong, mê vọng có hư không, y không lập thế giới, tưởng lóng thành cõi nước, tri giác làm chúng sanh”. Thế mà làm cho sắc, không đều hay làm nhân nên là tà đế.

Đại Huệ! Thức ấy vì ưa các thứ dấu vết (tướng) cảnh giới, các cõi tiếp nối. Đại Huệ! Địa v.v... tứ đại và tạo sắc v.v... Có tứ đại duyên và phi tứ đại kia duyên. Vì có sao? Nghĩa là tánh, hình, tướng, xứ, phương tiện làm ra, không tánh thì đại chẳng chẳng sanh. Đại Huệ! Tánh, hình tướng xứ phương tiện làm ra hòa hợp sanh, chẳng phải vô hình. Thế nên tướng tứ đại tạo sắc ngoại đạo vọng tưởng chẳng phải pháp của ta.

Tiếp trên tứ đại vọng tưởng sanh khởi, đây lại đề ra tứ sanh các cõi, đều do bất giác vọng hiện, chẳng phải tứ đại kia hay làm sanh nhân. Thức tức là vọng tưởng. Tứ đại đã là nội thức biến hiện, mà thức tánh này lại ưa thấy các thứ sắc tướng, lại hay nơi các cõi tiếp nối. Thế thì biết sắc tướng trong ngoài ở trong tam giới đều do thức tưởng biến. Đã do thức tưởng tiếp nối thì chẳng phải tứ đại kia hay làm nhân sanh. Tứ đại từ vọng tưởng sanh, nên nói có tứ đại duyên. Tứ đại không thể lại làm sanh nhân nên nói phi tứ đại kia duyên. Và lại địa v.v... mỗi thứ có tự thể, mỗi thứ có hình tướng, mỗi thứ có phương vị, phương tiện làm ra tuy không có tự tánh mà chẳng phải không hình sắc. Hình sắc đâu thể làm nhân cho hình sắc, hướng hay làm nhân cho vô sắc uẩn, đây là làm to vậy. Nên nói ngoại đạo vọng tưởng chẳng phải pháp của ta.

Lại nữa, Đại Huệ! sẽ nói tướng tự tánh các âm. Thế nào tướng tự tánh các âm? Nghĩa là ngũ âm. Thế nào là

ngũ? Nghĩa là sắc thọ tướng hành thức. Bốn ấm kia chẳng phải sắc là, thọ tướng hành thức. Đại Huệ! Sắc ấy, tứ đại và tạo sắc mỗi mỗi có tướng khác. Đại Huệ! Chẳng phải không sắc có số bốn, vì như hư không. Thí như hư không vượt ngoài số tướng, là nơi số mà vọng tướng nói một hư không. Đại Huệ! Như thế ấm vượt ngoài số tướng, là nơi số, là tánh và phi tánh, là tứ cú. Số tướng ấy, là ngu phu nói năng, chẳng phải là thánh hiền.

Lại phân biệt tự tánh năm ấm để thấy tứ đại không thể sanh ngũ ấm. Nghĩa là sắc ấm từ tứ đại sanh, do sắc tạo ra, vẫn có số bốn mỗi thứ đều có tướng khác. Đến vô sắc ấm không có số bốn, ví như hư không. Hư không kia là nơi số tướng, cũng không có danh từ hư không, do vọng phân biệt cho là một hư không. Các ấm cũng vậy, là các số tướng, là bốn câu có không, nên nói tứ đại hay sanh đó, vẫn là ngoại đạo tà kiến. Tức họ cho rằng sắc thọ tướng hành thức thật có tự tướng có thể được. Cũng là lời nói vọng chấp của ngu phu, chẳng phải chư thánh. Xét ở đây phân biệt tự tánh ngũ ấm, tuy thấy tứ đại không thể sanh ngũ ấm, nhưng cũng chỉ thẳng ngũ ấm là các tướng, là có không, tứ cú, ngay đó là vô sanh.

Đại Huệ! Bậc thánh thấy các thứ sắc tượng như huyễn, là lập bày khác chẳng khác, lại như mộng, bóng, thân sĩ phu, vì là khác và chẳng khác. Đại Huệ! Chỗ tiến đến của thánh trí đồng ấm vọng tướng hiện, ấy gọi là tướng tự tánh các ấm. Các ông phải nên trừ diệt, diệt rồi nói pháp tịch tĩnh, đoạn tất

cả kiến chấp của ngoại đạo về cõi Phật. Đại Huệ! Khi nói tịch tĩnh thấy pháp vô ngã được thanh tịnh và vào Bất động địa (Bát địa Bồ-tát). Vào Bất động địa rồi,

được vô lượng tam-muội tự tại và được ý sanh thân, được như huyễn tam-muội, thông đạt cứu kính, thần lực tam minh tự tại, cứu hộ lợi ích tất cả chúng sanh, ví như quả đất chở nuôi chúng sanh. Đại Bồ-tát khắp giúp ích chúng sanh cũng lại như thế.

Năm ấm như huyễn lìa khác chẳng khác, giác ngộ tự tướng như thật, ấy gọi là chỗ đến của thánh trí. Chẳng giác tự tướng vọng có phân biệt, ấy gọi là vọng tưởng. Đồng năm ấm này mà mê giác phân chia. Nên nói chỗ đến của thánh trí đồng vọng tưởng hiện, Phật bảo ông Kiều Trần Như rằng: “Sắc là vô thường, nhân diệt sắc ấy nhận được sắc giải thoát thường trụ. Thọ tưởng hành thức cũng là vô thường, nhân diệt thức ấy, nhận được thức giải thoát thường trụ. Sắc tức là khổ, nhân diệt sắc khổ ấy, nhận được sắc giải thoát an lạc. Thọ tưởng hành thức cũng lại như thế. Sắc tức là không, nhân diệt sắc không ấy, nhận được sắc giải thoát bất không. Thọ tưởng hành thức cũng lại như thế. Sắc là vô ngã, nhân diệt sắc ấy, nhận được sắc giải thoát chân ngã. Thọ tưởng hành thức cũng lại như thế”. Cho nên biết ở đây phải trừ diệt đó, tức là diệt năm ấm vô thường, khổ, không, vô ngã này. Diệt rồi nói đó, tức là nói năm ấm giải thoát thường trụ, giải thoát an lạc, giải thoát bất không, giải thoát chân ngã này. Nên nói pháp tịch tĩnh vậy. Phạm phu ngoại đạo tức sắc cho là ngã, ở trong pháp vô thường vô ngã vô tịnh vô lạc mà vọng thấy thường lạc ngã tịnh. Kẻ ngu cho là lìa sắc có ngã, vì đối trị phạm phu ngoại đạo, lại ở trong pháp thường lạc ngã tịnh vọng thấy vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh, đều là vọng tưởng. Diệt vọng tưởng này, lìa sự lập bày bốn câu khác chẳng khác, ngay đó được tịch tĩnh. Thấy pháp vô ngã thanh tịnh không còn thừa, tức vào đệ bát Bất động địa. Thành tựu vô lượng tam-muội, được ý

sanh thân, lực thông như huyền tự tại vô ngại, ví như quả đất khắp nuôi quần sanh. Bởi từ bất giác khởi lên vọng có phân biệt tức là hoặc loạn. Giác chỗ khởi phân biệt thấy do tự tâm, tất cả hoặc loạn như huyền như mộng, vốn tự như như, tức cái phân biệt này thành diệu quan sát. Nên nói phàm phu thấy hai, người trí liễu đạt tánh nó không hai.

- CHỈ KIẾN LẬP NIẾT-BÀN.

+ RIÊNG BÀY NIẾT-BÀN CỦA NGOẠI ĐẠO, NHỊ THỪA ĐỂ HIỆN NIẾT-BÀN CỦA NHƯ LAI.

Lại nữa, Đại Huệ! Các ngoại đạo có bốn thứ Niết-bàn. Thế nào là bốn? Nghĩa là tánh tự tánh phi tánh Niết-bàn, chủng chủng tướng tánh phi tánh Niết-bàn, tự tướng tự tánh phi tánh giác Niết-bàn, chư ấm tự cộng tướng tương tục lưu chú đoạn Niết-bàn. Ấy gọi là bốn thứ Niết-bàn của các ngoại đạo, chẳng phải pháp của ta nói. Đại Huệ! Ta nói ra đó, là thức vọng tưởng diệt gọi là Niết-bàn.

Trước kể bốn thứ Niết-bàn để bài xích tà nhân tà quả. Nhiên hậu đề ra Niết-bàn trong chánh pháp của ta. Tánh tự tánh phi tánh Niết-bàn là, Số luận sư lầm cho là Minh đế, từ minh sanh giác, từ giác sanh ngã tâm, cứu kính trở về Minh đế. Chủng chủng tướng tánh phi tánh Niết-bàn là, Minh luận sư chấp đại phạm, thời, phương, bản tế, hư không, ngã; bảy pháp là thường trụ hay sanh tất cả pháp, tất cả pháp thấy trở về thường trụ. Tự tướng tự tánh phi tánh giác Niết-bàn là, Thuận thế sư chấp tất cả pháp sắc, tâm v.v... đều do tứ đại cực vi làm nhân, tức trong tứ đại có cái rất tinh linh hay duyên là giác thể, dùng làm tâm pháp. Tất cả hữu tình vô tình tự tướng tự tánh đều có cực vi giác thể, nên nói chấp tất

cả giác lấy làm Niết-bàn. Chư ấm tự cộng tương tương tục lưu chú đoạn Niết-bàn là, tương tục lưu chú tức là hành ấm. Hành ấm khi diệt nó lặng lẽ chẳng dao động, chẳng phải là thật tịch diệt như dòng nước thác, trông như lặng lẽ, nên nói: “Lặng nhập vào lặng, trở về bờ mé của thức”. Nhị thừa chẳng biết tự tâm hiện ra nơi tương tục diệt khởi tưởng Niết-bàn, thấy đều chẳng lìa thức. Niết-bàn của Như Lai là vọng tưởng thức diệt, tức là diệt thức phân biệt. Thức phân biệt này từ mê tự tâm bất giác mà khởi. Giác tự tâm hiện ra thì phân biệt chẳng sanh, đây tức là Niết-bàn. Tự giác là nhân, thức diệt là quả. Ở đây nói thức diệt là lấy quả để rõ nhân.

+ CHỈ VỌNG TƯỞNG THỨC DIỆT TỨC LÀ NIẾT-BÀN.

Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Chẳng dựng lập tám thức sao? Phật bảo: Dựng lập. Đại Huệ bạch Phật: Nếu dựng lập tại sao lìa ý thức chẳng phải lìa thất thức? Phật bảo Đại Huệ: Vì kia (thức 6 và 8) làm nhân và kia (6 và 8) phan duyên, thất thức chẳng sanh. Ý thức là, chấp trước cảnh giới phần đoạn sanh tập khí nuôi lớn nơi tàng thức. Ý (thức 7) đồng chấp trước ngã ngã sở, suy tư nhân duyên sanh, chẳng hoại thân tướng của tàng thức, nhân phan duyên cảnh giới tự tâm hiện ra rồi chấp trước, nhóm tâm liền sanh, lần lượt làm nhân nhau, thí như biển và sóng, giócảnh giới của tự tâm hiện thời, hoặc sanh hoặc diệt cũng như thế. Thế nên, ý thức diệt thì thất thức cũng diệt.

Như Lai đã đáp dựng lập tám thức thức, mà Đại Huệ riêng nghi chẳng lìa thức thức thứ bảy ấy, là do mê Như Lai tàng toàn thể là thức, toàn thức tức tàng, nên thức thức tám không thể lìa. Song thức thức tám vọng khởi kiến phần thành cái chấp ngã của thức thức bảy, nghi nên đoạn trừ. Không biết rằng thức thức sáu cùng thức thức

tám làm nhân, mà thức thứ tám cùng thức thứ sáu cũng làm duyên, thức thứ bảy y đó khởi, không có tự thể tánh, để hiển bày ý thức là lỗi. Từ đây về sau phát minh hai nghĩa nhân duyên, để chứng thành thức thứ bảy chẳng sanh, nên ý thức phải diệt. Ý thức góp cảnh giới ngoại trần vọng có phân biệt, dẫn phát tập khí, thêm mê tàng thức. Do đó ý thức thứ bảy (thất thức ý) đồng thời chung khởi chấp ngã ngã sở, suy tư nhân duyên tương tục mà sanh, song thức thứ bảy cùng tàng thức đồng một Như Lai tàng chẳng hoại chân tướng, mê chân mà khởi không có hai thể. Đây nói rõ thức thứ sáu cùng thức thứ tám làm nhân, nên thức thứ bảy y đó mà khởi, không có tự thể tánh. Tàng thức làm nhân hiện ra sáu trần, cảnh giới của tự tâm. Thức thứ sáu do đây phan duyên chấp trước khởi nhóm thất thức tâm. Đây nói rõ thức thứ tám cùng thức thứ sáu làm duyên, thức thứ bảy y đó mà khởi không có tự thể tánh. Nhân duyên lần lượt lỗi tại ý thức. Như biển tâm, sóng ý, do thức thứ sáu duyên cảnh giới tự tâm hiện ra làm gió thổi, mà có sanh diệt. Thức thứ sáu nếu diệt thì tâm ý tự dừng. Như biển cả không gió thì cảnh tượng đây được rỗng sáng vậy. Song thấy do mê tự tâm lượng nên kiến phần tướng phần theo đó mà sanh. Kiến chấp là ý duyên tương sanh thức. Nếu giác tự tâm hiện lượng thì đối tất cả cảnh giới phân biệt chẳng sanh, kiến chấp theo đó liền hết, Như Lai tàng tâm liền đó tròn lặng. Song ở đây không nói giác tự tâm hiện lượng là Niết-bàn, vì Phật tánh là nhân, Niết-bàn là quả. Nhân ấy chẳng phải quả, gọi là Phật tánh, quả ấy chẳng phải nhân, gọi là Niết-bàn. Nay dùng quả để nói nên nói thức diệt.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng :

Ta chẳng tánh Niết-bàn
 Làm ra cùng với tướng
 Vọng tưởng, sở tri, thức
 Đây diệt, ta Niết-bàn
 Kia nhân, kia phan duyên
 Ý tiến thủy thành thân
 Cùng nhân ấy là tâm
 Là sở y của thức.

Như dòng nước lớn cạn
 Sóng mồi ắt chẳng nổi
 Như thế ý thức diệt
 Các thứ thức chẳng sanh.

Niết-bàn không có tánh cũng không có thủ xả, chỉ tự tâm hiện ra, chỗ giác tướng diệt, đây là Niết-bàn. Tuy thức thứ tám làm nhân cùng thức thứ sáu làm duyên, thức thứ bảy thân chuyển. Song kia hoại tướng đồng chuyển, cảnh giới sáu trần duy tâm hiện ra dường như có hiện tiền, làm chỗ nương của thức không có đoạn dứt, chẳng đạt được tự tâm thì sự phân biệt khó dừng. Như dòng nước lớn cạn, sóng mồi ắt chẳng nổi. Đây là nhằm vào thức diệt thì biến tâm tự như.

+ CÙNG TỐT VỌNG TƯỞNG SAI BIỆT ĐỂ HIỂN TRÍ, NHƯ, THÀNH THẬT, BIẾN QUẢ NIẾT-BÀN.

Lại nữa, Đại Huệ! Nay sẽ nói thông tướng vọng tưởng tự tánh phân biệt. Nếu khéo phân biệt thông tướng vọng tưởng tự tánh phân biệt thì ông và các đại Bồ-tát là vọng tưởng đến tự giác thánh, khéo thấy thông thú (lối

chung) của ngoại đạo, giác vọng tướng năng nhiếp sở nhiếp đoạn, duyên khởi các thứ tướng vọng tướng tự tánh hành, không còn khởi vọng tướng.

Trên nói thức vọng tướng đoạn liền gọi là Niết-bàn. Ở đây muốn Bồ-tát tột cùng vọng tướng sai biệt thẳng đó chóng lìa, đến tự giác thánh. Duyên khởi vốn không hai pháp, giác vọng cũng chẳng hai tâm. Cùng tột vọng không có nhân, ngộ giác chẳng phải riêng khác. Đến chỗ năng sở đoạn, mới biết cùng ngoại đạo đồng một duyên khởi. Nơi đi của vọng tướng tự tánh, là chỗ hiển bày của tự giác thánh trí.

Đại Huệ! Thế nào là thông tướng vọng tướng tự tánh phân biệt? Nghĩa là ngôn thuyết vọng tướng, sở thuyết sự vọng tướng, tướng vọng tướng, lợi vọng tướng, tự tánh vọng tướng, nhân vọng tướng, kiến vọng tướng, thành vọng tướng, sanh vọng tướng, bất sanh vọng tướng, tương tục vọng tướng, phược bất phược vọng tướng, ấy gọi là thông tướng vọng tướng tự tánh phân biệt. Đại Huệ! Thế nào là ngôn thuyết vọng tướng? Nghĩa là các thứ tiếng hay ca vịnh vui đẹp chấp trước, gọi là ngôn thuyết vọng tướng.

Đại Huệ! Thế nào là sở thuyết sự vọng tướng? Nghĩa là tự tánh của sự có nói ra là chỗ thánh trí biết, y nơi kia mà sanh ngôn thuyết vọng tướng, ấy gọi là sở thuyết sự vọng tướng.

Đại Huệ! Thế nào là tướng vọng tướng? Nghĩa là việc nói ra kia, như con nai khát nước tướng, các thứ chấp trước, rồi chấp trước. Như là tướng cứng, ướt, ấm, động tất cả tánh vọng tướng, ấy gọi là tướng vọng tướng.

Đại Huệ! Thế nào là lợi vọng tưởng? Nghĩa là ưa các thứ vàng bạc trân bảo, ấy gọi là lợi vọng tưởng.

Đại Huệ! Thế nào là tự tánh vọng tưởng? Nghĩa là gìn giữ tự tánh này như thế chẳng đổi khác, ác kiến vọng tưởng ấy gọi là tự tánh vọng tưởng.

Đại Huệ! Thế nào là nhân vọng tưởng? Nghĩa là hoặc nhân hoặc duyên phân biệt có không nên nhân tướng sanh, ấy gọi là nhân vọng tưởng.

Đại Huệ! Thế nào là kiến vọng tưởng? Nghĩa là các thứ ác kiến có, không, một, khác, đồng, chẳng đồng là ngoại đạo vọng tưởng chấp trước vọng tưởng, ấy gọi là kiến vọng tưởng.

Đại Huệ! Thế nào là thành vọng tưởng? Nghĩa là tướng ngã ngã sở tạo thành luận quyết định, ấy gọi là thành vọng tưởng.

Đại Huệ! Thế nào là sanh vọng tưởng? Nghĩa là duyên có tánh không tánh sanh chấp trước, ấy gọi là sanh vọng tưởng.

Đại Huệ! Thế nào là bất sanh vọng tưởng? Nghĩa là tất cả tánh vốn không sanh, không có chủng tử nhân duyên, thể sanh vô nhân, ấy gọi là bất sanh vọng tưởng.

Đại Huệ! Thế nào là tương tục vọng tưởng? Nghĩa là kia đồng tương tục, như kim với chỉ, ấy gọi là tương tục vọng tưởng.

Đại Huệ! Thế nào là phục bất phục vọng tưởng? Nghĩa là chấp trước nhân duyên phục cùng chẳng phục, như sĩ phu dùng phương tiện hoặc phục hoặc giải, ấy gọi là phục bất phục vọng tưởng.

Đây là thông tướng vọng tưởng tự tánh phân biệt, tất cả ngu phu chấp trước có không.

Tiếng hay ca vịnh gồm thanh vận và văn từ. Thanh vận có thanh có trọc, văn từ có nhã có tục, là chỗ nương khởi phân biệt.

Sự có nói ra là, lời nói nói ra sự lý. Là chỗ thánh trí biết, y kia mà sanh là, chỗ thánh trí hiển bày phải ngộ nhập không thể nhân ngón tay mà thấy mặt trăng thì, chỗ hiển bày biến thành cảnh giới giác tưởng.

Việc nói ra kia như con nai khát nước tưởng là, như nghe nói đất mà khởi tưởng cứng, nghe nói nước khởi tưởng ướt, nghe nói lửa khởi tưởng nóng, nghe nói gió khởi tưởng động. Nghe nói ngũ uẩn mà cho là sắc, thọ, tưởng, hành, thức có pháp tướng chân thật, rồi chấp tức uẩn, ly uẩn khởi các thứ phân biệt, như con nai khát nước tưởng.

Lợi vọng tưởng là, y nơi vàng bạc trân bảo mà khởi đắm trước. Gìn giữ tự tánh này như thế chẳng đổi khác là, phân biệt tất cả pháp có thể tánh của nó rồi chấp giữ chẳng bỏ.

Hoặc nhân hoặc duyên phân biệt có không nên nhân tướng sanh là, đối với nhân duyên khởi phân biệt có nhân tướng hoặc không nhân tướng. Bảo rằng nhân này thì duyên này, nhân kia thì duyên kia; nhân kia không nhân này, nhân này không nhân kia; tất cả nhân tướng do phân biệt mà sanh.

Có, không, một, khác, đồng, chẳng đồng là, pháp tứ cú này là phân biệt tà kiến của ngoại đạo.

Tưởng ngã và ngã sở tạo thành luận quyết định là, chấp ngã sở là pháp nhất định, như phân biệt tâm cảnh, tự tha hoặc căn thân và khí giới thành luận quyết định.

Duyên có tánh không tánh sanh là, tất cả pháp có không đều từ duyên sanh, duyên có thì có hiện, duyên không thì không hiện, không có nhân quả.

Tất cả tánh vốn không sanh, không có chủng tử nhân duyên thể sanh vô nhân là, tất cả pháp không có nhân sanh, chẳng do duyên khởi, như cò nhất định trắng, quạ nhất định đen, bỗng nhiên mà hiện, không có tánh nhân.

Kia đồng tương tục như kim với chỉ là, tất cả pháp do hòa hợp mà thành như không và sắc, như bình và đất nước, bởi lệ thuộc lẫn nhau mà thành tất cả pháp.

Chấp trước nhân duyên phược cùng chẳng phược, như sĩ phu dùng phương tiện, hoặc phược hoặc giải là, do năng phược mà có sở phược, phược hay giải là do ta, sức chấp phương tiện mà sanh phân biệt.

Mười hai thứ vọng tưởng sai biệt này, tất cả ngu phu nhân đó chấp trước có không. Tất cả người trí nhân đó liễu đạt trừ đoạn. Nên nói tự giác thánh trí khéo phân biệt cùng với ngoại đạo chung đường.

Đại Huệ! Chấp trước duyên khởi mà chấp trước, các thứ vọng tưởng chấp trước tự tánh, như huyễn thị hiện các thứ thân. Phạm phu vọng tưởng thấy các thứ khác với huyễn. Đại Huệ! Huyễn cùng các thứ chẳng phải khác chẳng phải chẳng khác. Nếu khác thì huyễn chẳng phải các thứ nhân. Nếu chẳng khác thì huyễn cùng các thứ không sai biệt mà thấy sai biệt. Thế nên chẳng phải khác chẳng phải chẳng khác. Do đó, nên Đại Huệ! Ông và các vị đại Bồ-tát khác đối với duyên khởi vọng tưởng

tự tánh như huyễn chớ chấp trước khác, chẳng khác, có, không.

Huyễn là dụ tất cả pháp duyên khởi. Huyền hiện các thứ phàm phu vọng thấy là, dụ duyên khởi mà chấp trước các thứ tánh tướng. Ý nơi huyền hiện các thứ thân, như y nơi mộng có các việc trong mộng, kẻ ngu thấy cho là thật, bảo là khác với huyền. Nếu khác với huyền thì lý ứng huyền không làm nhân tạo tác, mà thật nhân huyền tạo tác, như việc trong mộng thật nhân nơi mộng. Nếu chẳng khác thì, huyền cùng các thứ chẳng có sai biệt, mà thật khi hiện các thứ chẳng phải không có các thứ, như khi mộng hiện thật thấy có việc hiện. Cho nên biết, huyền hiện các thứ chẳng phải khác chẳng phải chẳng khác. Duyên khởi như huyền cùng với các thứ chấp trước pháp tướng cũng chẳng phải khác chẳng phải chẳng khác. Người giác tự tâm hiện chẳng nên ở nơi đây khởi tưởng có, không, khác, chẳng khác. Đây là lý do Thế Tôn chỉ thẳng hiển bày.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nói kệ rằng:

Tâm cột nơi cảnh giới

Giác tưởng trí tùy chuyển

Vô sở hữu và thắng

Bình đẳng trí tuệ sanh

Vọng tưởng tự tánh có

Nơi duyên khởi ắt không

Vọng tưởng hoặc nhiếp thọ

Duyên khởi phi vọng tưởng.

Các thứ chi phần sanh
 Như huyễn thì chẳng thành
 Tướng kia có các thứ
 Vọng tưởng thì chẳng thành.

Đây nói mê duyên khởi tức là biến kế. Đạt duyên khởi tức là Viên thành. Duyên khởi như huyễn, chẳng phải người giác tự tâm thì không thể đạt. Chẳng giác tự tâm hiện ra, nơi cảnh hiện ra vọng chấp là có không. Nên nói tâm cột nơi cảnh giới thì giác tưởng tùy chuyển. Vô sở hữu thắng xứ tức là giác cảnh giới tự tâm, biết tự tướng như thật, nên nói bình đẳng trí. Một bài kệ này đã tốt chỉ thú, về sau để biết sâu về lý duyên khởi thật không có tự tánh. Nếu có chấp trước các thứ đều là vọng tưởng. Cho nên nói vọng tưởng tự tánh có, nơi duyên khởi ắt không. Song vọng tưởng này ở trong mê hoặc dường như có nhiếp thọ. Nếu đạt được lý duyên khởi như huyễn mới biết vọng tưởng vốn chẳng phải tánh nhiếp thọ. Tánh chẳng phải nhiếp thọ tức là không vọng tưởng có thể được, song huyễn hiện chi phần không thành sự thật, các thứ tướng cũng không cho phân biệt. Nên nói “vọng tưởng thì chẳng thành” đến đây phải tự tỉnh sáng vậy.

Tướng kia tức là lỗi
 Điều từ tâm phược sanh
 Vọng tưởng không sở tri
 Nơi duyên khởi vọng tưởng.
 Tánh các vọng tưởng này
 Tức là duyên khởi kia

Vọng tưởng có các thứ

Nơi duyên khởi vọng tưởng.

Ở trên nói duyên khởi không tánh nên chi phần chẳng thành, các tướng vốn dối, vọng tưởng không chỗ gá. Đây lại nói, nếu thấy có tướng tức là có lỗi tâm bị phược. Đây bởi không biết vọng tưởng, nên nói duyên khởi như huyễn khởi kiến chấp phân biệt. Song tánh phân biệt đã không có chỗ biết tức đồng với duyên khởi. Tướng tâm phược không có nhân, tướng mê hoặc của tâm cũng vậy. Nên nói tánh các vọng tưởng này, tức là duyên khởi kia. Phân biệt tuy có các thứ cũng như huyễn các thứ hiện thấy đều không thể được.

Thế đế, đệ nhất nghĩa

Thứ ba vô nhân sanh

Vọng tưởng nói thế đế

Đoạn thì cảnh giới thánh.

Đây nói về thế đế và đệ nhất nghĩa đế, tại mê ngộ mà có chuyển biến, chớ không có nói riêng. Mê thì thánh trí đều đồng giác tưởng. Ngộ thì phân biệt thấy là diệu quan sát trí. Thế đế là nhân mê, đệ nhất nghĩa đế thì nhân ngộ. Bỏ hai thứ mê ngộ này thì hai đế không có nhân. Không nhân mà vọng chấp, là không phải chỗ nói của thánh. Nên nói “thứ ba vô nhân sanh”. Như Lai đối với các pháp duyên khởi muốn người giác tự tâm hiện ra thì vọng chấp liền dừng, tức là cảnh giới đệ nhất nghĩa. Chẳng đó đảm nhận không có thừa sót, chẳng phải đây thì kia, không cho nghĩ nghị.

Thí như việc tu hành

Nơi một, các thứ hiện

Nơi kia không các thứ
 Tướng vọng tưởng như thế.
 Thí như các bệnh mắt
 Vọng tưởng các sắc hiện
 Bệnh không sắc phi sắc
 Duyên khởi chẳng giác vậy.
 Thí như lọc vàng ròng
 Xa lìa các cặn bã
 Hư không chẳng mây che
 Vọng tưởng sạch cũng thế.

Thiền quán hiện ra các thứ sắc tướng vốn là hư dối.
 Bệnh mắt thấy sắc không thể nói có không, để dụ không
 rõ duyên khởi vọng tưởng các tướng sanh, pháp nhĩ
 như thế. Song duyên khởi vốn huyễn, vọng tưởng
 chẳng phải ai khác. Cặn bã bất giác nếu lìa thì vàng
 ròng hiện tiền. Mây che con mắt bệnh nếu sạch thì hư
 không như nhiên. Lại dụ vọng sạch chẳng riêng có
 chân.

Không có tánh vọng tưởng
 Và có duyên khởi kia
 Kiến lập và phỉ báng
 Thấy do vọng tưởng hoại.
 Vọng tưởng nếu không tánh
 Mà có tánh duyên khởi
 Không tánh mà có tánh

Có tánh không tánh sanh.
 Y nhân nơi vọng tưởng
 Mà được duyên khởi kia
 Tướng, danh thường theo nhau
 Mà sanh các vọng tưởng
 Cứu kính chẳng thành tựu
 Thì qua các vọng tưởng
 Về sau trí thanh tịnh
 Ấy gọi đệ nhất nghĩa.

Vọng tưởng duyên khởi thấy đều không thật, mà khởi chấp có không thường thấy do vọng tưởng hoại. Vọng tưởng không tánh người còn dễ biết, pháp duyên khởi hư dối rất khó liễu đạt. Cho nên thiết lập “vọng tưởng nếu không mà có duyên khởi” là, lìa vọng tưởng mà có duyên sanh, ấy là có pháp từ vô nhân sanh. Chẳng biết mê Như Lai tàng làm thành thức, vọng có thấy sanh rồi khởi ra tướng. Y nơi tướng lập danh trở lại sanh phân biệt, như bó lau không có sự thật. Biết không sự thật thì liền đó được tròn sáng, ấy là đệ nhất nghĩa thanh tịnh không bị ngăn che. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Căn trần đồng nguồn, phược thoát không hai, thức tánh hư vọng ví như không hoa. Do trần phát biết, nhân căn có tướng, tướng kiến không tánh, đồng như bó lau”. Lại nói: “Thấy biết lập biết, là gốc vô minh, thấy biết không chấp, đây là Niết-bàn, vô lậu chân tịnh”. Làm sao ở trong đó lại cho có vật khác? Căn trần tức là pháp duyên khởi. Thức tánh vẫn là vọng tưởng. Luận Duy Thức nói: “Sắc tâm các pháp đều do nội thức biến dường như hiện tiền”. Nên biết duyên khởi vốn từ thức sanh, trở lại sanh thức.

Thức tánh vốn dối, căn trần nương đâu mà lập? Thì
tánh tri kiến kia thanh tịnh không thừa vậy.

Vọng tưởng có mười hai

Duyên khởi có sáu thứ

Tự giác biết sở tri

Kia không có sai biệt.

Năm pháp là chân thật

Tự tánh có ba thứ

Tu hành phân biệt đây

Chẳng ngoài nơi như như.

Nương trên nói vọng tưởng thanh tịnh thành đệ nhất
nghĩa. Cho nên ở đây nói người chứng tự giác thánh trí
thấy rõ vọng tưởng, duyên khởi, trí và sở tri, năm pháp,
ba tánh đều không có sai biệt, hội quy về chân thật tự
tướng như như.

Các tướng và duyên khởi

Kia gọi khởi vọng tưởng

Các tướng vọng tưởng kia

Từ duyên khởi kia sanh.

Giác tuệ khéo quán sát

Không duyên không vọng tưởng

Thành rồi không có tánh

Thế nào vọng tưởng giác?

Tự tánh vọng tưởng kia

Dựng lập ba tự tánh

Vọng tưởng các thứ hiện
 Cảnh giới thánh thanh tịnh.
 Vọng tưởng như màu vẽ
 Duyên khởi chấp vọng tưởng
 Nếu khác với vọng tưởng
 Là y luận ngoại đạo.
 Vọng tưởng nói tưởng ra
 Nhân thấy hòa hợp sanh
 Người lìa hai vọng tưởng
 Như thế là được thành.

Năm bài kệ này qua lại nói vọng tưởng tức là chánh trí, danh tướng tức là như như, duyên khởi tức là thành thật. Kẻ ngu phân biệt thấy hai, người trí liễu đạt tánh nó không hai. Y nơi duyên khởi vọng chấp danh tướng, duyên khởi như huyễn thì tướng chấp vốn rỗng. Các hư huyễn hết thì thành thật hiện tiền. Vì không riêng thật tánh, nên giác tưởng (vọng) đâu còn, tánh vốn không hai do vọng kiến lập mà có. Kinh Niết-bàn nói: “Khi có trí tuệ thì không phiền não, khi có phiền não thì không trí tuệ”. Lại nói: “Nếu nói tất cả pháp vô ngã thì bí tạng của Như Lai cũng không có ngã”. Phàm phu cho là hai, trí giả liễu đạt tánh nó không hai. Tánh không hai tức là thật tánh. Cho nên nói: “Vọng tưởng các thứ hiện, cảnh giới thánh thanh tịnh”. Mới biết thật tánh vô minh tức là Phật tánh. Ngộ vọng vốn chân chẳng lìa vọng mà có. Chỉ trừ vọng chấp, tánh chấp không vọng, lìa nó để tìm nơi khác tức là dị nhân (lối chấp nhân khác của ngoại đạo). Vọng tưởng như màu vẽ, duyên khởi chấp vọng tưởng là, nói duyên khởi vốn từ vọng tưởng mà hiện, lại

chính nơi duyên khởi mà sanh phân biệt, như vẽ tướng địa ngục, tự vẽ rồi tự sợ, vẫn do vọng tưởng nói rồi lại tưởng ra. Năng hiện và sở hiện hiệp thành hai cái vọng. Biết vọng tức là, là vọng tức thật, không có hai mối.

KINH LĂNG GIÀ TÂM AN

Thiền Sư Hàm Thị Sớ Giải

Hoà Thượng Thích Thanh Từ Việt Dịch

Thiền Viện Thường Chiếu

D- Chỉ tự giác nhất thừa soi sáng các địa, khéo đoạn các lậu, viên mãn thân phật, chẳng rơi vào có không.

1- CHỈ TỰ GIÁC NHẤT THỪA.

- CHỈ TỰ GIÁC THÁNH TRÍ.

Đại Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Cúi mong vì nói tướng tự giác thánh trí và nhất thừa. Nếu tướng tự giác thánh trí và nhất thừa, con và các Bồ-tát khác rành tướng tự giác thánh trí và nhất thừa thì chẳng do nơi khác thông đạt Phật pháp. Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Thánh trước biết rõ trao truyền cho nhau, “vọng tưởng là không tánh”, đại Bồ-tát riêng ở chỗ vắng vẻ tự giác quán sát, chẳng do nơi khác là kiến chấp vọng tưởng, tiến thẳng lên trên vào Như Lai địa, ấy gọi là tướng tự giác thánh trí.

Đây đáp tự giác thánh trí mà nói thánh trước biết rõ trao truyền cho nhau “vọng tưởng là không tánh”! Cho nên biết, tất cả phàm phu không thể rõ thấu được giác tánh

đều bị vọng tưởng kèm giữ, lần lượt phá trừ thì tướng tế lại sanh. Nếu biết không tánh thì tức vọng liền chân, chỗ giác tướng hết, chẳng do nơi khác mà ngộ, nên nói tự giác. Ngài Vĩnh Minh Giác nói: “Đồng một không tánh nên được hiện thành, tánh vọng vốn rỗng chúng sanh nguyên là Phật, chân tánh đã được, đâu phải nay mới thành”. Đây là nhằm vào căn bản trí vậy.

- CHỈ NHẤT THỪA.

Đại Huệ! Thế nào là tướng nhất thừa? Nghĩa là giác ngộ đạo nhất thừa nên ta nói nhất thừa. Thế nào là giác ngộ đạo nhất thừa? Nghĩa là chỗ năng nhiếp sở nhiếp vọng tướng như thật, chẳng sanh vọng tưởng, ấy gọi là giác nhất thừa. Đại Huệ! Người giác ngộ nhất thừa, chẳng phải chỗ các hàng ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác, Phạm thiên vương v.v... có thể được, chỉ trừ Như Lai, do đó nên gọi là nhất thừa.

Chỗ năng nhiếp sở nhiếp vọng tướng như thật chẳng sanh vọng tưởng là, cảnh giới vọng tưởng của chúng sanh hiện tiền tức là trường đại tịch diệt của chư Phật Như Lai, chân tục không hai, bình đẳng một pháp giới không có sai biệt. Kinh Tối Thắng Vương nói: “Người tu hạnh bồ-đề đối với cảnh chư thánh, thể chẳng phải một khác, chẳng bỏ nơi tục, chẳng lìa nơi chân, y nơi pháp giới. Pháp giới là, tất cả chúng sanh là chân không thường trụ, tự tướng tự tánh bản tế như thật, chẳng sanh chẳng diệt, không có giác tri. Đây là chỗ đi của Như Lai, chẳng phải chỗ hiểu của phàm, chẳng phải chỗ biết của thánh”. Cho nên nói: “Chẳng phải chỗ các hàng ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác, Phạm thiên vương... có thể được”. Nên nói: “Cứu kính giác” vậy.

- CHỈ TAM THỪA TÙY CƠ.

Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Có sao nói tam thừa mà chẳng nói nhất thừa? Phật bảo Đại Huệ: Chẳng tự vào pháp Niết-bàn, nên chẳng nói nhất thừa với tất cả Thanh văn Duyên giác. Bởi tất cả Thanh văn Duyên giác, Như Lai điều phục trao cho phương tiện tịch tĩnh mà được giải thoát, chẳng phải tự sức mình, thế nên chẳng nói nhất thừa. Lại nữa, Đại Huệ! Vì phiền não chướng, nghiệp, tập khí chẳng đoạn nên không nói nhất thừa với tất cả Thanh văn, Duyên giác. Vì chẳng giác pháp vô ngã, chẳng lìa phần đoạn tử nên nói tam thừa.

Như Lai chẳng vì Thanh văn Duyên giác nói pháp nhất thừa. Bởi vì Thanh văn Duyên giác không thể lìa ngôn thuyết và sở thuyết được tự giác thánh trí, chẳng được pháp tự vào Niết-bàn. Tự vào Niết-bàn là tự tánh Niết-bàn. Sẵn có tự tánh vốn tự vắng lặng chẳng chịu sanh tử. Ở trong sanh tử mà chẳng bị pháp sanh tử chen vào, thường tự vắng lặng, ngay đó là như như. Tánh như như mà không thể tự giác cần nhờ duyên khởi. Gặp duyên thế gian liền khởi phân biệt, bám lấy thanh sắc tạo nhân trong tam giới, chuốc quả luân hồi. Gặp duyên xuất thế liền khởi chán lìa, bám chặt vào thiên định, tạo nhân tứ đế mười hai nhân duyên, thành quả giải thoát. Song tự tánh như như chẳng phải luân hồi, chẳng lìa luân hồi, chẳng phải giải thoát, chẳng lìa giải thoát, chẳng phải hai bên này, cũng chẳng lìa hai bên. Như Lai thương xót các phàm phu đắm mê thế gian, cho thế gian là thường nên vì họ nói vô thường, cho thế gian là lạc nên vì họ nói khổ, cho thế gian là tịnh nên vì họ nói bất tịnh, cho thế gian là ngã nên vì họ nói vô ngã. Nhị thừa lấy đây để điều phục, được đạo giải thoát mà chẳng phải tự tánh giải thoát. Về phần khởi phiền não đã đoạn, còn tập phiền não chẳng đoạn, được nhân vô ngã, chẳng giác ngộ pháp vô ngã. Tập phiền não khởi

từ vô minh bất giác nghiệp động, chẳng phải người giác tự tánh thì không thể xa lìa. Nghiệp tập chẳng đoạn thì chỉ là bất tri bất giác mà thôi. Thế Tôn thường nói: “Thanh văn Duyên giác còn không thấy chân tánh vô ngã, huống là chân tánh hữu ngã”. Đồng một chân tánh do vô ngã được vào, chẳng phải giác tự tánh, cho nên nói “chẳng thấy”. Chúng sanh phân biệt ta người là lỗi của bất giác, không dùng tức và lìa, nên nói “chỗ năng nhiếp sở nhiếp vọng tưởng như thật” thật khó mà gánh vác. Vừa sanh phân biệt liền rơi vào sở tri. Câu “chẳng lìa phần đoạn tử” theo bản dịch đời Ngụy thì “chưa được bất khả tư nghì biến dịch sanh”. Về phần đoạn nhị thừa đã lìa, còn biến dịch nhị thừa chưa đoạn. Mà nói bất khả tư nghì biến dịch sanh, chính chỉ tùy loại đối hiện thì nhị thừa không có phần.

- CHỈ NHẤT THỪA BÌNH ĐẲNG.

Đại Huệ! Những người kia đối tất cả khởi phiền não, lỗi tập khí đã đoạn và giác pháp vô ngã. Kia đối tất cả khởi phiền não, lỗi tập khí đoạn, đấm vị tam-muội lạc chẳng phải tánh, giác được vô lậu giới. Giác rồi, lại nhập xuất thế gian thượng thượng vô lậu giới, đầy đủ các thứ công đức sẽ được pháp thân Như Lai bất khả tư nghì tự tại.

Kinh Phật Đảnh nói: “Giác chẳng phải sở minh, nhân minh mà lập giác, sở đã vọng lập thì sanh vọng năng của ông”. Sở là chỉ cho tướng phần. Kinh Phật Đảnh nói sở trước cái năng thì biết tột gốc pháp ngã, tập khí rất là tế nhị và kín đáo, chỗ này Bồ-tát đến Diệu giác mới hết. Khởi phiền não là nhân ngã. Nhị thừa tuy đoạn khởi phiền não, mà lỗi kiến phần tập khí chưa quên. Đây đồng nói đoạn là, chính khi thời tiết đã đến, bỗng nhiên giác ngộ, chỗ tập khí đoạn thì pháp vô ngã tự nhiên

sáng tỏ. Đắm vị tam-muội, đây là tập khí pháp ngã. Kia đối với chỗ chẳng phải chuyển mà sanh tưởng chuyển, như người say kia thấy mặt trăng mặt trời thật không phải xoay vòng, mà sanh tưởng xoay vòng. Cho nên dùng cái tưởng vô thường, khổ, không, vô ngã, đắm vị tam-muội, đối với cái lưu chuyển kia được thể gian giải thoát, vào vô lậu giới. Nơi đây nếu giác ngộ thì đắm vị tam-muội cũng chẳng có tánh nhất định, tập khí liền đoạn, tất cả kiến chấp dứt, liền là xuất thế vô lậu, tánh bản giác liền hiện, pháp thân rõ ràng, chẳng phải bảo riêng có xuất thế vô lậu giới.

- TỤNG CHUNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nói kệ rằng:

Chư thiên và Phạm thừa

Thanh văn Duyên giác thừa

Chư Phật Như Lai thừa

Ta nói các thừa này

Cho đến có tâm chuyển

Các thừa phi cứu kính.

Nếu tâm kia diệt hết

Không thừa và người thừa

Không có thừa dựng lập

Ta nói là nhất thừa.

Chính Như Lai thừa mà có tâm phân biệt còn chẳng phải cứu kính. Cho nên sở tri ngu đến Thập nhất địa vẫn còn vi tế chưa hết. Được hết cái này rồi chân như tự tánh mới là hiện tiền, không có thừa cùng với người

thừa (cõi), vượt ngoài số lượng không thể dựng lập, nên nói nhất thừa. Phật bảo ngài Xá-lợi-phất rằng: “Như Lai tất cả đều biết thấy giác, cũng chẳng tự biết ta biết thấy giác. Nếu cho Như Lai khởi tướng biết thấy giác, ấy là chẳng phải Phật Thế Tôn, gọi là phàm phu”. Cho nên biết, đạo nhất thừa bặt tướng lìa tánh, riêng một không có bạn bè, thoát ba thứ duyên, tập khí, chỉ một diệu viên giác, lại không có gì khác. Kinh Viên Giác nói: “Tâm diệu viên giác của tất cả Như Lai vốn không có Bồ-đề cùng với Niết-bàn, cũng không có thành Phật cùng chẳng thành Phật, không vọng luân hồi và phi luân hồi”. Chỗ này nếu không phải người đạt tự tánh tất cả pháp chân như bình đẳng thì không thể thấy.

Vì dẫn đạo chúng sanh
 Phân biệt nói các thừa
 Giải thoát có ba thứ
 Cùng với pháp vô ngã.
 Phiền não trí tuệ thảy
 Giải thoát thì xa lìa
 Như cây nổi trong biển
 Thường theo sóng gió dời.
 Thanh văn ngu cũng vậy
 Tướng gió thổi trôi giạt
 Kia khởi phiền não diệt
 Còn tập phiền não ngu.
 Đắm vị tam-muội lạc
 An trụ vô lậu giới

Không tiến đến cứu kính
 Cũng lại chẳng thối lùi.
 Được các thân tam-muội
 Cho đến kiếp chẳng giác
 Thí như người mê say
 Rượu hết sau mới tỉnh
 Kia giác pháp cũng vậy
 Được thân Phật vô thượng.

Ba thứ giải thoát tức là quả chứng của tam thừa. Nhân pháp vô ngã, phiền não sở tri đều vì dẫn đạo hàng nhị thừa mà nói. Người được nhất thừa giải thoát đều xa lìa những thứ này, nên nói “không thừa và người thừa”. Nhị thừa đoạn khởi phiền não, mà còn ngu tập phiền não, thường bị không tịch chuyển, như cây nổi kia bị gió thổi trôi giạt. Thấy tất cả pháp trong ngoài đều theo sở tri chuyển, đắm vị tam-muội an trụ ngoài giới, liền dứt nhân sanh, cho nên cũng chẳng thối lùi. Say cái tam-muội này nhiều kiếp không giác, nếu giác tức là vô thượng, nên nói “tự tánh chân như chẳng phải các thứ giải thoát, cũng chẳng phải lìa giải thoát”.

2- CHỈ THÁNH TRÍ CHIẾU MINH CÁC ĐỊA.

-BÀY BA THỨ Ý SANH THÂN.

Khi ấy, Thế Tôn bảo đại Bồ-tát Đại Huệ rằng: Nay ta sẽ nói phân biệt tướng chung của ý sanh thân. Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn, lành thay! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Có ba thứ ý sanh thân. Thế nào là ba? Là: Tam-muội lạc chánh thọ ý sanh thân, giác pháp tự tánh tánh ý sanh

thân, chủng loại câu sanh vô hành tác ý sanh thân. Người tu hành rõ biết tướng sơ địa tiến lên các địa được ba thứ thân.

Ba thứ thân từ Sơ địa đến Phật địa là phân biệt sở chứng. Tam-muội lạc chánh thọ là từ Sơ địa đến Thất địa. Giác pháp tự tánh tánh là từ Bát địa đến Thập địa. Chủng loại câu sanh vô hành tác là rốt sau của Kim Cang địa chứng được pháp thân, như hạt châu ma-ni tùy loại đối hiện. Ba thân này có thể phối hợp với ba pháp quán. Tam-muội chánh thọ thuộc về chỉ. Giác pháp tự tánh tánh thuộc về quán. Chủng loại là chủng loại thánh, tất cả Phật tự tánh ảnh hiện không thể nghĩ bàn thuộc về trung đạo thiên-na. Giác tự tâm hiện là, tam quán đồng thời đầy đủ. Ba đức tự tánh này tức một mà ba, tức ba mà một, chẳng đồng với quyền thừa thủy giáo một vị chẳng biết một vị. Song tùy địa sâu cạn chẳng ngại mỗi vị có thân chứng nên nói viên dung (đốn chứng) chẳng ngại hành bố (tiệm chứng).

- CHỈ THÂN TƯƠNG THẤT ĐỊA TRỞ LÊN.

Đại Huệ! Thế nào là tam-muội lạc chánh thọ ý sanh thân? Nghĩa là đệ tam địa, đệ tứ địa, đệ ngũ địa, vì tam-muội lạc chánh thọ, các thứ tự tâm vắng lặng, an trụ nơi tâm hải, tướng thức nổi sóng chẳng sanh. Biết cảnh giới tự tâm hiện tánh (pháp) là phi tánh (không pháp), ấy gọi là tam-muội lạc chánh thọ ý sanh thân.

Từ Sơ địa đến Tứ địa đoạn kiến hoặc hết, từ Ngũ địa đến Thất địa đoạn tư hoặc hết. Đại thừa giác tự tâm hiện đã đoạn hai hoặc tuy chẳng đồng nhị thừa thấy có thật pháp, say đắm tam-muội, đối trị sanh tử. Song từ sóng thức chuyển biến, giác tự tâm hiện thấy không thật có, tự tâm vắng lặng bỗng nhiên hiện tiền, đã có tam-

muội đều từ liễu nhân. Nên nói an trụ tâm hải, không có thọ lạc.

- CHỈ THÂN TƯƠNG BÁT ĐỊA.

Đại Huệ! Thế nào là giác pháp tự tánh tánh ý sanh thân? Nghĩa là đệ bát địa quán sát giác liễu các pháp thấy như huyễn đều không thật có, thân tâm chuyển biến được như huyễn tam-muội và các môn tam-muội khác. Vô lượng tướng, lực, tự tại, minh như hoa đẹp trang nghiêm chóng được như ý. Ví như huyễn, mộng, trăng đáy nước, bóng trong gương chẳng phải năng tạo chẳng phải sở tạo. Như năng tạo sở tạo tất cả sắc các thứ chi phần đầy đủ trang nghiêm, tùy vào tất cả cõi Phật có đại chúng. Vì thông đạt pháp tự tánh, ấy gọi là giác pháp tự tánh, tánh ý sanh thân.

Đệ bát địa thấy pháp vô ngã, giác tự tâm hiện tất cả cảnh giới thấy như mộng huyễn. Liền dùng tự giác chiếu liễu thân tâm chuyển biến, thuận tánh khởi dụng, nhập như huyễn tam-muội và vô lượng tam-muội lực, thông, hiện tất cả thân như trăng đáy nước, bóng trong gương như ý tự tại khắp các cõi Phật. Hiểu sâu pháp tánh chẳng phải có chẳng phải không, chẳng do tạo tác, tự nhiên đầy đủ trang nghiêm.

- CHỈ PHẬT ĐỊA THÂN TƯƠNG KHÔNG HÀNH TÁC VÀ BÀI TỤNG.

Đại Huệ! Thế nào là chủng loại câu sanh vô hành tác ý sanh thân? Nghĩa là giác tất cả Phật pháp duyên tự được tướng lạc, ấy gọi là chủng loại câu sanh vô hành tác ý sanh thân. Đại Huệ! Đối với tướng ba thân kia quán sát giác liễu nên phải tu học.

Giác tất cả Phật pháp duyên tự được tướng lạc là, chúng được tự tánh pháp thân tất cả Như Lai đã chứng.

Như hạt châu ma-ni tùy năm sắc hiện. Tụ tánh pháp thân của Như Lai cũng lại như thế, tùy tâm chúng sanh đối diện liền hiện. Như Lai không có tâm niệm. Đây là do bi nguyện nhiều kiếp làm thành, cũng là tụ tánh pháp tướng lý ứng như thế, chỉ một mình Phật mới hay viên chứng.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Thừa ta phi Đại thừa
Phi thuyết cũng phi tụ
Phi đế phi giải thoát
Phi cảnh giới có không.
Song thừa Đại thừa này
Được chánh quán tụ tại
Các thứ ý sanh thân
Hoa trang nghiêm tụ tại.

Bài kệ hiển bày Như Lai tụ giác thánh trí lìa các tướng thừa, chẳng phải lời nói đến, chẳng phải tất cả đế, chẳng phải tất cả giải thoát, cũng chẳng phải cảnh giới không thật có. Đây chính hiển bày đệ nhất nghĩa tụ chứng tụ biết của pháp môn Đại thừa. Vào pháp môn này tụ nhiên được ba thứ thân trang nghiêm tụ tại, chẳng cần dụng công.

3- CHỈ PHƯƠNG TIỆN KHÉO VÀO NĂM HẠNH.

- NHÂN ĐẠI HUỆ HỎI LIỆT BÀY HẠNH NGŨ VÔ GIÁN.

Đại Bồ-tát Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Như Thế Tôn nói “Nếu người nam kẻ nữ hành nghiệp ngũ vô gián chẳng vào địa ngục vô gián”. Thế Tôn! Thế nào người

nam kẻ nữ hành nghiệp ngũ vô gián mà chẳng vào địa ngục vô gián? Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn, lành thay! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo: Đại Huệ! Thế nào là nghiệp vô gián? Nghĩa là giết cha, giết mẹ, hại A-la-hán, phá hòa hợp tăng, ác tâm làm thân Phật ra máu.

Giết cha, giết mẹ, hại A-la-hán, phá hòa hợp tăng, làm thân Phật ra máu, năm nghiệp vô gián này quyết định mắc quả báo trong địa ngục vô gián. Song Phật cũng có khi nói: cũng có người hành nghiệp ngũ vô gián mà không mắc quả báo trong địa ngục vô gián, cho nên ở vãng sau phát minh.

- CHỈ HAI CĂN BẢN ĐOẠN.

Đại Huệ! Thế nào là mẹ chúng sanh? Nghĩa là ái lại thọ sanh, cùng với tham và hỷ chung, như duyên nơi mẹ mà sanh thành. Vô minh là cha sanh vào xóm làng lục nhập thập nhị xứ. Đoạn hai thứ căn bản này gọi là giết cha mẹ.

Ái là phần ái trong mười hai nhân duyên, vì nó hay nhuận sanh, cho nên nói “lại thọ sanh cùng với tham và hỷ chung” có nghĩa dưỡng dục, nên nói “như duyên nơi mẹ mà sanh thành”. Phần vô minh thì hay phát nghiệp nên gọi nó là cha. Mẹ tham ái hiệp với cha vô minh tức là vào xóm làng lục nhập và thập nhị xứ, thành thân đời sau. Hai cái này là nhân sanh tử nên nói căn bản. Đoạn hai cái căn bản này gọi là giết cha mẹ.

- CHỈ CÁC PHÁP CỨU KÍNH ĐOẠN.

Các sử kia chẳng hiện như chuột độc phát các pháp, cứu kính đoạn nó, gọi là hại La-hán.

La-hán đoạn mười chánh sử, chưa đoạn tập khí. Nói như chuột độc phát là, như con chuột độc cắn người vết thương tuy đã lành, mà gặp sấm chớp lại phát sanh. Dù La-hán đoạn được nội sắc mà chưa đoạn ngoại sắc, cho nên gặp duyên liền dao động. Chứng tự giác trí thì tập khí chóng trừ, tất cả pháp đã có như chuột độc phát sanh thấy đều hằng đoạn, gọi là hại La-hán.

- CHỈ CÁC ẨM CỨU KÍNH ĐOẠN.

Thế nào phá hòa hợp tăng? Nghĩa là các âm tướng khác hòa hợp chứa nhóm, cứu kính đoạn nó, gọi là phá Tăng.

Sắc thọ tướng hành thức là tướng khác của các âm. Năm âm hòa hợp chứa nhóm sanh tử nên gọi là tập. Nếu hay đoạn nó thì gọi là phá tăng. Vì tăng là nghĩa hòa hợp.

- CHỈ BẢY THỨ THỨC ĐOẠN.

Đại Huệ! Do bất giác ngoại cảnh tự tướng cộng tướng từ tự tâm hiện lượng nên bảy thức thân sanh. Dùng ba thứ giải thoát vô lậu ác tướng, cứu kính đoạn bảy thức thức Phật kia, gọi là ác tâm làm thân Phật ra máu. Nếu người nam kẻ nữ hành việc vô gián này gọi là ngũ vô gián, cũng gọi là vô gián đẳng.

Tám thức có hai nghĩa giác và bất giác. Nếu bất giác ngoại cảnh tự tướng cộng tướng đều tự tâm hiện thì, giác là ngã tướng của bảy thức. Do kiến phần vọng giác của thức thứ tám, thức thứ bảy liền chấp làm ngã. Đây gọi là bảy thức thân. Bản nhà Đường dịch là tám thức vẫn đồng với ý chỉ này. Nếu giác tự tâm hiện ra liền hay dùng vô tác, vô tướng, vô nguyện an trụ bất giác trong biển tâm tịch tịnh. Nên nói “dùng ba thứ giải thoát vô lậu ác tướng đoạn thân giác kia”. Hiệp năm hạnh này thì

chúng được thật pháp chánh chân, nên nói “vô gián đẳng”.

- CHỈ NGOẠI NGŨ VÔ GIÁN HẠNH CÙNG TỰNG.

Lại nữa, Đại Huệ! Có ngoại ngũ vô gián, nay sẽ diễn nói, ông và các đại Bồ-tát khác nghe nghĩa này rồi, ở đời vị lai chẳng rơi vào ngu si. Thế nào là ngũ vô gián? Nghĩa là trước đã nói vô gián, nếu người hành được pháp này đối ba môn giải thoát mỗi mỗi chẳng được pháp vô gián đẳng. Trừ người này ra, còn các vị hóa thân lực hiện vô gián đẳng, như là Thanh văn hóa thân lực, Bồ-tát hóa thân lực, Như Lai hóa thân lực, vì người khác tạo tội vô gián để trừ nghi và hối quá. Vì khuyến phát nên dùng thân lực biến hóa hiện vô gián đẳng. Không có một bề làm việc vô gián mà chẳng mắc vô gián đẳng. Trừ người giác tự tâm hiện lượng là thân (người) tài (cảnh) vọng tưởng, là ngã và ngã sở nhiếp thọ; hoặc khi gặp thiện tri thức giải thoát vọng tưởng tương tục trong các cõi.

Đối năm thứ vô gián trước, nên nói ngoại vô gián. Còn ba hạng dùng thân lực biến hóa là vì người tạo tội vô gián trừ nghi và khiến hối quá. Như trong luật đã phạm thấy đều thuộc quyền thị hiện. Như Điều Đạt ở trong địa ngục như thọ vui trên cõi trời Tam thiên, chợt được Thế Tôn thọ ký. Chưa có một bề tạo nghiệp vô gián mà không mắc quả báo vô gián. Trừ giác tự tâm hiện là, trừ người này hiện đời giác tự tâm hiện, chóng là tất cả vọng tưởng năng sở của thân căn và khí giới, thì nghiệp tánh không ở trong ngoài và giữa. Như tự tâm chẳng ở trong ngoài giữa, nghiệp tánh cũng thế. Nếu chẳng được vậy thì, gặp thiện tri thức dạy khiến trừ diệt liền được giải thoát các thú. Như vua A-xà-thế liền ở trước Phật được lòng tin không căn, phá hoại tâm ác, chẳng

phải bảo đợi đến đời khác. Nếu thân này mất rồi thì nhân quả khó trốn.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Tham ái gọi là mẹ

Vô minh tức là cha

Giác cảnh thức là Phật

Các sử là La-hán

Ấm hạp gọi là Tăng

Vô gián thứ lớp đoạn

Gọi là ngũ vô gián

Chẳng vào ngục vô gián.

Giác là Phật tánh, song ở trong chúng sanh mê liễu biệt cảnh tức là vọng giác, ấy là nên đoạn, cũng gọi là làm thân Phật ra máu. La-hán các sử chẳng hiện, mà nói các sử là La-hán, vì văn gọn vậy.

4- CHỈ VIÊN MÃN PHẬT GIÁC.

- CHỈ PHẬT GIÁC.

Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn ! Cúi xin vì nói tri giác của Phật. Thế Tôn ! Những gì là tri giác của Phật? Phật bảo Đại Huệ: Giác nhân pháp vô ngã, rõ biết hai chướng, lìa hai thứ tử, đoạn hai thứ phiền não, ấy gọi là tri giác Phật. Thanh văn, Duyên giác được pháp này cũng gọi là Phật. Do nhân duyên ấy nên ta nói nhất thừa.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Khéo biết hai vô ngã
 Hai chướng phiền não đoạn
 Hằng lìa hai thứ tử
 Ấy gọi tri giác Phật.

Tam thừa đồng một tánh tri giác mà chẳng đồng tri giác. Bởi tri giác sai biệt nên chỗ chứng cũng sai biệt. Như Lai là như tánh kia mà giác nên không có giác khác, như tánh kia mà biết nên không có biết khác. Như tánh kia mà giác thì không có bất giác. Không có giác khác thì không vọng giác. Không bất giác không vọng giác, ấy gọi là chân như tự tánh thanh tịnh không che đậy. Giác có người, giác có pháp, đều do bất giác tự tánh mà khởi vọng giác. Giác có tự tha, ấy là nhân tướng. Giác có tự tánh tha tánh, ấy là pháp tướng. Như tánh kia mà giác không có giác khác thì, nhân ngã pháp ngã liền đó tan biến. Hai chướng là, hoặc chướng và trí chướng. Hoặc là kiến hoặc và tư hoặc. Trí là, sở tri. Khi hai hoặc không mà trí năng không và lý sở không mảy may chưa sạch thì chướng này chưa quên. Đến Thập nhất địa vẫn có hai phần sở tri ngu rất vi tế, như cách tầm lựa mỗu, chỉ Phật mới hay xong. Tóm lại, như tánh kia mà giác không có giác khác thì một lúc chóng xong.

Hai thứ tử là, phàm phu phần đoạn sanh tử (chết từng phần), nhị thừa biến dịch sanh tử (chết theo đời đời). Biến dịch là, nhân đời quả đời, lìa phần đoạn sanh tử trong tam giới, vẫn còn cõi phương tiện v.v... biến dịch sanh tử. Tứ trụ phiền não cảm phần đoạn sanh tử, vô minh phiền não cảm biến dịch sanh tử. Hai thứ tử này đã lìa thì hai thứ phiền não cũng đoạn.

Tứ trụ hoặc là, kiến hoặc trong tam giới là một trụ. Tất cả kiến hoặc trụ địa, tức là kiến hoặc phân biệt trong

tam giới. Do ý căn đối với pháp trần khởi phân biệt, dấy các tà kiến trụ trước tam giới. Tự hoặc trong tam giới phân làm ba trụ. 1) Dục ái trụ địa hoặc, do năm căn đối cảnh năm trần khởi tâm tham ái, mà trụ trước nơi dục giới. 2) Sắc ái trụ địa hoặc, tức là tự hoặc trong sắc giới. Do chẳng rõ hoặc này nên trụ trước thiền định sắc giới không thể bỏ lìa. 3) Hữu ái trụ địa hoặc, tức là tự hoặc vô sắc giới. Do chẳng rõ hoặc này nên trụ trước thiền định vô sắc giới không thể bỏ lìa.

Vô minh phiền não là, chỉ căn bản vô minh. Nghĩa là mê Như Lai tạng bất giác phát nghiệp. Phiền não này nhị thừa không biết. Chính Đại thừa Bồ-tát đoạn hoặc chưa hết, vẫn ở nơi cõi Thật báo, chỉ Phật mới xong. Nhưng, như tánh kia mà giác không có giác khác, thì một lúc chóng xong. Cho nên nói “Thanh văn, Duyên giác được pháp này cũng gọi là Phật. Do nhân duyên ấy ta nói nhất thừa”. Thế nên biết, nhất thừa tức là tánh tri giác. Tánh của tri giác thì không khác, mà tri giác của tánh thì chẳng đồng. Do cái chẳng đồng này nên chỗ chứng có khác. Hàng nhị thừa không giác tự tánh, vọng có sở giác, ấy là khác. Song vọng giác vốn dối, chân tánh thường trụ. Giác cái vọng tức là chân, biết chân thì vọng diệt, cũng cứu kính không hai.

- CHỈ NHƯ' LAI TỰ', NGŨ', THÂN, PHÁP BỐN THỨ ĐỒNG.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Cớ sao Thế Tôn ở trong đại chúng xưng lời thế này: “Ta là tất cả Phật thời quá khứ và các thứ thọ sanh. Ta khi ấy làm Chuyển luân thánh vương Mạn-đà, voi lớn sáu ngà và chim anh vũ, Thích Đề Hoàn Nhân (Trời Đế Thích), tiên nhân Thiện Nhãn v.v... kinh nói trăm ngàn đời như thế”.

Đây là nghi thủy giác bản giác đã có sai thù thì pháp, báo, hóa thân đâu không đồng khác, nên có lời hỏi này. Chẳng biết do bản giác có thủy giác, thủy như bản kia. Pháp thân sanh báo thân hóa thân, báo hóa như pháp thân. Chỉ một đạo bình đẳng trước sau không hai. Hoa Nghiêm luận nói: “Vô biên cõi nước, tự tha chẳng cách mảy lông, mười đời xưa nay trước sau chẳng lìa niệm hiện tại”. Người được tự giác thánh trí tự nhiên chẳng nghi xưa chẳng nghi nay, chẳng nghi người chẳng nghi ta, chẳng nghi nhân chẳng nghi quả, chẳng nghi căn thân chẳng nghi khí giới, chẳng nghi hữu tình chẳng nghi vô tình, chẳng nghi một chẳng nghi khác, chẳng nghi hiện thành chẳng nghi tác khởi, tất cả chẳng nghi nên mới chứng biết.

Phật bảo Đại Huệ: Do tứ đẳng nên Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác ở trong đại chúng xưng lời thế này: “Ta khi ấy làm Phật Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm Mâu-ni, Ca-diếp”. Thế nào là tứ đẳng? Nghĩa là tự đồng, ngữ đồng, pháp đồng, thân đồng, ấy gọi là tứ đẳng. Do bốn thứ đồng nên Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác ở trong chúng xưng nói như thế.

Do tứ đẳng nên Như Lai ở trong đại chúng xưng nói Ca-diếp, Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm là ta. Đây là Như Lai đáp và lẫn hiển cả quyền và thật. Người chứng tự giác thánh trí tự biết tự chứng không thể nói bày. Quyền để chỉ bày nên nói quyền, cũng có thể tức nơi đây thâm hội nên nói thật. Đó là nói lẫn hiển quyền thật vậy.

Thế nào là tự đẳng? Hoặc chữ xưng ta là Phật, chữ kia cũng xưng tất cả Phật, chữ ấy tự tánh không có sai biệt, ấy gọi là tự đẳng.

Thế nào là ngữ đặng? Nghĩa là ta có sáu mươi bốn thứ phạm âm nên tướng ngôn ngữ sanh. Chư Như Lai ứng cúng đặng chánh giác kia cũng có sáu mươi bốn thứ phạm âm nên tướng ngôn ngữ sanh như thế, không thêm không bớt, không có sai biệt, tánh tiếng phạm âm như Ca-lăng-tần-già.

Tự đặng là, tự là danh tự. Ba đời Như Lai đều tên là Phật. Tự tánh chữ là chữ Phật để hiển bày nghĩa tự tánh giác, cũng không có sai biệt.

Ngữ đặng là, cổ chú rằng: Tiếng Tây Vực có tám chuyển: 1) Thễ, 2) Nghiệp, 3) Cự, 4) Vi, 5) Tùng, 6) Thuộc, 7) Ừ, 8) Hô. Như Lai nơi tám chuyển này mỗi cái đủ tám đức: 1) Điều hòa, 2) Nhu nhuyễn, 3) Rõ chắc thật, 4) Dễ hiểu, 5) Không lầm lẫn, 6) Không tiếng giọng mái nhỏ, 7) Tiếng to lớn, 8) Tiếng sâu xa. Tám lần tám là sáu mươi bốn tướng. Song trong kinh Bất Tư Nghì Bí Mật Đại thừa cũng nói: “Phật bảo Bồ-tát Tịch Huệ: Như Lai chẳng phải nơi môi, răng, lưỡi, cổ họng và nơi cửa mặt mà phát ra các âm thanh. Nên biết âm thanh của Như Lai từ hư không mà ra, đầy đủ sáu mươi bốn tướng thù diệu: 1) Trôi chảy, 2) Nhu nhuyễn, 3) Vui lòng, 4) Đáng mến, 5) Thanh tịnh, 6) Lìa cấu, 7) Trong sáng, 8) Ngọt ngào, 9) Ừa nghe, 10) Không kém, 11) Tròn đủ, 12) Điều thuận, 13) Không rít, 14) Không ác, 15) Mềm dịu, 16) Vừa tai, 17) Thích thân, 18) Tâm sanh bén mạnh, 19) Tâm mừng, 20) Vui thích, 21) Không nhiệt não, 22) Như giáo lệnh, 23) Khéo hiểu biết, 24) Rành rõ, 25) Khéo mến, 26) Khiến sanh vui mừng, 27) Khiến người như lời dạy vâng làm, 28) Khiến người khéo hiểu biết, 29) Đúng lý, 30) Lợi ích, 31) Lìa lỗi trùng lập, 32) Như tiếng sư tử, 33) Như tiếng rồng, 34) Như tiếng sấm sét, 35) Như Long vương, 36) Như tiếng ca

hay của Khẩn-na-la, 37) Như tiếng chim Ca-lăng-tần-già, 38) Như Phạm vương, 39) Như tiếng chim Cọng Mạng, 40) Như tiếng hay đẹp của Đế Thích, 41) Như đánh trống, 42) Chẳng cao, 43) Chẳng thấp, 44) Tùy vào, 45) Không khuyết giảm, 46) Không phá hoại, 47) Không ô nhiễm, 48) Không mong cầu, 49) Đầy đủ, 50) Trang nghiêm, 51) Hiện bày, 52) Viên mãn tất cả âm, 53) Các căn thích vui, 54) Không chê bai, 55) Không khinh chuyển, 56) Không dao động, 57) Tùy vào tất cả chúng hội, 58) Các tướng đầy đủ, 59) Khiến chúng sanh tâm ý vui mừng, 60) Nói tâm hạnh chúng sanh, 61) Vào tâm ý chúng sanh, 62) Tùy chúng sanh tin hiểu, 63) Người nghe không phân lượng, 64) Chúng sanh không thể suy nghĩ xứng lượng”. Hiệp với chỗ này để tham quán thì tốt âm thanh vi diệu thù đặc. Cho nên ba đời Như Lai ngữ đồng. Ca-lăng-tần-già là tên chim, tiếng nó hơn tiếng các thứ chim, dùng nó để làm thí dụ.

Thế nào là thân đẳng? Nghĩa là ta cùng pháp thân và sắc thân tướng tốt của chư Phật không sai biệt. Trừ vì điều phục chúng sanh sai biệt ở các thứ kia nên thị hiện các thứ sắc thân sai biệt, ấy gọi là thân đẳng.

Thế nào là pháp đẳng? Nghĩa là ta cùng chư Phật kia được pháp ba mươi bảy phần bồ-đề, trí lược nói Phật pháp không có chướng ngại, ấy gọi là tứ đẳng. Thế nên Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác ở trong đại chúng xưng lời như thế.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Ca-diếp, Câu-lưu-tôn

Câu-na-hàm là ta

Do bốn thứ bình đẳng

Ta vì phật tử nói.

Pháp thân Như Lai có hai thứ: 1) Lý pháp, nghĩa là tánh tịnh thể sáng xưa nay là niệm đồng với hư không giới, không đâu chẳng khắp chúng sanh cùng Phật đều đồng. 2) Trí pháp, nghĩa là trí thủy giác cứu kính, khế hợp với lý bản giác thanh tịnh, lý trí dung nhau, sắc và tâm không hai. Do trí hiện ra nên gọi là trí pháp.

Sắc thân tức là báo thân, cũng có hai thứ: 1) Tự thọ dụng thân cũng gọi là viên mãn báo thân. Nghĩa là tự mình tu nhân mà cảm được, xứng tánh thọ dụng các thứ pháp lạc, tự tại không ngại. Thân và cõi chẳng là nhau nên cũng gọi là tự thọ dụng độ, cũng gọi là thật báo trang nghiêm độ. Chư Phật trải qua vô số kiếp tu tập vô lượng thiện căn mà cảm nên, khắp giáp cả pháp giới là tự thọ dụng. Các vị đại Bồ-tát chỉ được nghe tên mà không thể thấy được. 2) Tha thọ dụng thân, nghĩa là do căn cơ kẻ khác cảm nên mà thấy. Chư Phật vì khiến chúng Bồ-tát thọ đại pháp lạc, tiến tu thẳng hạnh nên tùy nghi mà hiện, cõi cũng như thế, khiến họ thọ dụng. Các thứ sai biệt sắc thân tức là hóa thân, cũng có ba thứ: 1) Đại hóa nghĩa là Lô-xá-na ngàn trượng gia bị cho phù hợp với Đại thừa Bồ-tát. Hoặc hiện tám mươi bốn ngàn tướng tốt, hoặc hiện vi trần số tướng tốt, đầy khắp hư không. 2) Tiểu hóa, nghĩa là thân vàng trượng sáu, ba mươi hai tướng tốt, phù hợp căn cơ tiểu thừa, người, trời v.v... 3) Tùy loại hóa, nghĩa là như Chuyển luân thánh vương Đảnh Sanh, Thích Đề Hoàn Thiên Đế, Thiện Nhân, voi lớn, anh võ, vợ nài v.v... tùy loại mà vào. Báo Hóa thân này đều nhiếp thuộc sắc thân, từ trí pháp mà được. Nếu mê lý pháp tức là vọng giác, theo nhân duyên vọng giác mà có mười hai loại thân trong tam giới. Ngộ lý pháp thì chuyển vọng giác làm thủy

giác. Do thủy hợp bản thành căn bản trí. Do sức căn bản vô tác trí cảm phát bi nguyện, tất cả báo thân, hóa thân lần lượt thành tựu. Đây là ba đời chư Phật không có hai, không có khác. Ba mươi bảy pháp bồ-đề phần là, tứ niệm xứ (thân, thọ, tâm, pháp), tứ chánh cần (đã sanh điều ác khiến hằng dứt, chưa sanh ác khiến chẳng sanh, chưa sanh thiện khiến sanh, đã sanh thiện khiến tăng trưởng), tứ như ý túc (dục như ý túc, tinh tấn như ý túc, niệm như ý túc, tư duy như ý túc), ngũ căn (tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn), ngũ lực (tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực), thất giác chi (trạch giác, tinh tấn giác, hỷ giác, trừ giác, xả giác, định giác, niệm giác), bát chánh đạo (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định). Cộng lại thành ba mươi bảy phẩm. Đây là ba mươi bảy pháp trợ bồ đề của Đại thừa, nhiếp vô lượng a-tăng-kỳ pháp trợ bồ-đề, nó là liễu nhân không phải tác nhân. Kinh Đại Bát Niết-bàn nói: “Đại Niết-bàn không phải từ tác nhân mà có, chỉ từ liễu nhân”. Liễu nhân là nói ba mươi bảy pháp trợ đạo. Ba đời chư Phật dùng liễu nhân này thành tựu đệ nhất nghĩa tự giác thánh thú, tự độ và giáo tha, bình đẳng không sai biệt. Hiệp bốn thứ bình đẳng này cho nên Như Lai ở trong đại chúng xưng lời rằng “Ca-diếp, Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm là ta”. Ý chỉ bí mật ngõ hầu nhờ đây thâm hội. Bỏ qua chỗ này về sau không thể nói bầy, chỉ chứng tương ưng. Đâu phải chỗ trọn suy nghĩ tính toán mà hay lường được.

- CHỈ PHẬT GIÁC TỰ CHỨNG, KHÔNG THỂ NÓI BÀY.

Đại Huệ lại bạch Phật: Như Thế Tôn đã nói “Ta từ đêm ấy được tối chánh giác, cho đến đêm ấy vào Niết-bàn, ở trong khoảng giữa kia cho đến không nói một chữ, cũng

chẳng đã nói sẽ nói, chẳng nói ấy là Phật nói”. Thế Tôn! Như Lai ứng cúng đấng chánh giác nhân đâu nói rằng “Chẳng nói ấy là Phật nói”. Phật bảo Đại Huệ: Ta nhân hai pháp nên nói như thế. Thế nào là hai pháp? Nghĩa là duyên pháp tự đắc và pháp bản trụ, ấy gọi là hai pháp. Nhân hai pháp này nên ta nói như thế.

Như Lai từ khi thành Phật cho đến nhập Niết-bàn, ở trong khoảng giữa đó không nói một chữ là, chỉ cho người lìa năng thuyết và sở thuyết được đệ nhất nghĩa tự giác thánh thú. Trước nói tứ đấng, ở đây nói bát thuyết. Tứ đấng vẫn là lời nói xứng tánh chẳng phải cảnh giới tự chứng. Đến chỗ tự chứng mới biết lời nói không thể hiển bày nên nói “chẳng nói”. Duyên tự được tức chỉ cho trí pháp. Bản trụ là lý pháp. Về lý pháp thì có Phật hay không Phật, pháp tánh cũng như vậy. Trí pháp thì ngàn Phật muôn Phật cũng đồng một trí chứng, đều không phải cảnh giới ngôn thuyết vọng tưởng giác.

Thế nào là pháp duyên tự đắc? Nếu chỗ được của Như Lai kia thì ta cũng được như thế, không thêm không bớt. Cảnh giới duyên tự đắc pháp cứu kính lìa ngôn thuyết vọng tưởng, lìa văn tự hai đường.

Không thêm không bớt cảnh giới cứu kính là, chứng căn bản trí này như tánh kia vậy, không thể thêm bớt. Chỗ sở hành cứu kính thánh lạc lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng phân biệt, lìa năng thuyết và sở thuyết, tất cả tướng cảnh giới. Văn tự hai đường là hay nói và bị nói.

Thế nào là pháp bản trụ? Nghĩa là đạo bậc thánh trước như tánh vàng bạc v.v... pháp giới thường trụ. Hoặc Như Lai ra đời, hoặc chẳng ra đời pháp giới thường trụ, như đường đến thành kia. Thí như có người đi trong đồng vắng thấy con đường bằng phẳng đi đến chỗ thành,

liền theo đó vào thành được cái vui như ý. Đại Huệ! Ý ông nghĩ sao? Người kia làm ra con đường ấy và làm ra các thứ vui trong thành chẳng? Đáp: “Chẳng phải vậy”. Phật bảo Đại Huệ: Ta và tất cả chư Phật thời quá khứ pháp giới thường trụ cũng lại như thế. Thế nên nói rằng: “Ta từ đêm ấy được tối chánh giác, cho đến đêm ấy vào Niết-bàn, ở trong khoảng giữa kia không nói một chữ, cũng chẳng đã nói, sẽ nói”.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Ta đêm ấy thành đạo
 Đến đêm ấy Niết-bàn
 Ở trong khoảng giữa này
 Ta trọn không có nói
 Duyên tự đắc pháp, trụ
 Nên ta nói thế ấy
 Phật kia cùng với ta
 Chẳng không có sai biệt.

Lý pháp bản trụ đồng với pháp giới. Như vàng bạc v.v... tuy còn ở trong mỏ mà tánh vàng chẳng đổi. Như đường về cổ thành và các thứ vui, chẳng phải do ngày nay tạo. Cho nên biết tự tánh bản giác thánh phàm đồng đủ. Ý bất giác mà thành tam giới, y trí pháp thì tròn đủ ba thân, chẳng phải có chẳng phải không, như huyền như sóng năng, chỉ người chứng mới tương ưng. Ba đời chư Phật đồng cái bí mật này, trọn không có chỗ nói.

- CHỈ CẢNH GIỚI PHẬT GIÁC XA LÀ HAI BÊN.

+ CHỈ THỂ GIAN CHẤP CÓ KHÔNG.

Bồ-tát Đại Huệ lại thỉnh Phật: Cúi xin vì nói tắt cả pháp tướng có và không có, khiến con và các vị đại Bồ-tát, là tướng có và không có, chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn, lành thay! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Thế gian này y có hai thứ, nghĩa là y có và y không, rơi vào tánh (có) và phi tánh (không), muốn thấy chẳng là, là tướng.

Hai thứ chấp có không này đều chỉ chánh pháp rơi vào kiến chấp của ngoại đạo. Song nghiêng nặng bên chấp không, nghĩa là nương ghé bên thánh giáo để phá hoại chánh pháp, đâu có gì hơn chấp này. Phật lần lượt phát minh để soi sáng cho đời sau, khiến người tu hành biết pháp để chọn lựa. Y có là, nhân pháp sắc, tâm v.v... hiện có trước mắt, chấp các pháp có tự tánh (có thật), khởi tưởng xa là. Y không là, nhân pháp sắc, tâm v.v... vô thường biến diệt, chấp các pháp phi tánh (không có), khởi tưởng vắng lặng. Đây đều chẳng là, là tướng.

+ CHỈ RA NHÂN TƯỚNG HAI THỨ CHẤP CÓ KHÔNG.

Đại Huệ! Thế nào thế gian y có? Nghĩa là thế gian có nhân duyên sanh, chẳng phải chẳng có, từ có mà sanh chẳng phải không có mà sanh. Đại Huệ! Kia nói như thế, là nói thế gian không nhân. Đại Huệ! Thế nào thế gian y không? Nghĩa là nhận tham, sân, si đã có, về sau vọng tưởng chấp trước tham, sân, si tánh (có), phi tánh (chẳng có). Đại Huệ! Nếu chẳng nhận có tánh ấy, vì tánh tướng vắng lặng. Bảo là chư Như Lai, Thanh văn, Duyên giác chẳng nhận tánh tham, sân, si là có hay là không.

Các pháp thế gian từ nhân duyên sanh, bèn có chỗ giải lìa uẩn, riêng có kẻ hiểu bỏ vọng cầu chân. Đây do chẳng biết tự tâm hiện ra, vọng thấy nhân duyên liền cho là vô nhân. Đây chấp có ấy, nhân lời thánh nói vọng chấp thật pháp. Trọn không bằng cái hại lớn là chấp không. Như Lai nói tham sân si không tánh (có) ấy, do tâm tham, sân, si đều nhân nơi bất giác, ban đầu không có tánh nhất định. Chính vì chỉ bày cho người liền đó rỗng rang mê vọng chóng dứt, là lý do chẳng nhận có không. Ngoại đạo kia nhận tham, sân, si tánh (có), trong hiện tại có, về sau vọng tưởng chấp trước tham, sân, si tánh (có) vốn chẳng phải có tánh (có). Xét vọng chấp kia cho là không có tánh (có) luống thấy tánh tướng vắng lặng, bèn gá vào thánh giáo, bảo là chư Như Lai, Thanh văn, Duyên giác chẳng nhận có không. Không biết rằng tất cả tánh tướng gốc tuy vắng lặng, song tâm nhận có hiện tại lưu chuyển. Đây là vọng tưởng chấp, chẳng phải tự giác trí. Tự giác trí là, giác cảnh giới hiện ra, do mê tự tâm vọng có hiện ra, vọng hiện chẳng phải có, nhân mê mà có. Giác mê thì mê diệt, giác chẳng sanh mê. Tâm cảnh trong ngoài một lúc thanh tịnh. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tự tâm thủ tự tâm, chẳng phải huyền thành pháp huyền, chẳng thủ không phi huyền, phi huyền còn chẳng sanh, pháp huyền từ đâu lập”. Đây là hiển bày chỉ thú bí mật, ba đời Như Lai đồng một tâm yếu. Ngàn đời ghi chép nêu cao, chính khiến người tự phụ tâm tông (Thiền tông) vọng bàn vô ngại, sao không nhận lấy chỗ này nghiền ngẫm kỹ lưỡng sẽ sanh rất hổ thẹn.

+ BÀI XÍCH CHẤP KHÔNG HAY PHÁ HOẠI CHÁNH PHÁP.

Đại Huệ! Trong đây những gì là hoại? Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Nếu kia nhận tham sân si tánh (có) rồi sau lại không nhận. Phật bảo Đại Huệ: Ông hiểu như thế, lành thay, lành thay! Đại Huệ! Chẳng những tham sân si tánh (có), phi tánh (không) là hoại, mà đối với Thanh văn, Duyên giác và Phật cũng là hoại. Vì cớ sao? Vì trong ngoài không thể được, vì phiền não tánh khác và chẳng khác. Đại Huệ! Tham sân si hoặc trong hoặc ngoài không thể được, tham sân si tánh vì không thân, vì không thủ. Chẳng phải Phật, Thanh văn, Duyên giác là hoại, Phật, Thanh văn, Duyên giác vì tự tánh giải thoát, vì phược cùng nhân phược phi tánh (không có). Đại Huệ! Nếu có người phược thì nên có phược là nhân phược. Đại Huệ! Như thế nói hoại ấy gọi là không có tướng.

Lại bày rõ về chấp không. Tự gá vào chánh pháp, nghĩa là Như Lai cũng nói tham sân si tánh là không thể được, khiến chúng sanh vô trí nghi chê chánh pháp cho đó là hoại. Đâu biết tham sân si trong ngoài không thể được, bởi tham sân si vốn không tự tánh, nhân mê vọng hiện. Cho nên nói “không thân”. Giác mê thì mê diệt, giác chẳng sanh mê, ấy là không thủ. Chẳng phải Như Lai, Thanh văn, Duyên giác đồng với thuyết hoại kia. Như Lai thấy rõ tự tánh nên vọng tưởng chẳng sanh, đã không tâm năng phược cũng không cảnh sở phược, năng sở đều dẹp mới là giải thoát. Nếu có cảnh sở phược, ắt có tâm năng phược, nên nói “nhân phược”. Nhân phược chưa đoạn mà vọng chấp là không. Nói là hoại, tức đây chấp không có tướng vậy.

Đại Huệ! Vì nhân đó nên ta nói thà chấp nhân kiến bằng núi Tu-di, chẳng khởi chấp không thật có tăng thượng mạn không. Đại Huệ! Không thật có tăng thượng mạn,

ấy gọi là hoại, rơi vào kiến chấp tự tướng cộng tướng mong mỗi, chẳng biết tự tâm hiện lượng. Thấy ngoại tánh vô thường sát-na lần lượt hoại, ám giới nhập tương tục lưu chú biến diệt, lìa tướng vẫn tự vọng tưởng, ấy gọi là hoại.

Nhân kiến là chấp có. Thà chấp ấy, nghĩa là người kia mắc kẹt ở trời người; chẳng bằng chấp không mà diệt mất nhân quả, lừa dối chánh pháp, lưu độc vô cùng. Rơi vào tự tướng cộng tướng mong mỗi là, tất cả sắc tâm các pháp đã có tự tướng cộng tướng cảnh giới vọng tưởng, hiện rơi trong ấy khởi tướng ưa thích, chẳng lìa nhân phược. Nên nói: Chẳng đạt tâm lượng luống thấy ngoại pháp vô thường, ám giới biến diệt cho là không, không thật có, mà không biết kia chuốc ương họa mệnh mông. Lìa vẫn tự tướng vọng tưởng ấy, bởi vì giác tự tâm hiện lượng thì đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành diệt, đây là lìa tướng vẫn tự. Bởi kia tự đạt thẳng nguồn tâm. Kẻ chẳng biết tự tâm hiện lượng mượn miệng nói xa lìa vẫn tự vẫn trái lời dạy của thánh, buông lung hoang đường. Đây chính là phá hoại hồ tâm chạy theo vọng tưởng, vừa là hoại mình, hoại người, diệt chủng tộc Phật.

+ TỔNG TỤNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Có không là hai bên
 Cho đến cảnh giới tâm
 Trừ sạch cảnh giới kia
 Tâm bình đẳng tịch diệt.
 Không thủ cảnh giới tánh

Diệt chẳng phải không có
 Có việc thấy như như
 Như cảnh giới hiền thánh.
 Không chủng mà có sanh
 Sanh rồi mà lại diệt
 Nhân duyên có chẳng có
 Chẳng trụ giáo pháp ta.
 Phi ngoại đạo phi Phật
 Phi ngã cũng phi khác
 Nhân duyên chung hợp khởi
 Làm sao mà được không?
 Gì hợp nhân duyên có
 Mà lại nói rằng không?
 Tà kiến luận sanh pháp
 Vọng tưởng chấp có không.
 Nếu biết không chỗ sanh
 Cũng lại không chỗ diệt
 Quán đây thấy không tịch
 Có không hai đều là.

Là hai bên có không, giác tự tâm lượng, bình đẳng tịch
 diệt, không chấp cảnh giới chính là chân như bản hữu,
 là sở hành của thánh hiền, chẳng phải diệt không còn gì
 cả. Hai bài kệ trên đây nói tâm bình đẳng xa lìa cảnh
 giới có không. Một bài kệ dưới nói không chủng mà
 sanh là chấp có, sanh rồi lại diệt là chấp không. Bởi

nhân duyên có không này đồng với ngoại đạo. Nghĩa là chẳng phải giáo pháp của Như Lai. Ba bài kệ dưới rất nói nhân duyên hợp sanh. Nghĩa là y Pháp tánh thì không Phật, không chúng sanh, không ngoại đạo, không nhân ngã. Do nhân duyên hợp khởi mới có sai biệt. Kinh Pháp Hoa nói: “Lưỡng Túc Tôn vô thượng, biết pháp thường không tánh, Phật chủng từ duyên khởi”. Vẫn có tập nhân mà lại nói không tức là rơi vào ngoại đạo tà kiến. Đây là do không biết lưu chú sanh nhân nên vọng chấp có không. Nếu biết tâm vốn không sanh, nhân mê dường như có, ngộ vốn không sanh thì cũng không diệt, xưa nay là không tịch, tánh tướng nhất như chẳng chấp tánh sanh, có không đều là hý luận.

KINH LĂNG GIÀ TÂM ÁN

Thiền Sư Hàm Thị Sớ Giải

Hoà Thượng Thích Thanh Từ Việt Dịch

Thiền Viện Thường Chiếu

E- CHỈ TÔNG THUYẾT HAI ĐỀU THÔNG ĐỂ RÀNH VỀ DỤNG NGỮ NGHĨA THỨC TRÍ, GIẢN BIỆT NGU NGOẠI, GIÚP TIẾN MÌNH NGƯỜI, CHÁNH PHÁP GIẢI THOÁT.

1- CHỈ TÔNG THUYẾT HAI ĐỀU THÔNG XA LÀ VỌNG TƯỞNG CHẤP TRƯỚC.

- CHỈ TÔNG THUYẾT HAI ĐỀU THÔNG.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Cúi xin vì con và các Bồ-tát nói tướng tông thông. Nếu khéo phân biệt tướng tông thông, con và các Bồ-tát thông đạt tướng ấy, thông đạt tướng ấy rồi, chóng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng theo giác tưởng

và chúng ma ngoại đạo. Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Tất cả Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát có hai thứ tướng thông, nghĩa là tông thông và thuyết thông.

Đến tột tụt tánh là tông, viên dung chẳng hai là thông. Tùy cơ hiển bày chẳng kẹt quyền giáo gọi là thuyết thông. Bồ-tát được hai pháp này tụt thành và làm thành cho người, không rơi vào cảnh giới ma ngoại giác tướng, đây là phải học.

Đại Huệ! Tông thông là, duyên tướng tụt đặc thắng tiến, xa lìa ngôn thuyết văn tụt vọng tướng, đến vô lậu giới tụt giác địa tụt tướng, xa lìa tất cả hư vọng giác tướng, hàng phục tất cả ngoại đạo chúng ma, duyên tụt giác thú, hào quang phát sáng, ấy gọi là tướng tông thông.

Duyên tướng tụt đặc thắng tiến là, tụt là tụt tánh, tụt được tánh kia tối tôn tối thượng, tức là đã chứng căn bản trí. Duyên căn bản trí này xa lìa ngôn thuyết vọng tướng, cứu kính vô lậu giác địa, nên nói “Phật tánh là nhân, Niết-bàn là quả”. Tụt giác tông thông này là chỗ sở hành thánh lạc, trí tuệ minh đạt hàng phục tất cả, tất cả không thể hàng phục được.

Thế nào là tướng thuyết thông? Nghĩa là nói chín bộ giáo pháp, lìa tướng khác, chẳng khác, có, không v.v... do phương tiện khéo léo tùy thuận chúng sanh, như đáng nói pháp khiến được độ thoát, ấy gọi là tướng thuyết thông. Đại Huệ! Ông và các Bồ-tát khác nên phải tu học.

Chín bộ là: 1) Tu-đa-la dịch là Khế kinh. 2) Kỳ-dạ dịch Ứng tụng. 3) Già-đà dịch Kệ. 4) Y-đế-mục-đa dịch Bốn sự. 5) Xà-đa-già dịch Bốn sanh. 6) A-phù-đạt-ma dịch Vị

tăng hữu. 7) Ưu-đà-na dịch Tự thuyết. 8) Tỳ-phật lược dịch Phương quảng. 9) Hòa-già-la dịch Thọ ký. Chẳng nói mười hai bộ đó, nghĩa là các kinh Đại thừa nói thẳng đại pháp chẳng nhờ nhân duyên, chỉ bàn lý viên mãn dứt các luận nghị, riêng hiển chân thường chẳng đợi thí dụ, cho nên không có ba bộ. Song cũng có đủ ba bộ. Chín bộ kinh này đều là phương tiện tùy cơ, hiển bày chỗ vào chẳng lìa tự tánh, chân tục viên dung, độ thoát các kiến, chẳng phải có pháp thật, nên nói là thông.

Khi ấy, Thế tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Tông thông và thuyết thông
 Duyên tự cùng giáo pháp
 Khéo thấy khéo phân biệt
 Chẳng theo các giác tưởng.
 Chẳng có tánh chân thật
 Như kẻ ngu vọng tưởng
 Thế nào khởi vọng tưởng
 Phi tánh cho giải thoát?
 Quán sát các hữu vi
 Sanh diệt thấy tiếp nối
 Tăng trưởng hai chấp này
 Điên đảo không hiểu biết.
 Một ấy là chân đế
 Không tội là Niết-bàn
 Quán sát vọng tưởng đời

Như mộng huyễn cây chuối.

Tuy có tham sân si

Mà thật không có người

Từ ái sanh các ám

Có đều như huyễn mộng.

Bài kệ thứ nhất nói chánh pháp tông thuyết đều duyên tự tánh tự giác, có nói ra dạy bảo cốt đạt yếu chỉ này, phải khéo phân biệt chớ theo giác tưởng (vọng tưởng). Hai bài kệ hai và ba nói kẻ ngu vọng tưởng chẳng phải tánh chân thật, không thể giải thoát. Chỉ quán sanh diệt tăng trưởng hai chấp, do điên đảo mà thành. Hai bài kệ tư và năm nói tự giác chân đế này chỉ một không hai. Cần ở trên thể tự giác không thêm tội cấu liền là Niết-bàn. Song vọng cấu ở thế gian tất cả các pháp sắc tâm ví như huyễn mộng, tuy có độc tham sân si v.v... cũng chính nơi đó không người. Các ám hiện tại đều từ ái sanh, thấy không thể được. Nếu hay biết chỗ này liền đó chóng lìa, thấy tánh bản thật.

- CHỈ TỌT TƯỞNG SANH CỦA VỌNG TƯỞNG ĐỀ HIỂN ĐỀ NHẤT NGHĨA.

+NHÂN ĐẠI HUỆ HỎI, CHỈ TƯỞNG SANH CỦA VỌNG TƯỞNG.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Cúi xin vì nói tướng vọng tưởng chẳng thật. Vọng tưởng chẳng thật vì sao mà sanh? Những gì là pháp tên vọng tưởng chẳng thật? Ở trong những pháp nào mà vọng tưởng chẳng thật? Phật bảo Đại Huệ : Lành thay, lành thay! Ông khéo hỏi Như Lai nghĩa như thế, được nhiều lợi ích, được nhiều an lạc, thương xót tất cả người trời ở thế gian. Lắng nghe, lắng nghe! khéo suy nghĩ đó, ta sẽ

vì ông mà nói. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn, lành thay! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Do các thứ nghĩa, các thứ vọng tưởng chẳng thật chấp trước, vọng tưởng sanh. Đại Huệ! Chấp trước năng nhiếp (tâm), sở nhiếp (cảnh), chẳng biết tự tâm hiện lượng và rơi vào kiến chấp “có không” tăng trưởng vọng tưởng tập khí theo kiến chấp ngoại đạo, chấp trước các thứ nghĩa bên ngoài, tâm (tâm vương), tâm sở (tâm sở), vọng tưởng chấp trước làm ngã ngã sở mà sanh.

Đây là tột vọng tưởng sanh, để phát minh đệ nhất nghĩa chẳng sanh vọng tưởng. Đại Huệ hỏi tướng vọng tưởng chẳng thật từ đâu mà sanh. Thế Tôn bảo: Nhân các thứ nghĩa vọng tưởng chẳng thật sanh. Các thứ là, tất cả pháp sắc tâm v.v... và thánh phàm tất cả danh tướng chân vọng. Các pháp tướng này không có tự tánh, lìa có và không, lìa tứ cú, y đó mà sanh vọng tưởng. Cho nên nói “vọng tưởng chẳng thật”. Ở đây chỉ nói vọng tưởng chẳng thật y đây mà sanh khởi, đoạn sau mới nói “vì sao vọng tưởng chẳng thật” để đáp “pháp gì chẳng thật, trong pháp gì chẳng thật”. Năng nhiếp sở nhiếp tức là thể tánh của vọng tưởng. Nghĩa là vọng tưởng này do không biết các thứ nghĩa đều tự tâm hiện, rơi vào kiến chấp có không, tăng trưởng tập khí ngoại đạo, huân phát nơi tâm vương, tâm sở tất cả vọng tưởng, khởi chấp trước năng sở. Nguyên chỗ đáp của Thế Tôn cốt chỉ không biết tự tâm hiện lượng là căn do vọng tưởng. Nếu các thứ nghĩa bị nương tuy hiện khởi kiến chấp năng sở có không chẳng thật, song các thứ nghĩa này thấy đều không có tự tánh, vốn tự lìa kiến (tâm), lìa tướng (cảnh), liền đó tức là đệ nhất nghĩa. Cho nên biết đồng các thứ nghĩa này, mà một bên thì các thứ nghĩa vọng tưởng y đó khởi; một bên là đệ nhất

nghĩa vọng tưởng chẳng sanh. Ý này đợi đoạn văn nạn ở sau sẽ rõ.

Tóm lại, giác tự tâm hiện tức vọng tưởng chẳng sanh, chẳng giác tự tâm hiện thì vọng tưởng y đó mà khởi. Chẳng phải do các thứ nghĩa, lìa tánh lìa kiến mà khiến vọng tưởng có không sai biệt, không thể chẳng xét kỹ. Tâm là tám thức tâm vương. Số là 51 thứ tâm sở. Biến hành có 5, biệt cảnh có 5, thiện 11, căn bản phiền não có 6, tùy phiền não 20, bất định có 4, tám thức tâm vương mỗi thứ đều đầy đủ.

+ NAN VỌNG TƯỞNG MỘT BÊN SANH MỘT BÊN CHẲNG SANH.

Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Nếu các thứ nghĩa, các thứ chấp trước vọng tưởng chẳng thật mà vọng tưởng sanh, chấp trước nhiếp (tâm), sở nhiếp (cảnh), chẳng biết tự tâm hiện lượng và rơi vào kiến chấp có không, tăng trưởng vọng tưởng tập khí theo kiến chấp ngoại đạo, chấp trước các thứ nghĩa bên ngoài, vọng tưởng tâm (tâm vương), tâm số (tâm sở), chấp trước ngã ngã sở sanh. Thế Tôn! Nếu như thế thì các thứ nghĩa tướng bên ngoài rơi vào tướng có không, lìa tánh và phi tánh, lìa kiến (tâm), tướng (cảnh). Thế Tôn! Đệ nhất nghĩa cũng như thế, lìa tướng lượng, căn, phần, thí, nhân. Thế Tôn! Vì sao một chỗ thì nghĩa vọng tưởng chẳng thật các thứ tánh chấp trước vọng tưởng sanh? Chỗ thì chẳng phải chấp trước tướng đệ nhất nghĩa vọng tưởng sanh? Đâu không phải Thế Tôn nói về tà nhân luận sao? Nên nói một sanh, một chẳng sanh.

Đây là lặp lại lời đáp của Thế Tôn mà riêng nêu ra các thứ nghĩa bên ngoài và có không kiến tướng đều ngay đó tánh lìa, kiến tướng không thể được, mà Thế Tôn

bảo rằng vọng tưởng y đó mà khởi. Đệ nhất nghĩa căn lượng tông nhân thí dụ cũng ngay đó tánh lìa, kiến tướng không thể được, mà Thế Tôn bảo là vọng tưởng chẳng sanh. Đồng một tánh lìa, tướng lìa, kiến lìa, mà một bên bảo các thứ nghĩa vọng chấp có không; một bên bảo đệ nhất nghĩa vọng tưởng chẳng sanh. Đâu không phải Thế Tôn cũng rơi vào tà luận. Nghĩa là một bên chấp có sanh, một bên chấp không sanh. Không biết chỗ chấp của ngoại đạo cùng với chỗ nói của thánh giáo, tuy tất cả tánh tướng thấy không thể được, các kiến chấp chóng lìa; song do giác tự tâm hiện lượng thì tất cả đều dứt, cùng chẳng giác tự tâm hiện lượng, mà cho là tất cả đều không thể được, thật là sai hào ly cách xa ngàn dặm. Nay những thiền gia ở trong thiên hạ nói là tâm tông mà bảo tất cả không thể được, tự tại vô ngại, đều không ngoài tâm lượng vọng tưởng, theo giác tướng lưu chuyển mà vẫn hui hui tự đắc cho là phát minh tự tâm. Tất cả tánh lìa, thế đế và đệ nhất nghĩa đế không hai không khác. Song không biết rằng hiện chấp có tánh rồi sau nói không, cùng chẳng chấp có tánh bình đẳng tịch diệt. Đây là giác tự tâm cùng chẳng giác tự tâm, riêng khác giữa chân và ngụy, học giả không thể không xét kỹ.

+ CHỈ GIÁC TỰ TÂM LƯỢNG VỌNG TƯỞNG CHẲNG SANH.

Phật bảo Đại Huệ: Chẳng phải vọng tưởng một sanh, một chẳng sanh. Vì có sao? Nghĩa là vì vọng tưởng có không đều chẳng sanh, mà bên ngoài hiện tánh (có), phi tánh (không). Giác tự tâm hiện lượng thì vọng tưởng chẳng sanh. Đại Huệ! Ta nói những kẻ ngu vì tự tâm các thứ tướng vọng tưởng, sự nghiệp hiện tiền các thứ tánh tướng vọng tưởng chấp trước sanh. Làm sao kẻ

ngu được lìa chấp trước ngã ngã sở; lìa lỗi nhân duyên năng tác sở tác, giác tâm lượng vọng tưởng của mình, thân tâm chuyển biến, cứu kính hiểu rõ tất cả địa, cảnh giới Như Lai tự giác, lìa năm pháp, tự tánh, sự kiến vọng tưởng? Do nhân duyên này, nên ta nói vọng tưởng từ chấp trước các thứ nghĩa chẳng thật sanh. Biết nghĩa như thật được giải thoát các thứ vọng tưởng nơi tự tâm.

Chẳng phải vọng tưởng một sanh, một chẳng sanh, cho là vọng tưởng có không đều chẳng sanh. Đây là chỉ thẳng người giác tự tâm hiện lượng thì tất cả vọng tưởng có không đều chẳng sanh. Nay hiện ở trong cái có mà bảo tất cả tánh lìa, tất cả không thể được, đây là vọng tưởng chấp trước. Giác tự tâm hiện lượng trọn không có cái tưởng này. Nên nói: “chẳng chấp có tánh, bình đẳng tịch diệt”. Người ngu đối các thứ tướng sự nghiệp hiện tiền chấp là có, cũng chấp là không, đều do vọng tưởng lưu chuyển. Không giác tự tâm hiện lượng thì động niệm dứt niệm đều trở về mê muội. Cho nên nói “muốn được xa lìa các thứ lỗi về ngã ngã sở, phải giác tâm lượng vọng tưởng nơi mình. Giác tất cả vọng tưởng thấy do tâm hiện”. Cái bị hiện chẳng thật thì cái tưởng nơi tâm được lìa, liền chuyển thân tâm bất giác kia theo trí tự giác, chiếu sáng các địa đến Như Lai địa, tất cả năm pháp, ba tự tánh đều là hý luận. Vọng tưởng do y chấp trước các thứ nghĩa chẳng thật. Đệ nhất nghĩa do biết tự tánh như thật. Tự thể giải thoát là vọng tưởng chẳng sanh, đây là quyết định vậy.

+ TỰNG CHUNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Các nhân cùng với duyên

Từ đây sanh thế gian
 Vọng tưởng chấp tứ cú
 Chẳng biết rành ngã sở.
 Thế gian chẳng có sanh
 Cũng lại chẳng không sanh
 Chẳng từ có không sanh
 Cũng chẳng phi có không.
 Các nhân cùng với duyên
 Tại sao ngu vọng tưởng
 Chẳng có cũng chẳng không
 Cũng lại chẳng có không.
 Như thế quán thế gian
 Tâm chuyển được vô ngã
 Tất cả tánh chẳng sanh
 Vì bởi từ duyên sanh
 Tất cả duyên tạo ra
 Tạo ra chẳng tự có
 Sự chẳng tự sanh sự
 Vì có lỗi hai sự.
 Vì không lỗi hai sự
 Chẳng có tánh khá được.

Đây nói tất cả thế gian từ nhân duyên sanh. Chẳng biết duyên sanh vọng chấp có không tứ cú. Song thế gian này thẳng đó thật không có tứ cú có thể được, đều do

kẻ ngu vọng tưởng chẳng đạt lý này. Nếu hay quán kỹ như thế, mới biết tất cả vô ngã. Tự tánh chẳng sanh thảy từ duyên khởi, duyên khởi cũng không thì người tạo cùng việc tạo ra đều không có thật tánh, thẳng đó liền là. Câu sự chẳng tự sanh sự, sự tức là quả sự. Nghĩa là quả cần đợi nhân, nhân thành ra quả, không có tánh tự sanh. Tóm lại tâm buổi đầu chẳng giác không thể tự chủ làm theo nhân duyên dường như có sanh diệt. Kẻ ngu chẳng biết vọng chấp có không, người giác chóng là vốn không thật tánh.

Quán các pháp hữu vi

Lìa phan duyên sở duyên

Không tâm lượng của tâm

Ta nói là tâm lượng.

Lượng ấy chỗ tự tánh

Duyên sanh cả hai là

Tánh cứu kính diệu tịnh

Ta nói tên tâm lượng.

Ở trước nói thế gian duyên sanh, duyên sanh nên không tánh. Ở đây mới chỉ ra người giác tự tâm lượng, chỉ hay lìa phan duyên và sở duyên liền đó không tâm, bèn hợp với tâm lượng. Nghĩa là tự tánh tâm này vốn không năng duyên sở duyên, cứu kính là viên diệu. Nếu ở ngoài tâm mà vừa có chấp trước bèn rơi vào vọng tưởng, chẳng phải bản hiện lượng.

Lập bày ngã thế đế

Ấy là không sự thật

Lập bày các ấm thân

Không sự cũng như thế.

Có bốn thứ bình đẳng

Tướng và nhân tánh sanh

Thứ ba vô ngã đồng

Thứ tư người, pháp tu.

Trước nói tự tánh tâm lượng tất cả tánh lìa đương thể là diệu tịnh. Đây nói lập bày năm uẩn, hoặc người hoặc pháp cho đến tướng cùng vô tướng, sanh cùng vô sanh, ngã cùng vô ngã, năng tu và sở tu thấy đều bình đẳng không có thật tánh, để hiển chỉ có tự tánh tâm lượng, ngoài tánh này không có cái gì riêng khác. Lập bày thể để là nhân tướng. Lập bày các âm là pháp tướng. Bốn thứ bình đẳng: tướng, nhân, ngã, tu. Tướng tức là tướng năm âm. Năm âm không thật thì tướng cùng vô tướng bình đẳng. Tướng ắt có nhân, nhân là tập đế trong tứ đế, là sanh nhân của năm âm. Quả tướng đã dối thì sanh cùng vô sanh bình đẳng. Nhân quả sanh nhau thì đủ có nghĩa ngã, nhân quả chẳng sanh thì ngã cùng vô ngã bình đẳng. Rõ ngã chẳng phải ngã gọi đó là tu, rõ không có bị rõ thì tu cùng không tu bình đẳng.

Vọng tướng tập khí chuyển

Có các thứ tâm sanh

Cảnh giới hiện bên ngoài

Ấy tâm lượng thể tục.

Hiện ngoài mà chẳng có

Tâm thấy các thứ kia

Dựng lập làm thân, tài

Ta nói là tâm lượng.

Đây nói tâm lượng thể tục do tập khí chuyển ra, vọng sanh phân biệt dường như có ngoại cảnh. Giác được lý này thì trở lại là tự tánh tâm lượng. Hiện ngoài chẳng phải có là, chẳng phải riêng có do tâm vọng thấy, căn thân khí giới, hiện ra đều duy tâm.

Lìa tất cả các kiến

Và lìa tưởng sở tưởng.

Không được cũng không sanh

Ta nói là tâm lượng.

Phi tánh phi phi tánh

Tánh phi tánh thấy lìa

Gọi kia tâm giải thoát

Ta nói là tâm lượng.

Như như cùng không tế

Niết-bàn và pháp giới

Các thứ thân ý sanh

Ta nói là tâm lượng.

Các kiến là hai ngã kiến nhân và pháp. Tưởng sở tưởng là năng tưởng và sở tưởng. Lìa những cái này thì được gốc tự tâm, mà chẳng phải mới được, cho nên nói “không được”. Tâm lượng hiện tiền thì chẳng chấp có tánh là sanh và nhân cả hai đều đoạn, cho nên nói “không sanh”. Hai pháp có không do tứ cú sanh ra, tứ cú đã lìa liền đó giải thoát. Như như, không tế, Niết-bàn, pháp giới đều chỉ cho tâm lượng chân tịnh viên mãn, cho đến các thứ thân ý sanh thể dụng đều diệu, thấy nói về tự tánh đến chỗ cùng tột.

2- CHỈ NGỮ, NGHĨA, THỨC, TRÍ ĐỂ HIỂN DỤNG TÔNG THÔNG.

-CHỈ NGỮ, NGHĨA.

+ NHÂN ĐẠI HUỆ HỎI, TRƯỚC CHỈ TƯỞNG NGỮ.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ bạch Phật rằng: Thế Tôn! Như Thế Tôn đã nói đại Bồ-tát phải rành rẽ về ngữ, nghĩa. Thế nào Bồ-tát rành ngữ, nghĩa? Thế nào là ngữ? Thế nào là nghĩa? Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, ta sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Lành thay, Thế Tôn! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Thế nào là ngữ? Nghĩa là lời nói văn tự vọng tưởng hòa hợp, y nơi cổ họng môi lưỡi răng nướu cảm má, nhân đó ta nói vọng tưởng tập khí chấp trước sanh, ấy gọi là ngữ.

Ngữ là ngôn giáo Như Lai nói ra tam thừa và nhất thừa. Nghĩa là đệ nhất nghĩa thánh lạc hành xứ. Đệ nhất nghĩa thánh lạc hành xứ do ngôn thuyết được vào. Vào đệ nhất nghĩa thánh lạc hành xứ thì hay xa lìa tất cả cảnh giới ngôn thuyết vọng tưởng giác. Nhân ngữ mà nhập nghĩa, nên nói chiếu liễu, mà chẳng phải y ngữ sanh nghĩa, trở lại rơi vào giác tưởng. Trước biện biệt thể tướng hai thứ ngữ nghĩa, nhiên hậu bảo, do ngữ nhập nghĩa, như ngọn đèn soi cảnh sắc, chẳng phải ngọn đèn tức là cảnh sắc. Tông thông này là hiển bày tông thú, mượn lời nói mà nhập, không nên y lời nói chấp trước vọng tưởng tướng khác. Vọng tưởng tập khí hòa hợp với bảy thứ: cổ họng... thành thể tướng của ngữ. Đây là y thế gian mà nói. Nếu thánh ngôn giáo tức là đệ nhất nghĩa diệu tâm khéo vì hiển bày. Cho nên ở sau nói “có ngữ chẳng khác với nghĩa”. Nhân ngữ mà biện nghĩa do ngữ nhập nghĩa nên nói giáo liễu nghĩa.

Phàm vọng tưởng tập khí cùng đệ nhất nghĩa diệu tâm, thể một mà tên khác. Thấy do mê giác chuyển ra, nên biết tông thông hiển bày do lời nói mà vào, chẳng phải cảnh giới vọng tưởng.

+ CHỈ TƯỞNG NGHĨA.

Đại Huệ! Thế nào là nghĩa? Nghĩa là lìa tất cả tướng vọng tưởng tướng ngôn thuyết, ấy gọi là nghĩa. Đại Huệ! Đại Bồ-tát đối với nghĩa như thế ở riêng chỗ vắng vẻ văn tư tu tuệ, duyên tự giác liễu, hướng thành Niết-bàn, tập khí thân chuyển biến rồi, cảnh giới tự giác xét nghĩa tướng khoảng giữa các địa mà thẳng tiến, ấy gọi là đại Bồ-tát rành nghĩa.

Đây chỉ thể tướng của nghĩa mà chẳng nói những gì là nghĩa. Chỉ bảo lìa tất cả vọng tưởng ngôn thuyết, ấy gọi là nghĩa. Bởi vì muốn người lìa chỗ ngôn thuyết vọng tưởng được chỗ tự giác. Duyên chỗ tự giác này mới hay ở riêng chỗ vắng vẻ, chóng rõ văn tư tu tuệ, hồi hướng Niết-bàn. Nên nói “chuyển tập khí thân toàn là cảnh giới tự giác. Dùng tự giác diệu tuệ chiếu sáng các địa tiến thẳng lên trên chẳng do nơi khác”. Do nghĩa tướng này để thấy đệ nhất nghĩa diệu tâm của Như Lai khéo vì hiển bày, mà hay khiến người nhân ngữ biện được nghĩa, do ngữ nhập nghĩa, nên nói “ngữ chẳng khác nghĩa”. Văn sau sẽ nói rõ đó.

+ CHỈ DO NGỮ NHẬP NGHĨA.

Lại nữa, Đại Huệ! Đại Bồ-tát rành ngữ nghĩa quán ngữ cùng nghĩa chẳng khác, chẳng phải chẳng khác. Quán nghĩa cùng ngữ cũng lại như thế. Nếu ngữ khác với nghĩa thì chẳng nhân ngữ mà biện nghĩa. Song do ngữ nhập nghĩa như đèn soi cảnh sắc.

Đây chính bày tông thông hiển thị sở nhập. Có bao nhiêu chương cú đều là liễu nghĩa. Cho nên Bồ-tát rành ngữ nghĩa thì quán ngữ biết nghĩa là chẳng khác, chẳng phải chẳng khác. Khác thì chẳng nhân ngữ mà biện nghĩa, mà hẳn do ngữ nhập nghĩa. Đến chỗ tự chứng là ngôn ngữ mà được, mới biết tất cả ngôn giáo là chiếu liễu nguồn tâm, là tất cả cảnh giới ngôn thuyết vọng tưởng. Chúng sanh do tập khí che đậy nên không thể nhân ngữ mà biết chỗ trở về, trái lại duyên ngôn thuyết theo đó chấp có không, chẳng phải lỗi tại thánh giáo.

+ RIÊNG Y NGỮ CHẤP NGHĨA.

Lại nữa, Đại Huệ! Chẳng sanh chẳng diệt, tự tánh, Niết-bàn, tam thừa, nhất thừa, tâm, tự tánh v.v... như duyên lời nói nghĩa rồi chấp trước, rơi vào chấp dựng lập (có), phủ báng (không), khác dựng lập (có), khác vọng tưởng, như huyền các thứ vọng tưởng hiện. Thí như các thứ huyền, chúng sanh phàm ngu cho là khác vọng tưởng, chẳng phải thánh hiền.

Đây nói kẻ ngu không thể nhân ngữ nhập nghĩa, đối tự thể các pháp trong đệ nhất nghĩa chẳng sanh diệt v.v... không có chiếu liễu, trái lại y ngôn thuyết chấp trước cảnh giới giác tưởng sở thuyết, rơi vào có không. Là khác với tự thể các pháp đệ nhất như nghĩa mà khởi dựng lập. Có các thứ vọng chấp như y nơi huyền mà khởi các phân biệt. Cho nên biết, tất cả các pháp đều là đệ nhất nghĩa mà thánh phàm đồng hiện, mê giác vẫn phân. Người giác tự tâm hiện là tướng ngôn thuyết, là tướng tâm duyên, nhận được pháp thể, mới tin nhập dụng không khác, như chư thiên kia đồng bát dụng thức ăn, tùy phước dày mỏng mà thấy mỗi phần có khác.

+ TỤNG CHUNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Ngôn thuyết vọng tưởng kia

Dựng lập ra các pháp

Bởi do kia dựng lập

Chết rơi vào địa ngục.

Trong ám không có ngã

Ám chẳng tức là ngã

Chẳng như vọng tưởng kia

Cũng lại phi vô ngã.

Tất cả thấy có tánh

Như phàm ngu vọng tưởng

Nếu như kia đã thấy

Tất cả nên thấy đế (chân)

Tất cả pháp không tánh

Tịnh uế thấy không có

Chẳng thật như kia thấy

Cũng chẳng phải không có.

Đây nói ngoại đạo y ngôn thuyết vọng tưởng dựng lập có không, đó là tà pháp nhân chấp nên phải đọa. Song Nhị thừa bảo trong ám vô ngã, tuy chẳng giống vọng tưởng tức ám là ngã, mà không biết vô ngã cũng chẳng phải đệ nhất nghĩa. Phàm ngoại chẳng phân mê giác, làm cho vọng là chân. Nhị thừa đối trị tà chấp bỏ chân

đồng vọng. Đây đều chẳng đạt tánh sẵn đủ, chẳng là vọng tưởng mà có chân thật. Nếu quyết là vọng thì nào khác lẫn vọng, cho nên nói “Nếu như kia đã thấy tất cả nên thấy đế (chân thật)”. Nghĩa là Nhị thừa vô ngã chẳng phải chân thật. Thế nên biết, tất cả các pháp chân thật vốn không tự tánh, đã có tịnh uế đều do kiến chấp mà sanh. Chỉ trừ kiến chấp chẳng thật thì chân thật hiện tiền. Nên nói đệ nhất nghĩa như thật bản tế thàm hợp tượng ứng, không có thủ xả. Đây là cảnh giới tự thông chẳng phải không có, mà không phải chỗ hay nói của ngôn thuyết vọng tưởng. Đó là sở do bài kệ chót trưng bày.

- BIỆN THỨC, TRÍ.

+ CHỈ TƯỚNG BA THỨ TRÍ.

Lại nữa, Đại Huệ! Tướng trí, thức nay sẽ nói, nếu khéo phân biệt tướng trí và thức thì ông và các Bồ-tát ắt hay thông đạt tướng trí và thức, chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đại Huệ! Trí kia có ba thứ: Nghĩa là thế gian, xuất thế gian, xuất thế gian thượng thượng. Thế nào là trí thế gian? Nghĩa là tất cả ngoại đạo phàm phu chấp trước có không vậy. Thế nào trí xuất thế gian? Nghĩa là tất cả Thanh văn, Duyên giác rơi vào chấp trước hy vọng tự tướng cộng tướng. Thế nào là trí xuất thế gian thượng thượng? Nghĩa là chư Phật Bồ-tát quán pháp không thật có, thấy chẳng sanh chẳng diệt, là các loại có không. Như Lai địa nhân pháp vô ngã, duyên tự đắc mà sanh.

Tất cả chúng sanh chẳng được duyên tự giác liễu đều do không đạt hai tướng trí và thức. Cho là trí mà thật là thức, thành tăng thượng mạn. Đó là lý do Như Lai lập đi lập lại để hiển bày vậy. Trong ba thứ trí, thế gian trí chỉ

cho ngoại đạo. Cũng nói người trí, bởi vì ngoại đạo tự cho là người trí. Nhị thừa đạt các ấm vô ngã, vẫn còn chấp pháp ấm, không biết đều là tự tâm hiện, nên nói “theo tự tướng cộng tướng hy vọng”. Chư Phật Bồ-tát giác tự tâm hiện, đạt tất cả pháp đều không thật có, là có không sanh diệt, tự tánh như như. Bởi vì Như Lai địa nhân pháp đều quên, duyên tự đắc sanh, chẳng cùng ngoại đạo, Nhị thừa chấp có không, hy vọng tự cộng mà so sánh được.

+ CHỈ THỨC, TRÍ SAI BIỆT.

Đại Huệ! Cái sanh diệt kia là thức; cái chẳng sanh diệt là trí. Lại nữa, rơi vào tướng vô tướng và các thứ nhân tướng có không là thức; siêu việt tướng có không là trí. Lại nữa, tướng trường dưỡng là thức; chẳng phải tướng trường dưỡng là trí.

Bất giác tự tâm hiện, vọng thấy tất cả pháp sanh, vọng thấy tất cả pháp diệt. Giác tự tâm hiện, chỗ hiện là duy tâm, không có sanh diệt. Đây là lý do trí cùng thức phân biệt vậy. Ý cái sanh diệt này chấp tướng có không, cùng nhân có không là thức. Hay siêu việt cái này là trí. Trường dưỡng là nghĩa sanh. Đối tất cả pháp mà tạo sanh nhân là thức. Đối tất cả pháp mà làm liễu nhân là trí. Như Lai đã có ba mươi bảy pháp trợ bồ-đề và sáu ba-la-mật, tất cả vô lượng ba-la-mật đều là liễu nhân mà chẳng phải sanh nhân.

Lại nữa, có ba thứ trí: Biết sanh diệt, biết tự cộng tướng, biết bất sanh bất diệt. Lại nữa, tướng vô ngại là trí, cảnh giới các thứ tướng ngại là thức. Lại nữa, tướng ba việc hòa hợp phương tiện sanh là thức, tướng vô sự phương tiện tự tánh là trí. Lại nữa, tướng đắc là thức,

tướng chẳng đắc là trí. Cảnh giới tự đắc thánh trí chẳng ra chẳng vào, cho nên như trăng trong nước.

Sanh diệt là mê chân duyên tập. Nghĩa là các phàm phu ngoại đạo mê chân tánh mình, khởi ra tất cả nhân duyên sanh diệt. Tự cộng tướng là kẹt nơi chân duyên tập. Nghĩa là Nhị thừa kẹt nơi pháp chấp chẳng đắc chân tánh, khởi ra tất cả nhân duyên nhằm chán tự tướng cộng tướng. Chẳng sanh chẳng diệt là tự chân duyên tập. Nghĩa là Bồ-tát thủy giác thấy chân tánh mình chẳng lìa chân tế, khởi ra tất cả pháp nhân bồ-đề chẳng sanh diệt. Biết ba thứ này mới gọi là trí. Hay biết ba thứ mà biết chẳng phải ba thứ, nên nói nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vô ngại tức là nghĩa tứ vô ngại trong kinh Hoa Nghiêm. Nghĩa là lý vô ngại, sự vô ngại, sự lý vô ngại, sự sự vô ngại. Chân thuyên vô ngại vừa có thiên trọng liền rơi vào thức tâm. Ba việc là, căn trần thức. Rõ biết căn trần đều do nội thức biến dường như có, mà không có căn trần có thể được. Tất cả phân biệt tức là vô phân biệt trí, nên nói “tùy thuận phân biệt các tướng pháp, mà nơi đệ nhất nghĩa chẳng động”. Tướng tức là tất cả tướng sắc, tâm v.v... Giác tự tâm hiện không có các tướng có thể được, gọi là tướng chẳng đắc. Đây đều là cảnh giới tự giác thánh trí như trăng trong nước chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải ra chẳng phải vào, không thể hiển bày, chỉ chứng tương ưng.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Gom nhóm nghiệp là thức

Chẳng gom nhóm là trí

Quán sát tất cả pháp

Thông đạt không thật có

Liên được sức tự tại
 Ấy tức tên là tuệ
 Buộc cảnh giới là tâm
 Giác tưởng sanh là trí
 Không thật có và thắng
 Tuệ ắt từ ấy sanh.

Đây phân trí tuệ. Trí là nhằm giác liễu tự tâm, chẳng theo thức tâm phân biệt nhiếp thọ, là chỉ căn bản trí. Tuệ là nhằm sai biệt, được tất cả chỗ vô sai biệt trí, vào pháp hạnh Phổ Hiền, nhậm vận trang nghiêm. Buộc cảnh giới là, bị tất cả pháp sanh diệt buộc, tâm giác cảnh buộc này vốn tự viên tịnh. Chỉ do vọng tưởng thấy không thể được, cũng nhiếp thuộc căn bản trí. Giác thì hay liễu, liễu mà không có sở liễu, đến chỗ vô tướng, lặn lướt tăng thắng cũng nhiếp thuộc sai biệt. Vô tướng là cảnh giới Bát địa. Thắng tức Như Lai địa.

Tâm ý cùng với thức
 Xa lìa tưởng suy nghĩ
 Được pháp không tưởng nghĩ
 Phật tử phi Thanh văn
 Nhẫn tịch tĩnh thắng tiến
 Như Lai trí thanh tịnh
 Sanh ra nghĩa thiện thắng
 Đã làm thấy xa lìa.

Đây tức nơi tâm ý ý thức mà được trí thanh tịnh Như Lai, chẳng phải Nhị thừa đến được. Tâm ý ý thức đương thể toàn không, chỉ hay lìa các phân biệt thì

được pháp thể vô phân biệt, liền khéo vào nhãn tịch diệt đến trí địa thanh tịnh Như Lai. Do trí thanh tịnh Như Lai đều từ pháp vô phân biệt mà sanh. Pháp vô phân biệt tức là nghĩa thiện thắng. Pháp thiện thắng vô phân biệt này tức là thể của suy nghĩ phân biệt. Vì mê nên y thể khởi vọng, vì giác nên thể hợp tưởng dừng, bản trụ hiện tiền tâm hành chóng hết. Đó là nghĩa đế vô phân biệt tối thắng vậy. Nhãn có năm: Phục, tín, thuận, vô sanh, tịch diệt. Từ tam hiền cho đến Phật địa chỗ chứng có sâu cạn. Về tịch diệt nhãn đến địa thứ mười là Pháp vân mới chứng, bậc Đẳng giác và Diệu giác Phật địa các hoặc đoạn hết cũng nhiếp thuộc nhãn này.

Ta có ba thứ trí

Thánh vạch mở chân thật

Nơi kia suy nghĩ tưởng

Đều nhiếp thọ các tánh

Nhị thừa chẳng tương ưng

Trí lìa các sở hữu

Chấp trước nơi tự tánh

Từ các Thanh văn sanh

Vượt qua các tâm lượng

Như Lai trí thanh tịnh.

Ba thứ, tức trong chánh văn biết ba thứ sanh diệt v.v... ba thứ hay biết này tức là trí thể thanh tịnh chân thật của Như Lai. Bởi vọng suy nghĩ khởi các nhiếp thọ, liền nhiếp thọ các pháp. Cùng nhiếp thọ không tương ưng tức thuộc Nhị thừa. Nếu đạt pháp tánh không thật có thì nhiếp thọ chóng lìa, liền đồng thánh trí. Cho nên biết,

Nhị thừa chỉ đối với không thật có mà vọng sanh chấp trước, bèn thành tâm lượng. Siêu vượt nơi đây liền đó thanh tịnh chẳng phải lại riêng có Như Lai trí.

+ CHỈ NGOẠI ĐẠO CHUYỂN BIẾN CHẲNG LÀ VỌNG THỨC.

NÊU DANH TƯỢNG NGOẠI ĐẠO CHUYỂN BIẾN.

Lại nữa, Đại Huệ! Ngoại đạo có chín thứ chuyển biến luận, mà kiến chấp ngoại đạo chuyển biến sanh. Nghĩa là: Hình xứ chuyển biến, tướng chuyển biến, nhân chuyển biến, thành chuyển biến, kiến chuyển biến, tánh chuyển biến, duyên phân minh chuyển biến, sở tác phân minh chuyển biến, sự chuyển biến. Đại Huệ! Ấy gọi là chín thứ kiến chấp chuyển biến, các ngoại đạo nhân đó khởi ra có không, sanh chuyển biến luận. Thế nào là hình xứ chuyển biến? Nghĩa là hình xứ thấy khác, thí như vàng biến làm các món vật thì có các thứ hình xứ hiển hiện, chẳng phải tánh vàng có biến đổi. Tất cả tánh biến cũng lại như thế. Hoặc có ngoại đạo khởi vọng tưởng như thế cho đến vọng tưởng sự biến, vì vọng tưởng kia chẳng phải như, chẳng phải khác.

Ngoại đạo chín thứ chuyển biến nhân nơi thân tứ đại năm uẩn và tất cả pháp hữu vi ở thế gian hiện thấy ở trước mắt, nhân quả sanh diệt thành bại khổ vui, các thứ dôi đổi thật có như thế, tạo thành định luận. Họ chẳng biết tự tâm hiện ra, như vàng làm các món trang sức, vàng không cố định là món trang sức, món trang sức chẳng ngoài vàng, chẳng phải một chẳng phải khác, chẳng phải có chẳng phải không. Vì mê nên thấy rõ ràng, vì giác nên thấy như huyễn. Duy Thức luận nói là “tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên”. Như Lai nêu ra chỗ này, tuy chỉ cái sở do vọng chấp của ngoại đạo

cũng là vì tất cả chúng sanh trong thiên hạ ở đời sau và người tu hành dẹp trừ chướng hý luận trước mắt. Do đạt tự tâm hiện ra thật không có tự tánh. Hình tức là uẩn thân, thân có lưu chuyển trong sáu đạo, tướng có đẹp xấu không nhất định. Hình tướng có nhân, nhân đủ thì quả thành, thấy già trẻ nhiều thay đổi, tánh khổ vui chóng đổi thay. Duyên sanh ra rõ ràng, pháp duyên sanh rành rẽ, năng sở đã đủ thì việc sanh sáng tỏ. Đây là chín thứ chuyển biến, ngoại đạo y theo đó thành kiến chấp hữu nhân vô nhân. Lại nêu lên hình sự là toát yếu hết chín thứ, dùng vàng và trang sức làm dụ, lìa vàng nói trang sức cũng tức trang sức nói vàng, chẳng phải tức, chẳng phải ly, là tức là ly đồng với hý luận, thấy do vọng tưởng. Đây cũng thuộc về thức.

CHỈ CHUYỂN BIẾN KHÔNG TÁNH, ĐỀU DO VỌNG THỨC. GỒM TỤNG.

Như thế, tất cả tánh chuyển biến nên biết như sữa, lạc, rượu, trái v.v... đã chín. Ngoại đạo chuyển biến vọng tưởng, kia cũng không có chuyển biến. Hoặc có hoặc không tự tâm hiện ra ngoại tánh (có), phi tánh (không). Đại Huệ! Như thế, chúng sanh phạm ngu vọng tưởng tu tập sanh. Đại Huệ! Không có pháp hoặc sanh hoặc diệt, như thấy sắc huyễn mộng sanh.

Lại nêu tất cả pháp như sữa, lạc, rượu, trái v.v... hiện thấy chuyển biến để thấy ngoại đạo y đây mà khởi vọng tưởng chuyển biến. Song tất cả pháp không có tánh chuyển biến. Sữa không có tánh lạc, trái không có tánh rượu, do nhân duyên biến đổi hoặc có hoặc không, đều là tự tâm hiện mà không có tự tánh. Như thấy tất cả sắc tướng mộng huyễn, nó chẳng phải sanh chẳng phải diệt, chẳng phải có chẳng phải không. Phạm ngu không biết cho là tự tu tập sanh, vọng thấy có thật pháp.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Hình, xứ, thời, chuyển biến

Tứ đại chủng các căn

Trung ấm thứ lớp sanh

Vọng tưởng phi minh trí.

Tối Thắng đối duyên khởi

Chẳng như vọng tưởng kia

Song thể gian duyên khởi

Như thành Càn-thát-bà.

Thấy tứ đại các căn có hình, xứ, thời, tướng của chuyển biến và thân trung ấm thứ lớp sanh trưởng, đều là vọng tưởng, chẳng phải minh trí. Thế gian duyên khởi như thành Càn-thát-bà, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải một chẳng phải khác. Chư Phật Như Lai quyết chẳng ở nơi duyên khởi có không mà có chút ít phân biệt, như kẻ vọng chấp kia. Hiện sanh là tiền ấm, hậu sanh là hậu ấm. Xả hiện sanh chưa đến hậu sanh, khoảng giữa có hiện thân, gọi là trung ấm.

- RIÊNG Y NGỮ THỦ NGHĨA THÀNH CHẤP SÂU KÍN.

+ ĐẠI HUỆ THỪA HỎI.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Cúi xin vì nói nghĩa tất cả pháp tương tục và nghĩa giải thoát. Nếu khéo phân biệt tướng tất cả pháp tương tục và chẳng tương tục thì con và các Bồ-tát hiểu rành tất cả tương tục phương tiện khéo léo, chẳng rơi vào như nghĩa đã nói, chấp trước tương tục. Chúng con khéo đối với tướng tất cả pháp tương tục, chẳng tương tục và là

ngôn thuyết văn tự vọng tưởng giác, dạo đi tất cả cõi nước chư Phật, vô lượng đại chúng, lục tự tại thông, được ấn tổng trì, các thứ biến hóa, hào quang chiếu sáng, giác tuệ khéo nhập mười vô tận cú, không có hạnh phương tiện, ví như nhật nguyệt, ma-ni, tứ đại. Đối tất cả địa lìa kiến chấp tướng vọng tưởng của mình, thấy tất cả pháp như mộng huyễn v.v... nhập thân Phật địa. Đối tất cả chúng sanh giới tùy chỗ họ mong mỏi mà vì nói pháp, dẫn đường cho họ, đều khiến họ an trụ, tất cả các pháp như mộng huyễn v.v... lìa các loại có không và vọng tưởng sanh diệt, khác với nghĩa ngôn thuyết, thân kia chuyển biến thù thắng.

Đoạn này duyên ngôn thuyết nghĩa chấp trước, muốn Thế Tôn phát minh được nhân ngôn thuyết vào đệ nhất nghĩa thánh lạc hành xứ, để tiến đến cứu kính không rơi vào lỗi tể. Duyên ngôn thuyết nghĩa chỗ chấp sâu kín giác tướng chẳng dứt, cho nên nói tương tục, Nhị thừa nhất thừa đồng có cái chướng này, nên nói chấp pháp. Như nhân thánh giáo nói “năm uẩn vô ngã”, Nhị thừa duyên đây vào quán vô ngã, chứng nhân vô ngã cho là thật có pháp năm uẩn, thật có pháp đã chứng vô ngã. Cái chướng này đến Thất địa, chưa vào Bát địa còn không thể khởi. Nếu pháp vô ngã thì vi tế sở tri đến Phật địa mới hết. Sở tri tức là lý không sở chứng. Trí không năng chứng vừa còn sở liễu thì đối với đệ nhất nghĩa thánh lạc hành xứ còn chưa viên mãn. Đây là tột cùng tế tướng tương tục. Song, nếu Bồ-tát hiểu rành phương tiện cũng không rơi vào cảnh giới ngôn thuyết vọng tưởng giác mà được giải thoát, tổng trì giác tuệ, dùng giác tuệ này dạo đi tất cả cõi Phật, thần thông biến hóa, chợt hay nương mười nguyện vô tận như nhật, nguyệt, ma-ni, tứ đại, soi khắp mười phương không dừng không mất, trải tất cả địa, lìa kiến chấp các tướng, đạt pháp

như huyễn, được thân cõi cứu kính của Như Lai. Nhiên hậu tùy căn cơ chúng sanh mà vì dẫn đường, như chỗ mình hiểu, chóng trừ có không sanh diệt, siêu tất cả ngôn thuyết vọng tưởng tương tục. Cho nên biết ngoại đạo Nhị thừa đều do chẳng rành phương tiện, chấp ngôn thuyết vọng tưởng, không thể phát minh giác tuệ giải thoát. Đây là lý do phân trí cùng thức, sự xoay chuyển của mê với giác vậy. Ý Bồ-tát Đại Huệ thỉnh chỗ then chốt sâu kín. Thập vô tận cú, trong kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát được sơ Hoan hỷ địa phát nguyện rộng lớn như pháp giới, dùng thập vô tận mà được thành tựu, thập cú này có tận thì nguyện ta có tận, do thập cú này không tận nên nguyện ta không tận. 1) Chúng sanh giới vô tận. 2) Thế giới vô tận. 3) Hư không giới vô tận. 4) Pháp giới vô tận. 5) Niết-bàn giới vô tận. 6) Phật xuất hiện giới vô tận. 7) Như Lai trí giới vô tận. 8) Tâm sở duyên vô tận. 9) Phật trí sở nhập cảnh giới vô tận. 10) Thế gian chuyển, pháp chuyển, trí chuyển vô tận. Như nhật, nguyệt, ma-ni, tứ đại là, nhật, nguyệt đi trong không chẳng nương gá, ma-ni tùy phương hiện sắc không có tự tánh, đất nước lửa gió khắp giáp pháp giới không có chướng ngại.

+ CHỈ RA MƯỜI MỘT THỨ TƯỞNG TỤC SÂU KÍN.

Phật bảo Đại Huệ: Lành thay, lành thay! Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Vô lượng tất cả pháp như nghĩa đã nói, chấp trước tương tục. Nghĩa là: Tướng kế trước tương tục, duyên kế trước tương tục, tánh phi tánh kế trước tương tục, sanh bất sanh vọng tưởng kế trước tương tục, diệt bất diệt vọng tưởng kế trước tương tục, thừa phi thừa vọng tưởng kế trước tương tục, hữu vi vô vi vọng tưởng kế

trước tương tục, địa địa tự tướng vọng tướng kế trước tương tục, tự vọng tướng vô gián vọng tướng kế trước tương tục, hữu vô phẩm ngoại đạo y vọng tướng kế trước tương tục, tam thừa nhất thừa vô gián vọng tướng kế trước tương tục.

Tướng tức là Nhị thừa chấp pháp tướng năm uẩn và trí tướng pháp vô ngã của Thập địa đều là tướng. Duyên tức là nhân duyên cũng là chỗ chấp của Nhị thừa và duyên tự giác liễu vừa có chỗ nương đều là pháp duyên. Tánh vẫn là pháp. Tánh phi tánh, sanh bất sanh, diệt bất diệt, thừa phi thừa, vi vô vi đều là chỗ chấp đối đãi của thế gian và xuất thế gian. Địa địa tự tướng là, địa địa đều không thật pháp. Kinh Hoa Nghiêm một địa tức đủ các địa, lại các địa mỗi mỗi vào một địa, như lưới châu của trời Đế Thích lẫn nhau nhiếp nhập không có tự tánh. Nếu có địa tướng sở chứng liền có tự tướng năng chứng, nên nói “tự vọng tướng”. Hữu vô phẩm tức là trước nương nơi có và nhận tánh tham sân si, về sau nói không, đều y thánh ngôn thành tăng thượng mạn, phá hoại Phật pháp đồng với ngoại đạo ấy vậy. Tam thừa nhất thừa cũng là thánh giáo đã nói, không biết phương tiện, nhân lời nói nhận nghĩa rồi chấp cho là thật pháp, thấy đều thuộc về tương tục.

+ CHỈ TƯƠNG TỤC SÂU KÍN TỰ HOẠI HOẠI NGƯỜI.

Lại nữa, Đại Huệ! Đây cùng chúng sanh phàm ngu khác tự vọng tướng tương tục. Bởi cái tương tục này mà phàm ngu vọng tướng, như tầm nhả tơ làm kén; do tơ vọng tướng tự trói trói người, tướng có không có tương tục chấp trước.

Nương trước suy rộng ra lại có vô lượng thứ chấp trước sâu kín. Tự trói trói người đây đều y ngôn thủ nghĩa

vọng sanh tướng khác cho là bí mật. Tự hoại lại hoại chánh pháp làm chướng chúng sanh, rất đáng thương xót, là lý do Như Lai không ngớt thương xót.

+ CHỈ CÁC PHÁP TỊCH TĨNH, XA LÌA TƯƠNG TỤC VÀ CHẴNG TƯƠNG TỤC.

Lại nữa, Đại Huệ! Trong kia cũng không tương tục và chẳng tương tục, vì thấy tất cả pháp tịch tĩnh nên vọng tưởng chẳng sanh. Đại Bồ-tát thấy tất cả pháp tịch tĩnh. Lại nữa, Đại Huệ! Giác ngoại tánh (có), phi tánh (không), tự tâm hiện tướng không thật có, tùy thuận quán sát tự tâm hiện lượng, có không tất cả tánh không tướng thì thấy tương tục tịch tĩnh. Cho nên đòu tất cả pháp không tương tục và chẳng tương tục. Lại nữa, Đại Huệ! Trong kia không có hoặc trói hoặc mở, những người rơi vào giác tri không như thật thấy có trói có mở. Vì có sao? Vì đòu tất cả pháp có không có, không chúng sanh có thể đòc.

Cũng không tương tục và chẳng tương tục, lại vì người chấp chẳng tương tục mà nói. Đòc tự giác đò nhất nghĩa thấy tất cả pháp tịch tĩnh thì vọng tưởng chẳng sanh, tương tục cùng chẳng tương tục thấy thành hý luận. Sở dĩ như thế, vì giác tất cả pháp bên ngoài không có tự tánh, do tự tâm hiện như huyễn như mộng đều không thật có. Quán sát như thật giác tự tâm lượng thì có không đều dứt, thuần một tịch tĩnh, không tương tục nên cũng không tương chẳng tương tục. Nếu có trói có mở đều rơi vào không giác tri như thật, chẳng phải tất cả pháp tự tướng chân như. Tất cả pháp tự tướng chân như thì có không có đều không chủ tể. Đây là tự giác đò nhất nghĩa trong ngoài tương ưng.

Lại nữa, Đại Huệ! Kẻ ngu có ba thứ tương tục. Nghĩa là: tham, sân, si và ái, vị lai có ái hỷ chung. Do tương tục này nên có thú tương tục. Tương tục ấy là tiếp nối trong ngũ thú. Đại Huệ! Tương tục dứt thì không có tướng tương tục cùng chẳng tương tục. Lại nữa, Đại Huệ! Ba hòa hợp duyên tạo phương tiện chấp trước nên thức tương tục vô gián sanh. Phương tiện chấp trước thì có tương tục. Ba hòa hợp duyên thức dứt thì thấy ba giải thoát, tất cả tương tục chẳng sanh.

Kẻ ngu có ba thứ tương tục, Nhị thừa nương tương tục này chứng chẳng tương tục, thành kiến chấp chẳng tương tục. Cho nên Như Lai đặc biệt gọi đó bảo “tương tục dứt thì không có tướng tương tục chẳng tương tục”. Tham sân si là nhân tương tục. Nhân này từ vô minh bất giác liền sanh kiến tướng nên nhân pháp rõ ràng, phiền não y đó mà khởi. Do cái ái ấy đến sanh đời sau cùng tham hỷ chung. Bởi cái tương tục này bèn thành ngũ thú. Nhị thừa tuy đoạn nhân tương tục mà chẳng biết vô minh bất giác thấy đồng huyễn hóa, làm cho là có tướng nên đoạn, nên nói “chấp pháp”. Ba hòa hợp duyên phương tiện chấp trước thức sanh là, ba hòa hợp tức căn, trần, thức. Thức này tuy gồm tám thức, song thủ nghĩa này thì chỉ thức chấp ngã thứ bảy. Thức này Nhị thừa chỉ đoạn nhân chấp ngoại ngã. Ngoại ngã này đoạn không có người nhiếp thọ thì nhân sanh trong tam giới tự đoạn. Bởi vô minh chưa đoạn nên kiến phần nội ngã vẫn còn. Nội ngã tức là pháp ngã. Do có pháp ngã nên khi nhân sanh đoạn khởi tướng chẳng tương tục, chẳng phải chân giải thoát. Nếu thức thứ bảy nội ngã ngoại ngã đều đoạn thì thấy ba môn giải thoát của đại thừa là tất cả tương tục chẳng sanh. Nhị thừa khởi tướng chẳng tương tục vẫn là nhân nói thủ nghĩa. Cái tương tục này lại là sâu kín, đến chứng giải thoát mới

hay hằng đoạn. Ba giải thoát là, không, vô tướng, vô nguyện. Vô nguyện mới đặc biệt nhị ngã chân lạc. Thế nên vào môn này thì tất cả pháp tịch tĩnh.

+ TỤNG CHUNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Chẳng chân thật vọng tưởng

Là nói tướng tương tục.

Nếu biết chân thật kia

Lười tương tục ắt đoạn

Đối các tánh không biết

Tùy ngôn thuyết nhiếp thọ

Thí như con tầm kia

Nhả tơ mà tự trói.

Kẻ ngu vọng tưởng trói

Tương tục chẳng quán sát.

Ý bài kệ nói chỉ nhập chân thật đệ nhất nghĩa thì tương tục tự đoạn, không có tướng tương tục cùng chẳng tương tục. Kẻ ngu hiện tại bị trói trong tương tục, bởi không khéo quán sát y nơi ngôn thuyết thủ nghĩa vọng sanh tưởng khác. Muốn cầu giải thoát trở lại tự trói buông, đều do chẳng được đệ nhất nghĩa tự giác vậy.

- CHỈ THÁNH TRÍ KHÔNG SỰ ĐỂ PHÁ VỌNG CHẤP.

+ ĐẠI HUỆ NẠN CÁC PHÁP ĐOẠN DIỆT.

Đại Huệ lại bạch Phật: Như Thế Tôn đã nói “Do các vọng tưởng kia vọng tưởng các pháp kia, chẳng phải

các pháp có tự tánh, chỉ là tự tánh vọng tưởng thôi”. Thế Tôn! Nếu chỉ là tự tánh vọng tưởng, chẳng phải tánh tự tánh đối đãi, Thế Tôn nói như thế đâu không mắc cái lỗi phiền não thanh tịnh đều không có chăng? Vì tất cả pháp do tự tánh vọng tưởng thấy đều không có?

Tất cả các pháp do tự tâm hiện ra nên chẳng phải có chẳng phải không. Bởi mê tự tâm vọng khởi chấp trước có tự tánh các pháp. Như Lai Thế Tôn thường nói: “Các pháp không tự tánh chỉ có tánh vọng tưởng”. Cho nên Đại Huệ nạn rằng: “Nếu chỉ có tánh vọng tưởng mà không có tự tánh các pháp thì, các pháp nhiễm tịnh đâu không hoàn toàn hoại”. Đây là nghi các pháp đoạn diệt. Chẳng biết các pháp do tự tâm hiện ra không có tự tánh. Kẻ ngu không biết vọng tưởng thấy có. Vì khiến họ lìa vọng chấp nên nói thánh trí tự tánh không sự. Không, chẳng rơi vào có, mà có thánh trí sở tri, lại chẳng phải pháp hoại. Văn sau lặp đi lặp lại cho sáng tỏ, thấy chỉ ra ý này.

+ CHỈ KHÔNG TÁNH CÁC PHÁP, CHẴNG PHẢI KHÔNG TRI KIẾN THÁNH TRÍ.

Phật bảo Đại Huệ: Như thế, như thế, như ông đã nói. Đại Huệ! Chẳng phải như kẻ ngu tánh tự tánh vọng tưởng chân thật, tự tánh vọng tưởng này chẳng có tướng tánh, tự tánh. Song, Đại Huệ! Như thánh trí có tánh tự tánh, thánh trí thánh kiến thánh tuệ nhãn. Như thế, tánh tự tánh biết.

Chấp nhận lời thuật lại của Đại Huệ, chỉ có tánh vọng tưởng không tánh các pháp, mà chẳng phải đoạn diệt. Nghĩa là tất cả các pháp không có tánh nhất định là phiền não, thanh tịnh, mà chẳng phải không tánh. Cho

nên nói “như thánh trí có tánh tự tánh, thánh trí thánh kiến thánh tuệ nhãn, như thế tánh tự tánh biết”. Sở dĩ thánh trí có tánh tự tánh, là vì thánh trí thánh kiến thánh tuệ nhãn, nhất như thật tướng các pháp trong ngoài tương ưng không có cảnh giới riêng. Chẳng như kẻ ngu vọng sanh phân biệt, vọng có chỗ chấp.

+ NẠN CÁC PHÁP CHẴNG KHÔNG, THÁNH TRÍ RƠI VÀO CÓ.

NGHI CHỖ BIẾT CỦA THÁNH TRÍ ĐỒNG VỌNG TỰỞNG HIỆN.

Đại Huệ bạch Phật: Nếu như thánh dùng thánh trí thánh kiến thánh tuệ nhãn, chẳng phải thiên nhãn, chẳng phải nhục nhãn, tánh tự tánh như thế biết, chẳng phải như vọng tưởng của ngu phu. Thế Tôn! Làm sao ngu phu là vọng tưởng ấy, vì chẳng giác việc thánh tánh? Thế Tôn! Họ cũng chẳng phải điên đảo, chẳng phải không điên đảo. Vì có sao? Vì họ chẳng giác thánh sự tánh tự tánh, vì chẳng thấy là tướng có không.

Chỗ biết của thánh trí chẳng phải như vọng tưởng. Nghĩa là chỗ biết của thánh trí chẳng như cảnh giới vọng tưởng. Đây nêu ra ngu phu chẳng là vọng tưởng, chẳng giác thánh tánh. Tuy cảnh giới chẳng đồng, mà đồng một năng kiến, đồng một sở kiến, là năng sở của vọng tưởng muốn là tức căn trần của thánh trí rành rõ. Đây là lý do của Đại Huệ nạn vậy. Ý nói phàm phu ngu si hiện có vọng tưởng phân biệt làm sao được là. Hiện có cảnh giới thánh trí mà không biết như thật thì không thể nói giác. Song chỗ biết của thánh trí tướng tánh tự tánh đồng với vọng tưởng hiện. Nên nói, thế gian nói trâu, thánh nhân cũng nói là trâu; thế gian nói ngựa, thánh nhân cũng nói là ngựa, chỗ chấp tưởng chẳng

đồng mà đồng một phổ thông. Cho nên nói “họ chẳng phải điên đảo, chẳng phải không điên đảo”. Chẳng thấy lìa tướng có không, đây tức là chẳng giác thánh sự. Nên nói “chẳng phải không điên đảo”. Tướng tánh tự tánh này, một bên thấy lìa có không, một bên chẳng thấy lìa có không, trọn không có hai pháp, mà cảnh giới mỗi bên có khác. Do đây mà khởi nạn, cũng do đây mà rõ tông chỉ. Phật cùng Bồ-tát cơ cảm hợp nhau thật không có ý chỉ riêng.

Thế Tôn! Thánh cũng chẳng như thế thấy như việc vọng tưởng, vì chẳng lấy cảnh giới tự tướng làm cảnh giới. Thế Tôn! Kia cũng tướng tánh tự tánh vọng tưởng tự tánh như thế hiện, vì chẳng nói nhân không nhân, vì rơi vào cái thấy tánh tướng. Cảnh giới khác chẳng phải như kia v.v... như thế mắc cái lỗi vô cùng. Thế Tôn! Vì chẳng giác tướng tánh tự tánh. Thế Tôn! Cũng chẳng phải tự tánh vọng tưởng nhân tướng tánh tự tánh. Kia tại sao vọng tưởng chẳng phải vọng tưởng, như thật biết vọng tưởng?

Lại nói thánh trí tuy chẳng cùng vọng tưởng đồng thấy, mà các pháp chưa từng chẳng cùng vọng tưởng đồng hiện. Chẳng cùng vọng tưởng đồng thấy thì cảnh giới ấy chẳng lìa các pháp mà khác. Mà cùng vọng tưởng đồng hiện thì các pháp chẳng nhân thánh trí mà không. Các pháp đồng nhất mà tại vọng tưởng chỉ muốn nói không, tại thánh trí chẳng hiềm rơi vào có. Đây là chỗ nạn của văn sau. Câu “thánh cũng chẳng như thế thấy như việc vọng tưởng ...”, nghĩa là thánh trí giác tự tâm hiện, nên chẳng lấy tướng tự tâm hiện mà cho là cảnh giới thật. Song chẳng phải không tướng tánh tự tánh hiện ra đồng với tự tánh vọng tưởng hiện. Chỉ thánh trí chẳng nói nhân cùng không nhân, rơi vào cái thấy tánh tướng.

Chẳng phải như cảnh giới riêng khác của ngu phu, tự sanh cái lỗi vô cùng. Bởi ngu phu chẳng giác tướng tánh tự tánh do tự tâm hiện ra. Nên biết tướng tánh tự tánh này, chỗ biết của thánh trí đồng với vọng tưởng hiện, mà không nên bảo nhân vọng tưởng mà có. Cho nên nói “cũng chẳng phải vọng tưởng nhân tướng tánh tự tánh”. Tướng tánh tự tánh đã chẳng nhân vọng tưởng mà có thì, chỗ chấp của vọng tưởng tức chẳng phải vọng tưởng chấp, cũng như vọng tưởng chấp. Tóm lại, các pháp đồng nhất mà chỗ biết của thánh trí là chỗ chấp của vọng tưởng. Đợi đến văn sau ngăn vọng chấp nói không, mà chỗ hành của thánh trí lại rơi vào thấy có.

NGHI THÁNH TRÍ RƠI VÀO CÓ.

Thế Tôn! Vọng tưởng khác, tướng tự tánh khác. Thế Tôn! Chẳng tương tự, nhân vọng tưởng tướng tự tánh, kia tại sao mỗi mỗi chẳng vọng tưởng, mà ngu phu chẳng như thật biết. Song Phật vì chúng sanh lìa vọng tưởng nói như tướng vọng tưởng chẳng như thật có. Thế Tôn! Cớ sao ngăn chúng sanh thấy có không tự tánh chấp trước, mà cảnh giới sở hành của thánh trí lại rơi vào thấy có? Nói không pháp chẳng có, mà nói thánh trí tự tánh?

Đoạn này tiếp ở trước “tướng tánh tự tánh thấy khác mà đồng hiện”. Bởi vì Như Lai ngăn vọng tưởng mà nói chẳng phải thật, hiển bày thánh trí mà nói sở hành, vẫn là rơi vào không và có. Tướng tự tánh chẳng nhân vọng tưởng mà có, cho nên nói “khác vọng tưởng, khác tướng tự tánh, khác thì chẳng tương tự, đã chẳng tương tự mà vẫn nhân vọng tưởng thấy tướng tự tánh”. Đây là ngu phu chẳng như thật biết mỗi mỗi tướng tự tánh, mỗi mỗi không cảnh giới vọng tưởng. Song đã vì chúng sanh lìa vọng tưởng chấp có, mà lại nói cảnh giới

sở hành của thánh trí. Năng sở của vọng tưởng ấy muốn không thì cảnh giới sở hành của tự tánh thánh trí rõ ràng không lỗi. Không biết rằng tất cả các pháp thánh phạm đồng hiện, mà người giác tự tâm thì chẳng rơi vào có không. Cho nên nói: “Các pháp không tánh, chẳng giác tự tâm, vọng chấp là có, hoặc làm là không, thấy trái pháp thể. Như Lai thương xót kẻ này vì nói không pháp”. Nghĩa là không pháp tánh chỉ có vọng tưởng. Nếu biết pháp thể vốn rỗng, vọng chấp chẳng thật thì chính nơi cảnh giới vọng tưởng là sở hành của thánh trí, chuyển biến trong sát-na không hai không khác, ắt chẳng nói nơi đây thì ngăn, nơi kia lại rơi. Chân vọng thể khác, có không đối đãi, không phải người trụ tự giác quán sát hiển bày ra.

+ CHỈ THÁNH TRÍ KHÔNG SỰ LÀ CÓ KHÔNG.

Phật bảo Đại Huệ : Chẳng phải ta nói không pháp phi tánh, cũng chẳng rơi vào thấy có, nói việc thánh trí tự tánh. Song vì khiến chúng sanh lìa câu khủng bố.

Chúng sanh từ vô thủy đến nay chấp trước tướng tánh tự tánh, thánh trí sự, tự tánh chấp trước tướng kiến nói không pháp. Đại Huệ! Ta không nói tướng tánh tự tánh. Đại Huệ! Chỉ ta trụ tự được như thật không pháp, là hoặc loạn tướng kiến, là thấy tự tâm hiện ra có chẳng có, được ba môn giải thoát, như thật ẩn mà ẩn, đối tánh tự tánh được duyên tự giác quán sát trụ, là tướng kiến có không.

Như Lai nói không, nói thánh trí tự tánh xưa nay tịch tĩnh. Bởi vì chúng sanh từ vô thủy tập khí chấp trước tất cả tánh tướng trong ngoài, muốn khiến xa lìa. Lại sợ họ tự sanh khủng bố nên nói việc thánh trí tự tánh không pháp, là nói “trụ tự được như thật không pháp”. Như thật không pháp này, là tự tâm hiện chẳng phải rơi vào

không, được giải thoát ần mà chẳng phải rơi vào có. Ba giải thoát là, không, vô tướng, vô nguyện. Được giải thoát này mới biết tự tánh không sự như thật pháp ần, sẵn có sẵn lặng, thật là duy thức tánh. Tự giác quán sát xa lìa có không tất cả tướng kiến hoặc loạn.

+ CHỈ THÁNH TRÍ KHÔNG SỰ CHẲNG LẬP TÔNG THÚ.

CHỈ CHẲNG NÊN LẬP TÔNG BẤT SANH.

Lại nữa, Đại Huệ! Tất cả pháp chẳng sanh, đại Bồ-tát chẳng nên lập tông ấy. Vì có sao? Vì tông tất cả tánh phi tánh và vì nhân sanh tướng kia nên nói tất cả pháp chẳng sanh làm tông, tông kia ắt hoại. Tông kia tất cả pháp chẳng sanh, tông kia ắt hoại ấy, bởi vì tông có đối đãi mà sanh. Lại vì tông kia chẳng sanh vào tất cả pháp, vì tướng chẳng hoại chẳng sanh. Lập tất cả pháp chẳng sanh làm tông, thì thuyết kia ắt hoại. Đại Huệ! Có không chẳng sanh làm tông, tông kia vào tất cả tánh, tướng có không chẳng thể được. Đại Huệ! Nếu khiến tông kia chẳng sanh, tất cả tánh chẳng sanh mà lập tông. Như thế tông kia hoại, vì có, không tánh tướng chẳng sanh, chẳng nên lập tông. Vì năm phần luận nhiều lỗi, vì lần lượt nhân tướng khác và vì tạo tác, chẳng nên lập tông phần. Bảo tất cả pháp chẳng sanh, như thế tất cả pháp không, như thế tất cả pháp không tự tánh, chẳng nên lập tông.

Tất cả pháp chẳng sanh ba đời Như Lai đồng nói, chính vì kẻ bất giác, chẳng vì người giác. Người giác tự tâm hiện chóng dứt các vọng, nội thân tự chứng trọn không thể chỉ bày. Trừ vì chúng sanh khiến lìa các chấp trước nên nói tánh không sanh; vì lìa các khủng bố nói có thánh trí tự tánh không sự. Song chẳng nên lập đó làm

tông. Tông tất cả tánh phi tánh ấy, nguyên tất cả tánh vốn vô sanh tánh. Lập tông chẳng sanh, nhân ấy vọng thấy tướng sanh. Cho nên nói “và vì nhân kia sanh tướng”. Đã nhân vọng thấy tướng sanh, mà nói chẳng sanh, lại lập đó làm tông thì tông ấy ắt hoại. Bởi vì chẳng sanh là đối với sanh, vì có đối đãi. Lại tông này vào tất cả pháp, tất cả pháp đã chẳng sanh cũng nên không tướng chẳng sanh, mà vẫn còn có pháp tướng chẳng sanh thì pháp chẳng phải không sanh, là lý do thuyết này bị hoại. Câu “tướng chẳng hoại chẳng sanh”, bản Đường dịch “tướng chẳng sanh cũng chẳng sanh”. Tức chính chỉ thánh tánh không sự, vì khiến lìa chấp trước và khủng bố, chẳng nên lập đó làm tông. Nhân vọng chấp có nên nói chẳng sanh. Không nhân có mà lập, có không thành hai tướng, đối tất cả pháp thì tánh không thể được. Nếu lập đó làm tông thì trái với pháp thể. Như năm phần luận, tông nhân lần lượt, có ra tướng khác đều thuộc tạo tác chỉ thành nhiều lỗi. Mới biết tất cả pháp chẳng sanh ấy, là vì lìa chấp trước. Như thế tất cả pháp không, tất cả pháp không có thể tánh, xét đến tự tướng như thật trọn không thuyết ấy, nên chẳng ưng lập tông. Xét trong ba lượng (hiện lượng, tỷ lượng, thánh giáo lượng) thì tỷ lượng có ba chi: 1) Tông, 2) Nhân, 3) Dụ, gồm Hiệp và Kết làm năm phần. Tông có 9 lỗi, nhân có 14 lỗi, đồng dụ có 5 lỗi, dị dụ có 5 lỗi, chung lại là 33 lỗi. Đây là ngoại đạo lập ra. Nếu do pháp của ta thì tông cũng có một lỗi, nghĩa là chẳng được pháp thể. Nhân, Dụ là thành lập tông, mà tông đã lỗi thì nhân, dụ lần lượt tướng khác càng nhiều. Sao nói không được pháp thể? Như lập lượng rằng: Tất cả pháp chẳng sanh làm TÔNG, NHÂN nói vì không tự tánh, DỤ nói như cây chuối. Gạn lỗi rằng: Những pháp gì chẳng sanh? Đáp: Pháp tâm hiện ra, pháp đều tâm hiện không

có tánh sanh. Gạn lại: Tâm không tánh sanh thì có tánh chẳng sanh chẳng? Đáp: Nghĩa là tánh không sanh nên nói chẳng sanh, đâu được lại có. Kết lỗi rằng: Nếu chẳng lại có mà lập tông chẳng sanh thì chẳng được pháp thể. Song pháp của ta phương tiện vì đoạn chấp kia, chẳng phải có thật pháp. Chấp kia đoạn rồi tự nhiên rõ tướng tâm ban đầu, trở lại nơi bản đặc, như thật tự chứng đại dụng hiện tiền, ngôn ngữ tình lượng chóng dứt, sanh cùng vô sanh, đều là lời nói thừa. Cho nên chẳng ưng lập tông. Như Lai chỉ thẳng nguồn tâm chẳng do nơi khác mà ngộ.

CHỈ THÁNH TRÍ XEM THẤY NHƯ HUYỄN KHÔNG LỖI.

Đại Huệ! Song đại Bồ-tát nói tất cả pháp như huyễn mộng, vì tướng hiện và chẳng hiện và vì lỗi ở giác tưởng. Phải nói tất cả pháp như tánh huyễn mộng. Trừ vì ngu phu lìa khủng bố. Đại Huệ! Ngu phu rơi vào cái thấy có không, chớ khiến họ kinh sợ xa lìa Đại thừa.

Huyễn mộng chẳng phải thật, không thể nói có. Huyền mộng rõ ràng, không thể nói không. Có không đều chẳng phải, có hiện chẳng hiện thấy do giác tưởng. Vì thế nói như huyễn mộng đối các pháp thể vẫn không làm trái, cũng hay cảnh giác người trí chính nơi ấy biết chỗ trở về được gốc vô sự, cho nên “phải nói”. Trừ vì ngu phu lìa khủng bố là, bởi ngu phu rơi vào cái thấy có không, mỗi bên có chỗ y cứ, nghe nói mộng huyễn mờ mịt không chỗ vin bèn sanh kinh sợ, xa lìa Đại thừa. Cho nên phàm nói thánh tánh sự, hoặc bát Niết-bàn đều thuộc về phương tiện. Nếu được đường ngôn ngữ dứt chỗ tâm hành diệt thì thản nhiên tự giác. Mới biết Như Lai đêm ấy thành Phật, đêm ấy nhập Niết-bàn, ở trong khoảng giữa đó không nói một chữ. Thâm hợp tượng

ưng khó vì hiển bày. Dù muốn chỉ điểm trước mắt, không phải huyền thì không lấy gì làm thí dụ.

TỔNG KẾT CHẲNG SANH NHƯ HUYỄN.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Không tự tánh không nói
 Không sự không tương tục
 Ngu phu kia vọng tưởng
 Như tử thi ác giác
 Tất cả pháp chẳng sanh
 Chẳng phải tông ngoại đạo
 Đến tốt chỗ không sanh
 Tánh duyên được thành tựu.
 Tất cả pháp chẳng sanh
 Người tuệ không khởi tưởng
 Vì tông kia nhân sanh
 Người giác thấy trừ diệt.

Như Lai tàng vốn không tự tánh, cũng không nói bày. Tất cả tám thức như hoa đốm trong hư không, đều không sự thật. Sở dĩ Phật dạy chỉ vì chỉ bày cho kẻ mê. Kẻ ngu không trí chẳng đạt phương tiện, đây là vọng tưởng ác kiến. Tất cả pháp chẳng sanh, tất cả pháp đến tốt không có chỗ sanh, do nhân duyên hòa hợp như huyền như mộng, người trí ở trong đó không nên khởi tưởng. Bởi vì ngoại đạo nhân sanh mà nói chẳng sanh, chấp là thật pháp. Cho nên tất cả pháp chẳng sanh ở đây, không đồng với ngoại đạo nói. Giác thì phương tiện

thầy trừ. Chữ “sự” tức là tướng. Chữ “tương tục” tức là lưu chú. Tướng cùng lưu chú thầy đều chỉ cho tám thức sanh diệt, như huyễn không thể được.

Ví như mắt bệnh xem

Vọng thấy tướng tóc rử

Chấp trước tánh cũng vậy

Ngu phu tà vọng tưởng

Lập bày ra ba cõi

Không có sự tự tánh

Lập bày sự tự tánh

Suy nghĩ khởi vọng tưởng

Tướng sự lập ngôn giáo

Ý loạn rất lăng xăng

Phật tử khéo ra khỏi

Xa lìa các vọng tưởng.

Mắt bệnh, tóc rử dụ cho ngu phu vọng thấy. Do vọng thấy này nên khởi các giác tưởng, lập bày ba cõi. Lại do ba cõi giả lập danh tướng rồi chấp là thật tánh. Lại khởi vọng chấp dựng lập ngôn giáo, lần lượt nhân nhau nên ý loạn lời rối. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tri kiến mỗi cái muốn lưu ở thế gian thì nghiệp vận mỗi thứ thường dời nơi quốc độ”. Vọng tưởng thế gian niệm niệm sanh diệt. Nếu hay giác được chỗ này thì trong khoảng sát-na đương thể là lặng lẽ, thật không thể nghĩ bàn.

Chẳng phải nước tưởng nước

Đây từ khát ái sanh

Ngu phu làm như thế
 Thánh thấy ắt chẳng vậy.
 Thánh nhân thấy thanh tịnh
 Tam thoát tam-muội sanh
 Xa lìa nơi sanh diệt
 Đạo đi không ngăn ngại.
 Tu hành không ngăn ngại
 Cũng không tánh phi tánh
 Tánh phi tánh bình đẳng
 Từ đây sanh thánh quả.

Chẳng phải nước tướng nước, đây là chỗ mê của ngu phu, chính là chỗ ngộ của thánh nhân. Thanh tịnh tam-muội tức là ngộ chỗ trở về. Dùng ba môn giải thoát, an trụ trong tâm hải, thuận tánh khởi hạnh, lìa nơi sanh diệt, chỗ đến không ngại. Bài tụng kinh Tịnh Danh nói: “Chẳng dính thế gian như hoa sen, thường khéo vào nơi hạnh không tịch, đạt các pháp tướng không ngăn ngại, đảnh lễ như không không chỗ nương”. Đây chính là tánh phi tánh bình đẳng, nhân gồm biển quả, quả suốt nguồn nhân, biết không sai biệt.

Thế nào tánh phi tánh?
 Thế nào là bình đẳng?
 Bảo kia tâm chẳng biết
 Trong ngoài rất xao động.
 Nếu hay hoại được kia
 Tâm ắt thấy bình đẳng.

Trụ trong cái có không thì chẳng đạt được bình đẳng. Chỉ vì chẳng rõ các pháp vô sanh. Rõ tự tâm hiện, hiện không thể được thì đương xứ vắng lặng, cũng không bình đẳng và chẳng bình đẳng. Đây là tâm bình đẳng vậy.

+CHỈ THÁNH TRÍ XA LÀ SỞ TRI.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Như Thế Tôn nói như việc phan duyên, trí tuệ chẳng được. Lượng bày vẽ ấy dựng lập bày vẽ, sở nhiếp thọ phi tánh, năng nhiếp thọ cũng phi tánh. Bởi không nhiếp thọ nên trí ắt chẳng sanh, chỉ là bày vẽ tên mà thôi.

Cảnh giới có không của tất cả pháp đều là giả lập bày, chẳng phải sở hành của trí tuệ. Giác tự tâm hiện lượng mới biết tất cả dựng lập, vọng chấp năng sở thấy đều không có tự tánh. Nhiếp thọ đã dứt, đây là đại trí hiện tiền. Tất cả cảnh giới như nước sôi tiêu băng, lại không có băng biết băng tiêu. Thế là, ở thế gian tùy theo thông lệ thế gian mà không điên đảo. Đại Huệ nêu ra ý này, trước thuật lại lời Phật sau mới khởi nạn. Như việc phan duyên tức là các pháp thế gian có không. Sở nhiếp thọ là cảnh sở thủ. Năng nhiếp thọ là tâm năng thủ. Thấy năng thủ sở thủ thấy đều không tự tánh, trí ắt chẳng sanh là, trí chẳng đối với chỗ này mà khởi phân biệt.

Thế Tôn! Thế nào? Vì tánh bất giác nên tự tướng cộng tướng, khác chẳng khác, mà trí chẳng được ư? Vì tự tướng cộng tướng các thứ tướng tánh tự tánh ẩn khuất, mà trí chẳng được ư? Vì núi đá tường vách, nước lửa gió ngăn che, mà trí chẳng được ư? Vì rất xa hay rất gần, mà trí chẳng được ư? Vì già trẻ mù lòa các căn chẳng đủ, mà trí chẳng được ư? Thế Tôn! Nếu bất giác tự tướng cộng tướng khác chẳng khác, mà trí chẳng

được thì không nên nói trí, ưng nói không trí, vì có việc mà biết chẳng được. Nếu lại các thứ tự cộng tướng, tướng tánh tự tánh ẩn khuất, mà trí chẳng được thì, kia cũng không trí, chẳng phải là trí. Thế Tôn! Vì có sở tri nên trí sanh, chẳng phải không tánh hiểu sở tri mà gọi là trí. Nếu núi đá tường vách đất nước lửa gió rất xa hay rất gần, già trẻ mù lòa các căn chẳng đủ, mà trí chẳng sanh thì, đây cũng chẳng phải trí, ưng là vô trí, vì có việc không thể biết được.

Trí tuệ chẳng được, có ba thứ nạn. Một, bất giác liễu vì trí chẳng đủ. Hai, các pháp lẫn nhau ẩn khuất, vì cảnh sở tri khó biết. Ba, núi đá tường vách già trẻ mù lòa, vì có chỗ chướng mà không biết. Ba thứ chẳng biết này đều chẳng phải trí, để nêu ra vấn sau biết mà tướng chẳng được, chẳng phải chẳng biết mà tướng chẳng được.

Phật bảo Đại Huệ! Chẳng như thế mà không trí, nên là trí chẳng phải chẳng trí, ta chẳng nói ẩn lấp như thế. Việc phan duyên trí tuệ chẳng được, ấy là lượng bày vẽ dựng lập. Giác tự tâm hiện lượng ngoài có không tánh phi tánh, biết mà sự chẳng được. Vì chẳng được nên trí tuệ đối với sở tri chẳng sanh. Thuận ba môn giải thoát, trí cũng chẳng được. Chẳng phải vọng tưởng từ vô thủy tánh phi tánh hư ngụy tập trí, khởi biết như thế, là biết chẳng biết kia.

Ba nạn trước là không trí mà sự chẳng được. Như Lai nói ra ưng là trí chẳng phải vô trí. Nếu không trí mà chẳng được là nói ẩn lấp vậy. Cho nên lại nói: Việc phan duyên trí tuệ chẳng được, chỉ bày vẽ dựng lập, đây chính là giác tự tâm hiện lượng. Giác tự tâm lượng thì giác cái bị hiện tất cả pháp có không đều không có tự tánh, đối với việc phan duyên hiểu thấu nguồn đáy,

phân biệt chóng dứt. Tùy thuận ba môn giải thoát mà cũng không thánh trí có thể được, là an trụ tâm hải sẵn có tịch chiếu. Chẳng đồng với ngoại đạo vọng giác theo cảnh giới sở tri của tập khí từ vô thủy. Cái sở tri của ngoại đạo này, chính bảo là thật vô trí vậy.

Cho nên đối việc bên ngoài chỗ nơi tướng tánh vô tánh vọng tưởng chẳng dứt. Tự tâm hiện lượng dựng lập, nói tướng ngã ngã sở rồi nhiếp thọ chấp trước. Chẳng giác tự tâm hiện lượng, đối với trí sở tri mà khởi vọng tưởng. Vì vọng tưởng, ngoại tánh phi tánh, quán sát chẳng được, y nơi đoạn kiến.

Đây chính chỉ kia chẳng biết vậy. Kia đối tất cả chỗ nơi các pháp có không, hiện tại vọng tưởng chẳng dứt. Thấy từ tự tâm hiện lượng dựng lập năng sở, rồi nhiếp thọ chấp trước. Xét tốt chỗ ban đầu chỉ là bất giác, nên đối với trí vô phân biệt mà tự sanh phân biệt, y nơi cảnh sở tri khởi các vọng tưởng. Vọng chấp có không, rồi quán sát có không sanh diệt không có nguyên nhân, lại thành đoạn diệt. Nếu hay biết được chỗ này thì trí tuệ hiện tiền, các việc phan duyên một lúc chóng dứt. Nên nói “biết mà sự chẳng được, trí đối sở tri chẳng sanh”.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Có các việc phan duyên

Trí tuệ chẳng quán sát

Đây vô trí phi trí

Ấy vọng tưởng mà nói

Đối tánh tướng chẳng khác

Trí tuệ chẳng quán sát

Chướng ngại và xa gần

Ấy gọi là tà trí

Già trẻ các căn lòa

Mà trí tuệ chẳng sanh

Lại thật có sở tri

Ấy cũng nói tà trí.

Kệ nói ba thứ trí trước mà có chỗ không được, đều không phải trí. Biết cái chẳng phải trí kia thì trí đối với nhiếp thọ chẳng sanh chấp trước, chỉ là bày vẽ, chỗ đi của tâm lượng, chẳng phải cảnh giới có thể bàn.

- NHÂN CHẲNG RÕ TỰ TÔNG VỌNG CHẤP
PHƯƠNG TIỆN, LẠI CHỈ TÔNG THUYẾT ĐỂ PHÁ THỂ
LUẬN.

+ TRÁCH NGU PHU CHẤP THUYẾT PHƯƠNG TIỆN,
KHỞI ĐẠI HUỆ THỪA THỈNH.

Lại nữa, Đại Huệ! Phạm phu ngu si từ vô thủy bị vọng tưởng ác tà hư ngụy xoay chuyển. Khi bị xoay chuyển thì tự tông thông và thuyết thông chẳng khéo rõ biết. Vì chấp tánh tướng bên ngoài do tự tâm hiện, nên chấp thuyết phương tiện, đối tượng chung thanh tịnh bốn câu của tự tông chẳng khéo phân biệt. Đại Huệ bạch Phật: Thật như Thế Tôn dạy, xin Thế Tôn vì con phân biệt thuyết thông và tông thông. Con và các đại Bồ-tát rành rõ hai cái thông và phạm phu Thanh văn, Duyên giác đời sau không mắc cái dở.

Đây vì kẻ ngu chẳng khéo rõ biết tướng chung thanh tịnh bốn câu của tự tông, nên có lời hỏi này. Chẳng rõ biết bốn câu thanh tịnh của tự tông nên đối với lời nói phương tiện trong thánh giáo vọng sanh phân biệt. Bị

tập khí ác giác lưu chuyển, đó là lý do hiển bày tông thông, thuyết thông. Bốn câu là, có không bốn câu. Là bốn câu được pháp thể thanh tịnh, ấy là tướng chung thanh tịnh.

+ CHỈ TÔNG THUYẾT KHÔNG RƠI VÀO KIẾN TƯỚNG CỦA PHẠM PHU.

Phật bảo Đại Huệ: Lành thay, lành thay! Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, ta sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Ba đời Như Lai có hai thứ pháp thông. Nghĩa là thuyết thông và tự tông thông. Thuyết thông là, tùy chỗ thích hợp với tâm chúng sanh, vì nói các thứ các loại khế kinh, ấy gọi là thuyết thông. Tự tông thông là, người tu hành lìa tự tâm hiện các thứ vọng tưởng. Nghĩa là chẳng rơi vào loại một, khác, đồng, chẳng đồng, vượt khỏi tất cả tâm, ý, ý thức. Cảnh giới thánh tự giác, lìa nhân thành kiến, tướng. Tất cả ngoại đạo Thanh văn, Duyên giác rơi vào hai bên đều không thể biết. Ta nói đó là pháp tự tông thông. Đại Huệ! Ấy gọi là tướng tự tông thông và thuyết thông, ông cùng các đại Bồ-tát khác nên phải tu học.

Khế kinh tức là chín bộ đã nói. Nghĩa là khế lý khế sự đều y tâm chúng sanh mà vì dẫn đường, không có pháp thật. Đây là thuyết thông phương tiện thật chẳng bỏ quyền, cần phải ly ngôn được ý chỉ. Lại nhân người tu hành nói đạt tông thông. Là tự tâm hiện các thứ vọng tưởng... là, tự tâm hiện ra tất cả vọng chấp bốn câu có không, đều do mê Như Lai tạng, theo cảnh vọng hiện của tâm, ý, ý thức, tùy vọng hiện lại khởi phân biệt. Một phen giác tự tâm thì vọng tưởng chẳng sanh, phân biệt hăng dứt cảnh giới sở hành của tự giác thánh trí này, lìa nhân duyên tương ưng với tất cả kiến tướng, ấy gọi là tướng tự tông thông. Chẳng rơi vào tất cả ngôn thuyết

phương tiện, nên chẳng phải chỗ hay biết của ngoại đạo Nhị thừa.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Ta nói hai thứ thông

Tông thông và ngôn thuyết

Thuyết là dạy đồng môn

Tông vì người tu hành.

Đồng một thánh giáo mà kẻ đồng môn được thuyết, người tu hành được tông. Chẳng phải Như Lai thật có hai thứ phân biệt. Nên nói “Chỉ ký luận ta thường thường nói”, cũng tùy chỗ thấy vậy.

+ BÁC THẾ LUẬN ĐỂ HIỂN TỰ TÔNG.

CHỈ THẾ LUẬN CHẴNG VÀO TỰ THÔNG, HAY CHIÊU CẢM KHỔ, PHÁ HOẠI KIẾT TẬP.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Như Thế Tôn một hôm nói rằng các luận thế gian mọi thứ biện thuyết, dè dặt chớ gần gũi. Nếu gần gũi thì chấp nhận tham dục, chẳng chấp nhận pháp. Thế Tôn cứ sao nói lời như thế? Phật bảo Đại Huệ: Ngôn luận thế gian các thứ cú vị, nhân duyên thí dụ gom nhóm trang nghiêm, dụ dẫn dối gạt kẻ phàm phu ngu si, không vào được chân thật tự thông, chẳng giác tất cả pháp, vọng tưởng điên đảo rơi vào hai bên. Kẻ phàm ngu làm mà tự phá hoại, tiếp nối sanh trong các cõi không được giải thoát, không thể giác biết tự tâm hiện lượng, chẳng lìa tánh tự tánh vọng tưởng chấp trước bên ngoài. Thế nên, ngôn luận thế gian các thứ biện thuyết chẳng thoát khỏi sanh già bệnh chết lo buồn khổ não dối gạt mê loạn.

Đây nhân thuyết thông lấy làm luận nghị trong ngoài
 khéo léo để giúp cho nhạo biện; bèn nhớ Thế Tôn
 thường dạy nên có nghi trước sau trái nhau. Các luận
 thế gian là chỉ cho kinh sách ngoại đạo, mỗi quyển y
 theo tà kiến chấp làm định luận. Hoặc thông một cạnh
 thấu một góc, trang nghiêm danh lý như nói “trời đất một
 ngón tay, muôn vật một con ngựa”, dẫn bày nghĩa vị đối
 làm tâm thức mà nơi câu chân thật tự thông thì thật là
 trái xa. Phàm giác tâm nội chứng xa lìa sở tri thức tánh
 ưa thấy dễ thành cảnh giới, tất cả lý giải, điều đạo
 huyền vi là chỗ đi của giác tưởng, đổi thành bí mật. Thứ
 chấp sâu này so với chấp dục lạc thô trọng rất khó giải
 thoát. Hoặc giả có người y thông tự tông, khuôn mẫu
 thánh giáo. Dùng lời tinh vi của tuyệt học làm thành luận
 ác giác. Nên nói: “Trong câu không ý, ý tại trong câu”,
 phát xuất từ nhóm này trọn thành tập ngữ (nói theo).
 Như “trong câu chủ khách”, đâu đồng với nghĩa học
 biểu và giá. Giá (ngăn) tức đồng không, biểu (bày) trọn
 rơi vào có. Giá biểu chẳng khác toàn thể là vô minh. Giá
 biểu đồng thời thì danh tướng rồi ren, mũi tên miệng
 hiện thành, mà nghĩ siêu cách ngoại. Cái hiểu này thành
 ngại, hoảng hốt lìa chỗ vi diệu, dôi gạt trên danh cú
 chẳng đạt tự tông. Tuy ở trong chánh pháp mà đồng với
 thế luận. Đây là sau năm mươi năm phá hoại kiết tập
 nên nói “ác giác nhân kiến”. Người giác tự tâm hiện thì
 cảnh nên quán sát ra ngoài tự tâm đều là điên đảo, tăng
 trưởng vọng thức tiếp nối nhân sanh tử, không thể
 chẳng dè dặt. Trong Địa Trì bảo tu tập ngữ minh, tất cả
 nội minh, ngoại minh, thanh minh, y phương minh, công
 xảo minh. Đây là vì hàng đại Bồ-tát đã tu tập lâu xa,
 tầng thức được minh bạch, vào tất cả thế gian tùy tâm
 chúng sanh mà vì họ dẫn đường. Chẳng nên mượn đây

liền bỏ bê lời răn cấm của Phật, nên phải tự xét mới là biết thời.

Đại Huệ! Thích Đề Hoàn Nhân rộng giải các luận, tự tạo thanh luận. Thế luận kia có một người đệ tử giữ hình tượng rỗng, đến thiên cung Đế Thích dựng lập luận tông, cốt phá bánh xe ngàn cãm của Đế Thích. Nếu tôi chẳng bằng xin chặt mỗi đầu để đền chỗ thua. Tạo lời cam kết ấy rồi, liền dùng pháp Đế Thích đè bẹp Đế Thích, Đế Thích thua liền phá bánh xe kia. Rồi ông ta trở về nhân gian. Như thế, Đại Huệ! Thế gian ngôn luận nhân dụ trang nghiêm, cho đến súc sanh cũng hay dùng các thứ cú vị làm hoặc loạn chư thiên kia và A-tu-la kẹt trong kiến chấp sanh diệt, hưởng là loài người. Thế nên, Đại Huệ! Thế gian ngôn luận nên phải xa lìa, bởi hay chuốc lấy nhân sanh khổ, dè dặt chớ gần gũi.

Nêu đây để làm gương không nên gần gũi học tập. Nghĩa là thế luận nhân dụ trang nghiêm tột các xảo biện, chạm việc vô cùng, khó mà chiết phục. Đây là thức tâm biến huyễn dối gạt cái thấy nghe, chẳng nói chánh lý, có chướng ngại cho tự tông, chuốc khổ sanh tử, không gì hại bằng.

Đại Huệ! Thế luận chỉ nói cảnh giới thân cảm giác mà thôi. Đại Huệ! Thế luận kia có đến trăm ngàn, chỉ ở thời sau, sau năm mươi năm sẽ phá hoại kiết tập, ác giác nhân kiến thanh, nên đệ tử ác thọ học. Như thế Đại Huệ! Thế luận phá hoại kiết tập các thứ cú vị nhân dụ trang nghiêm, nói việc ngoại đạo, đấm nhân duyên của mình, không có tự thông. Đại Huệ! Các ngoại đạo kia không có luận tự thông, đối các thế luận nói rộng vô lượng trăm ngàn sự môn, không có tự thông, cũng không tự biết thế luận là ngu si.

Cảnh giới thân cảm giác, nghĩa là cảnh giới sở hành của thấy nghe hiểu biết nơi thân năm ấm. Hoặc tức nơi thấy nghe hiểu biết mà khởi luận thuyết. Hoặc do thấy nghe hiểu biết duyên được cảnh không tịch linh diệu huyền vi mà làm tông thú. Phá hoại kiết tập là phá hoại chánh giáo kiết tập của Như Lai. Đây là học chánh pháp mà rơi vào tà kiến vậy. Nếu không phải bọn này quyết định không thể phá hoại chánh giáo. Nhân duyên của mình là cảnh giới cảm giác nơi thân. Họ có trước tác chẳng ngoài thấy nghe hiểu biết, chẳng lấy làm tự tánh, liền bỏ đó đến chỗ hư huyền, y bên cạnh tự thông, thật đồng với ngoại đạo truyền bá hiện đời làm làm lần đời sau. Tự đã chìm đắm cũng làm chìm đắm người. Luận thuyết vô cùng mê hoặc càng lắm, thật đáng đau buồn vậy.

CHỈ NHƯ LẠI THEO CHỖ TỰ THÔNG NÓI.

Khi ấy Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Nếu ngoại đạo thế luận các thứ cú vị nhân dụ trang nghiêm không có tự thông, từ việc chấp trước ấy. Thế Tôn cũng nói thế luận, vì các chúng nơi khác đi đến pháp hội, trời người A-tu-la, nói rộng vô lượng các thứ cú vị, cũng chẳng phải tự thông chẳng? Cũng vào số trí tuệ ngôn thuyết của ngoại đạo chẳng? Phật bảo Đại Huệ: Ta chẳng nói thế luận, cũng không đến đi, chỉ nói chẳng đến chẳng đi. Đại Huệ! Đến là đến chỗ tự hội sanh, đi là tan hoại. Chẳng đến chẳng đi là chẳng sanh chẳng diệt. Nghĩa ta nói ra chẳng rơi trong số vọng tưởng thế luận. Vì có sao? Nghĩa là chẳng chấp trước bên ngoài là có là không, chỗ tự tâm hiện ra, vọng tưởng hai bên trọn không thể chuyển. Tướng cảnh chẳng phải có, giác tự tâm hiện ra. Đã tự tâm hiện thì vọng tưởng chẳng sanh. Vọng tưởng

chẳng sanh thì không, vô tướng, vô tác vào ba môn giải thoát, gọi là giải thoát.

Thế Tôn cũng thường vì chúng phương khác đến hội và trời người bát bộ nói rộng bộ Bốn Sự, hoặc bộ Bốn Sanh, bộ Vị Tăng Hữu, đều nói rộng vô lượng nhân duyên cú vị, cho nên nghi Như Lai cũng nói thế luận. Chẳng biết Như Lai nói ra nhân duyên đều vì tự thông duyên khởi, hoặc tức thế đế nói đệ nhất nghĩa đế, mà người chẳng biết làm là thế đế. Thế Tôn nơi đây trọn không nói rõ. Chỉ nói ta chẳng nói thế luận, cũng chẳng nói đã nói việc gì là chẳng phải thế luận. Thế thì biết, Như Lai hiện tiền tất cả ngôn thuyết đều chẳng phải thế luận. Lại nói “cũng không đến đi”, bởi chúng ở phương khác đến hội dường như có đến đi. Như Lai thẳng nơi tự thông hiện lượng trong đệ nhất nghĩa thẳng bằng chỉ bày. Cho nên nói “chỉ nói chẳng đến chẳng đi”, thì biết tất cả chúng sanh chẳng đạt được cảnh giới hiện tiền, đối tự tâm hiện lượng sanh vọng tưởng chấp trước, cho là thật có đến đi. Cho nên lại bảo rằng “đến là đến chỗ tụ hội sanh, đi là tan hoại, đây là sanh diệt; chẳng đến chẳng đi ấy là chẳng sanh diệt; để rõ nghĩa ta đã nói chẳng rơi vào trong số vọng tưởng thế đế”. Như Lai tự thông tự tâm hiện lượng thấy tất cả ngoại tánh phi tánh, chẳng phải cảnh giới có không hai bên mà hay xoay chuyển. Ở trong nhân thiên theo cảnh giới mình nói có ba đời. Người ta bảo Như Lai nói ba đời, mà thật Như Lai không có ba đời. Nói có tam thừa nhân thiên, người ta bảo Như Lai nói tam thừa nhân thiên, mà thật Như Lai không có tam thừa nhân thiên. Theo chỗ điên đảo của thế gian nói có ba đời, nói có tam thừa nhân thiên, vì muốn chúng sanh đạt tự tông thông, được cảnh giới chính mình của Như Lai, chẳng do ngôn thuyết. Cho nên lại định ninh bảo rằng: “Giác tự tâm hiện thì đối

cảnh tự tâm hiện ra vọng tưởng chẳng sanh. Vọng tưởng chẳng sanh là không, vô tướng, vô tác vào ba môn giải thoát, gọi là giải thoát”. Ba môn giải thoát này đối với giác tự tâm lượng tam-muội sẵn có rất là tương ưng. Ấy là lý do Như Lai đôi ba lần nêu ra chỉ dạy.

NÊU NHƯ LẠI CHỈ LUẬN.

Đại Huệ! Ta nhớ một hôm dừng nghỉ một nơi, có Bà-la-môn thế luận đi đến chỗ ta, chẳng hỏi rảnh rang chẳng? Liên hỏi ta rằng: “Cù-đàm! Tất cả tạo ra chẳng?”. Ta đáp rằng: “Bà-la-môn! Tất cả tạo ra là thế luận thứ nhất”. Kia lại hỏi rằng: “Tất cả chẳng phải tạo ra chẳng?”. Ta lại đáp: “Tất cả chẳng phải tạo ra là thế luận thứ hai.” Kia lại hỏi ta: “Tất cả thường chẳng? Tất cả vô thường chẳng? Tất cả sanh chẳng? Tất cả chẳng sanh chẳng?”. Ta đáp rằng: “Ấy là thế luận thứ sáu”. Đại Huệ! Kia lại hỏi ta rằng: “Tất cả là một chẳng? Tất cả là khác chẳng? Tất cả là đồng chẳng? Tất cả là chẳng đồng chẳng? Tất cả nhân các thứ thọ sanh hiện chẳng?”. Ta đáp rằng: “Ấy là thế luận thứ mười một”. Đại Huệ! Kia lại hỏi rằng: “Tất cả vô ký chẳng? Tất cả ký chẳng? Có ngã chẳng? Không ngã chẳng? Có đời này chẳng? Không đời này chẳng? Có đời khác chẳng? Không đời khác chẳng? Có giải thoát chẳng? Không giải thoát chẳng? Tất cả là sát-na chẳng? Tất cả chẳng phải sát-na chẳng? Hư không chẳng? Phi số diệt chẳng? Niết-bàn chẳng? Cù-đàm! Tạo ư ? Chẳng tạo ư ? Có trung ấm ư ? Không trung ấm ư ?”. Đại Huệ! Ta đáp rằng: “Bà-la-môn nói như thế ấy thấy đều là thế luận, chẳng phải chỗ ta nói, là thế luận của ông”.

Ngoại đạo này từ trong thế luận khởi hỏi, Như Lai từ trong tự thông đệ nhất nghĩa chánh đáp, chẳng phải loại bỏ ấy vậy. Tạo ra tức là nhân sanh. Chẳng phải tạo ra

tức là vô nhân sanh. Tất cả thường, vô thường, sanh, chẳng sanh, một, khác, đồng v.v... đều thuộc về thế luận. Trong đệ nhất nghĩa tự thông không có, Như Lai bảo thế luận thứ nhất, thế luận thứ hai, đây cố chỉ thẳng không có che dấu. Ngoại đạo chẳng biết đặt nhiều câu hỏi, có thể nói trước mặt làm qua vậy. Như Lai trước sau chỉ thẳng, bảo nói như thế ấy đều là thế luận, chẳng phải chỗ nói của ta, là thế luận của ông. Xưa Phạm Chí hỏi Thế Tôn rằng: “Chẳng hỏi có lời, chẳng hỏi không lời”. Thế Tôn im lặng giây lâu, Phạm Chí nói: “Thế Tôn đại từ vạch mây mờ cho tôi, khiến tôi được vào”. Đây là ngựa hay thấy bóng roi vậy. Như Lai chúng ta thường nói: “Chỉ ký luận, ta thường thường nói”. Cho nên biết, gặp được căn cơ là khó. Bà-la-môn phát xuất từ Ngũ Thiên Trúc, tự xưng thủy tổ họ từ miệng Phạm thiên sanh, liền lập họ Phạm nên gọi là Phạm Chí. Dòng họ này kiêu căng, nhiều tranh luận, hoặc xuất gia, hoặc tại gia, thành thừa kế nhau, có nhiều kinh luận. Chẳng hỏi rảnh rang chẳng, ấy cũng là manh mối kiêu căng. Theo lễ phép ở Ấn Độ, có thưa hỏi điều gì trước bạch cho phép, là hỏi “rảnh rang chẳng”. Sát-na là sanh diệt rất vi tế. Hư không, Niết-bàn, phi trạch diệt, đây là ba pháp vô vi, trong chánh pháp có. Tạo, chẳng phải tạo là hỏi ba pháp vô vi là tạo tác hay chẳng phải tạo tác.

Ta chỉ nói hư vọng vọng tưởng tập khí các thứ ác từ vô thủy là nhân của ba cõi. Không thể giác biết tự tâm hiện lượng mà sanh vọng tưởng, phan duyên pháp bên ngoài, như pháp ngoại đạo. Hỏi ta câu nghĩa các căn ba thứ hòa hợp thức sanh, ta chẳng như thế. Bà-la-môn! Ta chẳng nói nhân, chẳng nói vô nhân, chỉ nói vọng tưởng tánh năng nhiếp sở nhiếp lập bày duyên khởi. Chẳng phải ông và các người rơi vào thọ ngã tương tục

mà hay hiểu được. Đại Huệ! Niết-bàn, hư không, diệt chẳng phải có ba thứ, chỉ có số ba mà thôi.

Mê Như Lai tạng mà làm vô minh, bất giác vọng động. Đây là hư ngụy tập khí từ vô thủy vậy. Tất cả thế gian căn thân khí giới đều lấy hư ngụy làm nhân. Nhân cái hư ngụy này không thể hiểu biết tự tâm hiện ra. Vọng sanh chấp trước, chấp nhận pháp bên ngoài, mà ngoại đạo làm là căn, trần, thức ba thứ hòa hợp sanh khởi. Ngoại đạo không biết hiện tiền căn trần thức, vì mê tự tâm nên nội thức biến dường như có, rồi vọng chấp thật có. Muôn pháp theo đó mà sanh liền thành Nhân luận. Quán kỹ sự sanh diệt, hiểu biết nhân ấy hết, lại chấp Vô nhân. Đây chẳng phải Như Lai nói. Như Lai chỉ nói hư ngụy tập khí vọng chấp năng sở, giả danh lập bày. Cho nên nói: “Chẳng phải ông và các người rơi vào thọ ngã tương tục mà hay hiểu được”. Ngã tương tục chỉ cho Nhị thừa. Nhị thừa chấp pháp ngã chưa hết nên chưa biết tướng ban đầu của vô minh phát nghiệp, càng thấy rõ ba pháp vô vi không có tự tánh. Vả lại chẳng phải cảnh giới của người còn pháp chấp, huống là ngoại đạo.

Lại nữa, Đại Huệ! Khi ấy Bà-la-môn thế luận hỏi ta: Vì nghiệp nhân si ái có ba cõi chẳng? Vì vô nhân chẳng? Ta đáp rằng: Hai cái ấy cũng là thế luận. Kia lại hỏi rằng: Tất cả tánh đều vào tự cộng tương chẳng? Ta lại đáp: Đây cũng là thế luận. Bà-la-môn! Cho đến ý chạy vọng chấp ngoại trần đều là thế luận. Lại nữa Đại Huệ! Khi ấy Bà-la-môn thế luận lại hỏi ta: Vả lại có chẳng phải thế luận chẳng? Tôi là chủ tất cả ngoại đạo nói các thứ cú vị nhân duyên thí dụ trang nghiêm. Ta liền đáp: Bà-la-môn! Có. Mà chẳng phải ông có, chẳng phải làm, chẳng phải tông, chẳng phải thuyết, chẳng phải chẳng

nói các thứ cú vị, chẳng phải chẳng nhân thí trang nghiêm. Bà-la-môn hỏi: Những gì là chẳng phải thế luận? Chẳng phải chẳng tông? Chẳng phải chẳng thuyết? Ta đáp rằng: Bà-la-môn! Có cái chẳng phải thế luận, là chỗ ông và các ngoại đạo không thể biết. Bởi vì ngoại tánh chẳng thật vọng tưởng hư ngụy chấp trước. Nghĩa là vọng tưởng chẳng sanh thì giác liễu có không, tự tâm hiện lượng nên vọng tưởng chẳng sanh, chẳng nhận ngoại trần thì vọng tưởng hằng dứt, ấy gọi là chẳng phải thế luận. Đây là pháp của ta, chẳng phải nơi ông có. Bà-la-môn! Lược nói thức kia, hoặc đến, hoặc đi, hoặc sanh, hoặc tử, khổ vui chìm hiện xúc trước các thứ tướng. Hoặc hòa hợp tương tục, hoặc ái, hoặc nhân chấp trước. Bà-la-môn các loại như thế là thế luận của các ông, chẳng phải ta có. Đại Huệ! Bà-la-môn thế luận hỏi như thế, ta đáp như thế, kia liền lặng thinh chẳng từ mà lui đi. Kia suy xét chỗ tự thông, khởi nghĩ thế này: Sa-môn Thích tử ra ngoài thông thường nói vô sanh, vô tướng, vô nhân, giác tự vọng tưởng hiện tướng thì vọng tưởng chẳng sanh.

Thế Tôn lại đáp thầy không ngoài hai chữ thế luận. Sau lại kèm nói cho đến ý thức vừa động thầm dính ngoại trần đều là thế luận. Tức một câu này có thể gọi vì nhau triệt để vậy. Có chẳng phải thế luận mà chẳng phải ông biết, đây cũng là ý xa lìa khùng bố. Vừa nói chẳng phải làm chẳng phải thuyết, liền nói chẳng phải chẳng nói các thứ cú vị, chẳng phải chẳng nhân thí trang nghiêm. Đoạt chỗ chấp kia, mà cũng chẳng lìa chỗ chấp, riêng có đường khác. Nên nói chẳng phải tức chẳng phải ly, chỉ phải tự giác. Chẳng giác ngoại tánh chẳng thật đều do hư ngụy thì vọng tưởng sanh khởi. Giác các pháp có không thầy từ tự tâm chẳng nhận duyên ngoài thì vọng tưởng hằng dứt. Cũng chỉ đến chỗ bất giác hằng ngày

của ngoại đạo, khiến tự giác đó. Trước sau Chỉ ký luận, kia tự không thương tích chớ làm cho họ có thương tích. Lại chính chỗ chấp vọng thức của ngoại đạo, rốt sau bảo đó rằng: hoặc đến, hoặc đi, hoặc tử, hoặc sanh, khổ vui chìm hiện xúc trước các thứ tướng, hoặc hòa hợp tương tục, hoặc ái, hoặc nhân chấp trước, các loại như thế đều là thế luận của ông. Thật là toàn tâm đảo ngược, giết tốt sống tốt, mà bèn lui đi tự nghĩ rằng: Sa-môn Thích tử ra ngoài thông thường, nói vô sanh vô tướng vô nhân, giác tự vọng tưởng hiện tướng thì vọng tưởng chẳng sanh. Ngoại đạo thuật lời này là chê ngược lại. Hãy bảo y hay nhận hết lời nói Như Lai chẳng? Hay không tốt lời nói Như Lai. Nếu cho là chẳng tốt thì lời vẫn rõ ràng. Nếu cho là tốt thì Như Lai tự thông chỉ là như thế. Nên nói mật chỉ từ trước đâu những mấy lời mà Bà-la-môn soi thấu?

CHỈ THẾ LUẬN CHẤP NHẬN THAM DỤC, CHẴNG NHẬN CHÁNH PHÁP.

Đại Huệ! Đây tức là chỗ ông hỏi ta “Cớ sao nói gần gũi thế luận các thứ biện thuyết, chấp nhận tham dục, chẳng chấp nhận pháp”. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Chấp nhận tham dục và pháp có cú nghĩa gì? Phật bảo Đại Huệ: Lành thay, lành thay! Ông mới hay vì chúng sanh đời sau suy nghĩ thừa hỏi cú nghĩa như thế. Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, ta sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Nói là tham đó, hoặc lấy, hoặc bỏ, hoặc xúc, hoặc vị bám chặt ngoại trần rơi vào cái thấy hai bên. Lại sanh khổ ám sanh già bệnh chết lo buồn khổ não. Các hoạn như thế đều từ ái mà khởi. Đây do gần gũi thế luận và người thế luận. Ta và chư Phật nói tên là tham, ấy gọi là chấp nhận tham dục, chẳng chấp nhận pháp.

Pháp tham dục chỉ là hai tâm lấy bỏ tóm hết cảnh giới thân cảm giác. Tột cảnh giới cảm giác của thân, hoặc pháp tướng hiện tại, hoặc ảnh hiện ý pháp hư duyên tất cả lòng rùa sừng thỏ, là tình là lý, thấy đều gọi là trần cảnh. Theo trần cảnh này hoặc lấy hoặc bỏ thấy rơi vào kiến phần tướng phần có không. Tất cả nhóm khổ thành tựu do tham ái. Ái, hữu làm nhân, sanh tử làm quả. Đây là lý do không nên gán gũ thế luận.

CHỈ CHẤP NHẬN CHÁNH PHÁP, XA LÌA THẾ LUẬN.

Đại Huệ ! Thế nào là chấp nhận pháp ? Nghĩa là khéo hiểu biết tự tâm hiện lượng, thấy tướng nhân vô ngã và pháp vô ngã, vọng tưởng chẳng sanh. Khéo biết tiến lên địa trên, lìa tâm, ý, ý thức, được tất cả chư Phật dùng trí tuệ quán đảnh, chấp nhận đầy đủ mười câu vô tận, đối tất cả pháp không khai phát tự tại, ấy gọi là pháp. Nên nói chẳng rơi vào tất cả kiến chấp, tất cả hư ngụy, tất cả vọng tưởng, tất cả tánh, tất cả hai bên. Đại Huệ! Phần nhiều người si ngoại đạo rơi ở hai bên, hoặc thường hoặc đoạn. Chẳng phải trí tuệ thì nhận vô nhân luận liền khởi thường kiến ngoại nhân hoại nhân duyên phi tánh thì khởi đoạn kiến. Đại Huệ! Ta chẳng thấy sanh trụ diệt nói tên là Pháp. Đại Huệ! Ấy gọi là tham dục và pháp, ông cùng các đại Bồ-tát khác nên phải tu học.

Tự tâm hiện lượng không có tự tha, phàm có chỗ thấy đều là hư vọng. Đối chỗ này biết sâu tin sâu thì nhân pháp hai ngã liền đó tiêu sạch. Tất cả thời tất cả chỗ chẳng nhận có tánh thì giác tưởng hoàn toàn sạch, soi sáng các địa, chẳng nhân tâm niệm cùng trí tuệ chư Phật không có sai biệt, tự hay dùng mười câu vô tận, chẳng cần công dụng tự tại tăng thắng. Lại nói chẳng rơi vào các kiến chấp hư ngụy có không tánh tướng ấy, bởi vì ngoại đạo rơi vào đây khởi chấp đoạn thường.

Đây khác với tự thông thân giác thâm thiết rõ ràng. Bèn trân trọng nói “ta chẳng thấy sanh trụ diệt nói tên là pháp”. Như Lai vì chỉ cho người chỗ rành rõ tự sạch, toàn thể đại dụng, ý chỉ tinh vi vậy. Nhận vô nhân luận, tức chỉ ngoại đạo chỗ chấp sanh nhân mà khởi thường kiến. Bảo vô nhân ấy, nhân chẳng phải nhân kia, ấy là vô nhân. Giác sanh nhân hết, lại khởi đoạn kiến. Song nhân cùng vô nhân thảy thành đoạn diệt.

TỔNG TỤNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Tất cả thế gian luận
 Ngoại đạo hư vọng nói
 Vọng thấy tác, sở tác
 Kia ắt không tự tông
 Chỉ ta một tự tông
 Là nơi tác sở tác
 Vì các đệ tử nói
 Xa lìa các thế luận.
 Tâm lượng không thể thấy
 Chẳng quán sát hai tâm
 Nhiếp sở nhiếp phi tánh
 Đoạn thường hai đều là
 Nhẫn đến tâm lưu chuyển
 Thảy đều là thế luận
 Vọng tưởng chẳng chuyển ấy

Người này thấy tự tâm.
 Đến đó là việc sanh
 Đi đó việc chẳng hiện
 Biết rành rõ đi đến
 Vọng tưởng chẳng còn sanh
 Hữu thường và vô thường
 Sở tác không sở tác
 Đời này đời khác thấy
 Đây đều thế luận thông.

Hai bài kệ đầu bảo ngoại đạo không có tự tông, đều do năng sở nhiếp thọ bèn bị vọng tưởng lưu chuyển. Như Lai tự tông cùng ngoại đạo khác, cũng chỉ xa lìa năng sở lại không có ý chỉ riêng. Bài kệ thứ ba thứ tư là chỉ người khi xa lìa năng sở, thì mặc nhiên tự khế hợp, chẳng khởi tướng kiến. Nên nói “tất cả không có chân, chẳng do thấy nơi chân, nếu thấy nơi chân ấy, thấy ấy trọn chẳng chân”. Kinh Lăng Nghiêm nói “Chẳng thủ không phi huyễn, phi huyễn còn chẳng sanh, huyễn pháp từ đâu lập?”. Tức là tâm lượng không thể thấy này, tự biết tự tin chẳng nên lại khởi quán sát thì, một lúc các kiến chấp có không năng sở đoạn thường thấy đều không còn. Nếu đến mé này vừa dính niệm vi tế liền bị lưu chuyển, trở thành thế luận. Cho nên nói “vọng tưởng chẳng chuyển ấy, người này thấy tự tâm” có thể nói đình ninh răn nhắc vậy. Hai bài kệ chót lại chỉ cho người chính nơi sự vật hằng ngày tất cả tướng đi đến rỗng sáng rõ ràng, đến không từ đâu, đi không chỗ đến, như mây như điện, như bóng như vang. Người chánh giác được tự tâm hiện lượng này thì mình người chẳng

cách, xưa nay đồng xem. Chẳng như các thứ kiến giác thể luận là hữu thường vô thường, sở tác vô tác, đời này đời khác vậy.

3- CHỈ CHÁNH PHÁP GIẢI THOÁT, XA LÌA NGU NGOẠI.

- LIỆT BÀY VỌNG TƯỞNG VÀ NIẾT-BÀN.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Nói là Niết-bàn đó, nói những pháp gì gọi là Niết-bàn, mà các ngoại đạo mỗi phái khởi vọng tưởng? Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, ta sẽ vì ông nói. Như các ngoại đạo vọng tưởng Niết-bàn, chẳng phải vọng tưởng kia tùy thuận Niết-bàn. Đại Huệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Hoặc có ngoại đạo ám, giới, nhập diệt, cảnh giới lìa dục, thấy pháp vô thường, các loại tâm tâm sở chẳng sanh, chẳng nghĩ cảnh giới quá khứ vị lai hiện tại, các thọ ấm hết, như ngọn đèn tắt, như hạt giống hư, vọng tưởng chẳng sanh, nơi những cái này khởi tưởng Niết-bàn. Đại Huệ! Chẳng phải do kiến hoại gọi là Niết-bàn.

Trước nói về chấp nhận pháp, đây thì y chánh nhân biện chánh quả. Ban đầu nói “như các ngoại đạo vọng tưởng Niết-bàn”. Lại nói “chẳng phải vọng tưởng kia tùy thuận Niết-bàn”, vọng tưởng, tùy thuận tà chánh rành rõ. Sau bày các thứ chẳng ngoài vọng tưởng. Rốt chỉ ra chánh pháp, chính rõ tùy thuận. Nói là tùy thuận tức là tùy thuận tự tánh. Xưa nay tự tánh thanh tịnh mà do khách nhiễm che ngăn, nên chẳng hiển lộ. Nếu giác tự tâm hiện lượng thì chân thánh đạo sanh, dứt che được hiển lộ gọi là Niết-bàn. Nên nói tùy thuận chân như, do lìa chướng mà lập bày. Cảnh giới ám, giới, nhập diệt lìa dục đó, nghĩa là kia quán sát pháp ám giới nhập cứu

kính vô thường, chẳng tham cảnh giới đã chẳng tham cảnh giới thì pháp tâm tâm sở chẳng hiện ở trước, cho nên cũng không có niệm ba đời khứ, lai. Như ngọn đèn tắt, hạt giống hư tức là dụ cho cảnh giới diệt thọ. Loại vọng chấp này chỉ là tưởng hoại, chẳng phải kiến hoại. Kiến hoại là giác tự tâm hiện lượng rõ biết pháp âm, giới, nhập do mê tự tâm vọng hiện cảnh giới, vốn không có sanh, cũng không chỗ diệt. Kiến chấp sanh diệt là, vọng tưởng chóng dứt, tự tánh Niết-bàn, chẳng phải quán pháp vô thường tùy diệt tưởng thọ, vọng chấp là Niết-bàn.

Đại Huệ! Hoặc do từ phương đến phương gọi là giải thoát, cảnh giới tưởng diệt vẫn như gió dừng, hoặc do năng giác sở giác thấy hoại gọi là giải thoát, hoặc thấy thường vô thường khởi tưởng giải thoát, hoặc thấy các thứ tướng tưởng chiêu cảm nhân sanh khổ, suy nghĩ việc ấy rồi, chẳng khéo giác biết tự tâm hiện lượng kinh sợ nơi tướng, mà thấy vô tướng, sanh rất yêu thích khởi tưởng Niết-bàn.

“Từ phương đến phương”, theo cổ chú dẫn luận rằng: “Ngoại đạo thứ hai nói rốt ban đầu có phương, từ phương sanh ra thế gian và người, nhân sanh trời đất thứ lớp diệt hết trở về nơi phương, nói là thường trụ, là nhân Niết-bàn”. Song Thắng luận sư lập sáu câu sanh nhân, trong câu Thật có chín pháp: Đất, nước, lửa, gió, không, thời, phương, ngã, ý. Minh luận sư chấp: Đại phạm, thời, phương, bản tế, tự nhiên, hư không, ngã, bảy pháp thường trụ, hay sanh tất cả pháp. Ba thứ nói phương này đều là không thể tướng. Họ thấy các pháp hiện tiền không từ đâu sanh, vọng chấp sanh nhân là từ nơi hư vô. Như tự nhiên, hư không, bản tế, các thứ lập danh đều không thật thể. Lại chú nói phương là loại

(giống) vậy. Từ phương đến phương không có cõi khác. như kinh Lăng Nghiêm nói: “Biết người sanh người, ngộ chim sanh chim, cùng tám muôn kiếp không có cải đổi, từ loại đến loại không mất bản tánh”. Đây lại là ngoại đạo tự nhiên. Ba lối chấp ở trước là từ phương mà sanh, trở về phương diệt. Lối chấp sau là bản tánh không mất tùy chỗ tự tại. Ý vọng chấp này cho là thường trụ. Tất cả cảnh giới trông mong tưởng diệt, như gió chóng dừng chấp là Niết-bàn. Năng giác sở giác kiến hoại là, chẳng thấy tâm năng giác cùng cảnh sở giác gọi là kiến hoại. Thấy thường, vô thường là chẳng khởi thấy thường, vô thường. Xét hai lối chấp này dường như cùng lìa năng nhiếp sở nhiếp và xa hai cái thấy đoạn thường gần nhau. Song chẳng do giác biết tự tâm hiện ra vọng tự đè ép toàn rơi vào năng sở. Dùng kiến dẹp kiến thấy gọi là vọng tưởng. Thấy các thứ tướng chiêu cảm nhân sanh khổ, sanh tâm kinh sợ, thấy nơi vô tướng, loại này là Nhị thừa quán vô thường khổ không vô ngã, giữ chân như thiên lệch, ưa nơi không tịch. Do chẳng khéo giác tự tâm hiện lượng, nên chẳng biết tất cả tánh tướng do nội thức biến tương tự đều không có sự thật, vọng sanh kinh sợ, bỏ một giữ một chẳng lìa vọng tưởng.

Hoặc có hiểu biết các pháp trong ngoài tự tướng cộng tướng khứ lai hiện tại có tánh chẳng hoại, khởi tưởng Niết-bàn. Hoặc bảo ngã nhân chúng sanh thọ mạng tất cả các pháp hoại, khởi tưởng Niết-bàn, hoặc ngoại đạo trí tuệ ác thiêu đốt thấy tự tánh và sĩ phu hai cái có gián cách, chỗ sĩ phu hiện ra gọi là tự tánh, như loại Minh Đệ cầu-na chuyển biến, cầu-na là tác giả khởi tưởng Niết-bàn. Hoặc bảo phước chẳng phải phước hết, hoặc bảo các phiền não hết, hoặc bảo trí tuệ, hoặc thấy tự tại là người chân thật tạo sanh tử, khởi tưởng Niết-bàn.

Hiểu biết các pháp trong ngoài v.v... có tánh chẳng hoại, tức là nhận ngã trong ngũ ấm gọi là tự tánh, như văn trước thân cảm giác, đây là chấp thường. Ngã nhân chúng sanh thọ giả tất cả pháp hoại, cho là bốn tướng diệt hoại đồng với hư không, đây thành đoạn kiến. Tự tánh tức là Minh Đế. Sĩ phu tức là thần ngã. Sĩ phu từ tự tánh mà ra, cho nên nói như loại Minh sơ. Cầu-na dịch là y, nghĩa là thần ngã y Minh sơ chuyển biến mà sanh. Y là tác giả khởi tướng Niết-bàn. Nên nói “Y không sanh có, có trở lại về không”, cũng đồng với đoạn kiến.

Phước chẳng phải phước hết là, không có tội phước tất cả không ngại, không có nhân quả. Hoặ bảo các phiền não hết, hoặ bảo trí tuệ, kia cho phiền não trí tuệ là hai. Hoặ bảo hết phiền não mà y trí tuệ. Hoặ bảo phiền não tự nhiên mà hết, chẳng do trí tuệ đoạn, đều không phải chánh nhân. Hoặ thấy tự tại, tức là Đại Phạm Thiên. Thuận thế sự chấp Đại Phạm Thiên hay tạo chúng sanh sanh tử, tức lấy hay tạo tác làm thường trụ.

Hoặ bảo lần lượt sanh nhau, sanh tử lại không có nhân khác, như thế là chấp trước nhân, mà kia ngu si không thể hay biết, vì không biết nên khởi tướng Niết-bàn.

Hoặ có ngoại đạo nói được đạo chân để khởi tướng Niết-bàn. Hoặ thấy công đức và công đức sở khởi hòa hợp một khác đồng chẳng đồng, khởi tướng Niết-bàn, hoặ thấy tự tánh sở khởi chim Khổng tước có màu sắc các thứ tạp bảo và gai nhọn v.v... các tánh, thấy rồi khởi tướng Niết-bàn.

Lần lượt sanh nhau là, cha sanh con, con sanh cháu, đời đời tiếp nối không có nhân khác. Chẳng biết dòng ái là giống, kết tướng làm thai chấp nhận vô minh hoặ nghiệp là gốc sanh tử, không có giải thoát. Vì chẳng biết nên an phận, nơi sanh tử khởi tướng Niết-bàn. Như thế

gian hiện nay cha con ông cháu sanh tử tiếp nối, làm cho là lẽ dĩ nhiên. Chân đế tức là Minh đế, họ chấp Minh đế cho là đạo. Công đức và công đức sở khởi, tức là năng tác sở tác. Nghi năng sở hòa hợp mà sanh thấy một khác đồng chẳng đồng, thấy đều không ngoài tứ cú. Tự tánh sở khởi là tự nhiên sanh, cũng đồng với vô nhân. Bảo rằng chim quạ xưa nay vẫn đen, chim cò xưa nay vẫn trắng, người trời vốn đứng thẳng, súc sanh vốn đi ngang, cây tùng thì ngay, cây cúc thì cong, chim thú màu sắc, các thứ trần bảo tạp đều tự nhiên sanh không có nhân quả.

Đại Huệ! Hoặc có giác hai mươi lăm chân thật, hoặc vua gìn giữ nước nhận Lục đức luận, khởi tưởng Niết-bàn. Hoặc thấy “thời” là tác giả, thời tiết thế gian, giác như thế khởi tưởng Niết-bàn. Hoặc bảo tánh, hoặc bảo phi tánh, hoặc bảo biết tánh phi tánh, hoặc thấy có giác cùng Niết-bàn sai biệt khởi tưởng Niết-bàn.

Hai mươi lăm chân thật là, Số luận sự lập hai mươi lăm đế. Lục đức tức là Thắng luận lập lục cú. Trước chấp hai mươi lăm Minh đế và lục cú luận tức là Niết-bàn. Đây lấy năng giác năng thọ làm Niết-bàn. Vua gìn giữ nước là thọ sáu phần gìn giữ chúng sanh. Thời tức là ngoại đạo Thời Tán chấp tất cả pháp đều từ thời sanh, xem thấy cây cỏ tươi khô nở rụng chấp thời là thường là một, là nhân của vạn vật, là nhân Niết-bàn. Tánh là vật. Có vật không vật, chẳng phải có chẳng phải không, cũng thuộc về nhân với vô nhân. Giác là giác tưởng, giác tưởng thì dao động, Niết-bàn vắng lặng, hoặc bảo là khác, hoặc chấp không khác, đồng một vọng chấp.

Có loại như thế các thứ vọng tưởng, ngoại đạo nói ra chẳng thành đã thành, người trí bỏ đó. Đại Huệ! Như thế tất cả đều rơi vào hai bên khởi tưởng Niết-bàn. Các

Niết-bàn vọng tưởng của ngoại đạo như thế, trong ấy trọn không hoặc sanh hoặc diệt. Đại Huệ! Mỗi thứ Niết-bàn của ngoại đạo kia là họ tự luận. Trí tuệ quán sát trọn không có chỗ lập. Như vọng tưởng kia tâm ý đi lại trôi giạt xao động, tất cả không có được Niết-bàn.

Kết luận nói ngoại đạo chấp các thứ Niết-bàn đều do vọng tưởng thấy chẳng thành Niết-bàn. Nghĩa là chẳng ngoài hai bên có không, hoặc trụ hoặc xuất trọn không có thật nghĩa. Thấy thuộc về tâm ý xao động. Dù được cứu kính diệt hết, trọn không có thật được Niết-bàn. Đây đều do chẳng giác biết tự tâm hiện lượng theo cảnh tự tâm hiện hư vọng phân biệt, không có trí như thật, tất cả làm ra đều không thành lập.

-CHỈ NHƯ LAI TÙY THUẬN NIẾT-BÀN.

Đại Huệ! Như ta nói Niết-bàn là, khéo giác biết tự tâm hiện lượng chẳng đả trước ngoại tánh (vật), lìa tứ cú, thấy chỗ như thật, chẳng kẹt tự tâm hiện vọng tưởng hai bên năng nhiếp sở nhiếp không thật có, tất cả độ lượng không thấy được thành, ngu nơi chân thật không nên chấp nhận, buông bỏ kia rồi được tự giác thánh pháp, biết hai vô ngã, lìa hai phiền não, trừ sạch hai chướng, hằng lìa hai cái tử, tiến lên mỗi địa, đến Như Lai địa, các tam-muội sâu như bóng huyễn v.v... lìa tâm ý ý thức, gọi là Niết-bàn. Đại Huệ! Các ông và các đại Bồ-tát khác nên phải tu học, phải chóng xa lìa tất cả kiến chấp Niết-bàn của ngoại đạo.

Tự tâm hiện lượng tức là Niết-bàn xưa nay thanh tịnh. Niết-bàn này tất cả hữu tình bình đẳng đồng có. Tánh nó vốn lặng, chỉ bậc chân thánh giả tự chứng được ở trong, cho nên nói “hiểu biết”. Hiểu biết đây rồi, thấy tánh vốn lặng cùng tất cả pháp không phải một, không

phải khác. Nên nói “chẳng đấm trước ngoại tánh (vật), lia tứ cú, thấy chỗ như thật”. Thấy chỗ như thật thì lý chân như hiện bày, lia tất cả tướng tất cả phân biệt. Nên nói “chẳng kẹt tự tâm hiện vọng tưởng hai bên, năng nhiếp sở nhiếp không thật có”. Lý chân như hiển bày thì tướng tướng đều lặng, ắt con đường suy nghĩ bật, lối nói năng dứt. Nên nói “tất cả độ lượng chẳng thấy được thành, ngu nơi chân thật chẳng nên chấp nhận”. Bởi vì chỗ như thật chẳng phải nói bàn suy tính nếu nói bàn suy tính luống bị nó làm ngu, nên chẳng chấp nhận. Hai vô ngã là, nhân vô ngã và pháp vô ngã. Hai phiền não là căn bản phiền não và tùy phiền não. Hai chướng là hoặc chướng và trí chướng. Hai tử là phần đoạn và biến dịch. Bốn thứ hai này từ giác tự tâm hiện lượng một lúc chóng thấy, đến chứng vô trụ xứ Niết-bàn mới được viên mãn. Niết-bàn này là lý chân như ra khỏi sở tri chướng, đại bi bát-nhã thường phụ giúp nên chẳng trụ sanh tử và Niết-bàn, lợi lạc hữu tình tốt mé vị lai, dụng mà thường lặng. Nên nói “tam-muội sâu xa, lia tâm ý ý thức”. Hai Niết-bàn này trong nhân trên quả cả hai đều bình đẳng, chỉ Như Lai có. Gồm hữu dư y Niết-bàn và vô dư y Niết-bàn chung thành bốn thứ. Như Lai ắt có đủ. Như Lai tuy không thật y mà hiện dường như có. Thế nên, Như Lai nên nói đủ bốn. Nhị thừa đoạn kiến tự phiền não hiển bày chân lý, tuy có chút khổ để y mà hai hoặc hằng diệt, nên cũng được hữu dư Niết-bàn. Nếu vô dư y thì Nhị thừa cũng có cũng không. Y nơi chẳng thấy bản lai tự tánh thanh tịnh và không vô trụ xứ nên nói kia là không. Y nơi phiền não chướng hết hiển bày chân lý, lia tướng trong trẻo, lặng lẽ an vui cùng Phật không khác nên nói cũng có.

- TỔNG TỤNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Ngoại đạo chấp Niết-bàn
 Mỗi mỗi khởi vọng tưởng
 Đây từ tâm tưởng sanh
 Không phương tiện giải thoát.
 Ngu nơi phược phược đó
 Xa lìa phương tiện khéo
 Ngoại đạo tưởng giải thoát
 Giải thoát trọn chẳng sanh.
 Các trí mỗi khác đường
 Ngoại đạo chỗ thấy thông
 Kia thấy không giải thoát
 Vì ngu si vọng tưởng.

Đây nói ngoại đạo chấp các thứ Niết-bàn đều do vọng tưởng, không có phương tiện giải thoát. Không phương tiện giải thoát là chẳng khéo giác tự tâm hiện lượng. Chẳng giác tự tâm hiện lượng thì thấy năng phược cùng sở phược. Thấy có năng phược thì có tâm đáng không, có trí đáng diệt. Thấy có sở phược thì có pháp nên đoạn, có cảnh nên lìa, nên nói là ngu. Các thứ chấp nhận mỗi người tự xưng là trí, mà thật không trí, không có lý giải thoát.

Tất cả ngoại đạo si
 Vọng thấy tác, sở tác
 Có không các loại luận

Kia ắt không giải thoát
 Phàm ngu ựa vọng tưởng
 Chẳng nghe tuệ chân thật
 Ngôn ngữ gốc ba khổ
 Chân thật diệt nhân khổ.
 Thí như bóng trong gương
 Tuy hiện mà chẳng có
 Noi gương tâm vọng tưởng
 Kẻ ngu thấy có hai
 Chẳng biết tâm và duyên
 Ất khởi hai vọng tưởng
 Rõ tâm và cảnh giới
 Vọng tưởng ắt chẳng sanh.
 Tâm ấy tức các thứ
 Xa lìa tướng sở tướng
 Sự hiện mà không hiện
 Như ngu kia vọng tưởng.

Tác là tác giả, tức là chấp nhân tướng. Sở tác tức nhân sanh ra pháp, thấy rơi vào hai loại có không, không có phần giải thoát. Bởi thức tánh muốn thấy sắc tướng nên tất cả cảnh giới có không đều là chỗ thích của giác tưởng. Ừa giác tưởng thì ắt ngu nơi chân thật. Nên nói “có phiền não thì không có trí tuệ, có trí tuệ thì không có phiền não”. Các chấp có không luống chiêu nhân quả, trọn không có sự thật, chỉ có ngôn ngữ. Nên nói “ngôn ngữ gốc ba khổ”. Nếu thấy chân thật thì các vọng chóng

dứt, liền diệt nhân khổ. Gương dụ tự tâm. Bóng dụ tất cả cảnh giới sắc tâm do tự tâm hiện ra. Tâm cùng cảnh giới tánh nó không hai, tánh không hai tức là tâm lượng. Rõ thì các thứ đều tâm, năng sở đều vọng, hiện mà không hiện, như huyễn, như điện chẳng thể có không.

Ba cõi chỉ vọng tưởng
 Nghĩa ngoài thấy không có
 Vọng tưởng các thứ hiện
 Phàm ngu không thể rõ.
 Các kinh nói vọng tưởng
 Trọn chẳng ngoài nơi tên
 Nếu lìa nơi ngôn thuyết
 Cũng không có sở thuyết.

Ba cõi chỉ vọng tưởng là, ba cõi các pháp đều do nội thức biến tương tự nên có ngoại cảnh sanh, thật không có nghĩa riêng. Kẻ ngu không thể hiểu vọng thấy các thứ. Các kinh đã nói vọng tưởng, đều nói không tánh, chỉ có danh tự. Nếu lìa danh tự thì không vọng tưởng có thể được. Vọng tưởng đã dối thì nói cũng chẳng có, không thể lại duyên nơi thánh giáo. Nên nói “chấp thuốc thành bệnh”, Như Lai dạy người thật không có nghĩa dư vậy

KINH LĂNG GIÀ TÂM AN

Thiền Sư Hàm Thị Sớ Giải

Hoà Thượng Thích Thanh Từ Việt Dịch

Thiền Viện Thường Chiếu

F- CHỈ CHÁNH GIÁC CHẲNG PHẢI PHÁP NHÂN QUẢ, NÓI LÀ SANH DIỆT, HIỂN BÀY CHÂN THƯỜNG KHÔNG CẦU, CHÓNG VƯỢT CÁC ĐỊA.

1- CHỈ PHÁP THÂN NHƯ LAI CHẲNG PHẢI NHÂN QUẢ.

- HỎI PHÁP THÂN NHƯ LAI LÀ NHÂN LÀ QUẢ.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Cúi xin vì nói Tam-miệu Tam Phật-đà (Samyak - Sam Buddha Đẳng chánh giác), con và các vị đại Bồ-tát khéo nơi Như Lai tự tánh tự giác giác tha. Phật bảo Đại Huệ: Cho ông tùy ý hỏi, ta sẽ vì ông theo chỗ hỏi mà đáp. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác là tác chẳng? Là chẳng tác chẳng? Là sự (quả) chẳng? Là nhân chẳng? Là tướng chẳng? Là sở tướng chẳng? Là thuyết chẳng? Là sở thuyết chẳng? Là giác chẳng? Là sở giác chẳng? Những câu như thế là khác hay chẳng khác?

Sắp hiển bày giác tánh Như Lai chẳng phải nhân chẳng phải quả cứu kính rành rõ thuần nhất không lỗi. Tam-miệu tam Phật-đà dịch là Đẳng chánh giác cũng dịch là Chánh biến tri. Như Lai, Ứng cúng, Đẳng Chánh Giác là ba trong mười hiệu. Ở đây hỏi về Pháp thân Như Lai nêu ba tức gồm nhiều hiệu. Chữ tác là nghĩa tu khởi. Chỗ y cứ khởi tạo tác là nhân, việc tạo tác thành hình là quả. Chữ sự là quả. Nhân tướng là tướng, quả tướng là sở tướng. Thuyết là người nói, sở thuyết là lý nói ra. Giác là người tri giác, sở giác là cảnh sở tri. Những câu như thế là khác hay chẳng khác, là tác cùng chẳng tác v.v... Nay điệp chấp đều thành bốn câu. Bởi vì muốn hiển bày Pháp thân là tứ cú cứu kính rành rõ.

- CHỈ PHÁP THÂN NHƯ LAI CHẴNG PHẢI NHÂN QUẢ XA LÀ TỨ CÚ.

Phật bảo Đại Huệ: Như Lai, Ứng cúng, Đẳng chánh giác, đối những câu như thế chẳng phải sự chẳng phải nhân. Vì có sao? Vì đều có lỗi vậy. Đại Huệ! Nếu Như Lai là sự thì hoặc tác hoặc vô thường. Vì vô thường nên tất cả sự ứng là Như Lai, đều là chỗ chẳng muốn của ta và chư Phật. Nếu chẳng phải sở tác thì không sở đắc, là phương tiện ắt không, đồng với sừng thỏ và con thạch nữ, vì không thật có. Đại Huệ! Nếu không sự không nhân thì chẳng phải có chẳng phải không. Nếu chẳng phải có chẳng phải không thì ra ngoài tứ cú. Tứ cú thuộc về ngôn thuyết của thế gian. Nếu ra ngoài tứ cú thì chẳng rơi vào tứ cú. Vì chẳng rơi vào tứ cú nên người trí nhận giữ. Tất cả cú nghĩa của Như Lai cũng như thế, người tuệ nên biết.

Tóm hết các câu hỏi trên không ra ngoài hai nghĩa nhân và quả. Cho nên chỉ nêu sự và nhân để rõ tự tánh Pháp thân Như Lai chẳng phải nhân chẳng phải quả. Nếu là sự thì do tạo ra, mà Vô thường chánh chân chẳng đồng với pháp tu tạo vô thường ở thế gian. Nếu chẳng phải tác thì ngại không được, mà tự tánh trang nghiêm là chướng hiển bày vô lượng công đức vi diệu, chẳng phải là nghĩa rỗng không. Cho nên biết, chẳng phải sở tác, ấy là không sự. Nhưng chẳng phải chẳng tác thì, phương tiện đạt được phải do nhân mà rõ. Song, giác thể sẵn có là từ liễu nhân được, chẳng phải từ sanh nhân mà được, ấy là không nhân. Không sự (quả) không nhân thì có không chẳng mắc, tứ cú chóng lìa. Tứ cú đã lìa là chỗ tất cả ngôn thuyết chẳng đến, cú nghĩa thanh tịnh người trí chứng được. Kinh Đại Bát Niết-bàn nói: “Phật tánh tuy có mà chẳng đồng hư

không. Vì có sao? Vì hư không ở thế gian tuy dùng vô lượng phương tiện khéo léo mà không thể thấy được, còn Phật tánh có thể thấy. Thế nên tuy có, chẳng phải như hư không. Phật tánh tuy không mà chẳng đồng với sừng thỏ. Vì có sao? Vì lông rùa sừng thỏ tuy dùng vô lượng phương tiện khéo léo cũng không thể được sanh. Phật tánh có thể sanh, thế nên tuy không mà chẳng đồng với sừng thỏ”. Đây là mật chỉ về Phật tánh vi diệu, chỉ hàng chân thánh tự ở trong chứng được. Như thế, thể tánh chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải nhân chẳng phải quả, ra ngoài độ lượng, nên như thế mà biết. Bàn đại dịch là thạch nữ. Bàn đại tử là con thạch nữ.

- CHỈ PHÁP THÂN CHÂN NGÃ THƯỜNG LẶNG LẼ.

Như ta đã nói tất cả pháp vô ngã. Phải biết nghĩa này không ngã tánh nói là vô ngã. Tất cả pháp có tự tánh không tha tánh, như trâu ngựa. Đại Huệ! Thí như chẳng phải trâu là ngựa, chẳng phải ngựa là trâu, kỳ thật chẳng phải có chẳng phải không, kia chẳng phải không tự tánh. Như thế, Đại Huệ! Tất cả các pháp chẳng phải không tự tướng. Có tự tướng ấy, nhưng chẳng phải chỗ hay biết của hàng vô ngã, ngu phu, vì vọng tưởng vậy. Như thế, tất cả pháp không, vô sanh, không tự tánh nên biết như thế.

Như Lai nói tự tánh Pháp thân chẳng phải nhân chẳng phải quả, mà chẳng phải đoạn diệt. Cho nên ở đây lại dẫn câu pháp vô ngã để hiển bày Như Lai chân ngã. Bởi Như Lai tự tánh chân ngã thường bị pháp ngã che đậy, nên nói tất cả pháp vô ngã. Cốt để hiển tự tánh Pháp thân chân như tự tướng. Nếu thấy tự tánh Pháp thân chân như tự tướng thì càng biết tất cả pháp chân như tự tướng trong ngoài không chướng, trong treo

thường lặng lẽ. Tất cả các pháp do tự tâm hiện ra, bởi tự tâm hiện nên tất cả các pháp đều không ngã tánh, cho nên nói vô ngã, hiện ra chỉ tại tâm. Tức là tất cả pháp có tự tánh, không tha tánh. Song không tha tánh tức là không ngã tánh. Bởi thế tất cả pháp nói vô ngã, vì tất cả pháp do tự tâm nên nói không tha tánh. Cho nên phàm nói tất cả pháp không, vô sanh, không tự tánh đều không có ý chỉ khác. Nên nói “chỉ có chân thức lại không có thức khác”. Đây là chỗ đến tột của người giác tự tâm hiện lượng vậy. Tánh ngựa không phải trâu, tánh trâu không phải ngựa, để dụ không tha tánh chẳng phải không tự tánh. Không tha thì chẳng phải có, có tự thì chẳng phải không. Chẳng phải có chẳng phải không chân như tự tướng chỉ bậc chân thánh tự chứng ở trong, kẻ ngu phu phân biệt không có phần vậy.

-CHỈ PHÁP THÂN ĐỐI HIỆN PHI MỘT PHI KHÁC.

Như thế, Như Lai cùng ám chẳng phải khác, chẳng phải chẳng khác. Nếu chẳng khác ám thì ượng vô thường; nếu khác ám thì phương tiện át không; nếu hai thì ượng có khác. Như sừng trâu tương tự nên chẳng khác, dài ngắn sai biệt nên có khác, tất cả pháp cũng như thế. Đại Huệ! Như trâu sừng bên phải khác sừng bên trái, sừng bên trái khác sừng bên phải. Như thế dài ngắn các thứ sắc mỗi mỗi khác. Đại Huệ! Như Lai đối ám, giới, nhập chẳng phải khác, chẳng phải chẳng khác.

Đây hiển bày Pháp thân đối hiện chẳng phải một chẳng phải khác, chẳng phải chỗ biết của phàm ngu. Từ đây về sau thấy đều do thấy Như Lai tự tánh chân ngã, đồng với Báo, Hóa vượt phược (phàm phu) và thoát (Nhị thừa), đồng trí và chướng, tự tánh Niết-bàn ra khỏi số lượng. Ám tức chỉ sắc thân Như Lai. Nghĩa là Pháp thân cùng sắc thân chẳng phải một chẳng phải khác.

Nếu một thì sắc thân diệt Pháp thân cũng ưng diệt, diệt thì vô thường. Nếu hai thì Pháp thân do phương tiện đạt được thấy đều không, vô nghĩa. Song, thân ngàn trượng Lô-xá-na (báo thân) và tất cả vô lượng ứng hóa tướng tốt vẻ đẹp thật có đối hiện. Nên nói “diệt sắc vô thường được chân sắc thường trụ”. Sừng trâu giống nhau dụ một. Dài ngắn sai biệt dụ hai. Nhưng thấy đều gọi là sừng trâu chẳng phải một chẳng phải khác. Cho nên nói “Như Lai đối ẩm, giới, nhập cũng chẳng phải một chẳng phải khác”.

- CHỈ PHÁP THÂN VÀ GIẢI THOÁT CHẲNG PHẢI MỘT CHẲNG PHẢI KHÁC.

Như thế, Như Lai và giải thoát chẳng phải khác chẳng phải khác. Như thế, Như Lai lấy giải thoát gọi tên. Nếu Như Lai khác giải thoát thì ưng thành sắc tướng, vì thành sắc tướng nên vô thường. Nếu chẳng khác thì người tu hành được tướùng nên không có phân biệt. Song người tu hành thấy phân biệt. Thế nên, chẳng phải khác chẳng phải khác.

Niết-bàn có ba đức: Pháp thân, giải thoát, bát-nhã, như chữ y (0o0) có ba điểm, chẳng ngang chẳng dọc. Song ở đây nói Pháp thân cùng giải thoát chẳng phải một chẳng phải khác. Bởi vì Như Lai do giải thoát được tên. Nếu khác thì Pháp thân Như Lai đã chứng giải thoát đồng với sắc tướng, ưng là vô thường. Đâu biết rằng Pháp thân Như Lai tức là giải thoát, giải thoát tức là Pháp thân, thanh tịnh không nhớ, thể không có hai. Nếu chẳng khác thì người tu hành năng chứng sở chứng ưng không sai biệt, mà thấy có sai biệt. Như thập chân như, hàng Sơ địa đã đạt, mà đối với chứng hạnh vẫn chưa viên mãn. Vì khiến họ viên mãn nên sau lại dựng

lập mỗi địa, mỗi địa có cạn sâu sai biệt thấy khác. Thế nên chẳng phải một chẳng phải khác.

- CHỈ TRÍ CHƯỞNG CHẲNG PHẢI MỘT CHẲNG PHẢI KHÁC.

Như thế, trí và sở tri chẳng phải khác, chẳng phải chẳng khác. Đại Huệ! Trí và sở tri chẳng phải khác, chẳng phải chẳng khác ấy, là phi thường, phi vô thường, phi tác, phi sở tác, phi hữu vi, phi vô vi, phi giác, phi sở giác, phi tướng, phi sở tướng, phi âm, phi khác âm, phi thuyết, phi sở thuyết, phi một, phi khác, phi đồng, phi chẳng đồng. Vì phi một, phi khác, phi đồng, phi chẳng đồng nên đều là tất cả lượng.

Trước nói Pháp thân cùng giải thoát chẳng phải một chẳng phải khác. Ở đây nói Pháp thân cùng bát-nhã chẳng phải một chẳng phải khác. Song lại nói bát-nhã (trí) cùng sở tri chẳng phải một chẳng phải khác ấy, vì bát-nhã là thủy giác từ Pháp thân bản giác mà sanh, nói thủy thì cùng với bản không khác. Nếu sở tri chượng đến thập nhất địa vẫn còn có hai phần ngu cực vi tế, đến Diệu giác Phật địa mới hay trừ sạch. Đó là trí cùng chượng phân rõ có hai. Lại nói chẳng phải một chẳng phải khác ấy, bởi vì là trí không chượng, là chượng không trí, pháp không có ngã tánh nơi đây càng rõ. Song Như Lai tự tánh chân ngã là tứ cú vượt tất cả số lượng, chẳng phải chỗ biết của tư lượng. Kèm nói tác phi tác v.v... đều là lặp lại lời hỏi trước để nhiếp hết trong là tứ cú.

- TỔNG KẾT PHÁP THÂN LÀ CÁC CĂN LƯỢNG GỒM TỤNG.

Là tất cả lượng thì không ngôn thuyết, không ngôn thuyết thì vô sanh. Vô sanh thì không diệt, không diệt thì

tịch diệt. Tịch diệt thì tự tánh Niết-bàn. Tự tánh Niết-bàn thì không sự không nhân. Không sự không nhân thì không phan duyên (vin theo). Không phan duyên thì ra ngoài tất cả hư ngụy. Ra ngoài tất cả hư ngụy tức là Như Lai. Như Lai tức là Tam-miêu Tam Phật-đà (Samyak-Sam Buddha Đẳng chánh giác). Đại Huệ! Ấy gọi là Tam-miêu Tam Phật-đà Phật-đà. Đại Huệ! Tam-miêu Tam Phật-đà Phật-đà ấy, là lìa tất cả căn lượng.

Đây là kết tự tánh Pháp thân Như Lai vượt qua tất cả số lượng, tự chứng được ở trong, tất cả danh ngôn đều chẳng phải thể của nó. Người chứng được thể này mới biết sanh diệt đều không, chỉ có tịch tĩnh, nên nói “tự tánh Niết-bàn”. Tự tánh Niết-bàn chẳng phải nhân chẳng phải quả, hết các động niệm, dứt tâm tư tưởng, tốt mé gốc vô minh, cứu kính giải thoát không có hư ngụy, là chân Pháp thân, là bình đẳng thân, hằng lìa tất cả cảnh giới các căn. Như Lai nơi hội Bát Niết-bàn khắp bảo đại chúng rằng: “Ta dùng Bát-nhã sâu xa xem khắp tam giới tất cả lục đạo, các núi bể cả, quả đất, hàm sanh. Như thế tam giới căn bản tánh lìa, cứu kính tịch diệt đồng với tướng không, không tên, không biết, hằng đoạn các hữu, xưa nay bình đẳng không có tướng cao thấp, không thấy không nghe không giác, không tri, không thể trói buộc, không thể giải thoát, không chúng sanh không thọ mạng, chẳng sanh, chẳng khởi chẳng tận chẳng diệt, chẳng phải thế gian chẳng phải chẳng thế gian. Niết-bàn sanh tử đều không thể được, hai bên bình đẳng. Vì các pháp bình đẳng nên ở yên lặng lẽ, không có chỗ thi vi, cứu kính an ổn, hẳn không thể được. Từ pháp vô trụ mà pháp tánh thi vi đoạn tất cả tướng, một không thể có. Pháp tướng như thế, kẻ biết được nó gọi là người xuất thế. Không biết việc ấy gọi là gốc sanh tử”. Đây chính là Như Lai tự tánh giải thoát

cùng tất cả pháp đồng trụ chân như bản tế, trong ngoài
hằng lìa tất cả lỗi lầm. Tất cả chúng sanh cũng đồng đủ
cái này, chỉ vì khách nhiễm che lấp, một niệm giác biết
tức đồng sẵn được.

Khi ấy, Thế tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói
kệ:

Thảy lìa các căn lượng Không sự cũng không nhân
Đã lìa giác sở giác Cũng lìa tướng sở tướng
Ấm duyên đẳng chánh giác Một, khác chớ hay thấy
Nếu không có thấy đó Làm sao mà phân biệt.

Phi tác phi bất tác Phi sự cũng phi nhân

Phi âm phi tại âm Cũng phi có dư tập

Cũng phi có các tánh Như kia vọng tưởng thấy

Nên biết cũng phi vô Pháp này pháp cũng thế.

Đây là tổng tụng Pháp thân lìa nhân quả, năng sở, căn
khí một khác tứ cú. Không có thấy lìa ấy, cũng không
pháp tự tánh, cũng lại phi không pháp, khá gọi thật
được pháp thể. Ngộ đây sẽ lặng lẽ tự hết.

Bởi có nên có không Bởi không nên có có

Nếu không chẳng nên tho Nếu có chẳng nên tưởng.

Hoặc nơi ngã phi ngã Ngôn thuyết lượng không dứt

Chìm đắm ở hai bên Tự hoại hoại thế gian

Giải thoát tất cả lỗi Chính quán sát ngã thông

Ấy gọi là chánh quán Chẳng hủy đại Đạo sự.

Nếu không chẳng nên thọ, nếu có chẳng nên tưởng là,
không thì cứu kính không chẳng nên lại không, có thì

xưa nay có chẳng nên lại có, bởi có không đối đãi nhau, tánh chẳng có không. Chẳng đạt ngã thông thì không có chánh kiến, mắc kẹt hai bên tự hoại hoại người, chệch bại Như Lai, đâu còn gì hơn kẻ này. Thế Tôn thường bảo: “Nếu nói có đó, người trí chẳng nên nhiễm; nếu nói không đó, tức là vọng ngữ. Nếu nói có đó chẳng nên lặng thinh, cũng chẳng nên hý luận tranh tụng”. Ý chỉ này tế nhị thay!

2- CHỈ PHÁP THÂN NHƯ LẠI CHẴNG SANH CHẴNG DIỆT LÀ NGÔN THUYẾT.

- CHỈ PHÁP THÂN NHƯ LẠI CHẴNG PHẢI KHÔNG TÁNH.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Như Thế Tôn nói kinh “Nhiếp thọ chẳng sanh chẳng diệt”. Lại, Thế Tôn nói chẳng sanh chẳng diệt là tên khác của Như Lai. Thế nào Thế Tôn là không tánh nên nói chẳng sanh chẳng diệt, cho là tên khác của Như Lai? Phật bảo Đại Huệ: Ta nói tất cả pháp chẳng sanh chẳng diệt các loại có không chẳng hiện. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Nếu tất cả pháp chẳng sanh thì, pháp nhiếp thọ không thể được, vì tất cả pháp chẳng sanh. Nếu trong danh tự có pháp, cúi xin Thế Tôn vì nói. Phật bảo Đại Huệ: Lành thay, lành thay! Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, ta sẽ vì ông phân biệt giải nói. Đại Huệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Ta nói Như Lai chẳng phải không tánh, cũng chẳng phải chẳng sanh chẳng diệt nhiếp tất cả pháp, cũng chẳng đọa duyên nên chẳng sanh chẳng diệt, cũng chẳng phải vô nghĩa.

Đây là nhằm ngoài tự tâm hiện lượng chấp tất cả pháp chẳng sanh chẳng diệt, lấy đó khởi nạn. Bởi vì người theo danh mất nghĩa nên Phật vì phát minh. Trong Kinh

kiến lập tất cả pháp chẳng sanh chẳng diệt là vì không tánh nên nói, chẳng vì có tánh nói. Lại nói là tên khác của Như Lai thì chẳng phải không tánh. Ấy là hiện rơi vào có tánh mà nói không pháp thì có không đều đọa. Đây là ý nạn của Đại Huệ. Thế Tôn bảo: Ta nói tất cả pháp chẳng sanh chẳng diệt những loại có không chẳng hiện. Đại Huệ không biết từ tự tâm hiện lượng nói chẳng sanh chẳng diệt chóng vượt có không mà cho là tất cả pháp đã không sanh diệt không ưng lại nhiếp thuộc có pháp. Nếu bảo tên khác của Như Lai, tên ấy có nghĩa, ấy là nhiếp thuộc có pháp. Cho nên Thế Tôn lại bảo: Ta nói Như Lai chẳng phải không tánh. Mới biết tâm lượng bản hữu chẳng đồng sừng thỏ, y nghĩa bất giác dường như các pháp hiện, vốn không có sanh cũng không có chỗ diệt. Chẳng sanh diệt này là nói pháp không tự tánh. Chẳng phải nói thấy không các pháp, chẳng nên nhiếp thuộc có, lại đợi duyên hết mới thấy không sanh. Cũng chẳng phải vô nghĩa là, nói nghĩa tự tâm như thật chẳng sanh, chẳng giác nghĩa tự tâm như thật chẳng sanh, chỉ đến trên danh cú chẳng sanh chẳng diệt vọng chấp không tánh, chẳng ưng nhiếp thuộc về có, tức là có chữ mà không nghĩa. Cho nên văn sau bàn rộng vậy.

- CHỈ PHÁP THÂN NHƯ LAI CHÍNH KHI SANH MÀ VÔ SANH.

Đại Huệ! Ta nói ý sanh Pháp thân danh hiệu Như Lai. Chẳng sanh kia là chẳng phải cảnh giới của tất cả ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát thất trụ. Đại Huệ! Chẳng sanh kia là dị danh của Như Lai. Đại Huệ! Thí như Nhân-đà-la Thích-ca, Bất-lan-đà-la những vật như thế, mỗi mỗi vật đều có nhiều tên, cũng chẳng phải có nhiều tên mà có nhiều tánh, cũng chẳng phải không tự tánh.

Đây tức sanh nói vô sanh để hiển ý chỉ thâm mật, vẫn không nên theo danh mất nghĩa. Bởi ý sanh Pháp thân tức là chẳng sanh, nên nói dị danh Như Lai. Nghĩa chẳng sanh này chẳng phải cảnh giới của Nhị thừa và hàng Thất địa. Thất địa về trước chỉ hết nhân sanh, chớ chẳng đạt được tự tánh vô sanh của Như Lai. Tự tánh vô sanh của Như Lai là chân như bình đẳng, tùy chỗ tùy thời không có tướng khởi diệt. Chẳng phải duyên hết mới hiện, cho nên chăưng kẹt nơi vô sanh sở liễu năng liễu. Nhân-đà-la Thích-ca, Bát-lan-đà-la đều là dị danh của Đấng Thích. Chẳng phải do nhiều tên mà có nhiều tánh là, thể một mà tên khác. Cũng chẳng phải không tự tánh là, nhiều tên dùng để nói một thể, lại phải nhân tên mà được thể.

- CHỈ PHÁP THÂN NHƯ LAI TÊN KHÁC THỂ MỘT.

Như thế, Đại Huệ! Ta ở thế giới Ta-bà này, trải ba a-tăng-kỳ có trăm ngàn danh hiệu. Kẻ ngu thấy đều nghe, mỗi người nói tên ta mà không hiểu ta, ấy là dị danh Như Lai. Đại Huệ! Hoặc có chúng sanh biết ta là Như Lai, có chúng sanh biết ta là Nhất thiết trí, có chúng sanh biết ta là Phật, có chúng sanh biết ta là Cứu thế, có chúng sanh biết ta là Tự giác, có chúng sanh biết ta là Đạo sư, có chúng sanh biết ta là Quảng đạo, có chúng sanh biết ta là Nhất thiết đạo, có chúng sanh biết ta là Tiên nhân, có chúng sanh biết ta là Phạm, có chúng sanh biết ta là Tỳ-nữu, có chúng sanh biết ta là Tự tại, có chúng sanh biết ta là Thắng, có chúng sanh biết ta là Ca-tỳ-la, có chúng sanh biết ta là Chân Thật Biên, có chúng sanh biết ta là Nguyệt, có chúng sanh biết ta là Nhật, có chúng sanh biết ta là Vương, có chúng sanh biết ta là Vô sanh, có chúng sanh biết ta là Vô diệt, có chúng sanh biết ta là Không, có chúng sanh

biết ta là Như như, có chúng biết ta là Đế, có chúng biết ta là Thật tế, có chúng biết là Pháp tánh, có chúng biết là Niết-bàn, có chúng biết là Thường, có chúng biết là Bình đẳng, có chúng biết là Bất nhị, có chúng biết là Vô tướng, có chúng biết là Giải thoát, có chúng biết là Đạo, có chúng biết là Ý sanh. Đại Huệ! Trải qua ba a-tăng-kỳ có trăm ngàn danh hiệu như thế, chẳng thêm chẳng bớt, thế giới này và thế giới khác thảy đều biết ta, như mặt trăng trong nước chẳng ra chẳng vào.

Như Lai ở cõi nước ta-bà có đến vô lượng trăm ngàn dị danh tùy tâm chúng sanh ứng với lượng sở tri, mỗi chúng có lời khác, mà không biết nghĩa tự tánh chân thật Như Lai như trăng trong nước, chẳng ra chẳng vào chẳng phải có chẳng phải không. Chẳng hiểu dị danh của Như Lai là tất cả chúng sanh chỉ biết tức nơi danh nhận nghĩa, mà chẳng hiểu Như Lai tuy có nhiều danh chỉ nói lên một thể. Nên nói tự tánh thanh tịnh Như Lai, chỉ chúng tương ứng, chẳng phải danh nói đến được. Như trăng trong nước chẳng thể nói có không, không thể nói xa gần, không thể chỉ bày, không thể độ lượng, thật chẳng phải không tánh, mà chẳng rơi vào số lượng có không.

Các kẻ ngu kia không thể biết ta, vì rơi vào hai bên. Song thấy cung kính cúng dường nơi ta, mà không khéo hiểu biết câu lời nghĩa thú chẳng phân biệt được danh, chẳng hiểu tự thông. Chấp trước các thứ ngôn thuyết chương cú, nơi chẳng sanh diệt khởi tướng vô tánh. Chẳng biết danh hiệu sai biệt của Như Lai, biết Nhân-đà-la Thích-ca, Bất-lan-đà-la mà chẳng hiểu tự thông, hội qui về chỗ tột cùng, nơi tất cả pháp tùy chỗ chấp trước.

Kẻ ngu không biết tự tánh Pháp thân Như Lai vọng thấy có không đấng trước nơi danh tự, mà đối với câu tất cả pháp chẳng sanh diệt, khởi tưởng không tánh. Đây chính là chẳng hiểu tự thông vọng chấp tất cả pháp là chẳng sanh diệt. Tất cả danh hiệu đều nói một thể, nhân danh đạt thể, đạt thể thì lìa lời nói. Nên nói hội quy về chỗ tột cùng. Chẳng rõ nghĩa này chỉ nơi danh thuyết riêng sanh lý thú, luống thêm đa văn tăng trưởng ngã kiến.

- CHỈ PHÁP THÂN NHƯ LAI LÀ LỜI NÓI HIỂN CHÂN THẬT.

+ CHỈ NGHĨA CHÂN PHÁP THÂN CHẴNG RƠI VÀO VĂN TỰ.

Đại Huệ! Những người si kia nói thế này “Nghĩa như lời nói, nghĩa lời không khác. Vì có sao? Vì nghĩa không có thân, ngoài ngôn thuyết lại không có nghĩa khác, chỉ dừng nơi ngôn thuyết”. Đại Huệ! Kia bị trí ác thiêu đốt chẳng biết tự tánh ngôn thuyết, chẳng biết ngôn thuyết sanh diệt, nghĩa chẳng sanh diệt. Đại Huệ! Tất cả ngôn thuyết rơi vào văn tự, nghĩa thì chẳng rơi, vì lìa tánh phi tánh, không thọ sanh cũng không thân. Đại Huệ! Như Lai chẳng nói pháp rơi trong văn tự, vì văn tự có không không thể được, trừ chẳng rơi vào văn tự.

Đây nói người ngu si chẳng đạt tự tánh chân nghĩa, bảo nghĩa không thể tánh, mà lấy ngôn thuyết làm cảnh giới giác tưởng sở hành cho là tột các nghĩa vị. Cho nên nói “chỉ dừng nơi ngôn thuyết”. Đây không những là chẳng biết nghĩa, mà cũng chẳng biết tự tánh ngôn thuyết. Ngôn thuyết y nơi nghĩa vốn không tự thể là tánh sanh diệt. Nên nói “ngôn thuyết tự tánh”. Nghĩa lìa ngôn thuyết tánh chẳng phải sanh diệt, chẳng thuộc có

không. Đã lìa sanh diệt có không cũng lìa cái lìa. Kinh Viên Giác nói: “Biết là không hoa liền không luân chuyển, cũng không thân tâm thọ cái sanh tử kia”. Tức ở đây nói “không thọ sanh cũng không thân”. Lại Viên Giác nói: “Cái tri giác kia vẫn như hư không, biết hư không ấy tức là tướng không hoa, cũng không thể nói không có tánh tri giác”. Tức ở đây nói “trừ chẳng rơi vào văn tự”. Tự tánh Pháp thân Như Lai không sanh không thân, chẳng rơi trong văn tự, mà chẳng phải không chẳng rơi. Kẻ ngu si không trí chẳng phân biệt thuyết và nghĩa, vọng tự đắm trước, là đáng thương xót vậy.

+ - CHỈ NHƯ' LAI KIẾN LẬP NGÔN THUYẾT VÌ DẸP NGÔN THUYẾT.

Đại Huệ! Nếu có người nói rằng “Như Lai nói pháp rơi vào văn tự”, người này ắt vọng ngữ, vì pháp lìa văn tự. Thế nên, Đại Huệ! Chư Phật chúng ta và các vị Bồ-tát không nói một chữ chẳng đáp một chữ. Vì có sao? Vì pháp lìa văn tự, chẳng phải không nói nghĩa lợi ích. Ngôn thuyết là vọng tưởng của chúng sanh. Đại Huệ! Nếu chẳng nói tất cả pháp thì giáo pháp ắt hoại. Giáo pháp hoại thì không có chư Phật, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn, nếu không thì ai nói và vì ai?

Như Lai nói ra đều vì nghĩa, mượn ngôn thuyết để vào đệ nhất nghĩa. Tức nơi ngôn thuyết nói đệ nhất nghĩa rời ngôn thuyết. Cho nên từ thành Phật cho đến Niết-bàn, ở trong khoảng giữa ấy, Phật chẳng nói một chữ. Nghĩa là không một lời rơi vào tướng văn tự, mà chẳng phải không nhằm lợi ích chúng sanh vì phân biệt nói. Nếu không nhằm lợi ích chúng sanh phân biệt nói thì hàng Nhị thừa, Bồ-tát kia từ đâu dựng lập vào nghĩa chân thật. Như thế thì thánh giáo diệt hoại, ai dạy cho ai ư? Cho nên biết tất cả ngôn thuyết đều không có thật

pháp, vì đệ nhất nghĩa mà có nói bày. Do thuyết mà nhập nghĩa, nghĩa hiển thì thuyết là. Thuyết tức không thuyết, chỉ tức không chỉ. Cho nên nói “chư Phật Bồ-tát không nói một chữ”.

Thế nên, Đại Huệ! Đại Bồ-tát chớ kẹt ngôn thuyết, tùy nghi phương tiện rộng nói kinh pháp. Vì hy vọng phiền não của chúng sanh chẳng phải một, nên ta và chư Phật tùy các thứ hiểu biết sai khác của chúng sanh mà nói các pháp, khiến là tâm ý ý thức, chẳng phải vì được chỗ tự giác thánh trí.

Đây là dạy bảo Bồ-tát tùy căn thức chúng sanh rộng nói kinh pháp, chẳng nên mắc nơi ngôn thuyết. Nếu có nói ra đều nhân các thứ hy vọng, các thứ phiền não, các thứ hiểu khác của chúng sanh, mà vì phá trừ. Khiến họ là cái hư vọng từ vô thủy, chuyển tâm ý ý thức, tự biết tự chứng. Quyết không có nói chỉ bày chỗ tự giác thánh trí. Bởi vì tự giác thánh trí là tướng ngôn thuyết, là tướng tâm duyên, tự chứng được ở bên trong, chẳng phải chỗ hiển bày của vọng tưởng ngôn thuyết. Cho nên biết, chư Phật nói pháp như thầy thuốc trị bệnh, chỉ có phương pháp dẹp trừ bệnh nhậm, mà không có phương pháp làm tăng thêm ánh sáng. Thuyết cùng với nghĩa có tánh hay không tánh rõ ràng tự thấy.

Đại Huệ! Đối tất cả pháp không thật có, giác tự tâm hiện lượng, là hai thứ vọng tưởng. Các vị đại Bồ-tát y nơi nghĩa chẳng y văn tự. Nếu người thiện nam thiện nữ y văn tự là tự hoại đệ nhất nghĩa, cũng không thể giác ngộ cho người, rơi vào ác kiến tương tục mà vì chúng nói, chẳng khéo rõ biết tất cả pháp, tất cả địa, tất cả tướng, cũng chẳng biết chương cú. Nếu người khéo biết tất cả pháp, tất cả địa, tất cả tướng, thông đạt chương cú, đầy đủ tánh nghĩa thì họ hay dùng chánh

lạc vô tướng mà tự vui thích, bình đẳng đại thừa, dựng lập cho chúng sanh.

Trước nói ngôn thuyết chẳng vì được chỗ tự giác thánh trí. Ở đây nói người được tự giác thánh trí thâm đạt pháp tướng, có dựng lập ra tự nhiên chẳng rơi vào cảnh giới văn tự vọng tưởng. Phàm văn tự hay làm ngu người là, nói ra tất cả pháp theo cảnh giới có, không vọng tưởng. Nếu đạt tất cả pháp không có tự tánh đều duy tâm hiện, là cảnh giới vọng tưởng của hai thứ có không thì chỗ chỉ của văn tự phải xem thế nào? Cho nên y văn tự thì không thể nói đệ nhất nghĩa, mà trái lại hay hoại đệ nhất nghĩa. Bởi không khéo rõ biết tất cả pháp, tất cả địa, tất cả tướng, chân như bản tế, thì cũng không thể biết chương cú của thánh giáo. Vì thế, dựng lập tất cả pháp, tất cả địa, tất cả tướng đều là tướng hiển bày đầy đủ tánh nghĩa. Mới tin thánh giáo ly ngôn, chỉ vì dẹp trừ hý luận, riêng nêu duy tâm, bên trong tự chứng hiện trụ nơi pháp lạc, bên ngoài dựng lập bình đẳng nhất thừa. Sở hành của tự giác thánh trí này, Như Lai vì Bồ-tát y nghĩa dạy bảo thâm thiết, đâu phải cạn cợt ư?

Này Đại Huệ! Nhiếp thọ đại thừa thì nhiếp thọ chư Phật, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn. Nhiếp thọ chư Phật, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn thì nhiếp thọ tất cả chúng sanh. Nhiếp thọ tất cả chúng sanh thì nhiếp thọ chánh pháp. Nhiếp thọ chánh pháp thì giống Phật chẳng dứt. Giống Phật chẳng dứt thì hay rõ biết được chỗ vào thù thắng. Biết được chỗ vào thù thắng là hàng đại Bồ-tát thường được hóa sanh, dựng lập đại thừa mười sức tự tại, hiện các sắc tượng, thông đạt các tướng phiền não, hy vọng, hình loại của chúng sanh, nói pháp như thật. Như thật là, chẳng khác, như thật là, tướng chẳng đến

chẳng đi, tất cả hư ngụy đều dứt, ấy gọi là như thật. Đại Huệ! Người thiện nam thiện nữ chẳng nên nhiếp thọ theo lời nói mà chấp trước. Vì chân thật là lìa văn tự.

Đại thừa tức là pháp tự giác thánh trí nhất thừa. An trụ tự giác thánh trí nhất thừa tức là chỗ nhiếp thọ của chư Phật, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn. Bởi vì tự giác thánh trí này là chỗ xuất sanh chư Phật, Bồ-tát. Nếu hay an trụ tức cùng chư Phật, Bồ-tát đồng thể nhiếp nhập; cũng hay nhiếp thọ chúng sanh, chúng sanh y đó mà được lợi lạc; cũng hay nhiếp thọ chánh pháp, chẳng bị tất cả thế luận làm dao động, tất cả ngoại đạo không tìm được chỗ dở, nắm giữ đệ nhất nghĩa pháp ấn tự tánh Như Lai, tức là giống Phật chẳng dứt. Đệ nhất nghĩa tâm tự tánh này tức là tất cả chỗ thù thắng. Nên nói “được đại tổng trì”. Được đại tổng trì tự nhiên tùy chỗ hóa sanh, dựng lập đại thừa, thành tựu thập lực, đối hiện sắc thân tùy phiền não chúng sanh mà vì cứu giúp, dùng pháp vị như thật vô tướng an trụ điều phục, dứt các hý luận. Cho nên răn người tu hành không nên nhiếp thọ ngôn thuyết, chỉ phải nhiếp thọ chân thật. Đây là lìa văn tự mà được, chẳng phải cảnh giới giác tưởng. Người trí đối chỗ này nên phải tự nhận.

Đại Huệ! Như vì kẻ ngu lấy ngón tay chỉ vật, kẻ ngu nhìn ngón tay mà chẳng thấy vật thật. Như thế kẻ ngu theo ngôn thuyết chỉ bày rồi nhiếp thọ chấp trước, rốt cùng chẳng bỏ, trọn không được đệ nhất thật nghĩa lìa ngôn thuyết chỉ ra. Đại Huệ! Thí như đứa bé nên cho thức ăn chín, không nên cho thức ăn sống. Nếu cho thức ăn sống khiến nó phát cuồng, vì không biết phương tiện thứ tự làm cho chín. Đại Huệ! Chẳng sanh chẳng diệt như thế, nếu chẳng có phương tiện tu hành

tức là chẳng khéo. Thế nên phải khéo phương tiện tu hành, chớ theo lời nói như xem ngón tay.

Đây lại nói phải lìa ngôn thuyết được đệ nhất nghĩa. Ngón tay dụ ngôn thuyết. Vật dụ đệ nhất nghĩa. Nghĩa là đệ nhất nghĩa do ngôn thuyết mà vào chẳng phải ngôn thuyết là đệ nhất nghĩa, cũng chẳng phải sở thuyết là đệ nhất nghĩa. Nếu y ngôn thuyết khởi cảnh giới vọng tưởng giác đó là chấp sâu dày. Khiến người phát cuồng tức là cho cảnh giới vọng giác làm đệ nhất nghĩa, mất trí phương tiện, tự làm làm lầm người. Như nói “tất cả pháp chẳng sanh”, đây là ngôn thuyết. Tự phải phương tiện quán sát pháp nào chẳng sanh, tại sao chẳng sanh? Dùng phương tiện quán sát liền biết tất cả pháp chỉ tự tâm hiện ra. Mê tự tâm thì vọng thấy hiện ra, hiện nhân mê thấy chẳng có pháp thật. Giác tự tâm lượng thì mê vọng liền dứt, tất cả chẳng phải riêng có, trọn không có lấy bỏ. Chỗ không lấy bỏ ấy là tự tánh chân như, trong ngoài lặng lẽ, tức là đệ nhất thật nghĩa. Đây là khéo phương tiện tu vậy. Nếu nghe “tất cả pháp chẳng sanh” liền trên tất cả pháp phân tích thành vi trần đến không có gì, ấy cũng thuộc tướng khác của vọng tưởng. Bởi vì nơi không chấp có, lại nơi có chấp không, thấy đều đối pháp như thật riêng khởi cảnh giới, ấy là tướng khác. Cho đến nghe nói “tâm lượng” rồi dùng vọng tưởng giác, giác nơi tự tâm chấp là sâu kín, cũng đều do vọng hiện vọng, chẳng lìa vọng tưởng. Y ngôn thuyết mà chấp như xem ngón tay. Cho nên trên có dụ thức ăn sống, nếu không có phương tiện trở lại thêm lớn bệnh cuồng.

Thế nên, Đại Huệ! Nơi nghĩa chân thật phải phương tiện tu. Nghĩa chân thật là lặng lẽ vi diệu, là nhân Niết-bàn. Còn ngôn thuyết là do vọng tưởng hiệp. Vọng tưởng là

do gom hợp sanh tử. Đại Huệ! Nghĩa chân thật là từ người đa văn mà được. Đại Huệ! Đa văn là giỏi về nghĩa, chẳng phải giỏi về ngôn thuyết. Giỏi nghĩa là không theo các kinh luận ngoại đạo, tự thân chẳng theo cũng không khiến người khác theo, ấy gọi là đại đức đa văn. Thế nên người muốn cầu nghĩa phải thân cận bậc đa văn, nên gọi là giỏi nghĩa. Trái với người này tức là chấp trước ngôn thuyết, nên phải lìa xa.

Là nhân chẳng phải quả gọi là Phật tánh. Là quả chẳng phải nhân gọi là Niết-bàn. Chẳng phải nhân chẳng phải quả là Phật tánh. Không nhân không quả là đại bát Niết-bàn. Đây đều là lời nói của Như Lai, lời thì khác mà nghĩa là một. Nghĩa chân thật là, tự tánh thanh tịnh làm nhân, cứu kính lặng lẽ làm quả. Song đây chẳng phải chỗ đến của người giỏi ngôn thuyết. Phải biết cái tịnh của tự tánh chẳng sanh lặng lẽ, không có nhân tướng; lặng nơi tự tánh chẳng từ tu được cũng không có nghĩa quả. Chỗ này người giác tự tâm hiện lượng tự biết tự chứng chẳng theo tất cả cảnh giới ngôn thuyết vọng tưởng. Nếu theo ngôn thuyết thì tăng trưởng vọng chấp, nhóm nhân sanh tử, tức chẳng phải Như Lai nói là đa văn. Như Lai thường nói người chỉ nghe hai chữ “thường trụ” hiểu sâu nghĩa thú gọi là đa văn. Nếu người đọc được mười hai bộ tất cả Khế-kinh, mà chẳng nghe “thường trụ” gọi là vô văn. Thân cận bậc đa văn nên nói là giỏi nghĩa chẳng phải giỏi ngôn thuyết. Phải tự xét kỹ vậy.

3 - CHỈ NHƯ LAI CHẲNG SANH CHẲNG DIỆT KHÔNG ĐỒNG VỚI NGOẠI ĐẠO.

-NẠN NHƯ LAI ĐỒNG VỚI NGOẠI ĐẠO BỐN THỨ NHÂN TƯỚNG.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ lại nương oai thần của Phật bạch Phật: Thế Tôn! Thế Tôn hiển bày “chẳng sanh chẳng diệt” không có gì kỳ đặc. Vì có sao? Vì tất cả ngoại đạo về nhân cũng nói “chẳng sanh chẳng diệt”. Thế Tôn cũng nói hư không, phi số duyên diệt (Phi trạch diệt) và Niết-bàn giới chẳng sanh chẳng diệt? Thế Tôn! Ngoại đạo nói nhân sanh các thế gian. Thế Tôn cũng nói vô minh, ái, nghiệp, vọng tưởng làm duyên sanh các thế gian. Kia nhân, đây duyên chỉ là tên sai biệt thôi? Ngoại vật nhân duyên cũng như thế. Thế Tôn cùng ngoại đạo luận không có sai biệt. Vì trần, thắng diệu, tự tại, chúng sanh chủ v.v... như thế chín vật chẳng sanh chẳng diệt. Thế Tôn cũng nói tất cả tánh chẳng sanh chẳng diệt, có không, không thể được? Ngoại đạo cũng nói tứ đại chẳng hoại, tự tánh chẳng sanh chẳng diệt, tứ đại thường, tứ đại ấy cho đến châu lưu các thú chẳng bỏ tự tánh. Thế Tôn đã nói cũng lại như thế? Thế nên con nói không có gì kỳ đặc, cúi xin Thế Tôn vì nói chỗ sai biệt, do đó kỳ đặc hơn các ngoại đạo. Nếu không sai biệt thì tất cả ngoại đạo đều cũng là Phật, vì chẳng sanh chẳng diệt. Song Thế Tôn nói trong một thế giới có nhiều Phật ra đời là vô lý. Nếu như trước đã nói thì trong một thế giới lý ượng có nhiều Phật, vì không sai biệt?

Đây dùng bốn nạn muốn Như Lai phát minh lý do khác với ngoại đạo.

Một, nạn ngoại đạo chấp tác giả nhân chẳng sanh chẳng diệt, đồng với Như Lai ba pháp vô vi. Hư không tức là hư không vô vi, phi số duyên diệt tức là phi trạch diệt vô vi, Niết-bàn tức là trạch diệt vô vi. Bởi chẳng biết ngoại đạo nói tác nhân là ở trong mê vọng chấp, nhiếp thuộc sanh diệt. Chẳng sanh chẳng diệt cũng là vọng chấp. Nên nói sanh diệt tương khác, chẳng đồng với ba

pháp vô vi. Như Lai giác tự tâm hiện lượng, tự tánh lặng lẽ.

Hai, nạn ngoại đạo chấp tác giả nhân sanh các thế gian, đồng với Như Lai nói mười hai nhân duyên ba đời tương tục. Bởi không biết kia chấp tánh sanh, đây chỉ vọng duyên. Tất cả duyên sanh thủy do vọng hiện, chẳng phải tự chẳng phải tha, chẳng phải cộng chẳng phải không.

Ba, nạn vi trần, thắng tánh như thế chín vật chẳng sanh chẳng diệt, cũng đồng với Như Lai nói tất cả pháp chẳng sanh chẳng diệt. Đâu biết Như Lai nói tự tướng pháp tánh, chân như dù có Phật ra đời hay không Phật, pháp nhĩ như thế, chẳng đồng với ngoại đạo vọng tưởng mà thành không có nghĩa thật.

Bốn, nạn ngoại đạo chấp tự tánh tứ đại là thường là một, đồng với Như Lai nói có tứ đại khắp mười phương giới chẳng lưu ngại nhau. Bởi không biết Như Lai nói phi nhân phi duyên, phi hòa phi hợp cũng phi tự nhiên, do vọng tưởng hiện. Chính ở trong kinh Lăng Nghiêm nói rằng: “Kiến cùng kiến duyên và tướng sở tướng như hoa đốm trong hư không vốn không thật có. Cái kiến và duyên này vốn là bờ-đề diệu tịnh minh thể”.

Trong một thế giới không có nhiều Phật. Nếu ngoại đạo đồng với Phật tức là có nhiều Phật. Tổng nạn ngoại đạo đồng với Phật để hiển bày sai biệt vậy.

-CHỈ NHƯ LAI GIÁC TÂM TỰ ỊLƯỢNG VỌNG TƯỞNG CHẴNG SANH.

Phật bảo Đại Huệ: Ta nói chẳng sanh chẳng diệt không đồng với ngoại đạo nói chẳng sanh chẳng diệt. Vì có sao? Vì ngoại đạo kia chấp có tánh tự tánh được tướng chẳng sanh chẳng biến, ta chẳng rơi vào loại có không

như thế. Đại Huệ! Ta nói là loại có không, là sanh diệt, chẳng phải tánh chẳng phải không tánh, như các thứ huyễn mộng hiện, cho nên chẳng phải không tánh. Thế nào không tánh? nghĩa là sắc tướng không tự tánh nhiếp thọ, vì hiện chẳng hiện, vì nhiếp chẳng nhiếp. Bởi lẽ ấy, tất cả tánh không tánh chẳng phải không tánh. Chỉ giác tự tâm hiện lượng thì vọng tưởng chẳng sanh an ổn vui vẻ thế sự hằng dứt.

Ngoại đạo mê tự tâm lượng, chỗ từ tâm hiện chấp có tự tánh. Đây vì không biết sanh nhân lưu chú, thấy lưu chú tương tục được tướng chẳng sanh diệt, gọi là rơi vào bên có. Vì tác giả làm nhân mà chẳng phải nhân, cũng rơi vào bên không. Pháp của Như Lai chẳng phải có chẳng phải không, là các thứ sanh diệt. Nên nói “các thứ sắc tướng thấy đều không có tự tánh như mộng huyễn”. Mộng huyễn chẳng phải không, vì không tánh nên chẳng phải có; có thấy có nhận chẳng thể nói không, không thấy không nhận chẳng thể nói có. Có không đều phi, cả hai đều xa là. Duy giác tự tâm hiện lượng, cảnh hiện ra đều là tâm, trọn không có thủ xả. Thủ xả đều quên, an trụ nơi tâm hải, lặng lẽ không lo, dạo đi trong thế gian như vườn nhà của mình.

- CHỈ RA NGOẠI ĐẠO VỌNG CHẤP CHẴNG THẬT.

Phàm phu ngu si vọng tưởng tác sự, chẳng phải chư thánh hiền. Vọng tưởng chẳng thật như thành Càn-thát-bà và người huyễn hóa. Đại Huệ! Như thành Càn-thát-bà và người huyễn hóa thấy có các chúng sanh mua bán ra vào. Kẻ ngu vọng tưởng bảo thật có ra vào, mà thật không có người ra người vào, chỉ vì vọng tưởng kia. Như thế, Đại Huệ! Phàm phu ngu si khởi cái làm chẳng sanh chẳng diệt, kia cũng không có hữu vi vô vi, như người huyễn sanh, kỳ thật không có hoặc sanh

hoặc diệt, vì tánh (pháp) không tánh không thật có. Tất cả pháp cũng như thế, lìa nơi sanh diệt. Phạm phu ngu si rơi vào chướng như thật, khởi vọng tưởng sanh diệt chướng phải các thánh hiền.

Đây là nói tội lỗi chấp tác nhân của ngoại đạo đồng với huyền hóa, không có nghĩa thật. Tác sự là tác nhân, tức chỗ chấp có tướng tánh tự tánh. Nói chỗ chấp của kia là có tánh tự tánh thì chướng phải người trí. Chính là vọng tưởng chướng thật như thành Càn-thát-bà, như huyền hóa. Kẻ ngu vọng thấy ra vào, mà thật không có người ra vào. Tánh tự tánh đã không phải thật có, nên cũng không có tướng chướng sanh diệt. Chính kia khởi chấp chướng sanh diệt, cũng không thể phân biệt cái gì là hữu vi, cái gì là vô vi. Nói chỗ chấp tự tánh chướng thật của họ tức là tướng chướng sanh diệt, cũng thuộc về vọng tưởng, không thể chỉ bày là hữu vi hay vô vi nên đều đồng với huyền hóa. Lại chính chỗ chấp kia mà xoay lại nói “kỳ thật hoặc sanh hoặc diệt tánh cùng không tánh đều không thật có. Tất cả pháp cũng như thế, lìa nơi sanh diệt”. Bởi vì muốn cho họ ngay nơi đó mà biết lỗi, được tự tướng như thật, thấy chỗ tịch tĩnh. Văn sau chỉ thẳng tự tướng tịch tĩnh chướng khác với vọng tưởng mà được chân thật, chỉ cần một phen giác.

- CHỈ THẬT TÁNH VỌNG TƯỞNG TỨC CHÂN TỊCH TĨNH.

Chướng như thật là chướng thế, như tánh tự tánh, vọng tưởng cũng chướng khác. Nếu khác với vọng tưởng thì chấp trước tất cả tánh tự tánh, chướng thấy tịch tĩnh. Người chướng thấy tịch tĩnh trọn chướng rời vọng tưởng. Thế nên, Đại Huệ! Vô tướng kiến là thẳng, chướng phải tướng kiến. Tướng kiến là nhân thọ sanh, cho nên chướng thẳng. Đại Huệ! Vô tướng là vọng tưởng chướng

sanh, chẳng khởi chẳng diệt, ta nói là Niết-bàn. Đại Huệ! Niết-bàn là thấy nghĩa như chân thật, lìa vọng tưởng tâm tâm số pháp trước. Đạt được Như Lai tự giác thánh trí, ta nói là Niết-bàn.

Tiếp trước nói phàm ngu rơi vào chẳng như thật thì không thể như tất cả vọng tưởng tánh tự tánh, cũng chẳng khác. Phàm tất cả tánh như vọng tưởng tánh, không thể ngay đó phát minh được vọng tưởng tự tánh. Theo vọng khởi chấp dường như có pháp khác, tướng và kiến theo đó mà sanh, vì thế chẳng thấy tịch tĩnh. Chẳng thấy tịch tĩnh thì trọn không thể xa lìa vọng tưởng, đều do chẳng biết tự tánh vọng tưởng. Đây chỉ thẳng tự tánh vọng tưởng tức là chân thật. Chỉ tự rõ biết không có tướng, kiến liền là Niết-bàn. Tướng, kiến là nhân thọ sanh, ngu nơi chân thật thì không thể an trụ. Đây là tất cả chúng sanh xưa nay thanh tịnh, thường bị khách nhiễm làm chướng. Cho nên biết, đoạn chướng bày ra chân như không hai, tức là tự tánh Niết-bàn. Nói là đoạn chướng tức là đoạn chướng tướng kiến này. Chướng này nếu đoạn liền thấy thật tánh vọng tưởng. Từ trước tâm tâm số pháp liền đó chóng lìa. Lìa thì tự giác thánh trí không có thể riêng, Như Lai nói là Niết-bàn.

- CHỈ VÔ NHÂN ĐỀ BÀY NGHĨA VÔ SANH.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Diệt trừ sanh luận kia Dụng lập nghĩa chẳng sanh

Ta nói pháp như thế Kẻ ngu không thể biết.

Tất cả pháp chẳng sanh Không tánh không thật có

Càn-thát-bà huyễn mộng Có tánh ấy không nhân

Chẳng sanh không tự tánh Vì sao không lại nói?
 Bởi lìa nơi hòa hợp Tánh giác biết chẳng hiện
 Thế nên không chẳng sanh Ta nói không tự tánh.
 Bảo mỗi mỗi hòa hợp Tánh hiện mà chẳng có
 Phân tích không hòa hợp Chẳng như ngoại đạo thấy.
 Tất cả các pháp do mê tự tâm bất giác liền hiện, không
 có tự tánh. Đây là lý do Như Lai nói chẳng sanh và
 không. Nói chẳng sanh là vì phá sanh luận. Nói pháp
 không là vì phá kiến chấp hữu. Kỳ thật tất cả pháp đều
 không tự tánh. Như thành Càn-thát-bà mộng huyễn, tuy
 có tánh hiện mà vốn không nhân. Không nhân mà hiện
 nên không có nghĩa sanh, bởi không có tánh tự sanh.
 Trong khoảng kia nhân duyên hòa hợp giá tánh giác tri,
 dường như rõ ràng hiện tiền. Nếu lìa hòa hợp thì giác
 tưởng không có chỗ giá, hiện lại là trạng thái gì? Trong
 mộng hòa hợp ngay đó rõ ràng, sau khi có nhân duyên
 thức giác thì ghi nhớ cái gì? Cho nên biết, không cùng
 chẳng sanh là nói tất cả pháp bất giác liền hiện không
 có tự tánh, mà không phải một bề chẳng sanh trống
 rỗng thành không. Mỗi mỗi hòa hợp tánh như bóng như
 vang, hiện mà chẳng phải có, chẳng đồng với ngoại đạo
 thật có sanh nhân, quyết đợi phân tích rồi sau mới biết
 nó là chẳng có.

Mộng huyễn và tóc rử

Sóng nắng, Càn-thát-bà

Thế gian các thứ việc Không nhân mà tướng hiện

Bẻ dẹp hữu nhân luận Nêu bày nghĩa vô sanh.

Nêu bày vô sanh la Pháp chầy mãi chẳng dứt

Thịnh hành vô nhân luận Khủng bố các ngoại đạo.

Lập lại tất cả pháp như mộng huyễn, tóc rử, sóng nắng, thành Càn-thát-bà không có sanh nhân, mà sanh sự (quả) rõ ràng. Dùng đây để chiết phục nhân luận, chính do đây nên bày vô sanh. Phạm “pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ”, pháp nhãn chóng mở thì chỗ nhật dụng của bách tánh cúi ngược xoay quanh đều kham nối tiếp. Cho nên nói “nêu bày vô sanh là pháp chảy mãi không dứt”. Song lý do chiết phục ngoại đạo cũng chính tại đây. Nghĩa là do ngoại đạo vọng chấp các pháp có sanh nhân nên rơi vào hai lỗi: Một là chẳng phải tự sanh do vọng tưởng hiện, hai là không thể sanh cái khác, vì không có tánh sanh. Nếu có thể sanh nhân thì tất cả pháp đều có cội gốc, không thể chóng liễu. Song có thấy và chẳng thấy, có nhiếp và chẳng nhiếp, chỉ do mê khởi, chẳng phải chẳng chóng liễu. Ngoại đạo không thể giác chỗ này luống nghe không nhân, chẳng rõ biết chỗ trở về mờ mịt không căn cứ. Cho nên biết họ ắt kinh sợ.

- RỘNG CHỈ NGHĨA VÔ SANH.

+ CHỈ THẰNG VÔ SANH.

Khi ấy, Đại Huệ dùng kệ hỏi Phật:

Thế nào do nhân gì Kia do có gì sanh.

Ở chỗ nào hòa hợp Mà làm vô nhân luận?

Đây là nhân Như Lai ở trước nói vô nhân luận, nên lại hỏi tất cả các pháp rốt ráo nhân gì, chỗ nào được hòa hợp, mà Như Lai nói vô nhân.

Thế Tôn lại dùng kệ đáp:

Quán sát pháp hữu vi Phi vô nhân hữu nhân

Kia thuộc sanh diệt luận Chỗ thấy từ đó diệt.

Ngoại đạo nói nhân thấy do vọng kiến. Người trí nếu hay quán sát tất cả pháp hữu vi đều do tự tâm bất giác vọng hiện, như mộng như huyễn không có nhân tướng, cũng không vô nhân. Cái thấy này chóng dứt liền hiệp vô sanh.

Đại Huệ nói kệ hỏi:

Thế nào là vô sanh Là phải vô tánh chăng?

Là đoái xem các duyên Có pháp tên vô sanh

Tên chẳng lẽ không nghĩa Xin vì phân biệt nói.

Đây hỏi vô sanh là thấy không pháp hay là đợi duyên hội. Đã có tên vô sanh, có tên ắt phải có nghĩa.

Thế Tôn lại dùng kệ đáp:

Phi vô tánh vô sanh Cũng phi đoái các duyên

Chẳng tánh mà có tên Tên cũng chẳng không nghĩa.

Tất cả các ngoại đạo Thanh văn và Duyên giác

Phi cảnh giới thất trụ Ấy gọi tướng vô sanh.

Tất cả các pháp đều do tâm hiện, hiện chẳng phải không tánh, hiện chẳng đợi duyên, hiện chẳng phải tự tánh, song cũng chẳng phải không nghĩa tâm lượng. Đây là nghĩa tâm lượng vô sanh, còn chẳng phải cảnh giới của Nhị thừa, Thất trụ hướng là ngoại đạo.

Xa lìa các nhân duyên Cũng lìa tất cả sự

Chỉ có vi tâm trụ Tưởng sở tưởng đều lìa

Thân kia tùy chuyển biến Ta nói là vô sanh.

Nhân duyên tức là thế gian nhân duyên hòa hợp. Tất cả sự tức là tất cả quả. Nghĩa là lìa kiến chấp nhân duyên hòa hợp nhân quả có không ở thế gian. Chỉ có niệm hiện tiền vi mật an trụ tịch tĩnh, chuyển năng sở tất cả thân vọng tưởng, mà làm tự giác thánh trí. Mê, ngộ dụng khác mà không có thể khác, nên nói tâm vốn vô sanh.

Không ngoại tánh vô tánh Cũng không tâm nhiếp thọ
Đoạn trừ tất cả kiến Ta nói là vô sanh.

Như thế không tự tánh Không, thấy nên phân biệt
Chẳng không, nên nói không Vô sanh nên nói không.

Đây nói giác tự tâm hiện lượng, chỉ rõ tất cả ngoại pháp không tánh, không tâm thủ cảnh, tất cả kiến chấp dứt tức là vô sanh. Câu vô sanh này cùng nghĩa không, không có tự tánh đều nói chính khi sanh là chẳng sanh, chẳng phải thấy đều không có pháp. Cho nên nói “Chẳng không, nên nói không, vô sanh nên nói không”.

+ - CHỈ PHÁP NHÂN DUYÊN SANH PHÁ TRỪ CHẤP NHÂN.

Nhân duyên số hòa hợp Ất có sanh có diệt
Lìa các nhân duyên số Không riêng có sanh diệt
Bỏ lìa nhân duyên số Lại không có tánh khác
Nếu nói một khác ấy Là ngoại đạo vọng tưởng
Có không tánh chẳng sanh Chẳng có cũng chẳng không
Trừ số kia chuyển biến Ấy thấy không thể được.

Trên nói vô sanh tức ở đương sanh, chính là Như Lai chỉ bày lý vô sanh. Đây nói sanh diệt gốc nơi nhân duyên để rõ cái có chúng sanh lưu chuyển. Chỉ đạt lưu

chuyển chính ở duyên sanh thì bỏ nhân duyên, lại không nói một khác, có không, như tứ cú của ngoại đạo vọng tưởng. Mới biết mê nhân duyên nên thấy sanh diệt, ngộ nhân duyên là hợp với vô sanh. Nếu lìa nhân duyên riêng có sanh diệt thì luận vô sanh cũng bị phá hoại nghĩa nhân duyên, mà chẳng phải đương sanh chẳng sanh, vẫn sau sẽ nói rõ.

Chỉ có các tục số Làn lượt làm xiềng xích

Lìa xích nhân duyên kia Nghĩa sanh không thể được.

Sanh không tách chẳng khởi Lìa các lỗi ngoại đạo

Chỉ nói duyên xiềng xích Phàm ngu không thể hiểu.

Nếu lìa duyên xiềng xích Riêng có tánh sanh ấy

Tức là vô nhân luận Phá hoại nghĩa xiềng xích.

Như đèn bày các tướng Xiềng xích hiện cũng vậy

Ấy là lìa xiềng xích Riêng lại có các tánh.

Các tục số tức là chỉ chúng sanh do nhân duyên sanh diệt, như xiềng xích liên hoàn chẳng đứt. Nếu tức nhân duyên kia chóng lìa xiềng xích liền không có sanh diệt có thể được. Liền đây vô sanh, một lúc phát kiến chẳng khởi, tự lìa lỗi của ngoại đạo. Chỉ dùng thuyết nhân duyên này, vẫn chẳng phải phàm ngu hay hiểu. Bởi vì lìa xiềng xích tức không sanh diệt, lìa xiềng xích tức không vô sanh. Mê ngộ đồng đường mà dễ sanh thấy khác. Nếu lìa xiềng xích (nhân duyên) riêng có sanh diệt thì Như Lai luận vô nhân. Cũng phải phá hoại nhân duyên mà lại có chỗ chỉ, như đèn bày các tướng, chẳng phải đèn tức các tướng. Sự hiện của nhân duyên nếu quả như vậy thì ngoài nhân duyên riêng có tánh khác, đã thành thuyết của ngoại đạo. Thế thì, nghĩa đương

sinh mà chẳng sinh của Như Lai lại có chỗ nào được sáng sủa?

Không tánh không có sinh Như tự tánh hư không

Nếu lìa các xiềng xích Tuệ không chỗ phân biệt.

Lại có các vô sinh Pháp hiện thánh sở đắc

Kia sinh mà vô sinh Ấy là vô sinh hẳn.

Đây hiển bày nghĩa đương sinh là chẳng sinh. Bởi vì tức nơi tánh mà không tánh tức nơi sinh mà vô sinh. Hiện tại trong nhân duyên xiềng xích rõ ràng như tự tánh hư không, chẳng lìa chính nơi đây mà tự chứng tự biết. Chư hiện thánh đạt được pháp nhẫn đều không có hai ý chỉ.

Nếu khiến các thế gian Người quán sát xiềng xích

Tất cả lìa xiềng xích Từ ấy được tam-muội.

Si ái các nghiệp thảy Ấy là xiềng xích trong

Dùi, gỗ, đất, bánh xe Chủng tử thảy bên ngoài.

Nếu khiến có tha tánh

Mà từ nhân duyên sinh

Kia không nghĩa xiềng xích Ấy là chẳng thành tựu.

Nếu sinh không tự tánh Kia lấy gì xiềng xích

Vì lần lượt sanh nhau Nên biết nghĩa nhân duyên.

Lại khuyên thế gian chỉ hay quán sát xiềng xích (nhân duyên) không có tự tánh, chẳng sinh pháp khác, chính nơi đây bỗng nhiên không còn ngăn ngại, sẵn có chánh định liền khi ấy hiện tiền. Mới biết tất cả vô minh hoặc nghiệp, cây dùi, thanh gỗ, bùn, bánh xe, khi mê dưng như có pháp, lúc ngộ chẳng từ nơi khác, lần lượt sanh

nhau cái gì là tác giả? Nên nói “tướng kiến không tánh đồng như bó lau”. Nghĩa nhân duyên pháp nhĩ như thế.

Pháp cứng ươt âm động Phàm phu sanh vọng tưởng
Lìa số không pháp khác Ấy là nói không tánh.

Nêu cứng ươt âm động để lệt tất cả pháp thầy từ vọng tưởng, dường sanh tương tục, lìa đây thì riêng không có, là nói không tánh.

Như thầy trị các bệnh Không có bao nhiêu luận

Vì bệnh có sai biệt Nên lập các thứ trị.

Ta vì chúng sanh kia Phá hoại các phiền não

Biết căn kia hơn kém Vì kia nói độ môn.

Phi gốc phiền não khác Mà có các thứ pháp

Chỉ nói pháp nhất thừa Ấy tức là Đại thừa.

Kết nói Như Lai vì các chúng sanh rộng nói nhân duyên để phá hoại phiền não dựng lập độ môn. Tuy nhân căn dục có các thứ khác, dường như Phật cũng có các thứ giáo lý mà chẳng biết Như Lai chỉ có nhất thừa. Nên nói “tự tâm hiện lượng, phương tiện nhiều môn, về nguồn không hai”.

**4- CHỈ NHƯ LAI NÓI PHÁP CHẴNG PHẢI THƯỜNG
VÔ THƯỜNG, CHẴNG ĐỒNG VỚI NGOẠI ĐẠO.**

**- HỎI NGOẠI ĐẠO VỌNG CHẤP VÔ THƯỜNG LÀ TÀ
HAY CHÁNH.**

Khi ấy, đại Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Tất cả ngoại đạo đều khởi vọng tưởng vô thường.

Thế Tôn cũng nói tất cả hạnh vô thường là pháp sanh diệt. Nghĩa này thế nào? Là tà hay chánh? Là có bao nhiêu thứ vô thường?

Nhân trước Phật nói chẳng sanh diệt là thường đã cùng ngoại đạo chẳng đồng, đây lại do pháp vô thường cũng có tà chánh nên khởi hỏi này. Đứng về tự tâm nói thì chẳng phải thường và vô thường. Bởi bất giác tự tâm vọng có hiện ra thì niệm niệm chẳng dừng, không có chủ tử. Thế thì, tất cả pháp sắc tâm trong ngoài như ngọn đèn, như đồng lửa, như điện chớp, như bóng dáng, mé trước mé sau mỗi mỗi chẳng đến nhau, đây là chánh pháp nói vô thường. Phạm tự tánh như thật khó mà chóng giác nên vì nói vô thường khiến họ lần lần ngộ. Ngoại đạo luống ở ngoài tâm thấy tất cả pháp thật có sanh ra, thật có diệt mất, chấp thường mà vẫn chẳng phải nhân chân thật, chấp vô thường cũng chẳng phải chân tịch. Đây là lý do ngài Đại Huệ gấp cầu phát minh.

-BÀY NGOẠI ĐẠO VÔ THƯỜNG ĐỂ HIỂN CHÁNH PHÁP CHẲNG PHẢI THƯỜNG VÔ THƯỜNG.

+ - TỔNG BÀY BẢY THỨ VÔ THƯỜNG.

Phật bảo Đại Huệ: Tất cả ngoại đạo có bảy thứ vô thường, chẳng phải pháp của ta. Những gì là bảy? Kia có nói rằng “làm rồi mà bỏ”, ấy gọi vô thường; có nói “hình xứ hoại”, ấy gọi vô thường; có nói tức sắc là vô thường; có nói trong khoảng giữa sắc chuyển biến, ấy là vô thường, không xen hở tự nó tan hoại như sự chuyển biến của sữa thành lạc, trong khoảng giữa không thể thấy, vô thường hủy hoại tất cả tánh chuyển; có nói tánh vô thường; có nói tánh không tánh vô thường; có nói tất cả pháp chẳng sanh vô thường vào tất cả pháp.

Làm rồi mà bỏ là, có tánh vô thường hay làm các đại, các đại là thường, cái hay làm, làm rồi lại bỏ là vô thường. Hình xứ hoại là, chấp tứ đại và tứ đại tạo sắc năng tạo sở tạo chẳng hoại, chỉ phân tích thấy hình trạng dài ngắn hoại thôi. Tức sắc là, tứ đại năng tạo là thường, tứ đại sở tạo là vô thường. Trong khoảng giữa sắc chuyển biến là, năng tạo sở tạo trong khoảng giữa có tánh vô thường luôn luôn chuyển biến như sữa biến thành lạc v.v... tự nhiên biến đổi. Tánh vô thường là, có tự tánh vô thường chẳng hoại mà hay hoại các pháp, như cây gậy, gạch, đá có tánh hay hoại. Tánh không tánh vô thường là, tánh chỉ năng tạo, không tánh chỉ sở tạo, tánh của năng tạo tạo xong liền hoại, pháp sở tạo cũng lại tùy hoại, đây là chấp năng sở đều hoại. Tất cả pháp chẳng sanh vô thường, là phân biệt tất cả pháp chẳng sanh, mà cho chẳng sanh khắp tất cả là vô thường. Đây là bày bày thứ, văn sau rộng phá, trước sau không nhất định.

+ TÁNH KHÔNG TÁNH VÔ THƯỜNG.

Đại Huệ! Tánh không tánh vô thường là, tứ đại và sở tạo tự tướng hoại, tứ đại tự tánh không thể được, chẳng sanh.

Tứ đại là năng tạo. Sở tạo là tất cả pháp. Kia chấp năng tạo sở tạo tự tướng, tạo xong thấy đều hoại, mà tứ đại tự tánh chẳng phải hình tướng có thể được, chẳng sanh. Chẳng biết tứ đại chủng do vọng tưởng mà thành, vọng vốn chẳng sanh cũng không có chỗ diệt, tức ở nhân duyên xiềng xích đều không có tác giả. Đâu thể khi năng tạo, sở tạo hoại lại có tứ đại tự tánh chẳng sanh ư?

+ TẤT CẢ PHÁP CHẲNG SANH VÔ THƯỜNG.

Kia chẳng sanh vô thường là, chẳng phải thường vô thường, tất cả pháp có không chẳng sanh, phân tích cho đến vi trần thì không thể thấy, ấy là nghĩa chẳng sanh. Phi sanh, ấy gọi là tướng chẳng sanh vô thường. Nếu chẳng giác được chỗ này thì rơi vào nghĩa sanh vô thường của tất cả ngoại đạo.

Chẳng phải thường vô thường chính là chỗ chấp của ngoại đạo. Kia cho là tất cả pháp có không chẳng sanh, phân tích cho đến vi trần thì không thể thấy, ấy là nghĩa chẳng sanh. Phi sanh, bèn cho là chẳng sanh vô thường, mà không biết pháp của ta nói chẳng sanh, bởi do tự tâm bất giác vọng hiện như bóng như điện, không thể nói có không, mà chẳng phải phân tích không thấy. Vả lại, đã nói có tánh chẳng sanh vào tất cả pháp, đây tức là sanh, vì gọi là tác giả. Lẽ ưng nói sanh vô thường, mà lại nói chẳng sanh vô thường. Thế thì, cho sanh là chẳng sanh, là không biết nghĩa chẳng sanh; mà cho chẳng sanh là vô thường, lại chẳng biết nghĩa vô thường. Nếu chẳng giác chỗ này tức rơi vào nghĩa sanh vô thường của ngoại đạo mà làm cho là chẳng sanh vô thường.

+ - TÁNH VÔ THƯỜNG.

Đại Huệ! Tánh vô thường ấy, là tự tâm vọng tưởng chẳng phải tánh thường vô thường. Vì có sao? Vì vô thường tự tánh chẳng hoại. Đại Huệ! Đây là việc tất cả tánh không tánh vô thường. Trừ vô thường ra không có cái gì hay khiến tất cả pháp tánh không tánh, như gậy, gạch, đá hay phá hoại các vật.

Tánh vô thường là, ngoại đạo chấp tự tánh vô thường hay phá hoại các pháp. Trước xét cái tệ kia, là đối chỗ chẳng phải tánh thường vô thường mà vọng sanh phân

biệt, bảo có vô thường tự tánh chẳng hoại. Dưới bèn nêu cái chấp kia, bảo việc tất cả tánh không tánh vô thường, chẳng phải có vô thường tự tánh hay hoại các pháp thì quyết không thể khiến tất cả pháp tánh không tánh vô thường. Như gậy, gạch, đá là dụ có sức hay phá hoại. Đây tức là năng hoại sở hoại rõ ràng có hai vật, cho nên ở sau phá đó.

Hiện thấy mỗi mỗi chẳng khác tánh ấy vô thường sự, chẳng phải tác, sở tác có sai biệt, đây là vô thường, đây là sự. Tác và sở tác không khác là, tất cả tánh thường, không nhân tánh. Đại Huệ! Tất cả tánh không tánh có nhân, chẳng phải chỗ biết của phàm ngu.

Nhân ở trên nói có cái vô thường tự tánh chẳng hoại mà hay hoại tất cả pháp thì nên có hai vật sai biệt. Cho nên phá rằng “hiện thấy trước mắt tất cả tánh (pháp) vô thường sự không có năng hoại sở hoại tướng sai biệt khác, thật có thể chỉ bày, bảo đây là vô thường tánh hay hoại, đây là vô thường sự bị hoại”. Đã năng sở chẳng khác thì tất cả tánh là thường không có nhân tánh.

Nghĩa là tất cả pháp thường tự tịch diệt không có nhân tánh năng hoại. Như Lai lại chuyển ngữ nói “tất cả tánh không tánh vô thường sự cũng có nhân, song chẳng phải chỗ biết của phàm ngu”. Sao gọi là có nhân? Nghĩa là tất cả các pháp nhân vô thủy bất giác vọng có hiện ra không có tự tánh, sát-na sát-na niệm niệm chẳng dừng, nên nói “các pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ”, đây không phải chỗ biết của phàm ngu.

Chẳng phải nhân chẳng tương tự sự sanh. Nếu sanh, tất cả pháp thấy đều vô thường. Là chẳng tương tự sự thì tác và sở tác không có sai khác, mà thấy thấy có khác. Nếu tánh vô thường, rơi vào tác nhân tánh tướng. Nếu rơi thì tất cả tánh chẳng cứu kính. Tất cả tánh tác

nhân tướng rơi thì, tự vô thường nên vô thường. Vì vô thường là vô thường nên tất cả tánh chẳng vô thường ưng là thường.

Đây nhân ở trên tất cả tánh không tánh có nhân mà nói, để rõ vọng chấp nhân khác không thể sanh quả khác.

Ngoại đạo vọng chấp có vô thường tự tánh hay hoại các pháp, ấy vẫn dùng nhân khác mà sanh quả khác. Nếu sanh thì, nhân đã vô thường, tất cả pháp chẳng tương tự pháp khác cũng là vô thường, như người cũng có thể sanh súc, súc cũng có thể sanh người, năng sanh và sở sanh thấy đều lẫn lộn không có sai biệt. Song, người sanh người, súc sanh súc hiện thấy sai biệt thì nhân khác làm sao mà sanh quả khác? Đây chỉ theo vọng chấp nhân quả chẳng tương tự, bẻ cái tự nói trái nhau của kia, mà ý thật ở chỗ nêu lên năng sở kia đều không, để hiển bày tất cả tánh tướng ngay nơi ấy là vô sanh. Cho nên lại nói “nếu tánh vô thường, rơi vào tác nhân tánh tướng v.v...” nghĩa là vô thường nhân tánh đã nói hay hoại tức là rơi vào tác nhân, bèn chẳng phải cứu kính thường trụ. Song tất cả tánh đều chẳng phải cứu kính thường trụ, do có vô thường hay hoại nhân tướng, ấy là tự vô thường. Thế thì, tất cả nên vô thường, tự vô thường, tất cả vô thường mà đã thấy tất cả lại chẳng phải vô thường, nên ưng là thường. Tất cả tánh thường tự tịch diệt, tác sở tác không sai biệt, nên nói “tất cả tánh thường, không nhân tánh”.

Nếu vô thường vào tất cả tánh, ưng rơi vào ba đời. Sắc quá khứ kia cùng cái hoại chung thì, vị lai chẳng sanh, vì sắc chẳng sanh, sắc hiện tại cùng tướng hoại chung. Sắc là tứ đại nhóm họp sai biệt. Tứ đại và tạo sắc tự tánh chẳng hoại, vì lìa khác và chẳng khác. Tất cả ngoại đạo chấp tất cả tứ đại chẳng hoại. Tất cả tứ đại và tạo

sắc ở trong ba cõi tại sở tri thì có sanh diệt. Là tứ đại tạo sắc, tất cả ngoại đạo nơi chỗ nào suy nghĩ tánh vô thường? Tứ đại chẳng sanh, vì tự tánh tướng chẳng hoại.

Đây do ngoại đạo chấp có vô thường tự tánh chẳng hoại vào tất cả pháp. Cho nên lại nói tất cả sắc pháp thủy rơi vào ba đời, ba đời sắc pháp đều thuộc hoại tướng, thì chỗ vào tự tánh chẳng hoại sẽ ở chỗ nào? Lại ngoại đạo thường chấp tứ đại chủng thể tánh chẳng hoại, nhân đây mà phá, bảo kia chấp sắc tức tứ đại chứa nhóm sai biệt, năng tạo sở tạo, là khác và chẳng khác, chẳng biết hiện tiền ba cõi tất cả tứ đại và tạo sắc là nhiếp về sanh diệt. Nếu là tứ đại tạo sắc, kia lại nương vào đâu suy nghĩ riêng có tánh vô thường vào nơi tứ đại, mà nói tự tánh chẳng hoại? Trên là tột kia không có pháp năng hoại, đây cùng tột kia cũng không tự tánh chẳng hoại. Năng sở đều không, nên nói “tất cả tánh tướng chính nơi đó là vô sanh”.

+ TẠO RỒI MÀ BỎ VÔ THƯỜNG.

Là mới tạo vô thường là, chẳng phải tứ đại lại có tứ đại khác. Vì mỗi mỗi tướng khác, tự tướng chẳng phải sai biệt có thể được. Kia không sai biệt, đây thủy chẳng lẫn tạo. Hai phương tiện chẳng làm, nên biết là vô thường.

Đây ngoại đạo chấp có vô thường tánh làm tác giả hay tạo tứ đại, tạo rồi liền bỏ là vô thường. Chẳng phải tứ đại lại có khác với tứ đại đó, nói không thể lẫn nhau tạo. Lẫn nhau tạo như lửa tạo nước, nước tạo đất, mỗi mỗi tướng khác không thể lẫn nhau tạo. Cũng chẳng phải tự tạo, vì tự tướng không có sai biệt. Đây thủy cũng chẳng lẫn tạo, lẫn tạo tức là chung tạo. Hai phương tiện chẳng làm là, lửa cùng nước hiệp sanh thể tánh trái khác, rõ

chẳng chung tạo. Phàm chẳng lẫn tạo, chẳng tự tạo, lại chẳng chung tạo, nên biết đại chủng nhân mê hư vọng chóng hiện, trung gian không chủ là chân tịch diệt. Chẳng nên dùng mới tạo lại bỏ là vô thường.

+ HÌNH XỨ HOẠI VÔ THƯỜNG.

Hình xứ kia hoại vô thường là, tứ đại và tạo sắc chẳng hoại, đến tốt chẳng hoại. Đại Huệ! Tốt là, phân tích cho đến vi trần quán sát hoại, tứ đại và tạo sắc hình xứ khác, thây dài ngắn không thể được chẳng phải tứ đại. Tứ đại chẳng hoại, hiện hình xứ hoại, rơi vào số luận.

Hình xứ là, hình xứ dài ngắn của tứ đại. Thấy hình xứ dài ngắn của tứ đại diệt, mà sắc thể tứ đại năng tạo sở tạo chẳng diệt. Đây là Tăng-khư (số luận) chấp tứ đại là thường luận. Phân tích tốt cùng cho đến vi trần quán sát, chỉ hay hoại cái tướng có thể thấy là hình xứ dài ngắn của tứ đại tạo sắc, mà không phải tứ đại. nghĩa là thể tánh của tứ đại tạo sắc ắt không thể hoại, chỉ hình xứ hoại. Như Lai nơi đây chỉ nói “rơi vào số luận”, bởi trước sau đã phá tứ đại tạo sắc không có tác giả, đã tốt rõ ràng.

+ SẮC TỨC VÔ THƯỜNG.

Sắc tức vô thường là, sắc tức là vô thường. Kia là hình xứ vô thường, chẳng phải tứ đại. Nếu tứ đại vô thường thì chẳng phải số ngôn thuyết của thế tục. Ngôn thuyết của thế tục không phải tánh, ắt rơi vào thế luận. Thấy tất cả tánh chỉ có ngôn thuyết, chẳng thấy tự tướng sanh.

Tất cả sắc pháp duy tâm hiện ra, thây là tánh vô thường, đây là Như Lai nói. Ngoại đạo chấp sắc này tức vô thường, chỉ dùng hình xứ mà chẳng phải tứ đại. Nếu tứ đại vô thường bèn chẳng phải số ngôn thuyết của thế tục. Tục số nói ra chẳng phải tánh, mới thật không pháp.

Nếu vậy tức rơi vào đoạn kiến thể luận, bởi chỉ có ngôn thuyết không có pháp tự tướng. Cho nên biết, tất cả các pháp tự tướng như thật chân lý, chỉ giác tự tâm hiện lượng nội chứng nhận được. Đây không phải khả năng của ngoại đạo đến được.

+ SẮC CHUYỂN BIẾN TRUNG GIAN VÔ THƯỜNG.

Chuyển biến vô thường là, sắc khác tánh hiện chẳng phải tứ đại. Như vàng làm các món đồ trang sức chuyển biến hiện ra, chẳng phải tánh vàng hoại, chỉ những món đồ trang sức bị hoại. Như thế, các tánh chuyển biến v.v... cũng như vậy.

Ngoại đạo chấp năng tạo sở tạo trung gian có tánh vô thường luôn luôn chuyển biến, như sữa biến thành lạc, sắc khác tánh hiện ra. Chẳng phải tứ đại là, cũng như trên hình xứ tứ đại thấy diệt, mà thể tánh tứ đại chẳng diệt. Như vàng làm đồ trang sức, chỉ chuyển biến hiện, chẳng phải tánh vàng hoại. Các tánh là, tất cả pháp chuyển biến cũng đều như thế.

+ KẾT BẢY THỨ VÔ THƯỜNG VỌNG CHẤP.

Như thế thấy, các thứ ngoại đạo chấp vô thường, vọng tưởng khi lửa đốt tứ đại, tự tướng chẳng đốt. Mỗi mỗi tự tướng tướng hoại thì tứ đại tạo sắc ược đoạn.

Đây là nói chung bảy thứ hư vọng phân biệt. Đại lược đều cho ngoài hiện hình của tứ đại riêng có tự thể tứ đại, lửa không thể đốt. Nếu hay đốt được thì năng tạo sở tạo đều đoạn diệt. Đây là phân nửa sanh diệt phân nửa chẳng sanh diệt. Bởi do chẳng giác tự tâm hiện lượng, chẳng đạt các pháp duy tâm, vốn không có sanh cũng không chỗ diệt. Vọng thấy sanh diệt, vọng phân tánh tướng, thường chấp vô thường, vô thường chấp thường, trọn thành điên đảo.

+ CHỈ NHƯ LẠI NÓI RA PHI THƯỜNG PHI VÔ THƯỜNG, ĐỂ HIỂN TỰ TÂM HIỆN LƯỢNG.

Đại Huệ! Pháp duyên khởi của ta phi thường phi vô thường. Vì có sao? Vì ngoại tánh không quyết định, chỉ nói ba cõi duy tâm, chẳng nói các thứ tướng có sanh có diệt. Tứ đại hội hiệp sai biệt, tứ đại và tạo sắc, nên vọng tưởng hai thứ năng nhiếp sở nhiếp. Biết hai thứ vọng tưởng, là hai thứ chấp ngoại tánh không tánh, giác tự tâm hiện lượng. Vọng tưởng là, tự tưởng tác hành sanh, chẳng phải chẳng tác hành. Là tâm vọng tưởng tánh không tánh thì thế gian, xuất thế gian, xuất thế gian thượng thượng tất cả pháp phi thường phi vô thường... Chẳng giác tự tâm hiện lượng rơi vào hai bên ác kiến tiếp nối. Tất cả ngoại đạo chẳng giác vọng tưởng mình, phạm phu này không có căn bản. Nghĩa là thế gian, xuất thế gian, xuất thế gian thượng thượng nói từ vọng tưởng sanh, chẳng phải chỗ giác của phạm ngu.

Như Lai đã nói các pháp phi thường vô thường, vì chẳng chấp nhận ngoại tánh có sanh diệt, chỉ nói ba cõi duy tâm, đây là ba đời chư Phật đồng một chỉ thú. Bởi vì các thứ sanh diệt do tứ đại và tạo sắc nhân duyên hội hiệp dường như có sai biệt. Song thật không có năng tạo sở tạo, do vô thủy bất giác một lúc liền hiện, nên nói “ba cõi duy tâm”. Không thể liễu đạt duy tâm mà khởi hai thứ vọng tưởng năng tạo sở tạo tức rơi vào kiến chấp có không, liễu đạt thì chóng là, chỉ một tâm lượng. Cho nên biết, tất cả tứ đại trong ngoài, sắc tâm các pháp đều do vọng tưởng phân biệt mà sanh tất cả hạnh nghiệp. Các hạnh nghiệp ấy chẳng thật có sanh thì chẳng lại đọi không. Chỉ là hai thứ phân biệt có không thì tự tâm hiện lượng thẳng đó hiện tiền, do đó Như Lai

nói phi thường vô thường vậy. Nhân vọng tưởng mà bày hiện thể, xuất thể, xuất thể thượng thượng ba thứ pháp phân biệt, không thể nói là thường. Tức nhân vọng tưởng mà bày hiện thể, xuất thể, xuất thể thượng thượng ba thứ trí vô phân biệt, không thể bảo vô thường. Ngoại đạo có hai thứ ác kiến bởi do chẳng giác tự tâm hiện lượng, nơi vọng tưởng phân biệt không thể chính đó phát minh, được vô phân biệt căn bản tánh trí. Cho nên Như Lai ba thứ pháp theo chúng sanh phân biệt mở nói phương tiện, chẳng phải chỗ giác của phàm ngu.

+ TỔNG TỤNG .

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Xa lìa nơi mới tạo Và cùng hình xứ khác
 Tánh cùng sắc vô thường Ngoại đạo ngu vọng tưởng.
 Các tánh không có hoại Đại đại tự tánh trụ
 Ngoại đạo tưởng vô thường Chìm tại các thứ chấp.
 Các chúng ngoại đạo kia Không hoặc sanh hoặc diệt
 Đại đại tánh tự thường Sao nói tưởng vô thường.
 Tất cả duy tâm lượng Hai thứ tâm lưu chuyển
 Nhiếp thọ và sở nhiếp Không có ngã ngã sở.
 Phạm thiên là cội cây Cành nhánh trải khắp giáp
 Như thế ta nói ra Chỉ là tâm lượng kia.

Tụng nói ngoại đạo chấp tất cả vô thường đều bị vọng tưởng làm ngu, kỳ thật tất cả pháp không có tướng hoại. Chủng tánh các đại mỗi thứ trụ nơi pháp vị, tất cả sanh diệt là tự tướng chân như. Bởi do chẳng biết tâm lượng

làm cho là vô thường bị kiến chấp làm chìm. Nếu biết tất cả duy tâm thì hai kiến chấp lưu chuyển cũng duy tâm hiện, thẳng đó năng nhiếp sở nhiếp không, không có tác giả, toàn vọng là toàn chân, đâu lại có riêng. Cho nên chính ngay chỗ chấp kia cho Phạm thiên là cội cây hay sanh tất cả hữu tình khắp giáp ba cõi. Các thứ tà vọng, Như Lai nói đều duy tâm lượng, giác tức Bồ-đề chẳng nhọc chuyển biến. Đây là đến chỗ vọng chấp của ngoại đạo khiến họ thoát nhiên biết quấy liền đồng bản đặc. Như Lai dạy người có thể gọi là từ bi cùng tột vậy.

5- CHỈ NHƯ LAI ĐỆ NHẤT NGHĨA CHÓNG TRỪ CÁC ĐỊA, RIÊNG HIỂN DUY TÂM.

- NHÂN ĐẠI HUỆ HỎI CHÁNH THỌ, TRƯỚC CHỈ HÀNH TƯỚNG THẤT BÁT ĐỊA.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Cúi xin vì nói tất cả Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác diệt chánh thọ (diệt tận định) thứ lớp tương tục. Nếu giới nơi tướng diệt chánh thọ thứ lớp tương tục, con và các Bồ-tát trọn chẳng vọng bỏ diệt chánh thọ lạc môn, chẳng rơi vào tất cả Thanh văn, Duyên giác, ngoại đạo, ngu si. Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, ta sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! cúi xin vì nói. Phật bảo Đại Huệ: Đại Bồ-tát đệ lục địa và Thanh văn, Duyên giác nhập diệt chánh thọ; đại Bồ-tát đệ thất địa niệm niệm chánh thọ, lìa tất cả tướng tánh tự tánh chánh thọ, chẳng phải Thanh văn, Duyên giác. Thanh văn, Duyên giác rơi vào có hành giác, tướng năng nhiếp sở nhiếp diệt chánh thọ. Thế nên, Bồ-tát thất địa phi niệm chánh thọ, được tất cả pháp tướng không sai biệt, chẳng phải được từng phần các thứ tướng tánh, giác tất cả pháp thiện chẳng thiện tánh tướng chánh thọ. Thế nên Bồ-tát thất địa không thiện niệm chánh thọ. Đại

Huệ! Bồ-tát bát địa và Thanh văn, Duyên giác tâm ý ý thức tướng vọng tưởng diệt.

Nhập diệt tận định tam thừa đều có. Thấy vì đối trị tâm ý ý thức của phàm phu, lìa tất cả tâm niệm phân biệt ngã và ngã sở. Chỉ vì Nhị thừa chẳng giác tự tâm hiện lượng như huyền như mộng, vì đối trị nên thành thật pháp, nơi pháp chánh định chưa quên năng sở, có giác có hạnh, cho nên chẳng bằng Bồ-tát thất địa niệm niệm chánh thọ. Sơ địa đến lục địa vẫn không thể như Bồ-tát thất địa niệm niệm chánh thọ. Song do Đại thừa vào phần kiến đạo, tuy có đối trị chưa lìa giác hạnh, nhưng đều thuộc phương tiện không cho là thật pháp. Mới biết lý do thất địa được niệm niệm chánh thọ, do giác tự tâm hiện lượng rồi xả phương tiện, lìa tất cả tướng tánh tự tánh, được tuệ vô sai biệt, đây là nguyên nhân Nhị thừa chẳng có phần. Được các thứ tướng tánh, giác tất cả pháp tánh tướng thiện chẳng thiện chánh thọ là, chính chỉ Nhị thừa sợ rơi vào tướng không sai biệt, muốn được các thứ tướng thiện chẳng thiện mà vào chánh thọ, bỏ sanh đến diệt, phân biệt chưa quên, nên nói “dùng trạm (lặng) hiệp trạm (lặng) về tốt mé thức”, cho nên không có thiện niệm chánh thọ của thất địa. Thiện niệm tức là niệm niệm, cũng tức là phi niệm. Nói đệ bát địa mới hay diệt vọng tưởng tâm ý ý thức Nhị thừa là, đến đệ bát địa được pháp vô ngã, tâm thức mới hết. Sơ địa đến thất địa tuy giác tự tâm hiện lượng đều hay lìa tâm ý ý thức, nhưng đến bát địa mới hết, nên nói “bát địa diệt”. Thất địa đã không phương tiện giác hạnh được niệm niệm chánh thọ, mà chẳng nói thất địa diệt, bởi chánh thọ sức thắng, pháp vô ngã chưa hiện, bản nguyện đại bi vẫn đợi nhớ niệm, cho nên chẳng nói cứu kính diệt. Song đến bát địa vẫn nhờ chánh định, giác tâm gia trì, mới hay cứu kính viên mãn Như Lai địa,

huống là thất địa. Đại Huệ nhân ở trên tướng thường vô thường đã biện tà chánh, nơi đây lại thỉnh nói về các địa chánh thọ, muốn rõ được chỗ sai biệt của Đại thừa và Nhị thừa, cùng chỗ sai biệt của mỗi địa Bồ-tát, vì những người tu hành phát minh để tăng tấn.

- CHỈ SƠ ĐỊA CHO ĐẾN THẤT ĐỊA, CÙNG NHỊ THỪA ĐỒNG KHÁC.

Đại Bồ-tát từ sơ địa đến thất địa quán tam giới lượng tâm ý ý thức, lìa ngã ngã sở, tự vọng tưởng tu, rơi vào ngoại tánh các thứ tướng. Ngu phu hai thứ tự tâm nhiếp sở nhiếp thấy không biết, chẳng giác vô thủy lỗi ác hư ngụy tập khí huân nên.

Sơ địa đến thất địa, bản Đường, Ngụy dịch đều nói “sơ địa đến lục địa, do Bồ-tát đã có chánh thọ cùng Nhị thừa đồng, duy đến lục địa”. Bản dịch này nói chỗ thấy của Bồ-tát cùng Nhị thừa khác, nên nói thất địa. Văn sau liền chỉ ra hành tướng bát địa. Bồ-tát đạt tự tâm lượng nên hay quán tam giới trong ngoài đều do tâm ý ý thức bất giác hiện ra, vốn không có ngã sở, chỉ tự vọng tưởng nên ngoài thấy có tánh tướng. Nhị thừa chẳng đạt tự tâm rơi vào hai bên có không. Khởi cảnh giới năng thủ sở thủ, cho nên tuy cùng lục địa đồng một chánh thọ mà Bồ-tát liễu đạt tất cả tánh không có tướng tự tánh mà vào chánh thọ. Nhị thừa giác các thứ tướng khác hy vọng mà vào chánh thọ. Một bên dùng sức phương tiện trừ sạch hiện tập. Một bên do chẳng giác chẳng biết bị vô thủy hư ngụy tập khí chuyển. Một quyền một thật đã chứng rõ ràng.

- CHỈ BÁT ĐỊA TAM-MUỘI GIÁC TRÌ.

Đại Huệ! Đại Bồ-tát bát địa là Thanh văn, Duyên giác Niết-bàn. Bồ-tát là do tam-muội giác gia trì, nên tam-

muội môn lạc chẳng vào Niết-bàn. Nếu chẳng gia trì thì Như Lai địa chẳng đầy đủ, vì ném bỏ tất cả việc hữu vi của chúng sanh, hạt giống Phật ắt phải đoạn. Chư Phật Thế Tôn vì chỉ vô lượng công đức bất khả tư nghì của Như Lai. Thanh văn, Duyên giác nơi tam-muội môn được vui, bị dẫn, nên khởi tưởng Niết-bàn.

Bồ-tát bát địa cũng có tam-muội lạc môn của Nhị thừa, do sức bản nguyện, tuy ở trong tam-muội do giác gia trì nên chẳng vào Niết-bàn. Nếu chẳng gia trì thì không thể đầy đủ địa Như Lai, dẹp bỏ chúng sanh thì hạt giống Phật ắt phải đoạn. Cho nên trong kinh Hoa Nghiêm Bồ-tát bát địa được mười phương Như Lai đồng thanh khuyến phát, bảo: “Chỗ sở đắc của ông Nhị thừa cũng có, phải nhớ vô lượng bất khả tư nghì công đức”. Thế nên biết, bát địa phát khởi thấy do thần lực chư Phật, chẳng bị say cái tam-muội lạc của Nhị thừa. Thần lực chư Phật mà nói tam-muội giác gia trì, là Bồ-tát sơ phát tâm trụ do giác tự tâm hiện lượng vào Như Lai giác, đồng thể nhiếp trì cảm ứng đạo giao, dùng Phật giác tự giác, ở trong tam-muội tự nhiên thức tỉnh không thể nghĩ bàn.

- CHỈ THẤT BÁT ĐỊA XẢ LY TAM-MUỘI HIỆN TỰ TÂM LƯỢNG.

Đại Huệ! Ta phân bộ thất địa khéo tu tướng tâm ý ý thức, khéo tu ngã ngã sở nhiếp thọ, nhân pháp vô ngã, tự tướng cộng tướng sanh diệt, khéo được tứ vô ngại, sức quyết định tam-muội môn địa thứ lớp tương tục, vào pháp đạo phẩm. Chẳng khiến đại Bồ-tát chẳng giác tự tướng cộng tướng, chẳng rành về thất địa, rơi vào lối tà của ngoại đạo, cho nên lập địa thứ lớp. Đại Huệ! Kia thật không có hoặc sanh hoặc diệt, trừ tự tâm hiện lượng, nên nói “địa thứ lớp tương tục và tam giới các

thứ hạnh”, chỗ kẻ ngu không thể giác. Chỗ kẻ ngu không thể giác là, ta và chư Phật nói địa thứ lớp tương tục và nói tam giới các thứ hạnh.

Phân biệt là phân biệt diễn nói. Như Lai nơi thất địa phân biệt diễn nói. Nghĩa là thất địa sanh nhân đã đoạn đồng với Nhị thừa, rất dễ đắm nhiễm nên vì phân biệt. Nếu khéo phân biệt tâm ý ý thức đều tự tâm hiện không có ngã ngã sở. Không ngã thì nhiếp thọ không người. Không sở thì nhiếp thọ không pháp. Không người không pháp thì lìa hy vọng đồng tướng và dị tướng. Bởi Nhị thừa giác các thứ dị tướng hy vọng chánh định nên dễ chấp lấy Niết-bàn. Nếu hay khéo biết chỗ này thì hay hiểu rộng pháp nghĩa nhất thừa, giỏi tứ vô ngại, nơi tam-muội môn được sức quyết định tự giác gia trì, dùng đây để soi sáng các địa, tăng tiến đạo phẩm. Cho nên nói “chẳng khiến Bồ-tát chẳng giác tự tướng cộng tướng, chẳng rành về thất địa, rơi vào lối tà của ngoại đạo”. Đây là chỉ thú Như Lai lập địa, mà nơi thất địa rất phải dè dặt e rơi vào lối tẽ. Lại nói “kia thật không có hoặc sanh hoặc diệt, trừ tự tâm hiện lượng”. Nên nói “địa thứ lớp tương tục và tam giới các thứ hạnh”. Như Lai trước sau nêu cao bảo vệ pháp môn duy tâm. Nghĩa là duy tự tâm không có các địa thứ lớp. Lại cùng tất cả hành tướng trong tam giới, khi giác tự tâm hiện lượng thì được không thật có. Từ không thật có kiến lập tất cả pháp, vì độ kẻ bất giác chẳng phải vì người giác.

Lại nữa, Đại Huệ! Thanh văn, Duyên giác Bồ-tát đệ bát địa diệt tam-muội môn lạc say bị say, chẳng rành tự tâm hiện lượng, bị tập khí tự tướng cộng tướng làm chướng, rơi vào nhân pháp vô ngã, kiến chấp pháp nhiếp thọ, vọng tưởng khởi tưởng Niết-bàn, chẳng phải trí tuệ giác tịch diệt. Đại Huệ! Bồ-tát thấy diệt tam-muội môn lạc,

bổn nguyện thương xót, đại bi thành tựu, biết phân biệt mười câu vô tận, chẳng vọng tưởng khởi tưởng Niết-bàn. Kia đã Niết-bàn, vì vọng tưởng chẳng sanh, là vọng tưởng năng nhiếp sở nhiếp. Giác rõ tự tâm hiện lượng thì tất cả các pháp vọng tưởng chẳng sanh, chẳng rơi vào ngoài tâm ý ý thức chấp trước vọng tưởng tướng tánh tự tánh, chẳng phải Phật pháp nhân chẳng sanh, tùy trí tuệ sanh được Như Lai tự giác địa.

Trên vì thất địa phân bộ chẳng khiến rơi vào lối tể, đây đối với bát địa thống thiết đỉnh ninh. Bởi vì Thanh văn Duyên giác đến khi đặng quả đồng với Bồ-tát đệ bát Bát động địa, tất cả thế gian xuất thế gian tướng niệm hằng dứt, chỉ chẳng rành tự tâm lượng bèn bị tập khí tự tướng cộng tướng che ngăn, thấy pháp ngoài tâm khởi tưởng Niết-bàn, không có tuệ tịch diệt. Cho nên Bồ-tát bát địa đối diệt tam-muội lạc hiện tiền liền nhớ nghĩ bản nguyện, khởi tâm đại bi, dùng mười câu vô tận (thập vô tận cú) thành tựu Phật địa, chẳng vào Niết-bàn. Nghĩa là đã vào Niết-bàn, chẳng lẽ lại vào Niết-bàn. Bồ-tát này giác tự tâm hiện lượng không có năng thủ sở thủ, thấy tất cả pháp chẳng phải riêng có, hằng là tâm ý ý thức và các thứ tánh tướng trong tam giới, chuyển thân vọng tưởng làm tự giác thánh trí, y thánh trí sanh đến cứu kính giác địa. Cho nên nói “vọng tưởng chẳng sanh, mà chẳng phải Phật pháp nhân chẳng sanh”.

Như người trong mộng dùng phương tiện qua sông, khi chưa qua đã thức, thức rồi suy nghĩ là chánh hay là tà? Chẳng phải chánh chẳng phải tà? Các cái thấy nghe hiểu biết từ vô thủy nhân tưởng các thứ tập khí, các thứ hình xứ rơi trong tưởng có không nên tâm ý ý thức mộng hiện.

Đây dụ tập khí vọng thấy tự tướng cộng tướng khởi tướng Niết-bàn, mà thật đều tự tâm hiện ra, không có nhân pháp, cũng không có cảnh giới năng độ sở độ. Như người trong mộng dùng phương tiện qua sông, thức rồi tâm dùng không thể nói tà chánh, chỉ là từ vô thủy tập khí còn thừa thấy nghe hiểu biết phân biệt. Nơi tất cả sắc tâm các pháp vọng chấp có không đều là việc mộng do tâm ý ý thức hiện ra, không có cảnh giới thật.

Đại Huệ! Như thế đại Bồ-tát nơi đệ bát địa Bồ-tát thấy chỗ vọng tưởng sanh. Từ sơ địa chuyển tiến đến đệ thất địa thấy tất cả pháp phương tiện như huyền v.v... độ tâm hạnh vọng tưởng năng nhiếp sở nhiếp rồi, khởi Phật pháp phương tiện, người chưa được khiến được. Đại Huệ! Đây là Bồ-tát Niết-bàn phương tiện chẳng hoại, lìa tâm ý ý thức được vô sanh pháp nhẫn. Đại Huệ! Đối với đệ nhất nghĩa không có thứ lớp tương tục, nói pháp không thật có vọng tưởng tịch diệt.

Nương trên dụ qua sông, đệ bát địa Bồ-tát cũng lại như thế. Bồ-tát đến đệ bát địa mới thấy chỗ vọng tưởng sanh. Nghĩa là giác tự tâm hiện lượng, đạt tất cả vọng tưởng đều do bất giác vọng thấy có không, đến đệ bát địa các vọng tưởng dứt, mới thấy chỗ sanh vọng tưởng. Thấy chỗ sanh vọng tưởng mới biết từ sơ địa đến đệ thất địa đã có tất cả pháp tướng trọn như mộng huyền, được trí phương tiện bình đẳng, độ tâm năng sở vọng tưởng hằng dứt, liền dùng tuệ phương tiện tự lợi lợi tha đến cứu kính Phật địa. Đây là Bồ-tát vô trụ xứ Niết-bàn chẳng phải Nhị thừa quyết định tịch diệt Niết-bàn. Bồ-tát vô trụ xứ Niết-bàn lìa tâm ý ý thức, đối tất cả chỗ không hoại phương tiện, được vô sanh nhẫn, đây là đệ nhất nghĩa pháp không thật có tịch diệt. Nên nói “nơi đệ nhất nghĩa không có thứ lớp tương tục, nói pháp không thật

có vọng tưởng tịch diệt”. Không thứ lớp là không có các địa thứ lớp.

- CHỈ DUY TÂM XOAY VỀ TRỪ CÁC ĐỊA.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Tâm lượng không thật có Đây trụ đến Phật địa

Khứ lai và hiện tại Ba đời chư Phật nói

Tâm lượng địa đệ thất Không thật có đệ bát

Hai địa tên là trụ Phật địa tên tối thắng

Tự giác trí và tịnh Đây tức là địa ta

Chỗ trụ tại tối thắng Thanh tịnh khéo trang nghiêm

Chiếu sáng như lửa mạnh Ánh sáng soi khắp nơi.

Sáng lòa chẳng mờ mắt Xoay vòng hóa ba cõi

Hiện tại hóa ba cõi Hoặc có khi trước hóa

Nơi kia diễn nói thừa Đều là Như Lai địa

Thập địa tức là sơ Sơ tức là bát địa

Đệ cửu tức là thất Thất cũng lại là bát.

Đệ nhị là đệ tam Đệ tứ là đệ ngũ

Đệ tam là đệ lục

Không có thứ lớp gì.

Bài kệ thứ nhất nói các địa Phật địa đều không thật có, thấy là một duy tâm, ba đời Như Lai không có nói khác.

Bài kệ thứ hai nói thất địa chưa lìa tâm lượng, bát địa lìa chưa cứu kính, chưa phải là hành xứ của Như Lai. Bài kệ thứ ba về sau đều nói Phật địa. Tự giác trí và tịnh tức

là trí và tịch dung nhau, nên nói “pháp thân thanh tịnh cùng pháp thân vô cầu” hiệp hai nghĩa này thành tựu Như Lai tự giác. Cho nên người được tự giác thánh trí tức ở cõi trời Sắc cứu kính trong cung Đại bảo hoa thành Đẳng chánh giác, làm Bồ-tát thập địa hiện thân rộng lớn ánh sáng chiếu soi, do đó đại hóa tiểu hóa tùy thuận hóa khắp giáp hiện tại, hoặc trước hoặc sau, đã có kiến lập thừa địa đều là nhất thừa, thừa thừa đều là Phật thừa. Bởi vì sơ địa cho đến thập địa, một địa tức tất cả địa, tất cả địa tức một địa. Kinh Hoa Nghiêm hàng thập trụ sơ tâm thành Đẳng chánh giác cùng Phật không khác. Ở đây Như Lai kiến lập pháp môn đệ nhất nghĩa, chóng trừ các địa riêng bày duy tâm.

6 - CHỈ NHƯ LAI CHÁNH GIÁC THƯỜNG TRỤ .

- CHỈ CHÁNH GIÁC CHẴNG ĐỒNG LỖI TẠO TÁC.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Như Lai ứng cúng đấng chánh giác là thường hay vô thường? Phật bảo Đại Huệ: Như Lai ứng cúng đấng chánh giác chẳng phải thường chẳng phải vô thường. Nghĩa là cả hai đều có lỗi. Nếu thường thì có lỗi làm chủ, thường ấy tất cả ngoại đạo nói tác giả vì không có chỗ tác, thế nên Như Lai thường phi thường. Chẳng phải tác thường, vì có lỗi. Nếu Như Lai vô thường, có lỗi tác vô thường, sở tướng của ám tướng thì không tánh, ám hoại nên đoạn, mà Như Lai chẳng phải đoạn.

Trước hỏi tất cả pháp thường cùng vô thường, đây hỏi pháp Như Lai sở chứng là thường hay vô thường. Như Lai chánh giác không thể nói thường cùng vô thường, nghĩa là cả hai đều có lỗi. Nếu thường thì rơi vào lỗi tác giả, như ngoại đạo chấp thần ngã nói là năng tác, Như Lai giác tánh không phải sở sanh của sanh nhân mà là

sở liễu của liễu nhân, vì không có chỗ tác, chẳng phải thường, chẳng phải tác thường. Nếu vô thường thì rơi vào lỗi sở tác, đồng với tướng ám, ám thuộc về sở tác, không tánh, ám hoại liền đoạn, mà Như Lai giác tánh chẳng đoạn cho nên chẳng phải vô thường.

Đại Huệ! tất cả sở tác đều vô thường, như bình, y v.v... tất cả đều là lỗi vô thường thì Nhất thiết trí đầy đủ phương tiện ứng vô nghĩa, vì cho là sở tác. Thế thì, tất cả sở tác đều ứng là Như Lai. Vì không nhân tánh sai biệt. Thế nên, Đại Huệ! Như Lai phi thường phi vô thường.

Đoạn trên nói sở tác vô thường. Nghĩa là phạm có sở tác thấy đều vô thường đồng với bình, y v.v... Như Lai cũng có sở tác mà chẳng phải vô thường. Do không nhân tánh sai biệt, nghĩa là Như Lai đã tu phước trí đều thuận tánh khởi dụng không có nhân riêng chẳng đồng sở tác.

- CHỈ CHÁNH GIÁC TRÍ VÔ GIÁN THƯỜNG BÀY HIỆN.

Lại nữa, Đại Huệ! Như Lai chẳng phải như hư không thường. Như hư không thường thì mắc lỗi tự giác thánh trí đầy đủ phương tiện thành vô nghĩa. Đại Huệ! Thí như hư không phi thường phi vô thường, là thường là vô thường, một khác, chung chẳng chung. Thường vô thường đều lỗi nên không thể nói, vì thế Như Lai phi thường. Lại nữa, Đại Huệ! Nếu Như Lai vô sanh thường như sừng thỏ, sừng ngựa v.v... cho vô sanh thường thì phương tiện vô nghĩa. Bởi vô sanh thường là có lỗi nên Như Lai phi thường. Lại nữa, Đại Huệ! Còn có các việc khác biết Như Lai thường. Vì có sao? Vì đã được trí vô gián thường nên Như Lai thường.

Đây nói Như Lai phi thường chẳng như hư không. Bởi hư không thường, lìa thường vô thường, một khác, chung chẳng chung v.v... bốn câu thường, bị lỗi vô thường. Song Như Lai tuy bị lỗi vô thường mà chẳng như hư không, vì có tự giác thánh trí sự. Như Lai phi thường chẳng như sừng thỏ, do sừng thỏ có lỗi vô sanh thường. Song, Như Lai không bị lỗi vô sanh thường, nên chẳng như sừng thỏ, vì có phương tiện nhận được. Cho nên biết, Như Lai sở tác chẳng đồng các vật, Như Lai vô tác chẳng đồng hư không sừng thỏ. Ở giữa hai bên kia mà được trí Như Lai vô gián thanh tịnh, nên nói Như Lai thường. Như Lai từng ở trên hội Niết-bàn tuyên nói “thường lạc ngã tịnh” đều vì lìa lỗi hiển bày. Ba đời Như Lai vô thượng pháp ấn không có hai chỉ thú.

- CHỈ NHƯ LAI TÁNH THƯỜNG BÌNH ĐẲNG.

Đại Huệ! Hoặc Như Lai ra đời hoặc chẳng ra đời, pháp quyết định trụ, Thanh văn, Duyên giác, chư Phật Như Lai vô gián trụ, chẳng trụ hư không, cũng chẳng phải chỗ hiểu biết của ngu phu. Đại Huệ! Như Lai đã được trí là do bát-nhã huân, chẳng phải tâm ý ý thức các ám giới nhập xứ huân. Đại Huệ! Tất cả ba cõi đều là vọng tưởng chẳng thật sanh, Như Lai chẳng từ tưởng hư vọng chẳng thật sanh. Đại Huệ! Do hai pháp nên có thường vô thường, chẳng phải chẳng hai, chẳng hai là lạng lẽ, vì tất cả pháp không hai tướng sanh.

Đây thẳng bày Như Lai vô gián thánh trí, tam thừa đều bình đẳng, có Phật hay không Phật bản giác vẫn thường trụ. Chẳng trụ hư không chẳng đồng giác tưởng, vì hư không là không, vì tưởng chẳng thật. Nếu hay nơi đây sáng ngộ liền chuyển tập khí hư ngụy từ vô thủy làm vô gián bát-nhã. Tất cả tâm ý ý thức, các ám nhập giới thuần một tịch tĩnh, cứu kính chẳng hai. Chỉ kẻ ngu

chẳng giác khắp thể toàn vọng, mê Như Lai vô gián thánh trí làm tâm ý ý thức lưu chuyển trong ba cõi đồng với huyễn hóa, nên nói “từ vọng tưởng chẳng thật sanh”. Tóm lại pháp thể không hai, mê thì có thường vô thường vọng thấy dường như hai, giác thì vọng kiến chóng mất chỉ một tịch tĩnh. Song mê cùng giác xưa nay có đủ, đều có nghĩa huân. Kinh Viên Giác nói: “Tất cả chúng sanh đồng chứng viên giác”. Kinh Pháp Hoa nói: “Phật chủng từ duyên”. Mới tin Bát-nhã thánh trí trọn chẳng mai một. Thời tiết nếu đến thì lý ấy tự bày.

Thế nên, Như Lai ứng cúng đấng chánh giác phi thường phi vô thường. Đại Huệ! Cho đến ngôn thuyết phân biệt sanh thì có lỗi thường vô thường. Phân biệt giác diệt thì lìa kiến chấp thường vô thường của ngu phu chẳng có tuệ tịch tĩnh, hằng lìa sự huân của thường vô thường, phi thường vô thường.

Tất cả chúng sanh chẳng thành Vô thượng Chánh giác xét tột mà nói chẳng ngoài ngôn thuyết phân biệt hai thứ lỗi lầm. Do phân biệt mà khởi ngôn thuyết, lại nhân ngôn thuyết mà sanh phân biệt, chỗ nương của ngôn thuyết là lỗi tại phân biệt. Cho nên phân biệt giác diệt thì hai kiến chấp chóng lìa, không rơi vào ngu phu tuệ chẳng tịch tĩnh khởi huân tập thường vô thường.

- TỔNG TỤNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Chúng cụ (duyên hạnh) vô nghĩa la Sanh lỗi thường vô thường

Nếu không phân biệt giác Hằng lìa thường vô thường.

Từ kia lập nên tông Ất có các nghĩa tạp

Đẳng quán tự tâm lượng Ngôn thuyết không thể được.

Chúng cụ (duyên hạnh) vô nghĩa là chẳng giác tự tâm hiện lượng thì không gốc có thể y cứ, hội quy về vô cực, bên trong đã không nguồn thâm hợp thì bên ngoài ắt sanh lỗi phân biệt đây là lý do rơi hai bên. Nếu bỏ phân biệt, giác được nguồn chân thì tự chứng bên trong chẳng rơi vào đoạn thường, song không thể y cứ nơi đây lập tông. Nơi đây mà lập tông vẫn là mê giác đối đãi nhau, các nghĩa tạp dấy, mà chẳng phải đẳng quán tâm lượng rồi. Đẳng quán tâm lượng thì chỉ có thâm hợp nên chẳng phải ngôn thuyết đến.

7- CHỈ CỘI GỐC SANH DIỆT ĐỂ HIỂN TÀNG THỨC TỨC NHƯ LAI TÀNG VỐN KHÔNG CẤU NHIỆM.

- ĐẠI HUỆ THỈNH HỎI.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn lại vì con nói ám giới nhập sanh diệt, kia không có ngã thì cái gì sanh cái gì diệt? Kẻ ngu phu y nơi sanh diệt chẳng giác khổ tận, chẳng biết Niết-bàn. Phật bảo: Lành thay! Lắng nghe! Sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo.

Nhân đoạn trước phát minh Như Lai đã được vô gián trí thường, đoạn này lại lấy sanh diệt thừa thỉnh. Bởi vì chúng sanh chẳng đạt chân trí thường trụ, vọng thấy sanh diệt thật có lý do. Tánh ám giới nhập vốn không tác giả mà sanh diệt rõ ràng. Bởi do chẳng giác Như Lai tàng tánh toàn thể đổi thành tàng thức cùng bảy thức thân chung, khởi các căn thức vin theo ngoại cảnh. Đã có sanh diệt tuy không có ngã mà có tàng thức, bảy thức chẳng dứt. Đây là chỗ Nhị thừa không thể biết. Như Lai dạy bảo Bồ-tát thật là rành rõ nên phải xét kỹ.

- CHỈ NHƯ LAI TÀNG THANH TỊNH KHÔNG NHỚ.

Phật bảo Đại Huệ: Như Lai tàng là nhân thiện bất thiện, hay khắp khởi tạo tác tất cả thú sanh, thí như con hát biến hiện các thú, lìa ngã ngã sở. Vì chẳng giác kia nên ba duyên hòa hợp phương tiện mà sanh. Ngoại đạo chẳng giác chấp là tác giả. Vì từ vô thủy ác tập hư ngụy huân tập nên gọi là tàng thức. Sanh vô minh trụ địa cùng thất thức chung, như thân biển sóng, sanh mãi chẳng dứt. Lìa lỗi vô thường, lìa ngã luận thì tự tánh không như cứu kính thanh tịnh.

Như Lai tàng là nhân thiện bất thiện, đây là yếu chỉ bí mật của ba đời Như Lai, chính cùng vọng tưởng không tánh lẫn nhau phát minh. Như Lai tàng đã là nhân thiện bất thiện thì Như Lai tàng cũng không có tánh, như con hát đóng các vai trò mà không có ngã và ngã sở. Nơi đây nếu giác thì, tánh của không tánh vì chiếu liễu nên thất thức chẳng sanh, đã có trí dụng thủy đều bình đẳng. Nơi đây nếu chẳng giác thì, Như Lai tàng đổi làm tàng thức, nên nói “trụ địa vô minh”, vì vô minh bất giác nên vọng động thành nghiệp là sanh kiến phần làm thất thức thân. Thất thức thân này tất cả phạm ngu ngoại đạo chấp làm ngã thể. Cho nên có thường kiến, chẳng phải thường chấp là thường thủy rơi vào vô thường. Nếu lìa vô thường ngã kiến thì tự tánh không như, cứu kính thanh tịnh. Ba duyên là căn trần thức. Thức này gồm chỉ các thức cũng do thất thức dậy khởi đều thuộc kiến phần. Căn trần thuộc tướng phần, cũng chẳng rời kiến phần mà có hiện ra. Cho nên biết, ba cõi trong ngoài thành nơi thất thức, thủy do bất giác Như Lai tàng. Bởi tàng tánh không tánh nên mới tùy duyên. Tùy duyên nhiễm tịnh thiện bất thiện sanh. Chẳng phải thật có chủng tử, mà tất cả chủng tử đều y đó, nên nói từ vô thủy tập khí hư ngụy.

- RIÊNG PHÀM NGUYỄN THỨC GIẢI THOÁT CHẶNG THẤY NHƯ LAI TÀNG TÁNH.

Kỳ dư các thức có sanh có diệt. Ý thức v.v... niệm niệm có thất thức, nhân vọng tưởng chẳng thật chấp các cảnh giới, các thứ hình xứ, chấp trước danh tướng. Chẳng giác sắc tướng tự tâm hiện ra, chẳng giác khổ lạc, chẳng đến giải thoát, danh tướng các thứ trói buộc, tham sanh rồi sanh tham, hoặc nhân hoặc phan duyên, các thọ căn kia diệt, thứ lớp chẳng sanh. Còn tự tâm vọng tưởng chẳng biết khổ vui, vào diệt thọ tưởng chánh thọ, đệ tứ thiên.

Các thức là chỉ cho thất chủng thức. Mê Như Lai tạng chuyển làm thức tạng mà có thất thức thân, một lúc các thức chóng hiện. Niệm niệm có thất thức là, các thức đều có thất thức chủ trì. Do đó vọng tưởng chẳng thật nhảy vọt chuyển sanh nhiếp thủ cảnh giới, chẳng rõ danh tướng trước mắt do tự tâm hiện. Lại y danh tướng sanh thọ khổ lạc, tham sanh sanh tham triền miên chẳng dứt. Do thọ làm nhân, danh tướng làm duyên. Diệt thọ khổ lạc thì danh tướng chẳng sanh. Tất cả vọng tưởng tạm được dừng nghỉ thành diệt tận định và tứ thiên định. Chẳng biết thọ vốn vô ngã thì sanh thọ diệt thọ đều là hư vọng. Đây là phàm phu nhằm lìa sanh diệt mà không có quán kỹ khởi tưởng diệt tận.

Người khéo tu hành chân đế giải thoát, khởi tưởng giải thoát, chẳng lìa chẳng chuyển tên Như Lai tạng thức tạng thì thất thức lưu chuyển chẳng diệt. Vì có sao? Vì kia nhân phan duyên các thức sanh. Chẳng phải cảnh giới của Thanh văn Duyên giác tu hành. Chẳng giác vô ngã thì tự tưởng cộng tưởng nhiếp thọ, sanh ám giới nhập. Thấy Như Lai tạng thì ngũ pháp, ba tự tánh, nhân pháp vô ngã ắt diệt.

Nhị thừa được chân đế giải thoát riêng nơi tứ thiền. Song do chẳng chuyển tàng thức làm Như Lai tàng thì thất thức chẳng diệt. Nghĩa là thất thức cùng tàng thức làm nhân, lại duyên tàng thức mà được sanh trụ, nên nói “y kia trở lại duyên kia”. Nhị thừa chẳng giác tự tâm hiện ra, chẳng biết cảnh hiện duy tâm, không có pháp tánh. Chỉ nơi ám nhập giới phát minh vô ngã, là được nhiếp thủ vẫn còn pháp tự tướng cộng tướng của ám nhập giới. Đây tức là tập khí thất thức chẳng diệt. Thức này cần chuyển tàng thức làm Như Lai tàng mới biết danh, tướng, vọng tưởng đương thể toàn không, chánh trí, như như cũng là nói suông, đến đây mới gọi nhân pháp vô ngã. Chẳng giác vô ngã, chính là nói chẳng giác pháp vô ngã. Nhị thừa chỉ chứng nhân không mà chẳng chứng pháp không. Vì chẳng đạt Như Lai tàng tánh thì chẳng là tàng thức. Chẳng là tàng thức thì thất thức ắt chẳng diệt. Thất thức chẳng diệt mà nói nhân không, chỉ không cái ngã trong tam giới, mà cái ngã tập khí của bát thức thật còn chẳng giác. Chỉ quán ám giới nhập không, chứng được chân đế, chẳng sanh ái thủ, đoạn được nhân tam giới, phần ngoại ngã thất thức diệt mà phần nội ngã chẳng diệt, nên nói “chẳng giác vô ngã”.

- CHỈ NHƯ NHƯ LAI TÀNG TỰ GIÁC CHÓNG LÀ SANH DIỆT CHẴNG PHẢI NHỊ THỪA.

Địa thứ lớp tương tục chuyển tiến, các kiến chấp ngoại đạo không thể làm khuynh động, ấy gọi là trụ Bồ-tát Bất động địa (bát địa), được mười thứ tam-muội đạo môn lạc. Do tam-muội giác gia trì, quán sát Phật pháp bất tự nghi, tự nguyện chẳng thọ tam-muội môn lạc và thật tế, hướng đến tự giác thánh thú, chẳng chung chỗ tu hành với tất cả Thanh văn, Duyên giác và các ngoại đạo,

được mười chủng tánh đạo hiền thánh và thân trí ý sanh, lìa tam-muội hạnh. Thế nên, Đại Huệ! Đại Bồ-tát muốn cầu thắng tiến phải sạch tên Như Lai tàng và thức tàng.

Nương trên nói thấy Như Lai tàng, diệt thất thức thân thì hay tùy địa thứ lớp chuyển tiến, chẳng bị ngoại đạo làm điều động. Đây chính là đệ bát Bất động địa, nên nói “trước Bất động địa vừa xả tàng”. Xả tàng thức thì chánh thọ hiện tiền, do được Như Lai tự giác làm giác gia trì, phát bi nguyện, nên hay chẳng thọ tam-muội môn lạc và trụ thật tế. Thật tế là chân như thật tế. Trụ nơi chân như thật tế thì thấy không Phật có thể thành, không chúng sanh đáng độ, nên chẳng trụ thật tế, y trí khởi dụng. Nên nói “tự giác thánh thú chẳng chung chỗ tu hành với Nhị thừa và các ngoại đạo”. Mười hiền thánh chủng tánh tức là thập địa chủng tánh. Nghĩa là từ thập địa cho đến Phật địa được ba thứ thân, lìa tam-muội viên mãn bồ-đề. Cho nên người muốn được thắng tiến phải khéo rành tên Như Lai tàng và thức tàng. Bởi vì Như Lai tàng và thức tàng một thể hai tên, mê ngộ khác vậy. Vì lẽ Như Lai tàng vốn tự không tánh, tánh không tánh ấy rất chân rất tịch. Tột chỗ chân tịch liền là vô minh, vô minh vô thủy bất giác vọng kiến, kiến vọng vốn là không, chẳng lìa bản tế. Nếu hay giác chỗ này thì an trụ tâm hải, lại không riêng có. Thân tức là pháp thân. Trí tức là Báo thân. Ý sanh tức là Hóa thân. Chuyển bát thức được tên Pháp thân, chuyển thất thức được tên Báo thân, chuyển đệ lục ý thức được tên Hóa thân. Trong khoảng sát-na ngộ mê đã chuyển nên nói “chỉ chuyển tên kia không có thật tánh”.

Đại Huệ! Nếu không thức tàng gọi là Như Lai tàng, ắt không sanh diệt. Đại Huệ! Song các phàm thánh thấy có

sanh diệt. Người tu hành tự giác thánh thú hiện trụ pháp lạc, chẳng bỏ phương tiện. Đại Huệ! Như Lai tàng thức tàng này, tất cả Thanh văn, Duyên giác tâm tưởng thấy được, tuy tự tánh thanh tịnh mà bị khách trần che đậy vẫn thấy chẳng tịnh chẳng phải chư Như Lai. Đại Huệ! Như Lai ấy, cảnh giới hiện tiền, như trong lòng bàn tay xem trái a-ma-lặc.

Đây nói thấy Như Lai tàng là, trừ sạch hiện lưu tuy cũng chẳng bỏ phương tiện mà chẳng đồng với Nhị thừa. Mê Như Lai tàng mà làm thức tàng thì toàn thể là sanh diệt. Như thật biết thức tàng tức Như Lai tàng thì sanh diệt chóng lìa. Mà các phàm thánh thấy có sanh diệt, nên người tu hành thấy tự giác trí vẫn chẳng bỏ pháp lạc phương tiện. Nên nói “biết rõ sanh là tánh chẳng sanh, làm sao bị sanh diệt lưu chuyển?”. Như Lai do sức kia chưa đầy đủ nên có phương tiện. Phương tiện này chẳng phải nói Như Lai tự tánh vẫn có bất tịnh. Như Nhị thừa tâm tưởng thấy được, tuy biết tự tánh thanh tịnh mà do khách trần che đậy vẫn thấy bất tịnh, có được tam-muội pháp lạc đều thành thật pháp. Chẳng bằng người tự giác tu hành thấy rõ tự tánh, chỉ dùng phương tiện chóng trừ hiện lưu. Cho nên biết, thấy tánh không thể chẳng rõ. Nên Như Lai chính thấy cảnh giới hiện tiền chẳng phải một chẳng phải khác, như xem trái a-ma-lặc trong lòng bàn tay, lại không còn nghi ngại.

Đại Huệ! Ta nơi nghĩa này dùng thần lực dựng lập khiến phu nhân Thắng Man và chư Bồ-tát trí sáng đầy đủ v.v... tuyên dương diễn nói Như Lai tàng và tên thức tàng, thức thức chung sanh. Thanh văn chấp trước thấy nhân pháp vô ngã, cho nên phu nhân Thắng Man nương oai thần Phật, nói cảnh giới Như Lai chẳng phải cảnh giới Thanh văn, Duyên giác và ngoại đạo. Như Lai

tàng và thức tàng chỉ là cảnh giới Phật và những Bồ-tát trí tuệ sắc bén y nơi nghĩa. Thế nên, ông và các vị đại Bồ-tát đối với Như Lai tàng thức tàng phải siêng tu học, chớ có chỉ nghe hiểu khởi tưởng biết đủ.

Như Lai tàng tên thức tàng cùng thất thức chung, đây chẳng phải cảnh giới Nhị thừa. Bởi vì Nhị thừa chẳng tin thức thứ tám tức Như Lai tàng. Cho nên đối với ngã thấy vô ngã, thường thấy vô thường, ấy là tưởng đảo. Vì trừ cái tưởng này nên nói thức tàng tức Như Lai tàng, khiến biết tâm ý thức đều không tự tánh, thấy pháp vô ngã, được cái chân ngã, đây là cảnh giới chư Phật. Trừ phu nhân Thắng Man và những vị Bồ-tát trí bén, không có người hay biết được, cho nên Phật răn Bồ-tát chớ khởi tưởng biết đủ.

- TỔNG TỤNG

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Như Lai tàng sâu kín Mà cùng thất thức chung

Hai thứ nhiếp thọ sanh Người trí ắt xa lìa.

Như gương tượng hiện tâm Tập khí vô thủy huân

Người như thật quán sát Các sự thấy vô sự

Như ngu thấy chỉ trắng Xem tay chẳng thấy trắng

Người chấp trước danh tự Chẳng thấy ngã chân thật.

Tâm là con hát giỏi Ý như đánh đàn hay

Năm thức là bè bạn Vọng tưởng, chúng xem hát.

Kệ nói Như Lai tàng sâu kín mà lược nói thức tàng.

Nghĩa là tức thức tức tánh, chân như vô minh an trụ sâu kín. Tuy có thất tức ngã vọng thấy tự tha, như gương

không tâm mà hiện các hình tượng, dụ vô minh vọng tập tùy duyên chóng hiện, như thật mà quán trọn không việc ấy. Người trí liễu đạt đương thể xa lìa, kẻ ngu xem ngón tay chẳng thấy chân thật, đây là lý do phân mê giác vậy. Bát thức không tánh thọ huân tùy duyên biến hiện, nên như con hát, thất ý nhân trong, duyên ngoài nên như người đánh đàn, năm thức góp trần nên như bạn bè, lục thức phân biệt như chúng xem hát. Thấy do vọng hiện chẳng phải có sự thật

KINH LĂNG GIÀ TÂM AN

Thiền Sư Hàm Thị Sớ Giải

Hoà Thượng Thích Thanh Từ Việt Dịch

Thiền Viện Thường Chiếu

G - CHỈ TÁM THỨC NĂM PHÁP BA TỰ TÁNH HAI VÔ NGÃ CỨU KÍNH ĐẠI THỪA THÀNH ĐỆ NHẤT NGHĨA.

1- CHỈ NĂM PHÁP CHUYỂN BIẾN.

- BÀY TƯỚNG NĂM PHÁP.

Khi ấy Bồ-tát Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Cúi xin vì nói tướng năm pháp, tự tánh thức, hai thứ vô ngã, phân biệt cùng tột, con và các đại Bồ-tát khác đối tất cả địa thứ lớp tương tục, phân biệt pháp này vào tất cả Phật pháp, vào tất cả Phật pháp cho đến Như Lai tự giác địa. Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó. Đại Huệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Năm pháp, tự tánh thức, hai thứ vô ngã phân biệt rõ tướng, nghĩa là Danh, tướng, vọng tưởng, chánh trí, như như. Nếu người tu hành tu vào Như Lai tự giác thánh thú, lìa kiến chấp đoạn thường có không v.v... Hiện pháp lạc chánh thọ trụ hiện ở trước. Đại Huệ!

Chẳng giác năm pháp, tự tánh thức, hai vô ngã, tự tâm hiện ngoại tánh, là phàm phu vọng tưởng chẳng phải chư hiền thánh.

Đây hỏi năm pháp tự tánh thức hai vô ngã cứu kính sai biệt. Hỏi chung bốn thứ, đáp riêng bày năm pháp, trên tuy mỗi pháp rành rõ, mà ý thì ba thứ đều vào năm pháp. Giác danh, tướng, vọng tưởng không có tự tánh, liền hay phát minh chánh trí, chứng được như như.

Người tu hành này bởi vào tự giác thánh thú chẳng thấy ngoài tâm có pháp, liền khi ấy xa lìa các kiến chấp đoạn thường có không, hiện pháp lạc trụ, là cảnh giới thánh hiền, chẳng phải phàm ngu có phần. Nghĩa là phàm ngu không tự giác thánh thú, cho nên chẳng giác năm pháp tự tánh thức hai vô ngã thấy duy tâm lượng, mà ở ngoài tâm riêng thấy pháp tướng, tuy chánh trí, như như đều là vọng hiện.

- CHỈ DANH TƯỚNG THẤY DO VỌNG TƯỞNG.

Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Thế nào ngu phu vọng tưởng sanh, chẳng phải chư thánh hiền? Phật bảo Đại Huệ: Ngu phu chấp trước tục số danh tướng, tùy tâm trôi giạt. Trôi giạt rồi các thứ tướng mạo, rơi vào kiến chấp ngã ngã sở hy vọng. Chấp trước sắc đẹp, chấp trước rồi không biết che ngại nên sanh nhiễm trước. Nhiễm trước rồi, tham sân si sanh nghiệp chứa nhóm. Chứa nhóm rồi vọng tưởng tự trói, như tầm làm kén, rơi trong biển sanh tử, đồng hoang các cõi, như bánh xe nước. Bởi vì ngu si không thể biết tự tánh như huyễn, sóng nắng, trăng đáy nước, lìa ngã ngã sở, khởi tất cả vọng tưởng chẳng thật, lìa năng tướng sở tướng và sanh trụ diệt, từ tự tâm vọng tưởng sanh, chẳng phải tự tại, thời tiết, vi trần, thắng diệu sanh. Phàm phu ngu si theo danh tướng trôi.

Tất cả danh tướng từ vọng tưởng sanh chẳng phải có nhân khác, để rõ ngoại đạo chấp nhân khác đều do chẳng đạt danh tướng không có tự tánh, chính nơi ấy vô sanh. Tất cả thế gian nhân danh sanh tướng, tướng sanh vọng tưởng, vọng tưởng không biết theo tướng nhiệm trước, khởi tham sân si, kết các nghiệp trói buộc như tầm làm kén lưu chuyển sanh tử như bánh xe nước. Chẳng biết tất cả danh tướng đều không tự tánh, như sóng nắng, trăng đáy nước, không ngã ngã sở, chỉ do vọng tưởng chẳng thật lập bày, chẳng phải có nhân khác. Nói có nhân khác như tự tại, thời tiết v.v... Thấy do phàm phu ngu si chẳng đạt danh tướng theo danh tướng mà lưu chuyển.

- CHUYỀN VỌNG TƯỞNG TỨC TRÍ, NHƯ.

Đại Huệ! Tướng kia là, chỗ soi của nhãn thức gọi là sắc, chỗ soi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, ý thức gọi là thanh, hương, vị, xúc, pháp, ấy gọi là tướng. Đại Huệ! Vọng tưởng kia lập bày các danh, hiển hiện các tướng. Như đây chẳng khác tên voi ngựa xe bộ hành nam nữ v.v..., ấy gọi là vọng tưởng. Đại Huệ! Chánh trí là, biết danh tướng kia không thể được, ví như khách đi qua, các thức chẳng sanh, chẳng đoạn chẳng thường chẳng rơi vào chỗ tất cả ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác.

Đây lại chỉ rõ vọng tưởng lập bày, khiến đạt danh tướng chẳng thật liền chuyển vọng tưởng mà làm chánh trí. Do chỗ soi của căn thức khởi ra các tướng sắc v.v... Lại do vọng tưởng phân biệt lập bày các danh, các tướng càng bày. Nếu chính các thức chiếu soi chưa đầy phân biệt thì không có chỗ hiển bày. Nơi đây tổ ngộ mới biết tất cả danh tướng trọn không thể được. Vả lại chính vọng tưởng hiển bày danh tướng, mà làm chánh trí liễu đạt danh tướng, không có thể khác, mà có dụng khác, nên

nói “có phiền não thì không trí tuệ, có trí tuệ tức không phiền não”. Chánh trí hiện tiền thì phân biệt chẳng sanh, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Đây không phải cảnh giới của nhị thừa, huống là ngoại đạo?

Lại nữa, Đại Huệ! Đại Bồ-tát do chánh trí này chẳng lập danh tướng, chẳng phải không lập danh tướng, bỏ là hai kiến chấp dựng lập (có) và phủ báng (không), biết danh tướng chẳng sanh, ấy gọi là như như. Đại Huệ! Đại Bồ-tát trụ như như ấy được cảnh giới không thật có, nên được Bồ-tát Hoan hỷ địa. Được Bồ-tát Hoan hỷ địa rồi, hằng là tất cả cõi ác ngoại đạo, chính trụ chỗ xuất thế gian, pháp tướng thành thực, phân biệt tất cả pháp huyễn v.v... tự giác pháp thú tướng rành rõ, là các vọng tưởng, thấy tánh tướng khác, thứ lớp đến Pháp vân địa (thập địa). Ở trong khoảng giữa đó do sức tam-muội tự tại, thần thông mở tròn, được Như Lai địa rồi, các thứ biến hóa tròn chiếu thị hiện thành thực chúng sanh, như trăng đáy nước, khéo cùng tột đầy đủ mười câu vô tận, vì các thứ ý hiểu của chúng sanh phân biệt nói pháp, pháp thân là ý làm ra, ấy gọi là Bồ-tát nhập như như mà được.

Đây tức danh tướng mà được như như. Chẳng lập danh tướng, chẳng phải không lập danh tướng, là kiến chấp có không, chính được pháp thể. Cho nên tức nơi danh tướng mà được như như. Pháp vị như như tức là cảnh giới không thật có Hoan hỷ địa. Đến địa này rồi hằng là tất cả ác kiến gọi là xuất thế gian. Do đó chân như pháp tướng thứ lớp thành thực. Tức là hay thuận pháp như huyễn dùng trí tự giác khởi các pháp hạnh. Là vọng tưởng đã thấy các pháp tướng khác, nghĩa là tất cả pháp chân như thật tướng không có một khác, thấy một khác là vọng tưởng vậy. Bồ-tát tức vọng tức chân nên

hay dùng tướng không tướng dựng lập các địa, tùy sức tam-muội thần thông tự tại cứu kính Phật địa, biến hóa chiếu diệu đối hiện sắc thân như trăng đáy nước, đầy đủ mười câu vô tận, vì các chúng sanh phân biệt diễn nói, đây gọi là pháp thân là ý tạo ra, nhậm vận như như.

2- CHỈ TẤT CẢ PHÁP THẢY VÀO NĂM PHÁP.

- CHỈ BA TỰ TÁNH VÀO NĂM PHÁP.

Bồ-tát Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Tại sao Thế Tôn nói ba thứ tự tánh vào năm pháp, là mỗi cái có tự tánh riêng? Phật bảo Đại Huệ: Ba thứ tự tánh và tám thức, hai thứ vô ngã thấy vào năm pháp. Đại Huệ! Danh và tướng kia là vọng tưởng tự tánh. Đại Huệ! Nếu y vọng tưởng kia sanh tâm và tâm pháp (tâm sở), gọi đồng thời sanh, như mặt nhật và ánh sáng đồng, các thứ tướng mỗi thứ riêng phân biệt gìn giữ, ấy gọi là duyên khởi tự tánh. Đại Huệ! Chánh trí, như như vì không thể hoại nên gọi là thành tự tánh.

Đây nói ba thứ tự tánh, tám thức, hai thứ vô ngã thấy vào năm pháp. Vả lại trước nói ba tự tánh vào năm pháp. Danh tướng không tánh, vọng chấp mà thành, cho nên nhiếp danh tướng thấy là Biến kế chấp. Y danh tướng vọng chấp mà khởi phân biệt, tâm tâm sở pháp một lúc chóng hiện không có trước sau, như mặt nhật và ánh sáng, gọi là Duyên khởi tánh. Nếu đạt vọng chấp danh tướng vốn không tự tánh, tâm tâm sở pháp liền đó tiêu sạch, tiêu sạch tâm theo tướng thì trí chiếu sáng ngời, liễu đạt tướng không tánh, chân như hiển bày, nên gọi là Viên thành thật tánh.

- CHỈ TÁM THỨC HAI VÔ NGÃ VÀO NĂM PHÁP.

Lại nữa, Đại Huệ! Tự tâm hiện vọng tưởng có tám thứ phân biệt. Nghĩa là tướng thức tàng, ý, ý thức và năm thức thân, tướng chẳng thật vì vọng tưởng. Ngã và ngã sở hai cái nhiếp thọ diệt thì hai vô ngã sanh. Thế nên, Đại Huệ! Năm pháp này Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Như Lai tự giác thánh trí, các địa tương tục thứ lớp, tất cả Phật pháp thầy vào trong ấy.

Đây nói tám thức hai vô ngã vào năm pháp. Chẳng giác tự tâm hiện ra, tám thức thức tướng một lúc chóng sanh, mỗi cái có tự loại lập bày vọng tưởng, năng vọng sở vọng, nhân pháp rõ ràng. Nếu giác tự tâm hiện ra thì kiến phần, tướng phần như băng tiêu dung, liền chuyển tâm, ý, ý thức mà làm tứ trí, năng thủ sở thủ không, trí và tịch lẫn nhau hiển hiện. Cho nên, Nhị thừa, Bồ-tát, Như Lai đã có trí địa tự giác thầy vào năm pháp.

- CHỈ TẤT CẢ PHẬT PHÁP VÀO NĂM PHÁP.

Lại nữa, Đại Huệ! Năm pháp là tướng, danh, vọng tưởng, như như, chánh trí. Đại Huệ! tướng là nếu ở chỗ hình tướng sắc tượng v.v... hiện, ấy gọi là tướng. Nếu kia có tướng như thế gọi là bình v.v... Tức cái này không phải cái khác, ấy nói là danh. Lập bày các danh, hiển hiện các tướng bình v.v... Nơi tâm tâm pháp, ấy gọi là vọng tưởng. Danh kia tướng kia cứu kính không thể được, trước sau không giác, nơi các pháp không triển chuyển, lìa vọng tưởng chẳng thật, ấy gọi là như như. Chân thật quyết định cứu kính tự tánh không thể được, kia là như tướng, ta tức chư Phật tùy thuận nhập xứ, khắp vì chúng sanh như thật diễn nói lập bày hiển thị, nơi kia tùy nhập chánh giác chẳng đoạn chẳng thường, vọng tưởng chẳng khởi, tùy thuận tướng tự giác thánh thú, mà tất cả ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác không đạt được, ấy gọi là chánh trí. Đại Huệ! Ấy

gọi là năm pháp, ba thứ tự tánh, tám thức, hai thứ vô ngã, tất cả Phật pháp thả vào trong ấy. Thế nên, Đại Huệ! Phải tự phương tiện học, cũng dạy người khác, chớ theo nơi nào.

Đây nói tất cả Phật pháp đều vào năm pháp. Giải thích lại năm pháp, chỉ người tùy thuận chánh trí, như như. Thứ lớp chứng được nên gọi là phương tiện. Xét nói, nhân tướng được danh, theo danh hiển tướng, lập bày vọng tưởng, thấy hiển tất cả danh tướng đều không thể được. Trước sau không giác, đối trong các pháp không có triển chuyển, chỉ lìa vọng tưởng tức là như như. Đây là tất cả pháp tự tướng chân như, thập địa Bồ-tát chỗ chứng có cạn sâu, chẳng phải hàng nhị thừa, nên nói “ta và chư Phật tùy thuận nhập xứ”. Vô phân biệt trí duyên chân như cảnh nếu duyên các duyên khác thuộc về hậu đắc trí. Song hai trí, thể một mà dụng khác, liễu tục cũng do chứng chân, nên hai trí đều do chân như bày hiện. Tùy thuận hai trí đã chứng chân như được vào chánh giác, đến chỗ cứu kính phi thường phi đoạn, hiện tha thọ dụng thân độ và biến hóa thân độ, như thật diễn nói, phá các lưới nghi, nên nói “tất cả Phật pháp thả vào năm pháp, do tự chứng biết chẳng từ nơi khác được”.

- TỔNG TỤNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Năm pháp ba tự tánh
 Hai thứ không có ngã
 Danh tướng hư vọng tưởng
 Tự tánh hai thứ tướng

Chánh trí và như như
 Và cùng tám thứ thức
 Thầy nhiếp thuộc Đại thừa
 Ấy tức là thành tướng.
 Ấy tức là thành tướng.

Kệ tụng năm pháp, tự tánh, tám thức, vô ngã thầy nhiếp Đại thừa. Đại thừa là tự tâm hiện lượng. Mê tự tâm lượng thì danh tướng lăng xăng, trí như lẩn hiển, y tha cho là riêng có, kể chấp ắt đợi viên thành. Muốn phá vô minh của tám thức thì sở tri của hai cái ngã phải tiêu dung, đến nơi giác còn khởi quán gì? Mộng qua sông nhớ lại lạng cạm, phải tự dứt bật vậy

KINH LĂNG GIÀ TÂM ÁN

Thiền Sư Hàm Thị Sớ Giải
 Hoà Thượng Thích Thanh Từ Việt Dịch
 Thiền Viện Thường Chiếu

H- CHỈ PHÁP THÂN BA ĐỜI NHƯ LẠI QUÁ CHỖ NGHĨ NGỢI CỦA THẾ GIAN, CHẴNG PHẢI NGHĨA SÁT-NA, TRƯỚC SAU KHÔNG LỖI THANH TỊNH VÔ LẬU.

1- CHỈ PHÁP THÂN TỰ THÔNG QUÁ CHỖ NGHĨ NGỢI CỦA THẾ GIAN.

- THƯA THỈNH VỀ CHƯ PHẬT CÓ HẰNG SA DIỆU NGHĨA.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Như Thế Tôn đã nói “Quá khứ chư Phật như hằng hà sa, vị lai hiện tại cũng lại như thế”. Thế nào Thế Tôn là như nói

mà tín thọ hay lại có nghĩa khác? cúi xin Như Lai thương xót giải nói.

Cảnh giới chư Phật bất khả tư nghì, cảnh giới Phật trí bất khả tư nghì, cảnh giới chúng sanh bất khả tư nghì, cảnh giới vọng tưởng bất khả tư nghì, bất khả tư nghì này đồng pháp giới tánh, không thiếu không dư, chẳng ra chẳng vào, không thể chỉ bày, cũng chẳng phải không nói. Đây nhân dụ hằng hà sa Phật riêng hiển nghĩa này. Trừ vì chúng sanh phương tiện dẫn thí dụ, nơi câu vô nghĩa để thông chân thật thì chẳng phải nhất thiết trí đâu hay dựa vào đây.

- CHỈ CHƯ PHẬT TỰ THÔNG QUÁ CHỖ NGHĨ THẾ GIAN, KHÔNG THỂ NÓI THÍ DỤ.

Phật bảo Đại Huệ: Chớ như nói mà tín thọ, số lượng chư Phật ba đời chẳng phải như hằng hà sa. Vì có sao? Vì quá chỗ nghĩ của thế gian, chẳng phải thí dụ và sở thí dụ, do phàm ngu chấp thường, ngoại đạo vọng tưởng nuôi lớn ác kiến sanh tử không cùng, muốn khiến nhàm lìa vòng sanh tử, chuyên cần thẳng tiến, nên vì họ nói chư Phật dễ thấy, chẳng phải như hoa Ưu-đàm-bát khó được thấy. Dứt phương tiện cầu, có khi lại xem các người thọ hóa khởi nói thế này, Phật khó được gặp như hoa Ưu-đàm-bát. Hoa Ưu-đàm-bát không ai đã thấy, hiện thấy, sẽ thấy. Như Lai thế gian thấy thấy, vì chẳng do kiến lập tự thông nói rằng Như Lai ra đời như hoa Ưu-đàm-bát. Đại Huệ! Tự kiến lập tự thông quá chỗ nghĩ của thế gian, các phàm ngu kia không thể tin. Cảnh giới tự giác thánh trí, không cùng cái gì thí dụ được. Chân thật Như Lai quá tương tâm ý ý thức được thấy, không thể làm thí dụ. Đại Huệ! Song ta nói thí dụ Phật như hằng hà sa không có lỗi lầm.

Số lượng ba đời chư Phật chẳng phải như hằng hà sa, quá chỗ nghĩ của thế gian, chẳng phải thí và sở thí, đây là Như Lai chân ngữ như ngữ vô thượng, diệu đế, chỉ chứng tự biết. Song do chúng sanh hy vọng, vì đoạt cái hư vọng kia quyền chỉ chân thật, bảo có chư Phật chẳng phải như Ưu-đàm, hoặc nói như hoa Ưu-đàm để chỉ khó gặp, mà chẳng phải để kiến lập tự thông. Cảnh giới tự thông chẳng phải tướng có thể thấy, chẳng phải tướng chẳng thấy. Hành xử chân thật của Như Lai quá tất cả kiến tướng của tâm ý ý thức, không thể ví dụ. Lại nói “song ta nói thí dụ Phật như hằng sa cũng không có lỗi lầm”, là thánh trí bên cạnh tự thông tùy nói mà chỉ bày, chẳng phải chỗ hay thấy của Nhị thừa và Bồ-tát thủy giáo. Văn sau rộng chỉ nghĩa này, duy phải tỏ ngộ.

- DỤ NHƯ LAI PHÁP THÂN BẢN TỊCH.

Đại Huệ! Thí như cát sông Hằng tất cả cá, trạch, thân thu, ma-ha, sư tử, voi, ngựa, người, thú dẫm đạp, cát chẳng nghĩ rằng kia nào loạn ta mà sanh vọng tưởng, tự tánh thanh tịnh không các như chớp. Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác tự giác thánh trí là sông Hằng, đại lực thần thông tự tại v.v... là cát. Tất cả ngoại đạo các người thú v.v... tất cả nào loạn, Như Lai chẳng nghĩ mà sanh vọng tưởng. Như Lai lặng lẽ không có niệm tưởng. Như Lai bản nguyện lấy cái vui tam-muội vì an chúng sanh, không có nào loạn, ví như cát sông Hằng đồng không có khác, lại vì đoạn tham sân.

Về sau đều tức nơi hằng sa nói rộng nghĩa Phật, mà đây lại dụ Như Lai pháp thân bản tịch. Như Lai tự giác thánh trí có hằng sa đại lực, thần thông tự tại, bị tất cả ngoại đạo, người, thú nào loạn mà tánh giác cát thể vẫn tịch, không có niệm tưởng. Chỉ dùng bản nguyện an lạc quần sanh, khiến họ tự giác không có tham sân. Thế

mới biết, tất cả chúng sanh tự ở trong cũng có giác cát, mà từ vô thủy đến nay bị các tà kiến người thú dẫm đạp trợn không chán lìa, lạng lẽ đến nay không thêm không bớt. Chỉ dùng chân như bản nguyện an lạc tất cả chúng sanh niệm niệm khởi diệt, khiến trụ pháp vị không có nào loạn. Ví như cát sông Hằng là vì đoạn tham sân, mà tất cả chúng sanh không tự giác biết, thấy là Như Lai chử Phật như cát sông Hằng kia.

- DỤ PHÁP THÂN CHẲNG DIỆT.

Thí như cát sông Hằng là tự tánh của đất này, khi kiếp tận lửa cháy, cháy tất cả đất, mà địa đại kia chẳng bỏ tự tánh, vì cùng hỏa đại đồng sanh. Còn ngoài ra kẻ ngu khởi tưởng đất bị cháy, mà đất chẳng bị cháy, vì là nhân của lửa. Như thế, Đại Huệ! Như Lai pháp thân như cát sông Hằng chẳng hoại.

Đây dụ Như Lai pháp thân thường trụ chẳng diệt, thí như cát sông Hằng, đồng với cái kiên cố này là tự tánh đất, cùng hỏa đại đồng sanh. Lửa nhân đất mà được tánh cháy, đất nhân lửa mà được lý sanh, đều không có nghĩa cháy hết.

- DỤ PHÁP THÂN KHẮP TẤT CẢ CHỖ KHÔNG CÓ CHỌN LỰA.

Đại Huệ! Thí như cát sông Hằng không có hạn lượng, Như Lai quang minh cũng lại như thế, không có hạn lượng, vì thành thực chúng sanh khắp soi tất cả chử Phật đại chúng. Đại Huệ! Thí như cát sông Hằng riêng cầu cát khác hằng không thể được. Như thế, Đại Huệ! Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác không sanh tử sanh diệt, vì có nhân duyên đoạn vậy.

Đây dụ Như Lai pháp thân khắp tất cả chỗ không có lựa chọn. Tự tâm hiện lượng khắp giáp sa giới, tất cả tiếng

là tiếng Phật, tất cả sắc là sắc Phật, nên nói “không có cát khác”. Có nhân duyên đoạn là, lại phòng lỗi tự nhiên. Như Lai đã chỉ cho người lấy sự nhất dụng hồn nhiên, không phải chẳng quấy mà lại hiển chỉ thú vô cầu thanh tịnh, có nói lẫn nhau phát minh.

- DỤ PHÁP THÂN ĐỐI HIỆN KHÔNG CÓ TĂNG GIẢM.

Đại Huệ! Thí như cát sông Hằng thêm bớt không thể biết. Như thế, Đại Huệ! Như Lai trí tuệ thành thực cho chúng sanh chẳng thêm chẳng bớt, vì chẳng phải thân pháp. Thân pháp là có hoại. Như Lai pháp thân chẳng phải thân pháp.

Đây dụ pháp thân ứng hiện không có thêm bớt. Chúng sanh duyên thành thực tức thấy Như Lai thành đẳng chánh giác, nói pháp độ sanh, vào Niết-bàn, mà Như Lai pháp thân vốn không đi, lại, cũng không có tâm hiện. Có đi có lại ấy là thân pháp, mà Như Lai chẳng phải là thân pháp, không thể phá hoại. Nên nói “tùy duyên phó cảm đâu chẳng khắp, mà thường ngồi tòa bồ-đề này”.

- DỤ NHƯ LAI BI NGUYỆN ĐỒNG VỚI PHÁP GIỚI.

Như ép cát sông Hằng không thể được dầu. Như thế, tất cả chúng sanh tốt khổ ép ngặt Như Lai. Cho đến chúng sanh chưa được Niết-bàn, chẳng bỏ pháp giới, tự tam-muội nguyện lạc vì do đại bi.

Đây dụ Như Lai bi nguyện đồng với pháp giới. Dầu sánh Như Lai tâm niệm mỗi chán. Như Lai dùng mười câu vô tận, thành tựu chúng sanh khổ tốt ép ngặt, không có chán bỏ, do đại bi làm thành.

- DỤ NHƯ LAI PHÁP THÂN TÙY THUẬN NIẾT BÀN.

Đại Huệ! Thí như cát sông Hằng theo nước mà trôi, chẳng phải không nước. Như thế, Đại Huệ! Như Lai nói

ra tất cả các pháp theo dòng Niết-bàn. Thế nên nói như cát sông Hằng. Như Lai chẳng theo các dòng (khứ) di chuyển, vì đi là nghĩa hoại. Đại Huệ! Sanh tử bản tế không thể biết, vì không biết làm sao nói đi? Đại Huệ! Đi đó là nghĩa đoạn mà kẻ ngu chẳng biết.

Đây dụ Như Lai pháp thân tùy thuận Niết-bàn. Nếu chẳng tùy thuận là bị dòng sanh tử chuyển, thành nghĩa đoạn diệt. Sanh tử bản tế tức là Niết-bàn bản tế, do chẳng biết thì chẳng tùy thuận, khởi tưởng đi là hoại. Đi là nghĩa đoạn, mà Như Lai pháp thân chẳng đoạn.

- CHỈ SANH TỬ GIẢI THOÁT BẢN TẾ VÔ BIÊN.

Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Nếu chúng sanh sanh tử bản tế không thể biết, làm sao giải thoát có thể biết? Phật bảo Đại Huệ: Nhân tập khí vọng tưởng lỗi ác hư ngụy từ vô thủy diệt, tự tâm hiện biết nghĩa bên ngoài, vọng tưởng thân chuyển mà giải thoát chẳng diệt. Thế nên vô biên chẳng phải hoàn toàn không có. Vì vọng tưởng kia khởi vô biên v.v... tên khác. Quán sát trong ngoài lìa nơi vọng tưởng, không có chúng sanh khác, trí và sở tri tất cả các pháp thấy đều tịch tĩnh. Chẳng biết tự tâm hiện vọng tưởng nên vọng tưởng sanh, nếu biết thì diệt.

Sanh tử bản tế tức Niết-bàn bản tế, do chẳng biết tùy thuận khởi ra vọng kiến thì sanh tử tướng khác, Niết-bàn tướng khác, thành lỗi tập khí. Nếu biết tự tâm hiện ra, sanh tử Niết-bàn vốn không hai mé. Tức nhân vọng tập diệt thì thấy các pháp bên ngoài không có tự tánh, bèn hay chuyển vọng tưởng thân tùy thuận sanh tử, gọi là giải thoát mà chẳng phải đoạn diệt. Cho nên nói “vô biên, chẳng phải trọn không bản tế”. Chỉ do chẳng biết bản tế vọng thấy sanh tử Niết-bàn, khởi tưởng hữu

biên. Vì vọng tưởng kia nói là vô biên, bởi khiến quán sát trong ngoài, chỉ trừ vọng tưởng lại không có danh tự chúng sanh, trí và sở tri tất cả các pháp thủy đều tịch tĩnh. Cho nên biết, chúng sanh sanh tử đều do vọng tưởng, chẳng biết tự tâm hiện thì vọng tưởng sanh, biết tự tâm hiện thì vọng tưởng diệt. Diệt thì bản thể tùy thuận, sanh tử Niết-bàn đều như mộng huyễn.

- TỔNG TỤNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Quán sát các đạo sư Ví như cát sông Hằng
Chẳng hoại cũng chẳng đi Cũng lại chẳng cứu kính.

Ấy tức là bình đẳng Quán sát chư Như Lai

Ví như cát sông Hằng v.v... Thủy là tất cả lỗi.

Theo dòng mà tánh thường Ấy là Phật chánh giác.

Như Lai pháp thân chẳng phải hoại chẳng phải đi. Nếu lại có cứu kính thì Niết-bàn sanh tử là hai chẳng phải bình đẳng. Nếu chẳng phải bình đẳng thì thuộc tác nhân. Tác thì vô thường có nhiều lỗi lầm. Cho nên biết chỉ trừ vọng tưởng tác nhân thì theo dòng được tánh, liền thấy cảnh giới Như Lai tự giác, đồng với mé sanh tử tịch tĩnh thường trụ. Đây là Như Lai nhân dụ cát sông Hằng mà kiến lập tự thông, là lỗi ngôn thuyết. Tuy có nói thí dụ mà cứu kính bất khả tư nghì.

2- CHỈ PHÁP THÂN VÔ LẬU, CHẴNG PHẢI NGHĨA SÁT-NA.

- CHỈ CÁC PHÁP SÁT-NA

+ SẮP CHỈ SÁT-NA PHI NGHĨA SÁT-NA, TRƯỚC BÀY CÁC PHÁP.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Cúi xin vì nói tướng hoại của tất cả các pháp sát-na? Thế Tôn! Thế nào tất cả pháp sát-na? Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, ta sẽ vì ông nói. Phật bảo Đại Huệ: Tất cả pháp ấy, nghĩa là lành, chẳng lành, vô ký, hữu vi, vô vi, thế gian, xuất thế gian, có tội, không tội, hữu lậu, vô lậu, thọ, chẳng thọ.

Hỏi nghĩa sát-na để bày nghĩa phi sát-na. Niệm niệm không dừng gọi là sát-na, cũng gọi là tướng hoại, cũng gọi là tướng không. Tất cả pháp sát-na là, tất cả pháp trong ngoài do tự tâm hiện ra niệm niệm không dừng. Bởi không biết tự tâm là nghĩa phi sát-na, chỉ thấy cảnh hiện ra niệm niệm sanh diệt sát-na chẳng dừng, mà làm cho là pháp vô vi đều đồng với diệt hết, rồi khởi ra đoạn kiến. Chẳng biết tất cả pháp sát-na có cái phi sát-na, chỗ này không phải Nhị thừa thấu được. Hỏi đáp nêu ra thấy đều để rõ ý chỉ này. Trước bày tất cả pháp, đợi sau mới hiển minh.

Đại Huệ! lược nói tâm ý ý thức và tập khí, ấy là nhân năm thọ ấm, tâm ý ý thức tập khí ấy nuôi lớn, phàm ngu lành chẳng lành vọng tưởng.

Lược nói pháp năm ấm, bởi tất cả pháp đều từ năm ấm sanh khởi. Pháp năm ấm lại lấy tâm ý ý thức, tập khí làm nhân mà được nuôi lớn. Phàm ngu lành chẳng lành vọng tưởng là, tam giới, lục phàm, hữu lậu vọng tưởng là nghĩa sát-na.

Đại Huệ! Tu tam-muội lạc, tam-muội chánh thọ, hiện pháp lạc trụ gọi là Hiền Thánh thiện vô lậu.

Nhân tướng vô lậu của thánh hiền trong tam thừa là phi sát-na. Do tu tam-muội được pháp lạc trụ hiện bày ra, sau mới phát minh.

+ CHỈ NGHĨA SÁT-NA.

Đại Huệ! Lành chẳng lành là, tám thức. Những gì là tám? Nghĩa là Như Lai tàng tên tàng thức, tâm ý ý thức và năm thức thân, chẳng phải chỗ ngoại đạo nói. Đại Huệ! Năm thức thân cùng tâm ý ý thức chung. Tướng lành chẳng lành lần lượt biến hoại. Về tương tục lưu chú chẳng hoại thân sanh, cũng sanh cũng diệt. Chẳng giác tự tâm hiện, thứ lớp diệt, các thức khác sanh. Hình tướng sai biệt nhiếp thọ ý thức cùng năm thức chung tương ưng sanh. Thời gian sát-na chẳng dừng gọi là sát-na.

Đây chỉ cho tâm thức hữu lậu lành và chẳng lành vốn có thân chẳng hoại, mà làm theo sanh diệt. Cho nên tức nơi sát-na để hiển bày nghĩa phi sát-na. Như Lai tàng tên tàng thức chẳng phải chỗ ngoại đạo nói, nghĩa là ngoại đạo chẳng biết tàng thức tức Như Lai tàng. Cho nên chính năm thức nương tâm ý ý thức khi khởi ra tướng lành chẳng lành lần lượt biến hoại. Cái tương tục lưu chú kia chẳng hoại, mà cũng theo các thức cùng thân chung sanh cùng thân chung diệt. Do gốc bất giác tự tâm hiện lượng, đối với cái trong thứ lớp diệt hiện ra không thể an trụ, liền có các thức khác theo chỗ tập nặng của đời trước khởi các hình tướng. Lại dẫn ý thức và năm thức căn cùng tâm sở tương ưng thành nghĩa sát-na. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Một là căn bản sanh tử từ vô thủy, tức là hiện nay ông cùng các chúng sanh dùng tâm phan duyên làm tự tánh. Hai là thể thanh tịnh bồ-đề Niết-bàn từ vô thủy, tức là hiện nay thức tinh nguyên minh của ông hay sanh các duyên, duyên bỏ sót

nó. Do các chúng sanh bỏ sót cái bản minh này, tuy trọn ngày làm mà chẳng tự giác, uổng vào các thú”. Đây là tương tục chẳng hoại do gốc bất giác làm theo sanh diệt. Đâu chẳng phải hay sanh các duyên, rồi duyên bỏ sót uổng vào các thú, thật đáng buồn thay!

- CHỈ TẬP KHÍ VÔ LẬU CHẴNG PHẢI NGHĨA SÁT-NA.

+ CHỈ SÁT-NA CHẴNG PHẢI NGHĨA SÁT-NA.

Đại Huệ! sát-na ấy gọi thức tàng Như Lai tàng thức cùng ý chung sanh là tập khí sát-na, còn tập khí vô lậu chẳng phải nghĩa sát-na, chẳng phải chỗ giác của phàm ngu. Vì chấp trước sát-na luận nên chẳng giác tất cả pháp sát-na phi sát-na, rồi khởi đoạn kiến hoại pháp vô vi.

Đây chính hiển bày nghĩa sát-na phi sát-na. Mê Như Lai tàng mà làm tàng thức liền có thức cùng ý chung sanh, thành ra tập khí, đây là nghĩa sát-na. Nếu đạt được thức cùng ý chung sanh nhân mê mà có, vốn không tự tánh, tức là chuyển thức tàng làm Như Lai tàng. Đây là tập khí vô lậu chẳng phải nghĩa sát-na, chẳng phải chỗ giác của phàm ngu. Bởi vì phàm ngu chỉ giác tất cả pháp sát-na, mà không biết tất cả pháp sát-na có phi sát-na, luống khởi đoạn kiến phá hoại pháp vô vi. Cho nên biết, tất cả chúng sanh chẳng giác chẳng biết, làm theo sanh diệt. Đây là lý do Như Lai dùng vô gián tất-đàn (bồ thí không ngừng) vậy.

+ CHỈ NHƯ LẠI TÀNG CHẴNG PHẢI NGHĨA SÁT-NA.

Đại Huệ! Thất thức chẳng lưu chuyển, chẳng chịu khổ vui, chẳng phải nhân Niết-bàn. Đại Huệ! Như Lai tàng chịu khổ vui cùng nhân chung hoặc sanh hoặc diệt. Bị tứ trụ địa và vô minh trụ địa làm say, phàm ngu bất giác chấp sát-na nên vọng tưởng huân tâm.

Thất thức do bất giác vọng khởi kiến phần gồm làm tự thể. Vọng thể vốn là dối nên chẳng phải nhân Niết-bàn. Như Lai tàng ở trong vị mê, vọng chịu khổ vui mà cùng nhân tướng Niết-bàn hòa hợp, tuy chung với các thọ sanh diệt mà nhân tướng chẳng diệt, bởi có ngũ trụ địa làm say mê, mà phàm ngu bất giác khởi chấp sát-na. Chẳng lưu chuyển là, thất thức y bát thức niệm niệm huân tập dường như có thật ngã, mà sát-na chẳng dừng. Đến lúc chết giấc chỉ còn bát thức, nên nói chẳng lưu chuyển. Chưa đến lúc chết giấc thường có sức chuốc khổ vui, mà biết khổ biết vui chẳng phải nó thọ nhận, nên nói chẳng chịu khổ vui. Vọng thấy sanh diệt sát-na chẳng dừng là trước sau bất giác vậy. Tứ trụ thuộc về phàm phu, vô minh trụ thuộc Nhị thừa, giải thích ở quyển trước.

Lại nữa, Đại Huệ! Như kim cương, xá-lợi Phật được tánh kỳ đặc trọn không thể làm tổn hoại. Đại Huệ! Nếu được vô gián mà có sát-na thì thánh nên không phải thánh. Song thánh chưa từng chẳng phải thánh, như kim cương tuy trải nhiều kiếp số mà cân lượng chẳng giảm. Tại sao phàm ngu chẳng rõ lời nói ẩn khuất của ta, đối tất cả pháp trong ngoài khởi tưởng sát-na?

Nói lại Như Lai tàng chứng pháp vô lậu chẳng phải nghĩa sát-na. Kim cương cùng xá-lợi Phật đây là hai tánh kỳ đặc chẳng hoại, để dụ Như Lai tàng chân tánh vô gián chẳng theo các pháp sát-na. Phàm ngu không trí chẳng hiểu kho Như Lai bí mật, cho là đồng với các pháp rời khỏi tưởng sát-na, đây là lý do hoại pháp vô vi.

+ CHỈ THỂ GIAN XUẤT THỂ GIAN BA-LA-MẬT CHẴNG LÀ SÁT-NA.

Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Như Thế Tôn nói sáu ba-la-mật đầy đủ được thành chánh giác, những gì là sáu? Phật bảo Đại Huệ: ba-la-mật có ba thứ phân biệt: thế gian, xuất thế gian, xuất thế gian thượng thượng. Đại Huệ! thế gian ba-la-mật là, ngã và ngã sở nhiếp thọ chấp trước, nhiếp thọ hai bên, là chỗ các thứ thọ sanh, ưa sắc thanh hương vị xúc, nên đầy đủ bố thí ba-la-mật, giới, nhẫn, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cũng như thế, phàm phu thần thông và sanh phạm thiên.

Nhân ở trước phát minh nghĩa phi sát-na, ở đây lại hỏi sáu ba-la-mật. Ý bảo, nếu chẳng phải sát-na không nên có sáu thứ, nếu thuộc sát-na thì không nên cho là phi sát-na làm nhân đầy đủ. Ba-la-mật có ba thứ, trước là thế gian. Ngã là người hay thí, ngã sở là vật đem ra thí, nhiếp thọ năng sở tức chẳng lìa hai bên có không. Vì cầu được thọ sanh thù thắng, đây là nhân quả hữu lậu, vốn là việc làm của phàm phu. Thần thông là ngũ thông của nhân thiên vậy.

Đại Huệ! xuất thế gian ba-la-mật là, Thanh văn, Duyên giác rơi vào nhiếp thọ Niết-bàn, hành sáu ba-la-mật thích tự mình được vui Niết-bàn.

Xuất thế gian ba-la-mật tuy không nhiếp thọ nhân quả thế gian mà nhiếp thọ Niết-bàn làm cái vui tự độ, cũng chẳng phải cứu kính.

+CHỈ XUẤT THẾ GIAN THƯỢNG THƯỢNG BA-LA-MẬT CHẴNG PHẢI NGHĨA SÁT-NA.

Xuất thế gian thượng thượng ba-la-mật là, vì giác tự tâm hiện vọng tưởng lượng nhiếp thọ và tự tâm là hai, nên chẳng sanh vọng tưởng. Đối các thú không có phần nhiếp thọ, tự tâm sắc tướng không chấp trước, vì an lạc tất cả chúng sanh khởi bố thí ba-la-mật. Khởi phương

tiện thượng thượng nơi duyên vọng tưởng kia chẳng sanh là giới, ấy là trì giới ba-la-mật. Tức nơi vọng tưởng kia chẳng sanh là nhẫn, biết năng nhiếp sở nhiếp ấy là nhẫn nhục ba-la-mật. Đầu hôm giữa đêm và khuya siêng năng phương tiện tùy thuận tu hành phương tiện vọng tưởng chẳng sanh, ấy là tinh tấn ba-la-mật. Vọng tưởng diệt hết chẳng rơi vào nhiếp thọ Niết-bàn của Thanh văn, ấy là thiên định ba-la-mật. Tự tâm vọng tưởng chẳng phải tánh, trí tuệ quán sát chẳng kẹt hai bên, thân trước càng thù thắng không thể hoại, được tự giác thánh thú, ấy là Bát-nhã (trí tuệ) ba-la-mật.

Thượng thượng ba-la-mật là, giác tự tâm hiện lượng, thấu suốt năng sở vọng tưởng, nơi tự tâm lượng hai không đến nhau. Chỉ do bất giác, giác thì chẳng sanh. Cho nên đối với các thú không có phần nhiếp thọ, sắc tướng ngoài tự tâm không sanh chấp trước. Vì an lạc cho tất cả chúng sanh mà khởi ra bố thí, nói rằng “đối trị xan tham, cũng hay trị xan tham cho người, tùy thuận tự tánh mà làm bố thí, ấy là phương tiện thượng thượng. Đến chỗ duyên vọng tưởng chẳng sanh, tùy thuận tánh không ô nhiễm, thành tựu giới độ. Tùy thuận tánh không sân hận, biết năng nhiếp sở nhiếp đều không thể được, thành tựu nhẫn độ. Đầu hôm giữa đêm và khuya tùy thuận tự tánh như thật bản tế, chẳng khởi phân biệt là tinh tấn độ. Đối với tự tánh xưa chẳng sanh tướng khác, chẳng theo Nhị thừa chấp tam-muội còn năng sở, ấy là thiên định độ. Liễn đạt tất cả vọng tưởng không tánh, đối chỗ sở khởi chẳng sanh chướng ngại, đối chỗ không khởi chẳng trụ bản vị, lìa các thứ có không, riêng một không bợn mà trí thân chẳng diệt, lấy đây thành tựu tự giác thánh thú, ấy là Bát-nhã độ. Xét sáu độ này, tại thế gian thuộc về nhân sát-na, cho nên được quả tướng đều thành sát-na, nhân xuất thế tuy chẳng phải sát-na,

song xét các tự tánh Niết-bàn không năng thủ sở thủ, nên cũng thuộc về sát-na; duy xuất thể thượng thượng, chỉ một tự tâm, ngoài tự tâm không có sáu độ, thuận tánh khởi dụng, dụng trở về thể, chẳng phải nghĩa sát-na. Đáp ý hỏi, đã đủ ngoài lời nói, có thể do lý đạt được.

+ TỔNG KẾT SÁT-NA PHI SÁT-NA BÌNH ĐẲNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Không vô thường sát-na Kẻ ngu vọng tưởng tạo

Như sông, đèn, hạt giống Mà khởi tưởng sát-na.

Sát-na dứt phiền loạn Lặng lẽ lìa sở tác

Tất cả pháp chẳng sanh Ta nói nghĩa sát-na.

Hai bài kệ này nói về lý do Như Lai nói sát-na, vì chỉ kẻ ngu vọng tưởng hữu vi, bảo như dòng sông, ngọn đèn, hạt giống chóng hoại, bởi muốn kia khởi tưởng sát-na. Nếu đạt sát-na thì phiền não tự dứt, được chỗ lặng lẽ, xa lìa vọng tưởng. Mới biết tất cả pháp thủy duy tâm hiện không có tự tánh, hiện thân là vô sanh. Đây là lý do Như Lai nói nghĩa sát-na.

Vật sanh thì có diệt

Vô gián tương tục tánh

Vô minh làm nhân kia

Tâm ắt từ kia sanh

Cho đến sắc chưa sanh

Chẳng vì kẻ ngu nói

Chỗ huân của vọng tưởng.

Trung gian có phần gì?

Vật sanh thì có diệt là, vật mới sanh liền diệt. Chẳng rõ Như Lai tàng đệ nhất nghĩa đế nên gọi là vô minh. Vô minh bất giác vọng động thành nghiệp, nên gọi là mới sanh. Bởi bất giác vọng động nên sanh không có tánh sanh, không sanh liền đó diệt vậy. Kẻ ngu chẳng rõ chỗ này mà làm vô gián tương tục, đây là chỗ huân của vô minh vọng tưởng. Vô minh làm nhân nên vọng tâm y khởi, ngược dòng vô minh vọng động khi chưa gá với sắc, rõ ràng không có chỗ tựa, liền tỉnh ngộ mà biết sẽ không trôi đến niệ́m thứ hai.

Tương tục thứ lớp diệt Các tâm theo kia sanh

Khi chẳng trụ nơi sắc Duyên chỗ nào mà sanh?

Vì từ kia nên sanh Không như thật nhân sanh

Tại sao không chỗ thành Mà biết sát-na hoại?

Đây lại nói vô gián tương tục thật không có sanh, bởi không như thật sanh, tức diệt cũng không thể được. Bởi vì tâm tương tục liền sanh liền diệt, nhân duyên nhóm họp tâm khác lại sanh, nhân duyên chưa hội thì sanh gá ở chỗ nào? Nếu bảo tức từ tâm kia, song tâm kia hư vọng do bất giác khởi ra, thể sanh đã chẳng thành thì diệt lại hoại cái gì? Nên nói chẳng được chỗ diệt kia. Cho nên biết, sanh vốn không nhân, diệt cũng không đợi, chính nơi chỗ này được gốc vô sanh, tự tánh lặng lẽ vậy.

Người tu được chánh định

Kim cang, xá-lợi Phật

Cung điện Quang Âm thiên

Thế gian việc chẳng hoại

Trụ nơi chánh pháp được

Như lai trí đầy đủ
 Tỳ-kheo được bình đẳng
 Làm sao thấy sát-na?
 Càn-thát-bà huyễn thấy
 Sắc không có sát-na
 Nơi sắc thấy chẳng thật
 Xem đó dường chân thật.

Đoạn tụng này nói về tập khí vô lậu chẳng phải nghĩa sát-na. Dẫn người tu hành chánh định, kim cang, xá-lợi, cung điện Quang Âm, đây là bốn việc chẳng hoại ở thế gian và xuất thế, để dụ người trụ chánh pháp đã được Như Lai thánh trí, tỳ-kheo bình đẳng là chẳng phải sát-na. Càn-thát-bà huyễn thấy, sắc không có sát-na là, người trụ chánh pháp cho đến chỗ thấy tất cả pháp đều như huyễn v.v... tức nơi sắc cũng không có nghĩa sát-na. Có sao chính nơi sắc pháp chẳng thật mà xem dường như chân thật? Đây là lặp lại bác ngoại đạo chấp tứ đại v.v.. là sanh nhân năng tạo.

3- CHỈ PHÁP THÂN CHÂN PHẬT BÌNH ĐẲNG BẢN TẾ PHÁ NGHĨ LÀ LỖI.

- ĐẠI HUỆ THƯA THỈNH VỀ SÁU CHỖ NGHĨ.

Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Thế Tôn thọ ký cho A-la-hán được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cùng chư Bồ-tát đồng không sai biệt? Tất cả pháp chúng sanh không đến Niết-bàn, ai đến Phật đạo? Từ khi mới được thành Phật cho đến vào Niết-bàn, ở trong khoảng giữa ấy không nói một chữ, cũng không có đối đáp? Vì Như Lai thường định, cũng không suy nghĩ, không xét nét, do hóa Phật hóa làm Phật sự? Có

sao nói tướng thức sát-na lần lượt hoại? Kim cang lực sĩ thường theo hộ vệ, tại sao chẳng chỉ thẳng bản tế, mà hiện ma, ma nghiệp, quả báo ác nghiệp, Chiên-giá-ma-nạp, cô gái Tôn Đà Lợi, không bát mà về, ác nghiệp chướng hiện? Tại sao Như Lai được nhất thiết chủng trí, mà chẳng lìa các lỗi ấy?

Ý hỏi có sáu nghi vấn. Quyền kinh này cùng các kinh khác nói pháp thân Phật nói cùng Hóa thân nói dường như có khác nhau, nên muốn phát minh. Nghi thứ nhất là, Nhị thừa tự mình Niết-bàn không thể thành Phật, có sao Như Lai vì Nhị thừa thọ ký cùng Bồ-tát không khác? Nghi thứ hai, chúng sanh bởi do vọng tưởng nên chẳng giác tự tâm hiện ra, tại sao Như Lai lại nói tất cả chúng sanh đã Niết-bàn rồi không lại Niết-bàn, đã thành Phật rồi thì ai đến Phật đạo? Nghi thứ ba, Như Lai phân bộ tam thừa, có sao lại nói đê mê ấy thành Phật, đê mê ấy vào Niết-bàn, ở trong khoảng giữa ấy không nói không dạy? Nghi thứ tư, Như Lai nếu thường ở trong định không suy nghĩ không xét nét, thì các hóa Phật làm những việc gì? Nghi thứ năm, tất cả chúng sanh đã thành Phật rồi, có sao lại nói thất thức chẳng lưu chuyển, chẳng phải nhân Niết-bàn sát-na lần lượt hoại? Nghi thứ sáu, Như Lai dựng lập tự thông an trụ bản tế không có chướng ngại, lìa các lỗi lầm, có sao lại nói kim cang hộ vệ sao chẳng chỉ thẳng bản tế mà hiện ma, ma nghiệp, quả báo, các thứ lỗi lầm? Ma là Phật ngồi đạo tràng ma quân đến quấy nhiễu. Ma nghiệp là Phật thị hiện trong vương cung mười năm thọ dục. Chiên-giá-ma-nạp là con gái Bà-la-môn dùng chậu gỗ úp trên bụng cột lại để vu báng Phật tự thông với y. Tôn Đà Lợi giết con gái đem chôn trong đất già-lam để vu báng Phật phạm dâm sát. Ở trong thôn Bà-lợi-na, Phật khát thực ôm bát về

không và ăn lúa ngựa, đầu lưng đều đau, cây đâm ở chân, hầm lửa, cơm độc, các thứ báo hiện.

- TRỪ NGHI THỌ KÝ A-LA-HÁN.

Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Lành thay, Thế Tôn! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Vì vô dư Niết-bàn nói dẫn dụ tiến lên hành hạnh Bồ-tát. Thế giới này và các thế giới khác những người tu Bồ-tát hạnh ưa Niết-bàn của Thanh văn thừa, vì khiến lìa Thanh văn thừa tiến đến Đại thừa, nên Hóa Phật thọ ký cho Thanh văn, chẳng phải Pháp Phật. Đại Huệ! Nhân đó nên thọ ký các Thanh văn cùng Bồ-tát không khác. Đại Huệ! Chẳng khác ấy, Thanh văn, Duyên giác chư Phật Như Lai phiền não chướng dứt, một vị giải thoát, chẳng phải trí chướng dứt. Đại Huệ! Trí chướng là thấy pháp vô ngã, thù thắng thanh tịnh. Phiền não chướng là trước tập thấy nhân vô ngã dứt, thất thức diệt, pháp chướng giải thoát, thức tàng tập khí cứu kính thanh tịnh.

Đây là đáp nghi vấn thứ nhất về thọ ký cho A-la-hán. Thọ ký cho A-la-hán có ba nghĩa: một, sách tiến Nhị thừa được vô dư Niết-bàn, hai dẫn dụ Nhị thừa phát tâm Bồ-tát, ba chỉ Bồ-tát cõi này và các cõi khác chẳng rơi vào thiên lạc của Nhị thừa. Đây là Hóa Phật quyền dẫn chẳng phải Pháp Phật nói. Lại phân biệt Nhị thừa, Bồ-tát khác cùng chẳng khác, để rõ thật giáo Nhị thừa đoạn phiền não chướng đạt được giải thoát cùng Bồ-tát không khác; vì trí chướng chưa đoạn nên cùng Bồ-tát khác. Nhị thừa không thấy pháp vô ngã, nên trí chướng chẳng đoạn; mà tập khí đã khởi kiến phần của thức thứ bảy chấp ngã, ở trong tam giới tánh nhiếp thủ đã lìa, nên phiền não chướng đoạn; mà chỗ nương của thất thức là tập khí nội ngã vẫn chưa trừ diệt. Ngã này một

phen diệt thức tàng tập khí thân chuyển liền được cứu kính thanh tịnh. Cho nên biết, tam-muội lạc trụ của Thanh văn sẽ được thân tối thắng Như Lai.

- TRỪ NGHI CHẴNG NÓI MỘT CHỮ.

Vì bởi pháp bản trụ trước sau phi tánh

Đây là đáp cái nghi thứ ba không nói một chữ. Bản trụ là bản tánh thường trụ, có Phật hay không Phật pháp nhĩ như thế, không có xưa nay, không có nói dạy, nên nói “trước sau phi tánh”. Chữ tánh tức là pháp. Nghĩa là trước sau chỉ một bản trụ, không có một pháp có thể được.

- TRỪ NGHI KHÔNG SUY XÉT KHÔNG XÉT NÉT.

Vì bản nguyện vô tận Như Lai không nghĩ không xét, mà diễn nói pháp, vì chánh trí sở hóa, vì niệm chẳng vọng, nên không nghĩ không xét. Vì tứ trụ địa và vô minh trụ địa tập khí đã đoạn, hai thứ phiền não đoạn, là hai thứ tử, giác nhân pháp vô ngã và đoạn hai chướng.

Đây đáp nghi thứ tư không nghĩ không xét. Như Lai không nghĩ không xét mà diễn nói pháp, do chánh trí hóa, chẳng phải vọng niệm hóa. Cho nên tuy Hóa Phật làm ra mà đều là nghĩ xét, nên nói “Phật dùng một âm diễn nói pháp, chúng sanh tùy loại mỗi loài được hiểu. Song Như Lai thật không có tâm tùy loài, ấy do các loài có duyên mà mỗi loài thấy khác”. Ngũ trụ, hai tử, hai phiền não, hai ngã, hai chướng, năm thứ tập này, Như Lai đoạn đã lâu, nên được thường định không nghĩ. Chỉ do bản nguyện thị hiện có hóa tác tùy chỗ cảm hiện như trăng trong nước.

- TRỪ NGHI CHÚNG SANH THÀNH PHẬT, THỨC SÁT-NA HOẠI.

Đại Huệ! Tâm ý ý thức nhãn thức v.v... có bảy là nhân tập khí sát-na, lìa phẩm thiện vô lậu, chẳng lại luân chuyển. Đại Huệ! Như Lai tàng là luân chuyển, là nhân khổ vui Niết-bàn, kẻ tuệ không, loạn ý và phàm phu ngu si không thể giác được.

Đây là tổng đáp nghi thứ hai chúng sanh thành Phật và nghi thứ năm thức sát-na hoại. Tâm ý, ý thức, nhãn thức v.v... sở dĩ nói sát-na, vì lấy vô minh tập khí làm nhân, trái với vô lậu giác, vọng chấp là ngã thể. Thể này chẳng thật sát-na biến diệt, chẳng theo lưu chuyển. Thế nên tất cả chúng sanh tuy ở trong sanh tử mà không có sanh tử khá được. Nếu đứng về Như Lai tàng mà nói, tuy hiện lưu chuyển mà có nhân khổ vui Niết-bàn. Phàm phu vọng tưởng chấp trước bị khổ vui che đậy, chẳng biết hay thọ khổ vui cùng hay chứng Niết-bàn tánh nó không hai. Nhị thừa là đối trị phàm phu diệt cái thọ khổ vui, lại bị cái không làm loạn, bỏ nhân khổ vui riêng thủ Niết-bàn, mà chẳng biết tự tánh Niết-bàn, đồng gọi là bất giác. Giác thì liền đó chứng biết, lại không riêng có, thất thức sát-na, chúng sanh thành Phật vốn chẳng ngại nhau. Bản dịch này nói tâm ý ý thức nhãn thức v.v... bảy, còn bản dịch đời Đường thì nói ý và ý thức nhãn thức v.v...bảy, đều nói bảy thức không lưu chuyển. Song bản dịch này kèm nói tâm là riêng để hiển bày Như Lai tàng chẳng hoại chân tướng, nên nói: “chỉ tâm tướng diệt, chẳng phải tâm thể diệt, vì chỉ si diệt tâm tướng theo đó mà diệt”, cũng chẳng phải không có ý chỉ. Tóm lại, thức thứ bảy vốn góp kiến phần của thức thứ tám làm thể, nên nói bảy thức sát-na thì tâm tướng của tám thức sát-na không nói có thể biết. Nói Như Lai tàng phi sát-na mà bảo nhân khổ vui. Phàm thọ khổ vui hẳn do phân biệt. Thế thì sáu thức sát-na cũng tức có nghĩa phi sát-na. Mới biết mê thì chỉ vọng giác làm sát-na, nên

nói “Thất thức chẳng luân chuyển”. Ngộ thì chỉ chân tướng phi sát-na, nên nói “Như Lai tàng là nhân khổ vui Niết-bàn”. Mà thật, thất thức tức là bát thức, bát thức tức là ngũ thức, lục thức. Đây hoại và chẳng hoại chung nhau làm nhân, thấy do mê ngộ chẳng phải thật có nhiều thể.

- TRỪ NGHI KIM CANG HỘ VỆ VÀ TẮT CẢ NGHIỆP BÁO.

Đại Huệ! Kim cang lực sĩ theo hộ vệ ấy, là Hóa Phật, chẳng phải chân Như Lai. Đại Huệ! Chân Như Lai là tất cả căn lượng, tất cả căn lượng phàm phu, Thanh văn, Duyên giác và ngoại đạo thấy đều diệt, được hiện pháp lạc, vì trụ vô gián pháp trí nhãn, nên chẳng phải Kim cang lực sĩ hộ vệ. Tất cả Hóa Phật chẳng từ nghiệp sanh. Hóa Phật là, chẳng phải Phật chẳng là Phật. Nhân thợ gốm, bánh xe v.v... Chúng sanh tạo ra hình tướng mà nói pháp, chẳng phải chỗ tự thông, nói cảnh giới tự giác.

Đoạn này và đoạn sau đều đáp nghi thứ sáu Kim cang hộ vệ và tắt cả nghiệp báo bệnh chung. Chân Phật dựng lập tự thông, chỉ thẳng cảnh giới tự giác cho chúng sanh, là tất cả căn lượng phàm phu Nhị thừa, được hiện pháp lạc trụ, trí nhãn vô gián, chẳng phải chỗ Kim cang hộ vệ. Kim cang theo hộ vệ là chỉ Hóa Phật. Hóa Phật duy nương bi nguyện đối hiện sắc thân, như trắng trong nước chẳng phải một chẳng phải khác, chẳng phải từ nghiệp sanh nên không lỗi của nghiệp, tất cả thị hiện thấy vì chúng sanh. Thợ gốm dùng bánh xe, đất nước tạo các món đồ, mỗi món thích hợp với chỗ dùng, để dụ tùy cơ ứng hiện, chẳng phải có tâm tạo.

Lại nữa, Đại Huệ! Kẻ ngu y thất thức thân diệt rồi khởi đoạn kiến, vì chẳng giác thức tàng khởi thường kiến, vì tự vọng tưởng nên chẳng biết bản tế, Tự vọng tưởng tuệ diệt nên được giải thoát. Vì tứ trụ địa, vô minh trụ địa tập khí đoạn hết nên tất cả lỗi đoạn.

Đây cũng đáp về cái nghi thứ sáu, đặc biệt rõ bản tế không có lỗi làm, vì phàm ngu chẳng giác vọng thấy sai biệt mà thôi. Thất thức thân nếu diệt liền hay liễu đạt bản tế, chẳng khởi đoạn kiến. Đây nói thất thức diệt chính là quán sát lưu chú niệm niệm chẳng dừng, chẳng giác tự tâm nên khởi đoạn kiến. Bản dịch đời Ngụy đời Đường đều nói “lục thức” cũng đồng ý này. Nhân mê Như Lai tàng mà có tàng thức, nếu lìa thức tìm tâm liền thuộc Nhị thừa thiên chân, nếu tức nơi thức cho là tâm lại rơi vào ngoại đạo chấp tác giả. Đây là do chẳng rõ thức tàng làm là chân thật, tự vọng tưởng thấy, chẳng biết bản tế. Vọng tưởng nếu diệt thì ngũ trụ tập khí một lúc liền đoạn, tức là tất cả lỗi dứt, đâu còn có các thứ nghiệp báo. Cho nên biết mê Như Lai tàng mà làm thức tàng liền tùy thuận vọng tưởng là bản tế sanh tử, chẳng giác chẳng biết. Nếu rõ thức tàng tức Như Lai tàng thì tùy thuận chánh trí là bản tế Niết-bàn, không nhiễm không nhơ. Đã có thị hiện đều vì chúng sanh chẳng phải dựng lập tự thông, cảnh giới tự giác.

- KỆ TỔNG ĐÁP.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Tam thừa cũng phi thừa Như Lai chẳng diệt mất

Tất cả Phật đã ghi Nói lìa các lỗi ác.

Vì các trí vô gián Và vô dư Niết-bàn

Dẫn dụ các hạ liệt Thế nên nói ẩn khuất.

Trí chư Phật đã khởi Tức phân biệt nói đạo

Các thừa chẳng phải thừa

Kia ắt phi Niết-bàn.

Dục sắc hữu và kiến Nói là tứ trụ địa

Chỗ khởi của ý thức Nhà thức chỗ ý trụ.

Ý và nhãn thức thấy Đoạn diệt nói vô thường

Hoặc khởi chấp Niết-bàn Mà vì nói thường trụ.

Tam thừa cũng phi thừa, Như Lai chẳng diệt mất, chính hai câu này đã đáp hết sáu cái nghi. Nghĩa là Như Lai tự giác không có tướng thừa, chẳng vào Niết-bàn. vốn tự thanh tịnh không có các cấu ác. Nếu hay liễu đạt lại không có nói gì khác. Chúng sanh hạ liệt không tin được chỗ này, nên Như Lai nói có chánh trí, nói có Niết-bàn, trước vì dẫn dụ họ tiến lên, về sau mới chỉ mật ý này. Nghĩa là Như Lai đã được nhất thiết chủng trí phân bộ diễn nói, lại không có ý chỉ riêng. Chỉ nói chẳng phải thừa và chẳng phải Niết-bàn khiến họ tự tin tự chứng mà thôi. Nếu chỉ đoạn diệt tứ trụ nói là Niết-bàn thì đây không phải thường trụ. Như Lai nói chẳng phải thừa chẳng phải Niết-bàn, bản tánh thanh tịnh thường tự tịch diệt, nên nói thường trụ. Ý thứ bảy ý thức thứ tám mà khởi, tức do thức thứ tám mà trụ, chẳng lấy thức thể chuyển biến làm cứu kính, mà lấy ý, ý thức và năm căn thức tạm thấy dùng diệt, khởi tưởng Niết-bàn, đồng với đoạn diệt, chỉ tăng trưởng tà kiến.

4 - CHỈ NHƯ LAI CHÁNH NHÂN CHÁNH QUẢ CỨU KÍNH THANH TỊNH.

- ĐẠI HUỆ THỈNH HỎI TỘI PHƯỚC ĂN THỊT VÀ CHẲNG ĂN THỊT.

Bồ-tát Đại Huệ dùng kệ hỏi Phật:

Chư Bồ-tát kia thấy Chí cầu Phật đạo ấy

Rượu thịt cùng với hành Ăn uống là thế nào?

Cúi mong Vô thượng tôn Thương xót vì diễn nói.

Kẻ ngu chớ tham đắm Nhớ hồi không tốt đẹp

Chỗ ưa thịt cạp sói Làm sao mà nên ăn?

Kẻ ăn sanh các lỗi Chẳng ăn là phước lành

Cúi xin vì con nói Tội phước ăn chẳng ăn.

Bồ-tát Đại Huệ nói kệ hỏi rồi, lại bạch Phật: Cúi mong Thế Tôn vì chúng con nói lỗi ác ăn thịt và công đức chẳng ăn thịt. Con và chư Bồ-tát ở hiện tại vị lai sẽ vì chúng sanh có các thứ hy vọng ăn thịt phân biệt nói pháp, khiến chúng sanh kia từ tâm đến nhau, được từ tâm rồi mỗi người nơi trụ địa thanh tịnh sáng tỏ, chóng được cứu kính Vô thượng Bồ-đề. Hàng Thanh văn Duyên giác nơi địa vị của mình dừng nghỉ rồi, cũng được chóng thành Vô thượng Bồ-đề. Các chúng ngoại đạo pháp ác tà luận, tà kiến đoạn thường điên đảo chấp trước, còn có pháp ngăn không cho ăn thịt, huống là Như Lai cứu hộ thế gian, chánh pháp thành tựu mà ăn thịt sao?

Theo cổ chú nói: “Như Lai ở trong cung quý vương nói pháp, các chúng dạ-xoa v.v... nhớ giờ ăn đã đến, chẳng phải thịt thì không ăn được. Đại Huệ vì muốn các quý vương sanh từ tâm, nhân đó thỉnh Như Lai nói lỗi ăn thịt, đây vẫn tùy căn cơ chúng sanh”. Song dùng con đường tu hành chân chánh của Như Lai, ở trong kinh

Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm, nghĩa ba thứ lớp rất nên lẫn nhau chứng minh: “Năm mươi ấm ma cho đến thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm minh bạch, ở trong minh ngộ được tánh hư minh, trong ấy bỗng nhiên hướng về chỗ hằng diệt, bác không nhân quả, một bề vào không, không tâm hiện tiền thì có không ma vào trong tạng phủ, bèn chê người trì giới là Tiểu thừa, Bồ-tát ngộ không có gì là trì là phạm. Người ấy thường đến nhà tín tâm đàn-việt uống rượu ăn thịt, rộng làm việc dâm uế. Bởi sức của ma nhiếp phục người ở trước nó chẳng sanh nghi ngờ chê bai. Quý nhập tâm đã lâu, hoặc ăn phần uế cùng rượu thịt như nhau một loại đồng là không, phá luật nghi của Phật, làm vào tội lỗi, mất hết chánh định, sẽ theo trầm luân”. Lời răn dạy của Phật rất thâm nghiêm, người biết pháp phải kinh sợ, Ngày nay đã suy muộn xem thường lời dạy ấy. Vả lại có người cho thừa gấp giới hoãn để mặc tình miệng dùng, các thứ phá hoại chẳng dừng ăn thịt, là đáng thương vậy. Lại trong Bồ-tát giới nói: “Khởi một niệm sân làm chướng chúng sanh, hay đoạn chủng tánh, cũng như giết ăn”. Người có chí với đạo phải hộ chánh kiến, chớ bị tà mê.

- CHỈ ĂN THỊT NHIỀU LỖI.

Phật bảo Đại Huệ: Lành thay, lành thay! Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, ta sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Có vô lượng nhân duyên không nên ăn thịt. Song nay ta sẽ vì ông lược nói. Nghĩa là tất cả chúng sanh từ trước đến nay nhân duyên lần lượt thường làm lục thân, vì tưởng người thân không nên ăn thịt.

Thường làm lục thân là, đức Phật của chúng ta khuyên người phát tâm từ hiếu nên răn nhắc thiết tha. Song là phật tử vì rõ sâu muôn vật một thể, tuy ở trong loài khác

còn nghĩ độ thoát, đâu thể vì thân mạng mình vẫn
buông lung miệng bụng, phóng ý giết hại, đã nghe đời
trước mà không thể động lòng thương xót ư? Chính
hiện tại đồng loại rất thiết tha hòa kính, sao chưa nghĩ
về sau mà xem hiện nay? Pháp thời gần cuối, nhóm
người học Phật phần nhiều thấy theo quyền thuộc của
ma. Rất mong cùng thiên hạ đủ chánh tri kiến kính giữ
lời dạy của Phật để làm mẫu mực cho đời sau. Dùng
một niệm này ngưỡng đối ba đời Như Lai ở trong đại
quang minh.

Thịt lừa, loa, lạc đà, chồn, chó, trâu, ngựa, người, thú
v.v... vì người hàng thịt bán lẫn lộn chẳng nên ăn thịt. Vì
phần hơi chẳng sạch sanh trưởng, chẳng nên ăn thịt, vì
chúng sanh ngửi mùi thấy sanh kinh sợ như Chiên-đà-la
và Đàm-bà v.v... chó thấy oán ghét sợ hãi sữa vang,
chẳng nên ăn thịt.

Bán lẫn lộn là, vì không biện biệt thịt người hay thịt thú
máu thịt giống nhau. Chẳng sạch là máu mủ chẳng
sạch. Những người sạch sẽ còn chẳng gần gũi hôi tanh,
huống là ăn nuốt. Đến như tâm sợ chết thì người vật
nào khác. Người quân tử còn có tâm không nỡ làm
chúng sanh sợ sệt. Nếu có lòng sát hại còn không thể bì
kịp người ngoài đời, huống là có thể xưng pháp khí
gánh vác đạo lý sao?

Lại, vì khiến người tu hành từ tâm chẳng sanh, chẳng
nên ăn thịt. Vì kẻ phạm ngu tham đắm ăn đồ hôi hám
bất tịnh, không được tiếng tốt, chẳng nên ăn thịt. Vì
khiến chú thuật không thành tựu, chẳng nên ăn thịt. Vì
người sát sanh thấy hình khởi thức đắm trước mùi vị,
chẳng nên ăn thịt. Vì người ăn thịt kia chư thiên bỏ đi,
không nên ăn thịt, vì khiến miệng hôi hám, không nên
ăn thịt. Vì nhiều mộng dữ, không nên ăn thịt. Vì ở trong

rừng vắng, cọp sói ngửi mùi, chẳng nên ăn thịt. Vì khiến ăn uống không tiết độ, không nên ăn thịt. Vì khiến người tu hành chẳng sanh nhàm lìa, không nên ăn thịt. Ta thường nói rằng: Phàm có ăn uống nên khởi tưởng như ăn thịt con, khởi tưởng như uống thuốc, không nên ăn thịt. Cho ăn thịt hẳn là vô lý vậy.

Thấy hình khởi thức đó, hình là hình thịt, thức là thức tâm. Nghĩa là tập lâu hay khiến thức tâm biến đổi, chìm sâu trong ô nhiễm. Chư thiên bỏ đi là, chư thiên không còn sân và trộm, nên bị chư thiên bỏ đi. Khiến người tu hành chẳng sanh nhàm lìa là, đệ tử trong pháp của ta, nếu chẳng dứt ăn thịt mà hay khiến tất cả phát tâm tu hành thì họ không sanh tưởng nhàm lìa. Phàm có ăn uống là, đối với sự ăn uống khác xa lìa tham đắm, còn phải khởi tưởng ăn thịt con, khởi tưởng uống thuốc, đâu lại ăn thịt, hẳn là vô lý.

Lại nữa, Đại Huệ! Thuở xưa có ông vua tên Sư Tử Tô-đà-ta ăn các thứ thịt cho đến thịt người, thần dân chịu không nổi liền sắp mưu phản, dứt hết bổng lộc. Bởi ăn thịt có những lỗi như thế, chẳng nên ăn thịt.

Phàm người sát sanh chịu quả báo ở địa ngục. Ở đây nói hiện đời vẫn thuộc về hiện báo.

Lại nữa, Đại Huệ! Các người sát sanh là vì tài lợi, kẻ hàng thịt sát sanh buôn bán, những chúng sanh ngu si ăn thịt kia lấy tiền làm lưới mà bắt các thứ thịt. Người sát sanh hoặc do tài vật, hoặc dùng câu lưới bắt những chúng sanh thủy lục không hành, các thứ giết hại đem bán cầu lợi. Đại Huệ! Cũng không có chẳng dạy chẳng cầu chẳng tưởng mà có thịt cá. Bởi những nghĩa ấy chẳng nên ăn thịt.

Không có chẳng dạy chẳng cầu chẳng tưởng là, ở đời có người ăn thịt mới có người bán thịt, tức là dạy người khác giết. Dùng tiền của để lượm các thứ thịt là cầu, thấy hình khởi thức là tưởng. Chưa bao giờ có trừ ba thứ ấy mà được thịt cá, nên chẳng ưng ăn thịt.

- CHỈ THẬT NGHĨA KINH NÀY TẮT CẢ THẢY DỨT.

Đại Huệ! Ta có khi nói ngăn năm thứ thịt, hoặc cấm mười thứ. Nay ở kinh này tắt cả thứ, tắt cả thời loại bỏ phương tiện, tắt cả thảy đều dứt. Đại Huệ! Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác còn không có ăn, huống là ăn thịt, cũng không dạy người. Bởi lòng đại bi đi trước nên xem tất cả chúng sanh ví như con một, thế nên chẳng cho được ăn thịt con.

Năm thứ thịt là, chẳng nghe, chẳng thấy, chẳng nghi, chim ăn còn dư, tự chết. Cấm mười thứ là, thịt người, rắn, voi, ngựa, lừa, chồn, heo, chó, sư tử, khỉ. Hai thứ này khai hay ngăn, khi đức Thế Tôn mới thành Phật vì cơ duyên chưa thuần thực, vì lòng thương xót quyền cho được ăn, song đều do thần lực hóa ra không có sanh mạng, đến trong kinh này mới bày nghĩa thật, tắt cả thảy dứt vậy. Xem tất cả chúng sanh như con một nên chẳng cho ăn thịt con. Thế Tôn dạy người lấy đồng thể làm thiết yếu, đáng gọi là đến cùng tốt. Song dùng lý luận thì đồng một bản trụ hình mạo tuy khác mà tri giác là đồng, người chẳng đến nỗi mê say vẫn nên xét kỹ.

- TỔNG KẾT CHỈ RÕ TU HÀNH LỖI LÀM.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Thầy từng làm thân thuộc Thô như lẫn bất tịnh

Do bất tịnh sanh trưởng Nghe mùi thầy kinh sợ.

Tất cả thịt cùng hành Và các thứ tỏi nén
 Các thứ rượu bông lung Tu hành thường xa lìa.
 Cũng thường lìa dầu mè Cùng các giường thủng lỗ
 Bởi các trùng nhỏ kia Ở trong rất sợ hãi.

Hành họ tỏi nén ăn sống thì sanh sâu, ăn chín thì tham
 dâm, nên phải đồng dứt. Cổ chú nói: “Phong tục ngoại
 quốc dâm mè chờ đến có trùng, hoặc cùng Trung Hoa
 khác vậy”. Giường có lỗ hở có nhiều trùng ẩn, nằm ngòi
 nó kinh sợ, Phật từ bi đến thế, ta đâu không sanh hổ
 thẹn.

Ăn uống sanh bông lung Bông lung sanh vọng giác.

Từ giác sanh tham dục

Thế nên chẳng ưng ăn

Do ăn sanh tham dục Tham khiến tâm say mê.

Say mê lớn ái dục Sanh tử không giải thoát.

Đây xét các thứ ăn uống khác, nếu tham đắm mùi vị đều
 hay khiến người thân tâm bông lung, nhiều thứ giác
 tưởng, tội đến tham dục say mê triền miên sanh tử. Chỉ
 do miệng bụng một niệm theo tình, nhân nhỏ mà quả to,
 đâu không dè dặt ư?

Vì lợi giết chúng sanh Dùng của lưới các thịt

Cả hai đều ác nghiệp Chết đọa ngục khiêu hô.

Nếu không dạy tưởng cầu Ất không ba tịnh nhục

Kia đâu không nhân có Thế nên chẳng ưng ăn.

Các người tu hành kia Do đó thấy xa lìa

Mười phương Phật Thế Tôn Tất cả đều quở trách.

Lăn lượt lại ăn nhau Chết sanh loài hổ lang
 Hôi như đáng chán ghét
 Chỗ sanh thường ngu si.
 Nhiều đời làm Chiên-đà
 Giống thợ săn Đàm-bà
 Hoặc sanh Đà-di-ni
 Và các dòng ăn thịt.
 La-sát, mèo, chồn thảy Khấp trong ấy sanh ra
 Phước Tượng cùng Đại Vân Ương-quật-lợi-ma-la
 Và kinh Lăng-già này Ta đều cấm ăn thịt.
 Đà-di-ni là La-sát nữ.
 Phước Tượng, Đại Vân,
 Ương-quật-lợi-ma-la đều là tên kinh.
 Chư Phật và Bồ-tát Thanh văn chỗ quả trách
 Ăn rồi không hổ thẹn Đời đời thường si tối.
 Trước nói thấy, nghe, nghi Đã dứt tất cả thịt
 Vọng tưởng chẳng giác biết Nên sanh chỗ ăn thịt.
 Như lỗi tham dục kia Chương ngại giải thoát thánh
 Rượu thịt hành tội nén Thảy là chương thánh đạo.
 Chúng sanh đời vị lai Nơi thịt ngu si nói
 Rằng đây tịnh không tội Phật cho chúng ta ăn.
 Ăn tưởng như uống thuốc Cũng như ăn thịt con
 Biết đủ sanh nhàm lìa Tu hành hạnh khát thực.

Người an trụ từ tâm Ta nói thường chán lìa
 Cọp sói các thú ác Hằng nên cùng đi ở.
 Nếu ăn các máu thịt Chúng sanh ắt kinh sợ.
 Thế nên người tu hành Từ tâm chẳng ăn thịt
 Ăn thịt không từ tuệ Hằng trái chánh giải thoát
 Và trái biểu tượng thánh Thế nên chẳng ăn thịt.
 Được sanh dòng Phạm chí Và các chỗ tu hành
 Nhà giàu sang trí tuệ Đây do chẳng ăn thịt.

Chương ngại giải thoát thánh đều là chương thánh đạo.
 Ăn thịt không từ tâm hằng trái chánh giải thoát. Như Lai
 lại đôi ba phen thiết tha nhắc nhở đều vì người tu hành,
 nghiêm huấn dạy bảo. Bởi vì Ngài thương đời sau “nói
 là Đại thừa vô ngại” vọng buông những tà luận và vu
 khống Như Lai là cho ăn tịnh nhục, làm hoặc loạn kẻ sơ
 tâm. Một bọn như thế phần nhiều ưa buông lung, không
 có tâm hổ thẹn, thật là cặn bã ở địa ngục. Được sanh
 dòng Phạm chí và các người tu hành, nhà giàu sang trí
 tuệ, còn do không ăn thịt thay, phương chi đệ nhất
 nghĩa giải thoát của Như Lai? Phật ở trong kinh này chỉ
 thẳng thức tàng tức Như Lai tàng, chỉ một phen liễu đạt
 thì toàn vọng tức là chân. Chẳng phải cảnh giới của tất
 cả Nhị thừa và quyền vị Bồ-tát, mà đối với giới đức rất
 thiết tha nhắc dạy. Cho nên biết, vô lậu chân tịnh không
 dung vật khác, trước sau gốc ngọn cứu kính rõ ràng
 không còn dư sót. Mười phương ba đời tất cả Như Lai
 đồng một bí mật, đại đạo sáng tỏ như mặt trời, không
 nên nghi ngờ.



Dịch giả:
HT Thích Thanh Từ

<http://quangduc.com/author/about/130/ht-thich-thanh-tu>